

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VÕ NHAİ

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VÕ NHAİ

TẬP II
(1955 - 2000)

HUYỆN ỦY VÕ NHAİ XUẤT BẢN

Chịu trách nhiệm xuất bản: BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY VĨNH NHAI

Hội đồng chỉ đạo biên soạn:

1. VŨ HỒNG BẮC: Bí thư Huyện ủy.
2. PHẠM HỒNG SỸ: Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.
3. TRẦN THỊ LIÊN: Phó Bí thư Huyện ủy.
4. BÙI CÔNG THÀNH: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.
5. HOÀNG ĐỨC MẠNH: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.
6. TRẦN XUÂN HẢO: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.
7. TRẦN VĂN CƯỜNG: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.
8. NGUYỄN CÔNG ĐỐM: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.
9. NGUYỄN VIỆT YÊN: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.
10. TRIỆU ANH DUYÊN: Ủy viên BCHĐB, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy.

Biên soạn:

1. TS NGUYỄN XUÂN MINH (Chủ biên): Chương IV.
2. TH.S LÊ THU HƯƠNG: Chương I.
3. NGUYỄN VĂN THẮNG: Chương II.
4. VŨ THANH KHÔI: Chương III.
5. PHẠM TẮT QUYNH: Chương V.

Hoàn chỉnh bản thảo: TS NGUYỄN XUÂN MINH.

Sửa bản in: 1. NGUYỄN VĂN THẮNG.

2. VŨ THANH KHÔI.

Tư liệu: TRẦN VĂN LẠC: Phó trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy.

Bìa: KHẮC THIỆN.

Ảnh: MINH TIỆP.



LỜI GIỚI THIỆU

Sau khi cuốn "Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai - Tập I (1930 - 1954)" được xuất bản và phát hành năm 1993, nhằm giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang trong huyện tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng của quê hương Căn cứ địa cách mạng, An toàn khu kháng chiến chống Pháp, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm để cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện vận dụng vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong giai đoạn cách mạng hiện nay, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban Thường vụ Huyện ủy Võ Nhai quyết định tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xuất bản và phát hành cuốn "Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai - Tập II (1955-2000)".

Đây là một công trình lịch sử của Đảng bộ được Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn chặt chẽ; Tổ biên soạn làm việc nghiêm túc, khẩn trương và công phu; các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở huyện và tỉnh tận tình giúp đỡ; các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ

chốt của huyện, của tỉnh trong các thời kỳ, đặc biệt là các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thời kỳ 1955-2000 và các đồng chí Vũ Ngọc Linh, Nguyễn Thế Đạt, Doanh Hằng (nguyên Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) đóng góp nhiều ý kiến quý báu xây dựng nội dung.

Cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai - Tập II (1955-2000)" dựng lại một cách trung thực quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ huyện trong các thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cuốn sách ghi lại những thành tựu to lớn của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Võ Nhai đạt được trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong suốt 45 năm kể từ sau ngày miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Trên chặng đường gần nửa thế kỷ ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa, từng bước cải thiện đời sống; phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo đảm giao thông vận tải thời chiến; chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam đánh Mỹ và các tỉnh phía trước đánh địch xâm lược biên giới. Cuốn sách cũng phản ánh cả những mặt chưa thành công của Đảng bộ trong công tác

lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn. Trên cơ sở đó, cuốn sách nêu lên những bài học kinh nghiệm bổ ích cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn hiện nay.

Cuốn sách vừa là tài liệu giáo dục lịch sử, truyền thống cho các thế hệ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ, cho nhân dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang trong huyện, vừa là tài liệu nghiên cứu, rút kinh nghiệm cho lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể trên địa bàn.

Nhân dịp Huyện ủy xuất bản cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai - Tập II (1955-2000)", thay mặt Ban Thường vụ Huyện ủy, tôi chân thành cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cùng toàn thể đồng chí và nhân dân các dân tộc trong huyện. Đặc biệt, tôi xin cảm ơn các đồng chí cán bộ Phòng Lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trưởng ban Khoa học Lịch sử quân sự tỉnh và hai cán bộ giảng dạy Khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã trực tiếp nghiên cứu, biên soạn cuốn sách.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn, do điều kiện hạn chế về tư liệu, nên chắc chắn cuốn sách không tránh

khỏi thiếu sót. Rất mong các đồng chí và đồng đảo bạn đọc đóng góp ý kiến phê bình, bổ sung.

Thay mặt Ban Thường vụ Huyện ủy, tôi trân trọng giới thiệu với cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ, nhân dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang trong huyện cùng đồng đảo bạn đọc cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai - Tập II (1955-2000)".

VŨ HỒNG BẮC

Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên

Bí thư Huyện ủy Võ Nhai



Thị trấn Định Cả hôm nay



CHƯƠNG I

ĐẨY MẠNH KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THỰC HIỆN CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1955-1964)

I. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (1955-1957)

Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta. Miền Bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Cùng với nhân dân miền Bắc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai bắt tay vào nhiệm vụ khôi

phục và phát triển kinh tế, tiến tới thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bước sang thời kỳ cách mạng mới, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc Võ Nhai tiếp tục phát huy các truyền thống yêu nước, tự lực, tự cường, cần cù trong lao động sản xuất để xây dựng và bảo vệ quê hương. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), trừ thời gian ngắn bị địch tiến công, càn quét (11/1947), Võ Nhai có điều kiện hòa bình để xây dựng chế độ mới, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương kháng chiến. Những thắng lợi và bài học kinh nghiệm trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Sau ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, hòa chung với niềm vui của đồng bào cả nước, nhân dân các dân tộc Võ Nhai càng thêm tin tưởng, phấn khởi lao động sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước cải thiện đời sống. Võ Nhai là một huyện có tiềm năng lớn về tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên rừng. Đó là những thuận lợi rất cơ bản giúp cho Đảng bộ lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, trong thời kỳ mới, Vĩnh Nhai đứng trước nhiều khó khăn không nhỏ. Sau khi hòa bình lập lại, một số cán bộ tỏ ra mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi hoặc đòi hỏi chế độ ưu đãi. Trong nhân dân, có một bộ phận quan niệm lệch lạc, cho rằng, hòa bình rồi, không cần phải đi bộ đội, đi dân công nữa; thậm chí có người đề nghị cho con về. Một số người tỏ ra hoang mang khi thấy quân Pháp còn chiếm đóng ở miền Nam, sợ chúng quay lại gây chiến. Tất cả những trạng thái tư tưởng ấy đều ảnh hưởng không tốt đến công cuộc lao động khôi phục và phát triển kinh tế ở địa phương.

Là một huyện vùng cao, cơ sở hạ tầng ở Vĩnh Nhai hầu như không có gì: Kinh tế kém phát triển, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn trở ngại, trình độ dân trí còn thấp, nhiều phong tục tập quán lạc hậu còn tồn tại khá phổ biến...

Trong khi đó, bộ máy chính quyền của huyện chưa được kiện toàn, năng lực hạn chế. Chính quyền các xã sau giảm tô tuy bước đầu được củng cố, nhưng chưa vững mạnh; trình độ, năng lực của cán bộ còn yếu. Vai trò của chi bộ đảng ở một số nơi bị lu mờ, uy tín giảm sút; một số đảng viên thiếu gương mẫu, giảm ý chí chiến đấu.

Xuất phát từ tình hình trên, Đảng bộ Võ Nhai quan tâm lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đẩy mạnh thực hiện chính sách đoàn kết lương - giáo, đoàn kết dân tộc, từng bước sửa chữa sai lầm trong giảm tô và cải cách ruộng đất; đồng thời củng cố và phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể quần chúng.

Tháng 8/1954, Huyện ủy triệu tập Hội nghị tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ và nhân dân về nội dung của Hiệp định Giơnevơ và Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Đầu năm 1955, Huyện ủy phát động phong trào "Thi đua yêu nước chống Mỹ" trong nhân dân. Thông qua học tập, cán bộ, đảng viên và nhân dân Võ Nhai từng bước ổn định tư tưởng, yên tâm công tác và sản xuất, không có gia đình nào nghe theo lời dụ dỗ, cưỡng bức của bọn phản động di cư vào Nam. Nhân dân trong huyện còn tham gia cuộc vận động lấy được 5.579 chữ ký và 63 bản kiến nghị đòi triệt để cấm vũ khí nguyên tử, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước giải quyết nạn đói, ổn định đời sống nhân dân là một trong những nhiệm vụ lãnh đạo quan trọng hàng đầu

của Đảng bộ. Từ năm 1955, cùng với việc thực hiện chương trình thi đua sản xuất, Đảng bộ tập trung lãnh đạo các cấp chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong huyện thực hiện công tác cứu đói, cứu rách. Riêng trong năm 1955, huyện đã cấp 2.124 kg gạo, 5.354 mét vải cho 474 hộ, gồm 1.115 nhân khẩu. Cùng năm này, huyện Võ Nhai còn ủng hộ đồng bào huyện Phổ Yên 5.000 kg lương thực¹. Truyền thống thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau được phát huy tốt trong đồng bào các dân tộc Võ Nhai.

Để giải quyết tình trạng đói nghèo trong nhân dân, từ ngày 6/1/1956, Huyện ủy phát động phong trào vận động sản xuất. Hàng chục mẫu ruộng, đất hoang, hóa được đưa vào canh tác. Các loại cây lương thực và hoa màu ngắn ngày (ngô, khoai, sắn) được gieo trồng. Cán bộ, nhân viên các cơ quan ở huyện cũng tham gia phong trào tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống.

Công tác thủy lợi được coi là biện pháp hàng đầu để nâng cao năng suất cây trồng. Hệ thống các mương, phai, giếng, ao được sửa chữa và đào mới.

1. Báo cáo tổng kết năm 1955 của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai.
Lưu trữ Huyện ủy.

Riêng trong năm 1955, toàn huyện đã sửa chữa và đào mới được 114 nương, phai đảm bảo dẫn đủ nước tưới cho 900 mẫu ruộng¹. Đầu năm 1956, hệ thống nương, phai đảm bảo dẫn nước tưới, tiêu cho 5.409 mẫu ruộng². Các xã còn vận động nhân dân be bờ, đắp đập giữ nước, xúc tiến xây dựng những công trình thủy nông vừa và nhỏ.

Một số biện pháp kỹ thuật (làm cỏ nhiều lượt, bón phân, dùng bữa cải tiến, xử lý giống...) cũng được chỉ đạo thực hiện. Năm 1956, huyện chủ trương tăng năng suất lúa chiêm bằng cách làm cỏ 2 lượt hết diện tích, đảm bảo bón phân từ 5 đến 8 gánh cho 1 sào ruộng. Phong trào làm phân bón ruộng bước đầu được thực hiện. Chỉ riêng trong 6 tháng đầu năm 1956, nhân dân trong huyện đã làm được 832 hố ủ phân dự trữ để bón lúa và hoa màu³.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng và chính quyền các cấp, tình hình thiếu, đói bước đầu được khắc phục. Việc khai thác và thu mua lâm, thổ

1. Báo cáo tổng kết năm 1955 của BCH Đảng bộ huyện Vĩnh Nhai.
Lưu trữ Huyện ủy.

2. Báo cáo tổng kết năm 1956 của BCH Đảng bộ huyện Vĩnh Nhai.
Lưu trữ Huyện ủy.

3. Báo cáo tổng kết năm 1956 của BCH Đảng bộ huyện Vĩnh Nhai.
Lưu trữ Huyện ủy.

sản cũng được đẩy mạnh, góp phần cải thiện đời sống nhân dân. Năm 1955, nhân dân trong huyện bán lâm, thổ sản cho Nhà nước được 17.633.878 đồng¹. Đầu năm 1956, Đảng bộ huyện Võ Nhai lãnh đạo tổ chức học tập về cuộc vận động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện. Thông qua đợt học tập, cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ hơn chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Đợt học tập đã đem đến cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai luồng sinh khí mới, góp phần đẩy mạnh mọi mặt công tác ở địa phương.

Trong quá trình khôi phục và phát triển kinh tế, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo xây dựng và củng cố phong trào tổ đổi công, bước đầu đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Trong năm 1955, toàn huyện củng cố được 215 tổ đổi công từng vụ và 5 tổ đổi công thường xuyên ở 11 xã trong tổng số 18 xã². Sau đợt học tập vận động thành lập Khu Tự trị Việt

1. Báo cáo tổng kết năm 1955 của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

2. Báo cáo 6 tháng đầu năm 1956 của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

Bắc, chỉ bộ các xã phân công một Chi ủy viên phụ trách công tác củng cố tổ đổi công. Nhờ đó, đến năm 1956, toàn huyện đã có 483 tổ đổi công, trong đó có 49 tổ đổi công thường xuyên và 7 tổ bình công chấm điểm¹, tạo cơ sở tiến tới thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Trong thời kỳ này, một số hợp tác xã mua bán cũng được thành lập.

Cùng với việc đẩy mạnh trồng các cây lương thực và thực phẩm, Ngành Chăn nuôi cũng được chú trọng. Đàn trâu, bò - nguồn sức kéo chủ yếu trong nông nghiệp - được chăm sóc tốt hơn. Tình trạng thả rông trâu, bò được khắc phục từng bước. Nhiều nơi, nhân dân làm chuồng, có phen che chắn, hoặc lót rơm, rạ, lá chuối cho trâu, bò nằm. Tính đến tháng 6/1956, toàn huyện có 6.182 con trâu, 143 con bò, 2.400 con lợn và 81.700 con gà...

Huyện Võ Nhai có một số nghề thủ công truyền thống, như dệt vải, đan lát. Trong kháng chiến chống Pháp, một số ngành, nghề thủ công không phát triển, thậm chí bị mai một. Từ sau ngày hòa bình lập lại (7/1954), Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện chủ trương khôi phục và phát triển các nghề thủ công để

SV 1. Báo cáo 6 tháng đầu năm 1956 của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Huyện cũng vận động nhân dân phục hồi và trồng một số cây công nghiệp (hồi, trầu, bông, thầu dầu...). Theo thống kê chưa đầy đủ, trong 6 tháng đầu năm 1956, toàn huyện trồng được hơn 176 mẫu cây công nghiệp.

Là một huyện vùng cao, kinh tế kém phát triển, giao thông đi lại trên địa bàn huyện gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Trong hoàn cảnh ấy, việc sửa chữa cầu, đường đối với huyện Võ Nhai là một công tác trọng yếu. Nhận rõ yêu cầu phát triển giao thông vận tải, ngay trong 6 tháng đầu năm 1955, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền, nhân dân trong huyện đã tự sửa chữa được 21 chiếc cầu từ Trảng Xá về Đình Cả¹. Ngoài ra, huyện còn huy động nhân công đi làm tà vẹt theo yêu cầu của tỉnh.

Cùng với nhiệm vụ khôi phục kinh tế, công tác văn hóa, giáo dục cũng được chú ý. Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được duy trì; nhiều cụ già trên 60 tuổi cũng đi học. Các lớp bổ túc văn hóa được khôi

1. Báo cáo 6 tháng đầu năm 1955 của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

phục. Năm 1955, Phòng Giáo dục huyện tập trung 14 giáo viên, mở 16 lớp bồi dưỡng giáo viên bổ túc. Ngành Giáo dục phổ thông phát triển khá nhanh. Năm 1955, toàn huyện có 7 trường phổ thông với 683 học sinh và 21 giáo viên¹. Đến năm 1957, đã tăng lên 13 trường cấp I và 1 trường cấp II. Nhà trường còn tổ chức ký túc xá cho học sinh ở xa đến trọ học. Các xã Vũ Chấn, Bình Long, Phương Giao, Dân Tiến mỗi xã có 1 trường dân lập, thu hút khoảng 150 người theo học. Các xã Tân Long, Hòa Bình và Quang Sơn làm được 4 trường học mới. Các lớp võ lòng đã được tổ chức, nhưng chưa đều².

Ngành Y tế huyện trong những năm đầu sau ngày hòa bình lập lại đã phải vượt qua nhiều khó khăn về nhiều mặt để nâng cao hiệu quả công tác. Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ, Phòng Y tế huyện thường xuyên phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh cho nhân dân, đồng thời mở lớp đào tạo cán bộ y tế xã. Cán bộ y tế và vệ sinh viên đi xuống cơ sở vận động nhân dân thực hiện "Ba sạch" (ăn sạch,

1. Báo cáo 6 tháng đầu năm 1955 của BCH Đảng bộ huyện Vũ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

2. Báo cáo 6 tháng đầu năm 1957 của BCH Đảng bộ huyện Vũ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

uống sạch, ỏ sạch), làm hố xí và chuồng trâu xa nhà, quét dọn vệ sinh, lập tủ thuốc xã và dùng thuốc khi ốm đau. Đặc biệt, được sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô, từ năm 1955 trở đi, huyện Võ Nhai tiến hành chiến dịch phòng, chống bệnh sốt rét.

Được tuyên truyền, vận động và hướng dẫn cụ thể, được sự hưởng ứng của nhân dân các dân tộc, một số bệnh truyền nhiễm từng bước được đẩy lùi; trong đó một thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử đối với Ngành Y tế huyện Võ Nhai là đã thanh toán cơ bản bệnh sốt rét. Đến năm 1957, số người mang vi trùng sốt rét ở xã thấp nhất chỉ còn 3%, xã cao nhất là 8%; và đến năm 1960, chỉ còn dưới 1%.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và kế hoạch của tỉnh, từ tháng 11/1956, Huyện ủy lãnh đạo tổ chức thực hiện công tác sửa sai. Các cán bộ lãnh đạo được phân công nghiên cứu tài liệu, thảo luận kế hoạch tiến hành rồi xuống các xã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập. Đến ngày 10/4/1957, sau 5 tháng tiến hành, công tác sửa sai đã hoàn thành thắng lợi. Thông qua sửa sai, các tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền xã được củng cố. Huyện ủy tập trung lãnh đạo bầu lại Ban Chi ủy ở 13 xã tiến hành sửa sai. Từ ngày 6 đến ngày 22/4/1957, các chi bộ ở

13 xã (trừ các xã không thực hiện sửa sai: Sảng Mộc, Thượng Nung, Nghinh Tường, Thần Sa) lần lượt tổ chức đại hội. 64 đảng viên được bầu vào 13 Ban Chi ủy mới, trong đó có 33 đồng chí cũ. Các gia đình bị quy sai thành phần trong giảm tô đã được sửa lại, 33 đảng viên trong tổng số 54 đảng viên bị xử trí sai trong giảm tô được phục hồi Đảng tịch và chức vụ...¹. Sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và trong nhân dân các dân tộc được củng cố một bước. Tình hình nông thôn trong huyện được ổn định. Cán bộ, đảng viên và quần chúng đều tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Trong quá trình sửa sai, Đảng bộ bổ sung một số cán bộ có năng lực và phẩm chất tốt vào chính quyền và các đoàn thể (Ủy ban 18 người, Công an 10 người, Xã đội 3 người, Thanh niên 6 người, Phụ nữ 16 người, Nông hội 14 người). Bộ máy lãnh đạo của các xã được kiện toàn một bước. Nhờ đó, mọi mặt công tác được đẩy mạnh hơn trước². Thắng lợi của công tác sửa sai đã góp phần tạo nên không khí thi đua lao

1. B/c kết quả bầu cử các Chi ủy xã của BCH ĐB huyện Võ Nhai - 22/4/1957. Lưu trữ Tỉnh ủy TN.

2. B/c kết quả công tác sửa sai của BCH ĐB huyện Võ Nhai. Lưu trữ Tỉnh ủy TN.

động sản xuất và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Riêng thuế nông nghiệp vụ Hạ năm 1957, nhân dân trong huyện đã nộp cho Nhà nước 26.754 kg thóc (tăng 1.754 kg so với chỉ tiêu được giao). Các xã Cúc Đường, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Tân Long... là những đơn vị hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đóng thuế nông nghiệp. Bên cạnh đó, ở một số xã, do cán bộ lãnh đạo trong cấp ủy Đảng và Ủy ban thiếu tinh thần trách nhiệm, nên không hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

Qua 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế (1955-1957), Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai đã thu được những kết quả nhất định. Sản xuất có những bước phát triển, bắt đầu thực hiện thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích canh tác. Một số biện pháp cải tiến kỹ thuật được áp dụng, góp phần nâng cao năng suất cây trồng. Chăn nuôi và khai thác lâm thổ sản bước đầu được đẩy mạnh. Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh và văn hóa, giáo dục có nhiều chuyển biến đi lên. Việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai chuyển sang làm nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa.

II. CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ (1958-1960)

Sau 3 năm khôi phục kinh tế, mặc dù đã thu được nhiều kết quả về các mặt, nhưng sản xuất trong huyện vẫn kém phát triển, nạn đói trong thời gian giáp hạt vẫn thường xuyên xảy ra. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhất là đồng bào vùng rẻo cao chuyên sống bằng nghề phát nương, làm rẫy.

Để tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11/1958) chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và kinh tế công - thương nghiệp tư bản tư doanh; trong đó, trọng tâm trước mắt là cải tạo thành phần kinh tế cá thể của nông dân. Đi đôi với công cuộc cải tạo, phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo nền kinh tế quốc dân.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp là đưa nông dân từ chỗ làm ăn cá thể, riêng lẻ đi dần vào

con đường làm ăn tập thể, từ tổ đổi công và hợp tác xã bậc thấp lên hợp tác xã bậc cao.

Bước vào thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), huyện Võ Nhai có 315 tổ đổi công, với 1.605 hộ trong tổng số 2.850 hộ nông dân; trong đó có 37 tổ đổi công thường xuyên, gồm 162 hộ¹. Đến cuối năm 1958, toàn huyện có 326 tổ, với 2.087 hộ (chiếm 73,6% tổng số hộ); trong đó có 27 tổ đổi công thường xuyên và 9 tổ bình công chấm điểm, có 1 hợp tác xã gồm 23 hộ nông dân (0,08% tổng số hộ)². Từ vụ Đông - Xuân 1958-1959, phong trào tổ đổi công được củng cố và đẩy mạnh. Qua các đợt chỉnh huấn trong cán bộ, đảng viên và các đợt học tập của nhân dân, quần chúng nông dân tích cực hưởng ứng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Sang năm 1959, số tổ đổi công còn 152, trong đó có 64 tổ đổi công thường xuyên và 48 tổ bình công chấm điểm. Đầu năm 1959, cả huyện có 8 hợp tác xã; đến cuối năm 1959, đã xây dựng được 44 hợp tác xã, gồm 1.328 hộ nông dân trong tổng số 2.776 hộ (47,83%); trong đó

1. Chi cục Thống kê tỉnh: Thống kê 6 năm xây dựng kinh tế - văn hóa (1955-1960). Lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên.

2. B/c tổng kết năm 1959 của BCH ĐB huyện Võ Nhai. Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

có 4 hợp tác xã bậc cao, với 192 hộ (6,98%) thuộc các xã Tràng Xá, Phú Thượng, Quang Sơn và Thượng Nung. Phong trào xây dựng hợp tác xã phát triển mạnh ở các xã Phú Thượng, Nghinh Tường, Thượng Nung, Liên Minh. Vùng rẻo cao cũng có 1 hợp tác xã với 14 hộ; chỉ còn 2 "xã trắng" (chưa có hợp tác xã) là Hòa Bình và Văn Lăng¹.

Bước vào năm 1960, phong trào hợp tác hóa có những tiến bộ hơn so với năm 1959. Đến hết ngày 31/10/1960, toàn huyện Võ Nhai có 64 hợp tác xã, với 2.108 hộ trong tổng số 2.850 hộ nông dân, đạt 73,96%. Nếu chỉ tính riêng số hộ làm ruộng (không tính hộ đồng bào vùng rẻo cao làm nương rẫy), cả huyện có 81,7% số hộ nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp². Đến tháng 12/1960, số hợp tác xã tăng lên 69, gồm 2.259 hộ xã viên (79,26%) và tính riêng số hộ làm ruộng là 87,57%. Trong số đó, có 5 hợp tác xã bậc cao, với 213 hộ (7,5%). Riêng xã Phương Giao đạt 100% số hộ nông dân vào hợp tác xã; các xã Phú Thượng, Thượng Nung, Tràng Xá, La Hiên, Lâu

1. B/c tổng kết năm 1959 của BCH ĐB huyện Võ Nhai. Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên.

2. Báo cáo tình hình phát triển hợp tác xã nông nghiệp đến hết ngày 31/10/1960 của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

Thượng, Dân Tiến, Cúc Đường, Thần Sa, Liên Minh đều đạt trên 80%. Hai "xã trắng" năm 1959 là Hòa Bình đã đạt 65,7% và Văn Lăng đạt 11,2%. Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện mở các lớp ngắn ngày đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ hợp tác xã. Riêng trong năm 1960, huyện mở được 5 lớp bồi dưỡng cho 199 cán bộ, không kể số cán bộ theo học các lớp đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh¹.

Đi đôi với công tác xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết 14 của Trung ương Đảng, từ tháng 10/1959, Đảng bộ Võ Nhai lãnh đạo hoàn thành cải cách dân chủ ở 7 xã: Bình Long, Tràng Xá, Lâu Thượng, Phú Thượng, La Hiên, Tân Long, Hòa Bình. Thông qua đó, nhận thức về đường lối giai cấp của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên. Nhân dân các dân tộc trong huyện thêm phấn khởi, tin tưởng, hăng hái tham gia phong trào hợp tác hóa.

Thực hiện sản xuất có kế hoạch, với phương châm lấy sản xuất lương thực làm chính, kinh doanh nhiều

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1960 của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai. Lưu trữ Tỉnh ủy TN.

thứ, phát triển nhiều mặt, các hợp tác xã đều tích cực mở rộng diện tích gieo trồng các loại cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp. Nhờ vậy, trong những năm 1958-1960, diện tích và năng suất phần lớn các loại cây trồng đều đạt và vượt kế hoạch.

Các biện pháp kỹ thuật liên hoàn (ủ nước, nhiều phân, giống tốt, cày sâu, bừa kỹ, làm cỏ sục bùn...) tiếp tục được áp dụng rộng rãi hơn trước. Hội Phụ nữ phối hợp với các hợp tác xã mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho chị em cấy đúng kỹ thuật, tổ chức hội thi cấy... Riêng vụ mùa năm 1960, toàn huyện có 5.014 mẫu trong tổng số 7.562 mẫu được cấy đúng kỹ thuật. Hầu hết diện tích lúa được làm cỏ từ 2 đến 3 lượt. Phong trào làm phân bón ruộng được phát động rộng rãi; nhiều kiện tướng làm phân xuất hiện và nêu gương tốt trong toàn huyện.

Đảng bộ đặc biệt chú trọng lãnh đạo công tác chống hạn để thu hoạch vụ mùa thắng lợi. Cán bộ lãnh đạo đi xuống giúp cán bộ xã vận động nhân dân làm thủy lợi. Sự quyết tâm của cán bộ làm cho nhân dân nhận thức được tầm quan trọng của công tác này và tích cực thực hiện. Riêng xã Thượng Nung đã huy động được 3.543 công sửa chữa toàn bộ hệ thống mương hiện có, đào thêm 17 mương mới, làm 29 cọn

và hơn 100 mét máng, đảm bảo nước tưới cho đồng ruộng¹. Các xã Dân Tiến, Phú Thượng, Lâu Thượng, Văn Lăng có quy hoạch thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới cho hai vụ lúa. Với hệ thống các công trình thủy lợi được xây dựng trong năm 1959, huyện Võ Nhai có thể chủ động tưới, tiêu nước cho 1.251 ha. Năm 1960, toàn huyện có thêm 269,4 ha được chống hạn, đưa số diện tích được tưới bằng công trình thủy lợi đạt trên 1.520 ha trong tổng số 2.722 ha. Toàn huyện có 7 xã (Lâu Thượng, Phú Thượng, Dân Tiến, Phương Giao, Liên Minh, Nghinh Tường, Thượng Nung) đảm bảo đủ nước tưới trên 86% diện tích cấy lúa.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp trong 3 năm (1958-1960) đã có những kết quả đáng kể. Năng suất và sản lượng tăng lên, phần lớn đảm bảo kế hoạch hàng năm đề ra. Riêng năm 1959, năm bản lề của kế hoạch 3 năm (1958-1960) hầu hết các chỉ tiêu về trồng cây lương thực và cây công nghiệp đều đạt kế hoạch (trong 14 loại cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp, có 10 loại đạt chỉ tiêu kế hoạch về năng suất từ 100% đến 300%; các loại khác đạt trên 70%).

1. Báo cáo tổng kết năm 1958 của BCHĐB huyện Võ Nhai - Số 03/BC-VN - 2/2/1959, tr. 3.

Chăn nuôi gia súc cũng phát triển hơn so với trước. Năm 1958, cả huyện có 7.341 con trâu (tăng 6% so với năm 1957), 140 con bò (tăng 7,2%), 5.927 con lợn (đạt 103% kế hoạch). Năm 1959, đàn bò tăng 39,8% so với năm 1958, đàn lợn có 5.063 con, đàn gia cầm có khoảng 54.000 con gà, vịt, ngan, ngỗng... Đến năm 1960, đàn trâu của huyện tăng lên 7.806 con, đàn lợn 5.987 con...¹.

Võ Nhai có số dân sống ở vùng rẻo cao khá đông (282 hộ gồm 1.890 nhân khẩu). Nguồn sống chính của đồng bào là làm nương rẫy và khai thác lâm thổ sản, đời sống rất bấp bênh. Vì vậy, công tác vận động định canh, định cư cũng là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ huyện Võ Nhai. Huyện ủy đã cử nhiều đợt cán bộ đến các xã vùng cao vận động đồng bào xuống định canh, định cư ở vùng thấp để làm ruộng, từng bước xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã. Đầu năm 1960, tại các xã vùng rẻo cao đã có 50 hộ với 309 nhân khẩu vào hợp tác xã nông nghiệp (chiếm 1,73% số hộ trong huyện), có 1 hợp tác xã bậc cao gồm 8 hộ ở Tân Kim (xã Thần Sa), không kể 44

1. Chi cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên: Thống kê 6 năm xây dựng kinh tế - văn hóa... Tlđd.

hộ tham gia tổ đổi công thường xuyên; 53 hộ tham gia tổ đổi công từng vụ, từng việc. Đời sống của các hộ xã viên được ổn định và cải thiện rõ rệt so với những hộ làm nương. Bình quân lương thực tính theo đầu người từ 113 kg lên 310 kg¹.

Do làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, công tác ba thu được thực hiện đầy đủ. Ngoài phần đóng thuế nông nghiệp, thuế công thương đảm bảo đúng kế hoạch, 2 năm năm 1959-1960, huyện Võ Nhai còn bán cho Nhà nước được hơn 411 tấn lương thực (năm 1959 là 166,095 tấn, năm 1960 là 245,2 tấn).

Nhằm tăng thêm nguồn vốn để phát triển kinh tế, từ năm 1959, Đảng bộ huyện chủ trương vận động nhân dân tham gia hợp tác xã tín dụng và gửi tiền tiết kiệm. Thực hiện chủ trương này, trong năm 1959, hợp tác xã tín dụng Tiên Phong (xã Phú Thượng) ra đời, gồm 119 cổ phần, với hơn 500 đồng vốn. Năm 1960, toàn huyện có hơn 24,87% số hộ nông dân ở các xã: Phú Thượng, Lâu Thượng, Phương Giao, Quang Sơn, Nghinh Tường, Thượng Nung, Hòa Bình, Liên Minh vào hợp tác xã tín dụng.

1. Báo cáo tổng kết năm 1960 của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai, tr. 6, 7. Lưu trữ Tỉnh ủy TN.

Để đảm bảo cung cấp những mặt hàng tiêu dùng cần thiết cho nhân dân, quản lý được thị trường, bình ổn được giá cả và chống được nạn đầu cơ tích trữ, Đảng bộ lãnh đạo ngành Thương nghiệp tăng cường hoạt động của Mậu dịch Quốc doanh, phát triển hợp tác xã mua bán. Trong năm 1959, huyện Võ Nhai xây dựng được 3 cửa hàng hợp tác xã mua bán ở Đình Cả, La Hiên, Hòa Bình; 1 cửa hàng Mậu dịch bách hóa ở Đình Cả. Các hợp tác xã mua bán còn tổ chức các đội lưu động đem hàng xuống một số địa phương bán cho nhân dân. Hệ thống Mậu dịch Quốc doanh và hợp tác xã mua bán ngày càng chiếm lĩnh được thị trường, từ 67,2% (năm 1958), đã tăng lên 78,3% (năm 1959).

Công tác giao thông và bưu điện tiếp tục được đẩy mạnh để đảm bảo cho việc đi lại, vận chuyển, thông tin liên lạc được thuận lợi và nhanh chóng, góp phần nâng cao đời sống nhân dân. Ngoài việc huy động dân công đi xây dựng 2 tuyến đường Đình Cả đi Tràng Xá, La Hiên đi Cúc Đường, huyện còn vận động các xã, xóm tổ chức cho nhân dân sửa đường, cầu, cống, phát quang cây cỏ ở các tuyến đường trong xã, xóm. Công tác bưu điện cũng có nhiều tiến bộ hơn trước. Các trạm bưu chính ở các xã được chấn chỉnh,

nhất là từ sau đợt phát động cải tiến quản lý xí nghiệp. Nhờ đó, việc thông tin liên lạc được tiến hành nhanh chóng hơn. Trước kia, công văn đến những xã vùng sâu, vùng xa phải mất từ 7 đến 15 ngày; đến thời gian này chỉ cần từ 3 đến 7 ngày. Số lượng giao thông viên cũng giảm từ 26 người xuống còn 16 người. Các loại báo chí đưa đến cán bộ và nhân dân cũng kịp thời hơn.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ, công tác văn hóa, giáo dục trong những năm 1958-1960 có nhiều chuyển biến mới. Phong trào xóa nạn mù chữ tiếp tục được đẩy mạnh. Nhiều xã thách thức thi đua thanh toán nạn mù chữ. Lực lượng thanh niên được huy động tham gia phong trào; một số xung phong dạy học, thực hiện khẩu hiệu "Mỗi đoàn viên là một giáo viên dạy học bình dân". Xã Phú Thượng từ chỗ không có lớp học nào, đã xây dựng được 8 lớp bình dân học vụ. Các tổ đổi công ở xã Trảng Xá kết hợp sản xuất với việc học văn hóa; người biết chữ dạy cho người chưa biết. Năm 1958, toàn huyện mở được 114 lớp học bình dân, với 383 học viên, hoàn thành thanh toán nạn mù chữ cho 23 xóm và xã Thượng Nung.

Năm 1959, sau khi có Nghị quyết của Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Giáo dục các cấp, Huyện ủy Vĩnh

Nhai quyết định thành lập Ban Giáo dục huyện, do 1 đồng chí ủy viên Ủy ban hành chính huyện làm Trưởng ban. Cùng thời gian trên, Ban Giáo dục các xã cũng được thành lập. Huyện đã xây dựng kế hoạch thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân ở lứa tuổi từ 12 đến 50; đồng thời tổ chức các lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ bằng cách vận động thanh niên, giáo viên phổ thông và học sinh từ lớp 3 trở lên cư trú ở đâu thì tham gia dạy học ở đó. Các giới Thanh niên, Phụ nữ, Phụ lão đều quan tâm nhắc nhở hội viên vận động nhân dân đi học. Ban Giáo dục huyện phối hợp với các Ban Giáo dục các xã phát động chiến dịch "Diệt dốt và thanh toán nạn mù chữ"; tổ chức các lớp bổ túc và bình dân học vụ, thi đua lập thành tích dâng lên Đảng.

Đầu năm 1960, Huyện ủy tổ chức cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt các xã học tập Nghị quyết 93 của Trung ương Đảng về công tác thanh toán nạn mù chữ. Sau học tập, lãnh đạo các xã đặt công tác thanh toán nạn mù chữ là một nhiệm vụ trọng tâm, làm cho mọi người nhận thấy sự cần thiết phải học tập văn hóa. Ngoài việc tiếp tục mở các lớp học bình dân ở hợp tác xã, các xóm dạy cho những người chưa biết chữ, các xã và các cơ quan thường xuyên tổ chức các lớp học

bổ túc văn hóa cho cán bộ. Huyện ủy quyết định lấy chiều thứ 6 hằng tuần để cán bộ học văn hóa; tổ chức xây dựng Trường Bổ túc văn hóa thường xuyên cho cán bộ cơ sở nhằm bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ chủ chốt các xã một cách cơ bản và hệ thống hơn.

Nhằm đánh giá chính xác phong trào thanh toán nạn mù chữ, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tổ chức các đoàn cán bộ xuống từng xã để kiểm tra. Qua kiểm tra của huyện, năm 1960 đã có 14 trong tổng số 18 xã đã căn bản hoàn thành thanh toán nạn mù chữ; số người biết đọc, biết viết đạt tỷ lệ từ 90,3% trở lên. Riêng xã Thượng Nung được tỉnh công nhận đã hoàn thành việc xóa nạn mù chữ từ năm 1959.

Ngành Giáo dục phổ thông phát triển khá nhanh. Năm 1958, toàn huyện có 17 trường phổ thông cấp I và cấp II, với tổng số 2.498 học sinh (tăng 15 lần so với thời Pháp thuộc). Năm 1959, số học sinh các cấp tăng lên 3.298 em. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của các trường học còn rất nghèo nàn, điều kiện, phương tiện dạy học còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn; số trường học vẫn chưa có đều trong các xã.

Nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác

thông tin tuyên truyền, phát hành sách, báo, phim ảnh, đẩy mạnh phong trào văn nghệ quần chúng. Theo tinh thần đó, từ năm 1958, huyện thành lập 2 đại lý sách báo ở La Hiên và Đình Cả. Phòng Văn hóa - Thông tin huyện cử cán bộ xuống các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, La Hiên, Tràng Xá... phát hành các loại sách chính trị, kỹ thuật sản xuất, xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã. Các xã đều có cán bộ chuyên trách theo dõi công tác văn hóa. Hưởng ứng phong trào lập tủ sách để nhân dân thường xuyên có sách, báo đọc, 40,26% số các hợp tác xã trong huyện đã xây dựng được tủ sách; mỗi tủ sách có từ 50 đến 70 cuốn các loại.

Ngành Văn hóa - Thông tin huyện vượt qua nhiều khó khăn, tích cực tổ chức chiếu phim phục vụ nhân dân. Nếu như năm 1958, Ngành mới tổ chức chiếu phim phục vụ nhân dân ở những xã gần đường giao thông (Lâu Thượng, Phú Thượng, La Hiên, Quang Sơn), thì từ năm 1960, nhân dân các xã trong huyện đều được xem trung bình mỗi năm từ 1 đến 3 tối phim.

Sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh cũng có những bước tiến bộ đáng kể. Năm 1959, ngoài số cán bộ y tế huyện, số cán bộ y

tế xã đã tăng lên 115 người (trong đó có 7 y tá sơ cấp và 29 nữ hộ sinh). Đến năm 1960, tất cả các xã trong huyện đều có cán bộ y tế và nữ hộ sinh. Một số xã đã thành lập được trạm xá dân lập, có cán bộ y tế trực hằng ngày. Bệnh xá huyện được xây dựng, với 30 giường bệnh, có 2 y sĩ, một số y tá và nữ hộ sinh, họ lý làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh được phát động và duy trì. Tại các thôn, xóm, nhân dân đều thực hiện khẩu hiệu "Sạch làng, tốt ruộng". Năm 1959, Ngành Y tế vận động nhân dân các xã đào được hơn 300 giếng nước, làm được 1.372 chuồng trâu xa nhà, tổ chức tổng vệ sinh xóm được 291 lần, với 16.340 người tham gia... Ngành Y tế huyện còn tổ chức phát hành sách, báo, khẩu hiệu, phát thanh tuyên truyền, nói chuyện, tổ chức triển lãm về vệ sinh phòng bệnh cho nhân dân ở các xã. Nhờ đó, ý thức phòng bệnh trong nhân dân được nâng cao. Đồng bào các dân tộc, kể cả đồng bào ở các xã vùng sâu, vùng xa, khi ốm đau đã biết dùng thuốc.

Nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ đối với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng được đặc biệt quan tâm. Trong 3 năm (1958-1960), các cấp ủy Đảng không ngừng được

củng cố và tăng cường. Năm 1959, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được bổ sung, gồm 11 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Các Ban Chi ủy ở các xã cũng được củng cố, kiện toàn, bao gồm những đảng viên tích cực, gương mẫu trong công tác. Số đảng viên mới được Đảng bộ kết nạp tăng từ 5 đồng chí năm 1958, lên 49 đồng chí năm 1959 và 107 đồng chí năm 1960.

Cùng với việc phát triển Đảng, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng bộ tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên. Hằng năm, ngoài việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước, Huyện ủy còn cử nhiều cán bộ theo học các lớp bồi dưỡng của Tỉnh, Khu và Trung ương.

Đảng bộ chú ý lãnh đạo củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... trong việc vận động quần chúng thực hiện các kế hoạch hằng năm. Công tác tuyên truyền, giáo dục, phát động thi đua được đẩy mạnh. Vì thế, hầu hết các phong trào sản xuất, công tác "ba thu"¹, bình

1. Ba thu: Thu mua - Thu thuế - Thu nợ.

dân học vụ, vệ sinh phòng bệnh... đều được quần chúng hưởng ứng.

Công tác thi đua khen thưởng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo chặt chẽ hơn. Để kịp thời động viên những đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích, từ ngày 1/1/1959 đến ngày 15/4/1960, huyện Võ Nhai đã được Trung ương, Khu và Tỉnh tặng 5 Bằng Khen, 1 Giấy khen cho tập thể, 6 Bằng khen và 12 Giấy khen cho cá nhân. Huyện tặng 46 Giấy khen cho tập thể các xã và hợp tác xã, 345 Giấy khen cho cá nhân có nhiều thành tích trong các phong trào thi đua¹.

Nhìn chung, trong 3 năm (1958-1960), Đảng bộ Võ Nhai đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

1. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ từ 1/1/1959 đến 15/4/1960 của BCHDB huyện Võ Nhai.

III. LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT

Sau khi hoàn thành Kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa (1958-1960), Đảng bộ Võ Nhai tập trung lãnh đạo nhân dân trong huyện thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra: "Ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, tích cực phát triển giao thông vận tải, tăng cường thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã mua bán. Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân lao động, làm cho nhân dân các dân tộc được ăn no, mặc ấm, tăng thêm sức khỏe, có thêm nhà ở và được học tập..."; đồng thời thực hiện Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về miền núi "hướng vào trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, làm cho dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số, vùng cao tiến kịp vùng thấp, dần dần khá giả về kinh tế".

Căn cứ vào sự chỉ đạo của cấp trên và đặc điểm tình hình của địa phương, ngay từ đầu năm 1961,

Huyện ủy Vĩnh Nhai lãnh đạo tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III. Qua học tập, cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận rõ những thành tựu, ưu điểm và những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện Kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa (1958-1960) của huyện; đồng thời xác định quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Lãnh đạo phát triển nông nghiệp được coi là nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ. Huyện ủy chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, lấy sản xuất lúa là chủ yếu; đồng thời chú trọng phát triển hoa màu, đảm bảo cho dân được ăn no và có dự trữ.

Để phát triển nông nghiệp, Huyện ủy xác định phải tiếp tục củng cố và mở rộng phong trào hợp tác hóa. Trong những năm trước, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đã được đẩy mạnh. Đến năm 1960, toàn huyện có 69 hợp tác xã, thu hút 87,5% số hộ nông dân tham gia, khắc phục được tình trạng "xóm trắng". Tuy nhiên, do không được chú ý củng cố thường xuyên, nên phong trào phát triển không vững chắc. Sau vụ mùa 1960, trong huyện có

124 hộ xin ra hợp tác xã. Năm 1961, toàn huyện có 67 hợp tác xã, với 80,45% số hộ nông dân tham gia (trong đó có 10 hợp tác xã bậc cao với 446 hộ)¹. Sang đầu năm 1962, nhiều hộ xã viên tiếp tục bỏ hoặc làm đơn xin ra khỏi hợp tác xã; toàn huyện chỉ còn 63 hợp tác xã với 2.156 hộ xã viên (bằng 68,75% tổng số hộ nông dân).

Giữa lúc phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đang gặp khó khăn, Đại hội đại biểu lần thứ VII Đảng bộ huyện Võ Nhai được tổ chức từ ngày 26 đến 29/4/1962, với sự tham gia của 61 đại biểu (trong đó có 4 đại biểu dự khuyết). Đại hội đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt công tác nhiệm kỳ khóa VI; đồng thời bàn nội dung, phương hướng và biện pháp lãnh đạo trong thời gian tới. Về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, Đại hội nhận định: "Trong 2 năm đã căn bản hoàn thành nhanh, gọn, tốt, nông thôn nhiều mặt đã đổi mới, sản xuất có phát triển, công tác quản lý có tiến bộ nhưng cũng vẫn tồn tại một số khuyết điểm cần sửa chữa và khắc

1. B/c tổng kết công tác dân tộc 1961-1964 của BCHĐB huyện Võ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

phục, khẩn trương nhất là làm thế nào để củng cố giữ vững, không để diện vỡ lan rộng..."¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 17 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Minh Chí được bầu làm Bí thư Huyện ủy; các đồng chí Lý Văn Phủ và Chu Phóng được bầu làm Phó Bí thư.

Mặc dù có nhiều cố gắng khắc phục, nhưng các hợp tác xã nông nghiệp vẫn bị tan vỡ hàng loạt. Đến tháng 4/1963, toàn huyện chỉ còn 45,95% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII (họp từ ngày 27/4 đến ngày 1/5/1963) đã nghiêm khắc kiểm điểm, nêu rõ nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng tan vỡ của hợp tác xã là do "sự lãnh đạo của Đảng bộ yếu, cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, trình độ cán bộ còn thấp, nhất là cán bộ quản lý, kế toán, tài vụ. Chưa nghiên cứu kỹ chính sách hợp tác hóa để áp dụng đúng với tình hình đặc điểm của huyện"². Đại hội quyết nghị:

1. Báo cáo công tác nhiệm kỳ từ tháng 4/1960 đến tháng 4/1962 của BCHĐB huyện Võ Nhai.

2. Biên bản Đại hội Đảng bộ huyện Võ Nhai tháng 4/1963. Lưu trữ Huyện ủy.

"Đảng bộ quyết tâm lãnh đạo, cán bộ, đảng viên gương mẫu xây dựng hợp tác xã, củng cố lại các hợp tác xã bị tan vỡ và chú ý xây dựng phong trào tổ đổi công". Nghị quyết đề ra chỉ tiêu phải giữ vững tỷ lệ 45,95% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp, phục hồi thêm 5 hợp tác xã và đến cuối năm 1964 thì hoàn thành khôi phục các hợp tác xã bị vỡ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 19 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết, do đồng chí Trịnh Văn Chấn làm Bí thư; các đồng chí Lý Văn Phủ và Chu Phóng làm Phó Bí thư.

Sau Đại hội Đảng bộ, phong trào hợp tác hóa vẫn chưa được củng cố, và tiếp tục đi xuống. Đến tháng 10/1963, toàn huyện chỉ còn 24,4% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp. Ban Thường vụ Huyện ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã triệu tập 4 kỳ họp để bàn về vấn đề củng cố hợp tác xã; đồng thời cử cán bộ đi xuống trực tiếp chỉ đạo củng cố hợp tác xã ở một số xã, lấy xã Phú Thượng làm thí điểm, nhưng vẫn không khôi phục được phong trào. Các xã Thượng Nung, Phương Giao, Liên Minh còn nhiều "xóm trắng". Số xã viên còn ở lại trong các hợp tác xã hoang mang, dao động, không phấn khởi sản xuất. Nhiều hợp tác xã tồn tại chỉ là hình thức.

Trước tình hình trên, theo sự chỉ đạo của Khu và Tỉnh, cuối tháng 10/1963, các cấp ủy Đảng từ huyện xuống đến cơ sở tổ chức kiểm điểm, xác định nguyên nhân hợp tác xã tan vỡ là do công tác "ba quản"¹ không tốt, một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, còn tham ô; trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã còn yếu, không xây dựng được kế hoạch sản xuất cụ thể. Tuy huyện đã mở được nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho hàng trăm cán bộ quản trị và kế toán hợp tác xã, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; có hợp tác xã 2, 3 vụ chưa thanh toán tài chính. Trong các hợp tác xã, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa được tiến hành thường xuyên, nên trình độ giác ngộ và ý thức làm chủ tập thể cả cán bộ và xã viên còn thấp. Các cấp ủy Đảng chưa có kinh nghiệm lãnh đạo hợp tác xã, lại thiếu sự kiểm tra, đôn đốc và giúp đỡ cơ sở, nên khi phong trào hợp tác xã gặp khó khăn thì tỏ ra lúng túng, chưa có phương hướng, kế hoạch và biện pháp giải quyết. Trong các hợp tác xã, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn rất nghèo nàn, năng suất lao

1. Ba quản: Quản lý lao động - Quản lý TLSX - Quản lý ngày công.

động thấp, đời sống của xã viên gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn¹; nên xã viên thiếu tin tưởng ở hợp tác xã.

Tình trạng yếu kém của phong trào hợp tác hóa ở Võ Nhai đã được Trung ương Đảng, Bác Hồ, Khu ủy và Tỉnh ủy quan tâm phê bình, nhắc nhở, động viên. Từ ngày 5/11/1964 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã cử một phái đoàn gồm 16 cán bộ xuống tăng cường giúp Võ Nhai củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Huyện ủy Võ Nhai cử 55 cán bộ các cơ quan huyện xuống các xã làm công tác chỉ đạo củng cố phong trào. Nhờ đó, phong trào hợp tác xã ở huyện từng bước được khôi phục. Năm 1964, toàn huyện đã có 59 hợp tác xã, với 1.586 hộ xã viên, chiếm 48,9% tổng số hộ nông dân trong huyện. 17 trên 18 xã (trừ Nghinh Tường) đã có hợp tác xã nông nghiệp². Các xã Hòa Bình, Liên Minh, Dân Tiến cần

1. Theo Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, mỗi lao động trong các hợp tác xã hàng năm phải đạt từ 180 công đến 220 công mới đảm bảo thu nhập. Nhưng ở Võ Nhai, mỗi lao động năm 1961 đạt từ 108 đến 146 công, năm 1962 đạt từ 91 đến 136 công, năm 1963 giảm xuống chỉ còn 83 công. Giá trị ngày công của xã viên năm 1961 đạt từ 3kg đến 5 kg thóc, đến năm 1963 chỉ còn 0,79 đồng, thu nhập bình quân về lương thực chỉ đạt 4,89 đồng/tháng.

2. Báo cáo tổng kết công tác dân tộc 1961-1964 của BCHĐB Võ Nhai. Lưu trữ Huyện ủy.

bản hoàn thành việc khôi phục phong trào hợp tác xã. Đặc biệt, Chi bộ Đảng xã Hòa Bình đã lãnh đạo đưa tỷ lệ số hộ nông dân vào hợp tác xã tăng từ 45% lên 95%.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX được tổ chức từ ngày 20 đến 25/10/1964. Tham dự Đại hội có 81 đại biểu chính thức, 8 đại biểu dự khuyết. Đại hội nhận định: "Phong trào hợp tác hóa hiện nay đang ở thời kỳ tạm ổn định, có chiều hướng tiến lên nhưng không đều và chưa thật vững chắc". Đại hội biểu dương 5 Chi bộ Đảng: Liên Minh, Dân Tiến, Phú Thượng, Hòa Bình và Sảng Mộc có nhiều cố gắng trong công tác lãnh đạo phong trào hợp tác xã nông nghiệp.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 15 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết, do đồng chí Nông Văn Hỏa làm Bí thư và đồng chí Hoàng Công Tá làm Phó Bí thư.

Ngày 25/12/1964, Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên tổ chức Hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm phong trào hợp tác hóa tại xã Hòa Bình, trên 300 đại biểu các xã trong toàn tỉnh về dự.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được khôi phục đã làm cho sản xuất nông nghiệp của Võ Nhai

phát triển đi lên. Việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực và thực phẩm cho Nhà nước được tiến hành nhanh gọn, vượt mức kế hoạch. Từ chỗ không đạt chỉ tiêu "ba thu" trong nhiều năm trước, đến năm 1964, huyện Võ Nhai đã vươn lên đứng hàng thứ 4 trong tỉnh. Tuy nhiên, chất lượng phong trào chưa cao và chuyển biến không đồng đều. Ở các xã Lâu Thượng, La Hiên, Thần Sa..., phong trào phát triển chậm, tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên và xã viên chưa thực sự an tâm xây dựng hợp tác xã.

Tiếp theo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Nghị quyết chỉ rõ: "Phải tiếp tục củng cố và đẩy mạnh phong trào hợp tác xã lên đúng với vị trí của Võ Nhai, xứng đáng là quê hương cách mạng của cả nước, làm cho phong trào lên nhanh về mọi mặt và tiến kịp các huyện khác trong tỉnh". Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhắc nhở các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Võ Nhai cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hơn nữa để phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai tiến lên, phấn đấu đưa 80% số hộ nông dân trong huyện trở lại hợp tác xã.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện Võ Nhai chọn các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá, La

Hiên làm trọng tâm và chọn xã Lâu Thượng làm xã trọng điểm để lãnh đạo, chỉ đạo. Được Tỉnh ủy cử 4 cán bộ về tăng cường cho 4 xã trọng tâm của huyện, Huyện ủy chú trọng lãnh đạo việc củng cố các chi bộ Đảng để làm hạt nhân, đưa nhiều đảng viên tích cực, có năng lực vào các cấp ủy Đảng để lãnh đạo phong trào¹.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp có tác động lớn đến tình hình sản xuất lương thực, thực phẩm trong huyện. So với năm 1960, diện tích cấy lúa mùa năm 1961 hụt gần 140 mẫu, tổng sản lượng thóc giảm 2.038 tấn, thu nhập bình quân một nhân khẩu giảm từ 366 kg thóc xuống 237 kg thóc. Từ năm 1962, Đảng bộ lãnh đạo tốt việc vận động nhân dân khai hoang, phục hóa, tiếp nhận 8.502 nhân khẩu từ huyện Khoái Châu (Hưng Yên) lên khai hoang, xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa miền núi và xây dựng quê hương mới. Từ năm 1962 đến năm 1964, nhân dân trong huyện đã khai phá được hơn 1.441 mẫu ruộng đất, phần lớn là đất soi bãi, khoảng 1 phần 4 số diện tích đó được chuyển thành ruộng.

1. NQ về việc tiếp tục củng cố phong trào huyện Võ Nhai của BTV TU Thái Nguyên (23/3/65)

Diện tích cấy lúa tăng từ 8.259 mẫu (năm 1960) lên 10.019 mẫu (năm 1964). Tuy diện tích gieo cấy lúa tăng, nhưng do hạn hán kéo dài, phong trào hợp tác hóa lên xuống thất thường, việc chăm sóc lúa chưa được quan tâm đầy đủ, nên năng suất lúa nói chung không những không tăng, mà còn giảm so với năm 1960 (năm 1960, năng suất lúa đạt 19,78 tạ/ha; đến năm 1964, năng suất lúa chỉ còn 14,69 tạ/ha)¹.

Sản xuất hoa màu cũng không ổn định về diện tích, năng suất và sản lượng: diện tích trồng ngô tăng từ 1.425 mẫu năm 1960 lên 2.043 mẫu năm 1964 (43,3%), nhưng năng suất lại giảm từ 451 kg/mẫu xuống còn 347 kg/mẫu. Diện tích trồng khoai lang và sắn đều giảm. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên một phần là do hạn hán kéo dài, song chủ yếu là do phong trào hợp tác xã từ năm 1962 đến năm 1964 tan vỡ, các hộ nông dân cá thể không sản xuất theo kế hoạch Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân trong huyện đẩy mạnh gieo trồng các loại cây công nghiệp (đỗ tương, bông, lạc, vừng, mía...). Vì vậy, so với năm 1960, năm 1964,

1. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập I. 2003, tr. 357.

diện tích trồng đỗ tương, bông, lạc... ở các xã trong huyện đều tăng lên.

Công tác thủy lợi được Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhằm đảm bảo đủ nước cho canh tác. Chi bộ xã Thượng Nung lãnh đạo nhân dân đào, đắp được 2 hồ chứa nước tưới cho 100 mẫu ruộng, kết hợp với thả cá, nâng diện tích ruộng đất trong xã được chống hạn lên 85%. Chi bộ xã Bình Long cũng lãnh đạo nhân dân đắp được 1 đập giữ nước, đảm bảo cung cấp nước tưới cho 270 mẫu ruộng. Tính đến năm 1962, toàn huyện có 1.520 ha ruộng được đảm bảo đủ nước tưới 1 vụ và một phần 2 vụ lúa. Năm 1963, phong trào hợp tác xã đi xuống, kế hoạch làm thủy lợi của huyện không đạt. Các hợp tác xã không quản lý và huy động được nhân lực; trong khi đó, Phòng Thủy lợi huyện lại thiếu cán bộ hướng dẫn và thiếu kế hoạch chỉ đạo cụ thể. Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện chưa quan tâm đầy đủ đến việc thực hiện kế hoạch thủy lợi. Số công được huy động làm thủy lợi hàng năm lên xuống thất thường (Năm 1960: 38.483 công, năm 1961: 11.963 công, năm 1962: 10.763 công, năm 1963: 15.318 công, năm 1964: 34.442 công). Năm 1963, Võ Nhai chỉ huy động nhân dân làm thủy lợi sử dụng hết 40% vốn đầu tư của Nhà nước (2.000

đồng/5.000 đồng). Đến năm 1964, toàn huyện mới có 47% diện tích ruộng đất được bảo đảm nước tưới (trong khi chỉ tiêu Kế hoạch 5 năm của Nhà nước phải đạt 80% diện tích ở miền núi được chống hạn).

Cùng với công tác thủy lợi, trên phần lớn diện tích trồng lúa, nhân dân trong huyện được hướng dẫn áp dụng các biện pháp kỹ thuật cày sâu, cấy dầy, ngâm thóc giống 3 sôi, 2 lạnh, gieo mạ thưa, làm cỏ nhiều lượt... Phong trào thanh niên làm phân bón ruộng được Đảng bộ tập trung lãnh đạo diễn ra khá sôi nổi và rộng khắp, tiêu biểu là xã Lâu Thượng. Riêng trong năm 1962, bình quân một thanh niên làm được 11 tấn phân; xã Phương Giao có phong trào yếu hơn, cũng đạt bình quân 7 tấn.

Thực hiện Nghị quyết 5 và Nghị quyết 7 của Trung ương Đảng, Đảng bộ Võ Nhai tập trung lãnh đạo phát triển chăn nuôi nhằm bảo đảm đủ sức kéo, nguồn thực phẩm trên địa bàn và nguồn phân bón cho sản xuất nông nghiệp, tiến tới một phần dư thừa để cung cấp cho các tỉnh miền xuôi. Theo hướng ấy, một số xã trong huyện bắt đầu phát triển nuôi, thả cá. Tính riêng trong năm 1961, toàn huyện có hơn 20 mẫu ao nuôi, thả cá. Từ năm 1963, việc nuôi, thả cá trở thành phong trào rộng rãi trong nhân dân. Đa số các gia

đình đều có ao nuôi thả cá, với tổng diện tích hơn 84 mẫu. Hợp tác xã Tiên Phong và Hợp tác xã Thượng Nung được huyện chọn làm điểm chỉ đạo chăn nuôi tập thể, nhưng vì chưa có biện pháp chế biến thức ăn và kinh nghiệm, nên hiệu quả kinh tế không cao. Đàn lợn của huyện tăng, giảm thất thường, từ 7.291 con (năm 1961), xuống 6.314 con (đầu năm 1963), lên 8.433 con (năm 1964). Đàn trâu trên địa bàn huyện phát triển hàng năm cũng không ổn định (năm 1961 có 7.348 con, đầu năm 1963 giảm xuống còn 7.251 con và năm 1964 tăng lên 8.441 con).

Xuất phát từ đặc điểm tình hình của một huyện miền núi, có phần lớn diện tích là rừng và đất rừng, Đảng bộ Võ Nhai rất quan tâm đến sản xuất lâm nghiệp, coi đó là một trong những ngành kinh tế giữ vai trò quan trọng. Theo chủ trương của Huyện ủy, trên cơ sở được củng cố và kiện toàn từng bước, Phòng Lâm nghiệp huyện làm tốt công tác tu bổ và bảo vệ rừng. Nhờ đó, sản lượng khai thác gỗ hàng năm đều tăng từ 5.424 m³ (năm 1960), lên 8.099 m³ (1961), 9.252 m³ (năm 1963)... Công tác tu bổ rừng từ năm 1962 về trước hầu như không được chú ý. Từ năm 1963 trở đi, hạn chế này đã được khắc phục. Tuy vậy, việc tu bổ rừng chủ yếu do các đội chuyên

nghiệp thực hiện, chưa phát động được toàn dân tham gia. Việc trồng cây và bảo vệ rừng được phát động từ những năm 1960, 1961, nhưng cũng chỉ mới được đẩy mạnh trong một số cơ quan, trường học và với số lượng không lớn. Từ năm 1962, phong trào trồng cây gây rừng được các cấp ủy Đảng, chính quyền chú ý lãnh đạo và chỉ đạo, nên đạt được kết quả khá hơn. Nếu năm 1962, toàn huyện trồng được 155.047 cây, thì đến năm 1964 đã tăng lên 533.000 cây các loại. Với kết quả này, trong năm 1964, huyện Võ Nhai có 20 tập thể và cá nhân được Ủy ban hành chính tỉnh tặng Bằng khen và Giấy khen; toàn huyện bầu được 7 kiện tướng trồng cây gây rừng.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo mở rộng hệ thống giao thông nông thôn.

Sau khi huy động nhân dân hoàn thành 2 tuyến đường trục Đình Cả đi Tràng Xá và La Hiên đi Cúc Đường, Ủy ban hành chính huyện giao cho các xã phụ trách công việc làm đường giao thông thuộc địa phận xã mình. Tính đến năm 1964, toàn huyện huy động được 8.839 công, làm mới 95 km đường (có 31 km đường ô tô), sửa chữa hơn 50 km đường dân sinh liên xã rộng từ 1 mét đến 2 mét; bắc được 33 chiếc

cầu. Tuyến đường Tràng Xá - Bình Long và Cúc Đường - Thượng Nung cũng được Nhà nước đầu tư xây dựng. Với những kết quả đó, tuy còn 10 xã chưa có đường ô tô, nhưng việc đi lại của nhân dân đã thuận lợi hơn trước. Các phương tiện vận tải không ngừng tăng: từ 20 xe trâu, 361 xe quệt (năm 1960) lên 44 xe trâu, 646 xe quệt (năm 1964), góp phần giải phóng đôi vai cho người lao động.

Thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng: "Trong Kế hoạch 5 năm phải sắp xếp mạng lưới thương nghiệp và tăng cường quản lý thị trường, tăng cường mậu dịch quốc doanh, mở rộng cơ sở hợp tác xã mua bán đến xã. Ở miền núi phải mở rộng giao lưu hàng hóa phục vụ nhân dân các dân tộc, thúc đẩy phát triển sản xuất, góp phần cải thiện từng bước đời sống nhân dân", Đảng bộ lãnh đạo Ngành Thương nghiệp huyện chỉ đạo các xã phát triển thêm các cửa hàng hợp tác xã mua bán để phục vụ nhân dân. Năm 1960, trên địa bàn huyện mới có 5 cửa hàng mua bán ở các khu vực La Hiên, Cúc Đường, Hòa Bình, Tràng Xá, Đình Cả. Đến năm 1962, đã có 12 trên 18 xã xây dựng được cửa hàng hợp tác xã mua bán phục vụ nhân dân, trong đó có các xã vùng sâu, vùng xa (Sảng Mộc, Văn Lăng,

Nghinh Tường). Đến năm 1964, bình quân mỗi xã trong huyện có 1 cửa hàng hợp tác xã mua bán, đảm bảo việc cung cấp nguồn hàng đến tận tay người tiêu dùng. Mạng lưới thương nghiệp phát triển đã góp phần nâng cao một bước đời sống của đồng bào các dân tộc trong huyện. Tình trạng thiếu ăn khi giáp hạt đã được khắc phục. Nhiều gia đình trước đây một năm thiếu ăn từ 3 tháng đến 6 tháng, nay đã tạm đủ ăn. Năm 1961, toàn huyện phải cấp 1.574 kg gạo cứu đói cho 23 hộ, 147 nhân khẩu ở 2 xã Thần Sa và Sảng Mộc. Từ năm 1962, nạn đói căn bản đã được xóa bỏ. Bình quân thu nhập tính theo đầu người trong đồng bào Nùng ở xã Lâu Thượng từ 95,52 kg thóc (năm 1960), tăng lên 158,14 kg (năm 1964); đồng bào Tày ở xã Cúc Đường thu nhập bình quân từ 321,6 kg thóc/người (năm 1960), tăng lên 420 kg (năm 1964), chưa kể các nguồn thu nhập từ chăn nuôi, nghề phụ và khai thác lâm thổ sản. Ở những xã có đường giao thông thuận lợi, nhiều gia đình đã mua được xe đạp, xây được nhà ngói và mua sắm chăn màn, quần áo rét...

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục trong huyện có những bước tiến đáng kể. Hưởng ứng phong trào thi đua "Thu - Đông diệt đốt" do Tỉnh ủy phát động,

Huyện ủy Võ Nhài mở "Chiến dịch diệt dốt Nông Văn Cún", đông viên được đông đảo quần chúng tham gia. Nhiều cán bộ, giáo viên các trường phổ thông, học viên Trường bồi túc văn hóa huyện và học sinh cấp II xung phong lên các xóm vùng cao tham gia diệt dốt. Nhờ có biện pháp tích cực và sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng bộ, từ giữa năm 1961, huyện Võ Nhài được Ủy ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc chính thức công nhận đã hoàn thành thanh toán nạn mù chữ. Thành tích này của huyện Võ Nhài đã góp phần làm cho tỉnh Thái Nguyên trở thành tỉnh đầu tiên của Khu Tự trị Việt Bắc và là tỉnh miền núi thứ hai của miền Bắc căn bản hoàn thành xóa nạn mù chữ.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo, do chưa gắn công tác thanh toán nạn mù chữ với phong trào bồi túc văn hóa, nên hiện tượng tái mù chữ có nguy cơ xảy ra. Năm 1961, toàn huyện có 155 lớp bồi túc văn hóa, với 155 giáo viên và 954 học viên, nhưng đến lúc mãn khóa chỉ còn 103 học viên. Năm 1962, phong trào bồi túc văn hóa của huyện lắng hẳn xuống, toàn huyện chỉ còn 11 lớp. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do hợp tác xã tan vỡ, nhiều nông dân làm ăn cá thể, việc tổ chức học văn hóa gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác, do đội ngũ cán bộ, giáo viên bổ túc văn hóa thiếu, địa bàn rộng và giao thông không thuận tiện. Các cấp ủy Đảng và chính quyền ở cơ sở chưa thực sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo. Các trường phổ thông chưa kết hợp được "1 hội đồng, 2 nhiệm vụ".

Ngành Giáo dục phổ thông phát triển tương đối nhanh. Tất cả các xã của huyện đều có trường phổ thông cấp I. Những xã có địa dư rộng, huyện mở thêm các Phân trường cấp I ở các thôn xóm, tạo điều kiện thuận lợi cho con em đồng bào các dân tộc được cấp sách tới trường. Có những thôn xóm dù chưa đủ số lượng học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục, huyện vẫn mạnh dạn mở lớp để các em trong độ tuổi được đi học.

Từ năm học 1962-1963, huyện Võ Nhai mở Trường phổ thông cấp III. Tính đến năm học 1963-1964, toàn huyện có 4 trường phổ thông cấp II và 1 trường phổ thông cấp III, không kể số trường cấp I đặt ở 18 xã. Tổng số học sinh cả 3 cấp từ 2.299 em (năm 1960), tăng lên 3.776 em (năm 1964). Trong khi đó, giáo dục mẫu giáo phát triển chậm chạp và khó khăn. Năm 1960, xóm Cây Hồng (xã Lâu Thượng) tổ chức được 1 lớp mẫu giáo nhưng đến đầu năm 1964 lại giải tán vì đi lại khó khăn, thiếu thiết bị dạy học và thiếu giáo viên.

Giáo dục võ lòng cũng chỉ mới được chú ý phát triển ở vùng thấp. Do vậy, tính đến năm học 1963-1964, toàn huyện vẫn còn 768 trẻ em từ 7 đến 10 tuổi (phần lớn ở vùng sâu, vùng xa) chưa được đi học võ lòng. Mặt khác, do tâm lý của đồng bào dân tộc vùng cao chưa muốn cho con em đi học, cho nên số học sinh võ lòng hằng năm lên, xuống không đều.

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, Đảng bộ chú ý lãnh đạo tăng cường đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất trong các nhà trường. Số lượng giáo viên trong huyện tăng từ 41 người (1960), lên 123 người (1964); trong số đó, giáo viên người dân tộc chiếm trên 60%. Từ năm 1962 đến năm 1964, huyện đã xây dựng 22 trường và một số lớp dân lập. Tuy nhiên, số lớp học xây bằng gạch, mái lớp bằng ngói chưa có nhiều. Đa số các trường, lớp đều làm bằng tre, nứa, lá do nhân dân đóng góp xây dựng. Điều kiện, phương tiện dạy và học của giáo viên và học sinh đều thiếu thốn; bàn, ghế hư hỏng, ảnh hưởng không tốt đến chất lượng dạy và học.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ, Ngành Giáo dục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng trường, lớp; đồng thời

tổ chức các đợt thi đua dạy tốt, học tốt trong giáo viên và học sinh. Nhờ đó, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp các cấp và số học sinh lên lớp hằng năm đều đạt từ 77% trở lên. Trình độ học vấn của cán bộ, đảng viên và nhân dân cũng được nâng lên. Đến năm 1964, toàn huyện có 1.696 người đạt trình độ văn hóa lớp 1 (7,2% số dân trong huyện), 1.459 người lớp 2 (6,2%), 1.712 người lớp 3 (5,4%), 980 người lớp 4 (4,1%), 450 người lớp 5 (1,9%), 212 lớp 6 (0,9%), 204 người lớp 7 (0,8%), 29 người lớp 8, 12 người lớp 9, 16 người lớp 10 và 7 người có trình độ đại học¹. Kết quả này cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện nếp sống mới đã góp phần đẩy lùi các hủ tục, mê tín dị đoan.

Ngành Văn hóa - Thông tin huyện có nhiều cố gắng trong công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc. Vượt qua nhiều khó khăn, Phòng thường xuyên duy trì các buổi chiếu phim phục vụ đồng bào, năm 1964, Phòng tổ chức chiếu được 304 buổi chiếu phục vụ cho khoảng 112.000 lượt người xem. 14 trên tổng số

1. Báo cáo tổng kết công tác dân tộc (1961-1964) của BCHĐB huyện Võ Nhai.

18 xã đã tổ chức được các đội văn nghệ quần chúng, thường xuyên biểu diễn phục vụ nhân dân. Phòng còn cử cán bộ xuống các xã tuyên truyền và tổ chức mạng lưới phát hành sách, báo. Năm 1964, toàn huyện phát hành được 29.000 cuốn sách các loại, vượt chỉ tiêu kế hoạch trên giao. Một số xã tổ chức chòi phát thanh, hằng ngày mang đến cho đồng bào tin tức thời sự thế giới, trong nước và kiến thức khoa học. Từ năm 1962, Võ Nhai đã xây dựng được Nhà Truyền thống, đón khách trong nước và quốc tế đến tham quan.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân được các cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Số giường bệnh và số cán bộ y tế ở bệnh xá huyện hằng năm không ngừng tăng lên, đảm bảo tốt việc khám và điều trị bệnh cho cán bộ và nhân dân trong huyện. Đến năm 1964, Bệnh xá huyện có 1 bác sĩ, 3 y sĩ, 22 cán bộ hộ sinh sơ cấp, 44 giường bệnh. Hằng năm, có hơn 70% số dân trong huyện được tiêm phòng các bệnh sởi, lao, bạch hầu... Các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế được thường xuyên tổ chức. Các trạm xá xã được xây dựng bằng nguồn vốn của Nhà nước và nhân dân đóng góp. Ngoài việc khám, điều trị và phát thuốc chữa bệnh

cho hàng ngàn lượt bệnh nhân, Ngành Y tế huyện còn cử cán bộ đi xuống các xã tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh thôn xóm, thực hiện "Ba sạch", "Ba diệt"¹. Đến năm 1964, toàn huyện có 82% số hộ nông dân làm chuồng trâu xa nhà, đào được 565 giếng nước, làm 1.057 hố xí; 98% số gia đình trong huyện nằm màn và uống nước đun sôi. Tuy vậy, hoạt động của Ngành Y tế huyện trong thời gian này có lúc gặp nhiều trở ngại. Do nhiều hợp tác xã nông nghiệp tan vỡ, nên đến cuối năm 1964, mặc dù số lượng cán bộ y tế tăng lên, nhưng các cơ sở y tế trong huyện không được duy trì. Từ 11 trạm xá xã trong năm 1961, đến năm 1964 chỉ còn 3 trạm xá. Nhiều cán bộ y tế được đào tạo trở về địa phương không hoạt động. Đây là một trong những tồn tại cần được tiếp tục giải quyết trong những năm tới.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và bảo vệ trật tự an xã hội là một nhiệm vụ quan trọng đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện. Năm 1962, Huyện ủy thực hiện thí điểm cải

1. Ba sạch: Ăn sạch, uống sạch, ở sạch.

Ba diệt: Diệt ruồi, diệt muỗi và diệt chuột.

cách dân chủ và bảo vệ trị an nông thôn ở 3 xã Bình Long, Dân Tiến và Quang Sơn. Sau đợt thí điểm, Huyện ủy tổ chức rút kinh nghiệm để nhân rộng ra toàn huyện, ý thức cảnh giác cách mạng của nhân dân được nâng cao. Nhờ đó, các hành vi phá hoại, kích động, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước của địch và các phần tử xấu được phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Trật tự an ninh trên địa bàn huyện được giữ vững.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III: "Làm cho miền núi mạnh mẽ về quốc phòng" Đảng bộ chú trọng lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ. Trong những năm 1961-1964, lực lượng dân quân, tự vệ của huyện được bổ sung từ số bộ đội xuất ngũ về địa phương. Đến năm 1964, lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị của huyện có trên 1.500 cán bộ, chiến sĩ (trong đó 9,9% là đảng viên, 21,1% là đoàn viên). Công tác huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, quân sự cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ được Huyện ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Nhờ đó, kết quả kiểm tra và diễn tập quân sự hằng năm đều đạt chất lượng tốt.

Những thành tích đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội không tách rời công tác xây dựng Đảng bộ

từ huyện xuống đến cơ sở. Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh. Số lượng đảng viên trong Đảng bộ tăng: từ 519 đảng viên năm 1960, lên 574 đảng viên năm 1961, 658 đảng viên năm 1962, 728 đảng viên năm 1963 và 939 đảng viên năm 1964. Tuy nhiên, việc phát triển Đảng không đều trong các xã; có xã 2 năm liền không kết nạp được một đảng viên nào; việc phát triển Đảng trong đồng bào các dân tộc người Dao và Cao Lan còn hạn chế; tỷ lệ đảng viên nữ vẫn rất thấp¹. Đến năm 1964, toàn huyện còn 5 xóm "trắng" chưa có đảng viên.

Nhằm nâng cao chất lượng và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên, hằng năm, ngoài việc cử cán bộ đi học ở Trường Hoàng Văn Thụ, Trường Đảng tỉnh và các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, các lớp bổ túc văn hóa do cấp trên mở, Đảng bộ còn tổ chức học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Khu và Tỉnh. Thông qua đó, trình độ nhận thức và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên trong huyện từng bước được nâng lên. Tuy vậy, trình độ của cán bộ, đảng viên chưa tương xứng với

1. Năm 1964, trong số 939 đảng viên của toàn Đảng bộ, chỉ có 32 đảng viên là người Cao Lan (3,3%), 17 đảng viên là người Dao (1,8%) và 110 đảng viên là nữ (10%).

yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới. Số đảng viên có trình độ đại học rất ít; ngược lại, trong Đảng bộ vẫn còn đảng viên mù chữ, số đảng viên yếu, kém chiếm tới 18,2%. Trong một số mặt công tác, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cán bộ các cấp, các ngành còn bộc lộ nhiều lúng túng. Đây là một trong những nguyên nhân nảy sinh tư tưởng ngại khó, chán nản, mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi, thậm chí có đồng chí trong cấp ủy còn bỏ việc.

Trong những năm 1961-1964, các tổ chức đoàn thể quần chúng tiếp tục được củng cố và phát huy vai trò tích cực đối với mọi hoạt động. Đoàn Thanh niên không chỉ phát huy vai trò xung kích trong các phong trào làm phân bón, thủy lợi, cải tiến công cụ sản xuất, nghĩa vụ quân sự và bảo vệ trật tự trị an, mà còn đi tiên phong trong công tác xóa nạn mù chữ, bổ túc văn hóa, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, Đoàn thanh niên huyện Võ Nhai không ngừng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 1963, Đoàn thanh niên huyện có 96 chi đoàn, 1.262 đoàn viên, hơn 100 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng.

Hoạt động của Hội Phụ nữ huyện cũng có những bước tiến mới. Chị em phụ nữ nông thôn có vai trò

quan trọng trong việc đẩy mạnh sản xuất. Ban Chấp hành Hội Phụ nữ huyện tích cực vận động hội viên áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi gia đình, thực hiện vệ sinh phòng bệnh...

Được sự quan tâm bồi dưỡng của các cấp ủy Đảng, chị em phụ nữ có nhiều cố gắng trong công tác xã hội. Từ năm 1960 đến năm 1964, toàn huyện có 60 chị em tham gia trong bộ máy chính quyền các cấp. Trên các cương vị công tác được giao, chị em đều làm tròn trách nhiệm. Tuy nhiên, trong những năm 1961-1963, do phong trào hợp tác xã giảm sút, nên hoạt động của Hội Phụ nữ huyện cũng gặp nhiều trở ngại, tổ chức Hội ở các xã Văn Lăng, Nghinh Tường hầu như không hoạt động.

Mặt trận Tổ quốc huyện có nhiều hoạt động tích cực, làm tốt vai trò, chức năng giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân trong huyện thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, hoạt động của Mặt trận không đồng đều, có lúc vai trò bị lu mờ.

Trải qua 10 năm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa (1955-1964), Đảng bộ Vĩnh

Nhai đã biết vận dụng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ cấp trên, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Nhờ đó, nhìn chung, các ngành kinh tế của huyện đều có những bước phát triển, đi lên; đời sống của nhân dân trong huyện được cải thiện rõ rệt; trật tự, trị an trên địa bàn huyện được giữ vững.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo của Đảng bộ cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém. Đảng bộ chưa lãnh đạo phát huy được truyền thống và nhiệt tình cách mạng vốn có của nhân dân các dân tộc trong huyện. Do vậy, việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện có nhiều lúc gặp khó khăn. Vai trò lãnh đạo của các chi bộ, đảng bộ cơ sở chưa cao; tính tiên phong gương mẫu của đảng viên có lúc chưa được thể hiện đầy đủ. Tình hình đó đặt ra cho Đảng bộ yêu cầu rất cấp bách là phải nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng để đảm đương vai trò lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG II

LÃNH ĐẠO GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (1-1965 - 4-1975)

I - LÃNH ĐẠO QUÂN, DÂN TRONG HUYỆN VỪA SẢN XUẤT, VỪA CHIẾN ĐẤU ĐẤU ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 3-1968)

Sau ngày huy động máy bay, tàu chiến ném bom, bắn phá nhiều nơi thuộc các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh (5-8-1964), từ tháng 2-1965 đế quốc Mỹ tăng cường dùng không quân và hải quân leo thang mở rộng chiến tranh phá hoại ra nhiều tỉnh, thành miền Bắc. Trên không phận huyện Võ Nhai và các huyện, thành khác trong tỉnh Thái

Nguyên, từ tháng 1 đến tháng 9 năm 1965, hoạt động trinh sát của máy bay Mỹ đã lên tới 221 lần tốp.

Trước tình hình đó, để chủ động đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, Tỉnh ủy Thái Nguyên chỉ thị cho các huyện, thành, cơ quan, đơn vị trong tỉnh "Phải tăng cường công tác phòng không nhân dân; củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân du kích và tự vệ".

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy và triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ V, ngày 20-2-1965, dưới sự chủ tọa của đồng chí Nông Văn Hỏa, Bí thư Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện họp mở rộng tới bí thư đảng ủy, bí thư chi bộ các xã và lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong huyện để xác định nội dung, nhiệm vụ lãnh đạo chủ yếu của Đảng bộ năm 1965 và những năm tiếp theo. Hầu hết bí thư đảng ủy, bí thư chi bộ các xã, lãnh đạo các cơ quan, đoàn thể trong huyện đã tham dự Hội nghị¹. Hội nghị thống nhất đề ra chủ trương:

1. Bí thư đảng ủy, chi ủy các xã: Sảng Mộc, Bình Long, Nghinh Tường và lãnh đạo các cơ quan Huyện đội, Phòng Giáo dục không đến dự Hội nghị.

- "Kịp thời chuyển hướng lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với yêu cầu thời chiến; vừa phải bảo đảm hậu cần tại chỗ cho chiến tranh, vừa phải phù hợp với hướng lâu dài của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đảm bảo vững chắc các yêu cầu thiết yếu về ăn, mặc, học hành và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân các dân tộc trong huyện.

- Tăng cường lực lượng quốc phòng, đảm bảo tuyệt đối an toàn hậu phương, đảm bảo giao thông thời chiến, bảo đảm kịp thời chi viện tiền tuyến tới mức cao nhất.

- Trước mắt, Đảng bộ tập trung lãnh đạo đẩy mạnh công tác chuẩn bị phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tập trung mọi cố gắng lớn nhất vào thực hiện nhiệm vụ trọng tâm chính trị là lãnh đạo khôi phục phong trào hợp tác hóa"¹.

Để chủ động đối phó với tình huống máy bay Mỹ ném bom, bắn phá vào địa bàn huyện, thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, ngày 22-5-1965, Huyện ủy Võ Nhài quyết định thành lập Ban Phòng không nhân

1. Báo cáo tổng kết năm 1965 của Huyện ủy Võ Nhài - Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

dân huyện và Ban Phòng không nhân dân các xã làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức công tác phòng, tránh, đánh địch trên địa bàn huyện. Ban Thường vụ Huyện ủy phân công đồng chí Hoàng Xuân (Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện)¹ làm Trưởng ban và đồng chí Trần Văn Sáng (Huyện đội trưởng) làm Tham mưu trưởng Ban Phòng không nhân dân huyện. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Phòng không nhân dân huyện, Ban Y tế phòng không huyện và Ban Y tế phòng không các xã được thành lập. Đến trước ngày 17-10-1965 (ngày máy bay Mỹ ném bom, bắn phá cầu Gia Bẫy mở đầu chiến tranh phá hoại vào Thái Nguyên), nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện đã đào được 1.830 hầm, hố trú ẩn, 3.735 mét giao thông hào, phòng tránh máy bay địch đánh, phá. Hầu hết các xã trong huyện, nhất là các xã dọc Quốc lộ 1B đã tổ chức được các Đội cấp cứu phòng không gồm các tổ cứu thương, tải thương, đào bồi sập hầm v.v... Ban Y tế phòng không nhân dân huyện mở 2 lớp huấn luyện băng bó, cứu thương cho gần 50 nhân viên y tế phòng không

1. Đồng chí Hoàng Xuân được trên điều về làm Chủ tịch UBHC huyện Võ Nhai từ đầu tháng 4-1965; được Tỉnh ủy chỉ định bổ sung vào Huyện ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy từ ngày 28-5-1965. Trước tháng 4-1965, đồng chí Lục Văn Đủ là Phó Chủ tịch, quyền Chủ tịch UBHC huyện.

các xã và các cơ quan. Ban chỉ huy Huyện đội chỉ đạo các Ban chỉ huy xã đội, Ban chỉ huy tự vệ tổ chức được 42 trận địa trực chiến bắn máy bay địch bay thấp và báo động phòng không, với sự tham gia của 360 cán bộ, chiến sĩ dân quân du kích và dân quân tự vệ.

Thực hiện Nghị quyết ngày 22-5-1965 của Huyện ủy "trong các cấp ủy Đảng, Bí thư phải trực tiếp phụ trách công tác quân sự; trong các Ban chỉ huy xã đội dân quân và Ban chỉ huy tự vệ phải có cấp ủy viên phụ trách; các cán bộ chỉ huy trung đội, tiểu đội phải là đảng viên, tối thiểu phải là đoàn viên", các Ban chỉ huy xã đội, trung đội dân quân, tự vệ được chấn chỉnh, kiện toàn. Hầu hết các Ban chỉ huy xã đội trong huyện đều có cấp ủy viên phụ trách; trong đó Ban chỉ huy Xã đội Phú Thượng được bổ sung thêm một cán bộ nữ. Công tác xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân, du kích và tự vệ được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. "Quần chúng đồng tình hưởng ứng chủ trương đẩy mạnh xây dựng và huấn luyện dân quân du kích của Huyện ủy, nên nhiều bà con đã tự nguyện ủng hộ dân quân du kích huyện tập quân sự từ gạo, gà, trứng, rau, đến việc nấu cơm, nấu nước cho anh chị em luyện tập"¹.

1. Báo cáo tổng kết năm 1965 của Huyện ủy Võ Nhai.

Bằng nhiều chủ trương cụ thể và thiết thực, Đảng bộ Võ Nhai tập trung lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, chi viện chiến trường.

Võ Nhai vốn là một huyện Căn cứ địa Cách mạng, An toàn khu kháng chiến, có Quốc lộ 1B (một tuyến giao thông huyết mạch ở miền Bắc) đi qua; có núi, rừng hiểm trở với nhiều hang, hầm rộng, ẩn sâu vào trong lòng các núi đá vôi, có nhiều kho, bãi tiếp nhận, trung chuyển hàng hóa của các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ cho nước ta từ Lạng Sơn theo Quốc lộ 1B chuyển về, rồi chuyển đi chi viện cho các chiến trường và các tỉnh, thành khác. Là huyện được Tỉnh ủy xác định nằm trong khu vực phòng thủ, Võ Nhai có nhiệm vụ tiếp nhận và đảm bảo nơi ăn, ở, việc làm cho nhân dân và các cơ quan, đơn vị, trường học của Tỉnh, Khu và Trung ương đến sơ tán.

Với vị trí quan trọng đó, Võ Nhai trở thành địa bàn có nhiều mục tiêu đánh phá của máy bay Mỹ. Ngày 16-11-1965, đế quốc Mỹ cho 18 máy bay ném 22 quả bom phá, bắn nhiều loạt đạn rốc két và tên lửa xuống các cầu Mỏ Gà, Suối Cạn, Cầu Rắn và kho thóc Suối Cạn nằm trên địa bàn xã Phú Thượng, làm

chết 10 người, bị thương 24 người, cháy và đổ 17 ngôi nhà; kho thóc Suối Cạn bị phá hỏng, một đoạn Quốc lộ 1B bị hỏng nhẹ. Đây là trận đầu tiên máy bay Mỹ ném bom, bắn phá Võ Nhai, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoặc bằng không quân của chúng vào địa bàn huyện.

Ngay sau khi máy bay Mỹ ném bom xã Phú Thượng, các đồng chí Nông Văn Hỏa (Bí thư Huyện ủy), Hoàng Xuân (Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện), Trần Văn Sáng (Huyện đội trưởng) đã trực tiếp xuống những nơi bị địch đánh phá, lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở giải quyết hậu quả. Các cán bộ y tế xã Phú Thượng nêu cao tinh thần phục vụ, kịp thời cấp cứu, băng bó cho những người bị thương, đưa về bệnh viện huyện điều trị.

Từ sau ngày 16-11-1965 đến hết tháng 4-1966, tuy máy bay Mỹ không trực tiếp đánh phá Võ Nhai, nhưng lại tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời của huyện. Ngày 24-4-1966, 4 tốp, 8 máy bay Mỹ hoạt động trinh sát liên tục trên vùng trời Võ Nhai từ 15 giờ 35 phút đến 15 giờ 42 phút. Tiếp theo, vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 8-5-1966, 4 máy bay Mỹ ném 6 quả bom phá xuống cầu Mỏ Gà và cánh đồng Na Phây (nằm trên địa bàn xã Phú Thượng) mở đầu thời kỳ đánh phá ác liệt xuống địa bàn nhiều xã

trong huyện. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ ở trên địa bàn Võ Nhai (từ ngày 16-11-1965 đến ngày 17-1-1968), "máy bay Mỹ đã ném trên 260 quả bom phá, bom hơi, 10 quả bom bi mẹ, với trên 3.000 quả bom bi con và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống gần 50 điểm nằm trong địa bàn 14 xã trên tổng số 18 xã trong huyện. Mục tiêu đánh phá của máy bay Mỹ ở Võ Nhai đã tập trung vào vùng đông dân cư, vùng trung tâm chính trị của huyện và hệ thống kho tàng, cầu, cống, đường xá dọc Quốc lộ 1B. Bom, đạn Mỹ đã giết hại 33 người và làm bị thương 61 người (phần lớn là người già và trẻ em), nhiều gia súc, gia cầm bị chết, nhiều tài sản, nhà cửa, hoa màu của nhân dân bị phá hỏng"¹. Riêng ngày 1-8-1966, máy bay Mỹ đã đánh phá xã La Hiên 3 trận, ném 14 quả bom phá xuống các khu vực Cầu Quýt, Cây Bòng và Công trường 64 của Quân khu Việt Bắc, làm chết 6 người, bị thương 1 người, phá hỏng 5 ngôi nhà, trong đó tại xóm Cây Bòng, một gia đình có 7 người, thì 5 người bị chết, 1 người bị thương.

Trong điều kiện chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn huyện

1. Báo cáo tổng kết 3 năm chống Mỹ, cứu nước của Huyện ủy Võ Nhai.

ngày càng ác liệt, cộng với hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh liên tiếp xảy ra, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân Võ Nhài phát huy truyền thống của quê hương Cần cù địa cách mạng, An toàn khu kháng chiến, khắc phục khó khăn, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trước tình hình giặc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do, đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"¹.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, thực hiện Nghị quyết 11, Nghị quyết 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ Võ Nhài lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện làm tốt công tác phòng tránh và đánh địch. Hệ thống hầm, hố trú ẩn thường xuyên được làm mới và tu sửa, đảm bảo đầy

1. Hồ Chí Minh: Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội - NXB Sự thật - Hà Nội, 1970, tr. 282, 283.

đu và chắc chắn; công tác sơ tán, phân tán người và tài sản được cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong huyện lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện triệt để, nên đã hạn chế được nhiều sự thiệt hại do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ gây ra. Nếu như năm 1965, máy bay Mỹ chỉ đánh phá Vĩ Nhai 1 trận đã làm cho 34 người bị thương, vong (có 10 người chết), 1 kho thóc bị hư hại, thì năm 1966, số trận đánh phá của máy bay Mỹ tăng gấp 16 lần, nhưng số thương, vong chỉ có 25 người (11 người chết), các cơ quan, đơn vị và kho tàng đảm bảo an toàn.

Nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ chiến đấu và chiến đấu, ngày 1-4-1966, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ra Chỉ thị mở "Cuộc vận động thống nhất các lực lượng dân quân và tự vệ ở các huyện, thành và cơ quan, đơn vị, đảm bảo giữ vững trật tự trị an và sẵn sàng chiến đấu". Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ rõ các huyện, thành và cơ quan đơn vị phải "Tiến hành triển khai công tác xây dựng thống nhất các lực lượng dân quân và tự vệ, đảm bảo đội ngũ dân quân, tự vệ trong sạch về chính trị, vững mạnh về tư tưởng, đảm bảo chất lượng chiến đấu và công tác tốt". Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định rõ: "Dân quân du kích và tự vệ chiến đấu là những đơn vị dân quân, tự vệ tập trung làm nhiệm

vụ trực tiếp chiến đấu và cơ động sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu; lực lượng dân quân du kích nằm trong lực lượng dân quân và lực lượng tự vệ chiến đấu nằm trong lực lượng tự vệ".

Trong hai ngày (13 và 14-5-1966), Ban Thường vụ Huyện ủy mở Hội nghị quán triệt nội dung Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái cho các đồng chí là Bí thư, Chủ tịch, Xã đội trưởng 18 xã và Thủ trưởng 12 cơ quan, đơn vị, cơ sở tự vệ trong huyện. Sau Hội nghị ở huyện, lãnh đạo các xã, cơ quan, đơn vị nhận thức rõ hơn yêu cầu xây dựng, thống nhất các lực lượng dân quân, tự vệ; đồng thời xác định trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị ngày 1-4-1966 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đầu tháng 6-1966, Đảng bộ Võ Nhai triển khai Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái tới hầu hết cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ trong toàn huyện. Các phòng Bưu điện, Thương nghiệp, Giáo dục và cơ quan Ủy ban hành chính huyện là những đơn vị đảm bảo 100% cán bộ, chiến sĩ tự vệ được học tập, quán triệt Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đến ngày 13-7-1966, 100% các xã, cơ quan, đơn vị trong huyện đã hoàn thành việc xét duyệt chính trị, đưa những người không đủ tiêu chuẩn về chính trị ra

khỏi lực lượng bán vũ trang địa phương trong đó, khối các cơ quan đã đưa 49 người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi lực lượng tự vệ. Chất lượng các đơn vị dân quân, tự vệ từng bước được nâng cao. Trong tổng số 368 cán bộ, chiến sĩ tự vệ, có 102 cán bộ, chiến sĩ là tự vệ chiến đấu; 10,66% cán bộ, chiến sĩ tự vệ là đảng viên. Số lượng dân quân chiếm tỉ lệ 14,79% so với dân số (đứng thứ 2 các huyện, thành trong tỉnh); xã Hòa Bình, tỉ lệ dân quân so với dân số đạt 18% (cao nhất huyện). Phụ nữ cũng là một lực lượng quan trọng trong tổ chức dân quân, tự vệ (chiếm 27%); 10 xã trên 18 xã trong huyện có phụ nữ tham gia vào Ban chỉ huy xã đội; toàn huyện có 18 cán bộ trung đội, 93 cán bộ tiểu đội dân quân, tự vệ là nữ. Hầu hết các xã trong huyện đều xây dựng được từ 1 đến 2 tiểu đội dân quân nữ; trong đó, xã Hòa Bình xây dựng được 1 trung đội dân quân nữ, gồm 4 tiểu đội, với 60 cán bộ, chiến sĩ.

Cùng với việc xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh, trong sạch, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ban chỉ huy huyện đội Vĩnh Nhai tổ chức xây dựng và củng cố được 42 trận địa trực chiến phòng không của dân quân du kích và tự vệ chiến đấu, với 360 cán bộ, chiến sĩ tham gia (trong đó, có 7 trận địa của dân quân, du kích các xã Phú

Thượng, Bình Long, Thượng Nung thường xuyên tổ chức trực chiến phòng không từ 6 giờ sáng đến 18 giờ tối; còn các trận địa khác, cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ sẵn sàng trực chiến khi có máy bay địch hoạt động).

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Vĩnh Nhai đã rất kiên cường và dũng cảm. Năm 1966, 1 máy bay Mỹ bị quân và dân ta bắn rơi xuống xã Bình Long, tên giặc lái nhảy dù ra khỏi máy bay, bị quân và dân Vĩnh Nhai lùng sục, vây bắt. 32 cán bộ, chiến sĩ tiểu đội nữ dân quân xã Bình Long và tiểu đội nữ dân quân xã Dân Tiến vừa làm tốt nhiệm vụ hậu cần, vừa trực tiếp vây bắt, truy lùng tên giặc lái máy bay Mỹ. Nữ dân quân Hoàng Thị Kim là một trong những người đầu tiên xông vào bắt tên giặc lái Mỹ. Trong năm 1966, lực lượng dân quân, tự vệ Vĩnh Nhai tham gia 4.673 ngày công xây dựng các trận địa chiến đấu, kéo xe, kéo pháo, vận chuyển kho tàng, lấy củi giúp đỡ bộ đội và sửa chữa cầu, đường đảm bảo giao thông vận tải. Tại xã Phú Thượng lực lượng dân quân du kích tham gia 856 công trực chiến phòng không, xã viên các hợp tác xã đóng góp công điểm trị giá trên 4.000kg thóc, trợ cấp cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích trực chiến. Tháng 1-1968, 1 máy bay Mỹ bị quân và dân ta bắn

rơi tại xã Đoàn Kết (huyện Đồng Hỷ), tên giặc lái máy bay Mỹ nhảy dù xuống xã La Hiên, lập tức bị quân và dân La Hiên bao vây, tóm gọn.

Lãnh đạo đảm bảo giao thông vận tải thời chiến trên địa bàn huyện kịp thời, thông suốt là một trong những nhiệm vụ quan trọng và cũng là thành tích nổi bật của Đảng bộ Võ Nhai trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 3-1968).

Ngày 16-11-1965, máy bay Mỹ ném bom, phá hỏng 1 đoạn đường 1B gần khu vực cầu Suối Cạn. Ban đảm bảo giao thông vận tải huyện, do đồng chí Ma Văn Đỗ (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện) làm Trưởng ban, đã kịp thời huy động 978 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và nhân dân trong huyện ra san lấp hố bom, sau 2 giờ, tuyến đường đã được thông suốt.

Đầu năm 1966, Huyện ủy Võ Nhai ra Nghị quyết về đảm bảo giao thông vận tải chỉ rõ "Kiên quyết giữ vững và đảm bảo giao thông thông suốt, trong bất cứ tình huống nào, kể cả lúc máy bay địch bắn phá. Cấp ủy, chính quyền các xã phải củng cố và thành lập các Đội đảm bảo giao thông, phải chuẩn bị dụng cụ sửa chữa và vật liệu dự trữ để khi xảy ra bất trắc có sử dụng ngay".

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã đã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và các lực lượng dân quân, tự vệ đào được gần 200 hầm, hố trú ẩn ở những nơi gần mục tiêu đánh phá của địch. Nhờ đó, năm 1966, đoạn Quốc lộ 1B nằm trên địa bàn huyện bị máy bay địch đánh hỏng 6 lần, nhưng chỉ sau từ 2 đến 3 giờ đã đảm bảo thông xe. Năm 1967, máy bay địch tiếp tục đánh phá Võ Nhai, chủ yếu là đánh phá Quốc lộ 1B. Đảng bộ đã lãnh đạo đảm bảo tốt giao thông thời chiến, "qua các lần địch đánh phá, nhân dân đều sẵn sàng đóng góp cả nhân lực và vật liệu, san đường, lấp hố bom, nên chỉ sau mỗi trận địch đánh vài ba tiếng đồng hồ là đã đảm bảo thông xe một cách nhanh chóng"¹. Trên mặt trận đảm bảo giao thông thời chiến, nhiều tấm gương tốt xuất hiện. "Chị Lục Thị Ong đang làm nhiệm vụ sửa đường thì máy bay Mỹ đến ném bom làm con chị bị thương, chị đưa con về cho chồng đem đi viện, rồi lại tiếp tục động viên chị em cùng san, lấp hố bom"². "Chị Nông Thị Thoòng, Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ xã Quang Sơn, tuy có 5 con

1. Báo cáo tổng kết năm 1967 của Huyện ủy Võ Nhai.

2. Tổng kết phong trào phụ nữ Võ Nhai 1966 - 1968.

và chồng đi thoát ly, nhưng vẫn khắc phục khó khăn, bản thân vừa gương mẫu, vừa tích cực vận động chị em tham gia sửa chữa đường, đảm bảo giao thông vận tải"¹. Một trong những thành tích nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai trong việc đảm bảo giao thông vận tải thời chiến thời kỳ 1965 - 1968 là đã đảm bảo tốt việc phục vụ, giúp đỡ bộ đội Trung Quốc sang giúp ta sửa chữa và nâng cấp Quốc lộ 1B. Ngay từ cuối năm 1965, Huyện ủy Võ Nhai đã quyết định thành lập Tổ Ngoại vụ huyện làm nhiệm vụ giúp Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo công tác phục vụ bộ đội Trung Quốc do đồng chí Lục Văn Đủ (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện) làm Tổ trưởng. Tổ Ngoại vụ đã lãnh đạo, chỉ đạo các xã trong huyện huy động 170 người, khai thác gỗ, tre, nứa, lá làm được 30 ngôi nhà ở, nhà kho giúp bộ đội Trung Quốc. Nhân dân các xã trong huyện còn giúp đỡ, cung cấp cho bộ đội Trung Quốc các loại thực phẩm và chất đốt; lực lượng công an, dân quân, du kích, tự vệ trong huyện làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ tốt trật tự, trị an nơi bộ đội Trung Quốc đóng quân.

1. Tổng kết phong trào phụ nữ Võ Nhai 1966 - 1968.

Cùng với việc lãnh nhân dân và đạo các lực lượng vũ trang trong huyện làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến kịp thời, thông suốt, Đảng bộ Vĩ Nhai luôn coi trọng lãnh đạo công tác động viên tuyển quân. Trong 3 năm (1965 - 1967), tính chung toàn huyện, trung bình mỗi năm Vĩ Nhai hoàn thành 98% chỉ tiêu tuyển quân (trong đó, năm 1966 tuyển vượt chỉ tiêu 1%; năm 1967 tuyển đạt 100% chỉ tiêu). Các xã Lâu Thượng, Trảng Xá tuyển quân vượt chỉ tiêu từ 1,35% đến 11%.

Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng bộ trong công tác động viên tuyển quân cũng còn nhiều hạn chế. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng nói chung và giáo dục "Ba sẵn sàng" cho thanh niên, "Ba đảm đang" cho phụ nữ nói riêng còn chưa toàn diện và sâu sắc. Vì vậy, cá biệt có đảng viên là cán bộ Đoàn ở xã Thần Sa chống lệnh gọi nhập ngũ; một số thanh niên ở các xã Bình Long, Thần Sa... nhập ngũ được vài ngày lại đào ngũ về nhà; một số chị, em phụ nữ giữ chồng, giữ con ở nhà, không cho đi bộ đội...

Cùng với việc lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Đảng bộ Vĩ Nhai tập trung lãnh đạo khôi phục và củng cố phong trào hợp tác xã. Lãnh đạo

khôi phục phong trào hợp tác xã là một nhiệm vụ rất khó khăn và nặng nề của Đảng bộ Võ Nhai. Sau 2 năm (1963 - 1964), mặc dù được Trung ương Đảng, Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc, Tỉnh ủy Thái Nguyên trực tiếp giúp đỡ, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nhưng tỷ lệ số hộ nông dân trong huyện vào hợp tác xã cũng chỉ nâng lên được từ 24,4% (đầu năm 1963) lên 31,47% (tháng 10-1964).

Đầu năm 1965, toàn huyện "còn 314 đảng viên nông thôn ở ngoài hợp tác xã (chiếm tỷ lệ 52,15% số đảng viên nông thôn); 84 cán bộ, đảng viên thoát ly, công tác ở Khu và Tỉnh; 95 cán bộ, đảng viên công tác ở huyện có gia đình chưa vào hợp tác xã. Trong số 95 cán bộ, đảng viên công tác ở huyện gia đình ở ngoài hợp tác xã có 4 đồng chí là Huyện ủy viên, 14 đồng chí là trưởng, phó các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở huyện. Bên cạnh đó, việc tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên khai hoang vào giữa thời gian phong trào hợp tác hóa của huyện đang tan vỡ, nên các hợp tác xã khai hoang hoàn toàn độc lập, điều kiện sản xuất khó khăn, phương hướng sản xuất không rõ ràng; cán bộ, đảng viên đưa quần chúng lên khai hoang thì tư tưởng tạm bợ "nghĩa vụ 6 tháng", nên phong trào hợp tác hóa của huyện vốn khó khăn

lại càng khó khăn, phức tạp thêm. Trong Đảng bộ, đội ngũ cán bộ, đảng viên từ huyện xuống cơ sở tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ còn rất nghiêm trọng, nhất là mặt đoàn kết nội bộ, tự tư, tự lợi, thiếu gương mẫu chấp hành chính sách, thoái thác nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lỏng lẻo"¹.

Để đạt được mục tiêu đưa ít nhất 90% số hộ nông dân vào hợp tác xã do Khu và Tỉnh giao, sau Hội nghị Huyện ủy mở rộng đầu năm 1965, Huyện ủy lãnh đạo mở một đợt sinh hoạt chính trị quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V trong toàn Đảng bộ. Qua học tập, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, liên hệ kiểm điểm sâu sắc về trách nhiệm của tập thể và cá nhân, xác định rõ nguyên nhân làm cho phong trào hợp tác hóa giảm sút. Ban Thường vụ Huyện ủy trực tiếp lãnh đạo xã Hòa Bình làm thí điểm việc củng cố phong trào hợp tác hóa để rút kinh nghiệm lãnh đạo toàn huyện. Từ ngày 14 đến ngày 17-2-1965, Ban Chấp hành Đoàn thanh niên huyện Võ Nhai, tổ chức Hội nghị liên hoan tổng

1. Báo cáo công tác tư tưởng của Đảng bộ Võ Nhai từ tháng 10-1964 đến tháng 6-1967 - Tài liệu lưu tại Văn phòng Huyện ủy Võ Nhai.

kết phong trào thanh niên tham gia sản xuất, xây dựng và củng cố hợp tác xã; động viên đoàn viên, thanh niên xung kích, đi đầu trong phong trào cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Các đồng chí Thượng tướng Chu Văn Tấn, Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc; Doanh Hằng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên; Lục Văn Đủ, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Võ Nhai đã đến dự và nói chuyện với Hội nghị, đã động viên và kêu gọi thanh niên Võ Nhai phát huy truyền thống của quê hương Căn cứ địa cách mạng, An toàn khu kháng chiến, đẩy mạnh sản xuất, xung kích tham gia xây dựng hợp tác xã, tham gia dân quân, du kích, tự vệ và tuần tra, canh gác, bảo vệ trật tự, trị an.

Nhằm tăng cường việc lãnh đạo khôi phục, củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa, Huyện ủy ra Nghị quyết số 51 về vận dụng đường lối giai cấp của Đảng vào việc xây dựng phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai; Nghị quyết số 52 về việc vận dụng các chính sách hợp tác xã của Đảng vào hoàn cảnh Võ Nhai; nghị quyết 57 về xử trí đối với những cán bộ, đảng viên quá lạc hậu, không vào hợp tác xã. Thực hiện các Nghị quyết trên, Ban Thường vụ Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo cấp ủy các xã rà xét, có biện pháp giáo dục, động viên và xử lý cụ thể đối với từng cán bộ,

đảng viên gia đình không vào hợp tác xã. Đối với các cán bộ, đảng viên công tác ở các cơ quan huyện có gia đình chưa vào hợp tác xã, Ban Thường vụ Huyện ủy chủ trương cho về giáo dục, động viên, vận động gia đình vào hợp tác xã; đến hết tháng 10-1965 mà vẫn chưa giáo dục, động viên được gia đình vào hợp tác xã thì huyện sẽ cho tạm thời nghỉ việc, không hưởng lương. Các đồng chí Hoàng Xuân (Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBHC huyện), Lục Văn Đủ (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Phó Chủ tịch UBHC huyện) đã trực tiếp gặp gỡ, giao nhiệm vụ giáo dục, động viên gia đình vào hợp tác xã cho một số cán bộ, đảng viên ở các cơ quan Dân, Chính, và Phòng Giáo dục huyện.

Có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát của Trung ương, Khu ủy Việt Bắc, Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ ngày 1-7-1965 là Tỉnh ủy Bắc Thái) và quyết tâm cao của Ban Chấp hành Đảng bộ mà trước hết là Ban Thường vụ Huyện ủy, Võ Nhai đã nâng tỷ lệ số hộ nông dân vào hợp tác xã từ 31,47% (tháng 10-1964) lên 75,75% (tháng 6-1965). Tháng 12-1965, toàn huyện có 81,4% số hộ nông dân vào hợp tác xã (hụt 8,6% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ 5 đề ra). Nếu tính riêng số hộ nông dân ở địa phương

(không tính số hộ trong 18 hợp tác xã khai hoang), tỷ lệ số hộ nông dân vào hợp tác xã toàn huyện đạt 78,46%. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ khôi phục, củng cố phong trào hợp tác xã, năm 1965, Đảng bộ Võ Nhai đã xét và thi hành kỷ luật cảnh cáo toàn Ban Chi ủy xã Thượng Nung và xã Nghinh Tường; khai trừ khỏi Đảng 4 đảng viên, lưu Đảng 3 đảng viên, cảnh cáo 11 đảng viên, cách chức 1 đảng viên và xóa tên khỏi danh sách 21 đảng viên chính thức, 2 đảng viên dự bị. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy, nên về cơ bản đã khắc phục được tư tưởng hữu khuynh, buông trôi lãnh đạo ở một số cấp ủy, chi bộ trong Đảng bộ.

Nhằm phát huy những thành tựu mà Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Võ Nhai đã đạt được trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, khôi phục, củng cố và phát triển phong trào hợp tác xã, từ ngày 28-6 đến ngày 3-7-1966, tại hang Nà Kháo (xã Phú Thượng), Đảng bộ Võ Nhai tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VI với sự có mặt của 86 đại biểu chính thức, thay mặt cho 960 đảng viên ở các chi, đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ huyện. Đại hội khẳng định "Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung

ương Đảng và Hồ Chủ tịch, của Khu ủy và Tỉnh ủy, trong gần 20 tháng gian khổ phấn đấu củng cố và khôi phục các phong trào, nhất là phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai đã có nhiều cố gắng lớn trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V và các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Các phong trào của huyện đã có những chuyển biến cơ bản, đang có những nhân tố mới tiến lên với khí thế mạnh mẽ. Toàn huyện đã có trên 86% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Đời sống nhân dân các dân tộc trong huyện ngày càng được bảo đảm, ý thức làm nghĩa vụ đối với Nhà nước ngày càng tốt hơn. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa chính trị và kinh tế của huyện". Về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ hai năm 1966, 1967, Đại hội ra Nghị quyết chỉ rõ "Bất kỳ trong tình huống nào cũng quyết tâm củng cố và giữ vững phong trào hợp tác xã nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn ngày càng vững chắc".

Tại Đại hội, Thượng tướng Chu Văn Tấn, Bí thư Khu ủy và đồng chí Nguyễn Việt Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái đã phát biểu ý kiến chỉ đạo, nhấn mạnh "Đảng bộ phải nắm vững trọng tâm công tác

của Đảng bộ là lãnh đạo sản xuất và chiến đấu; mọi công tác của Đảng bộ phải xoay quanh lãnh đạo hai công tác trọng tâm đó. Phải đưa chất lượng hợp tác xã lên cao hơn; phải mở rộng quy mô, đưa hợp tác xã lên cấp cao để có đủ điều kiện đưa sản xuất lên cao. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu phải tổ chức và phát động dân quân, du kích và tự vệ bắn máy bay Mỹ; học võ để bắt phi công và bảo vệ cơ quan, kho tàng, giữ gìn trật tự, trị an". Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VI gồm 21 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết do đồng chí Nông Văn Hỏa làm Bí thư, đồng chí Hoàng Xuân làm Phó Bí thư. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí. Đồng chí Lâm Văn Thơ được Ban Thường vụ Huyện ủy phân công làm Ủy viên Thường trực.

Ngày 8-7-1966, Huyện ủy Võ Nhai họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ủy viên và quyết định thành lập Ban chỉ đạo tác chiến làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện phục vụ chiến đấu và chiến đấu, do đồng chí Bí thư Huyện ủy trực tiếp làm Trưởng ban phụ trách chỉ huy chiến đấu, đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện phụ trách hậu cần.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, Huyện ủy Võ Nhai họp với Bí thư, Chủ tịch các xã, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể của huyện để bàn nội dung, biện pháp đẩy mạnh xây dựng hợp tác xã cấp cao. Cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong huyện đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho xã viên; trực tiếp đi xuống các hợp tác xã chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc về đất 3 sào, ruộng 5% và trâu, bò chưa công hữu... đảng ủy, chi ủy, Ủy ban hành chính nhiều xã đã lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã giải quyết tốt việc điều hòa, ăn chia, phân phối sản phẩm và xây dựng phương hướng sản xuất. Cuối năm 1966, toàn huyện có 3.341 hộ nông dân vào hợp tác xã, tăng 191 hộ so với năm 1965; nếu trừ 368 hộ người Dao, thì số hộ nông dân trong huyện đã vào hợp tác xã đạt tỷ lệ 90,1%. Quy mô hợp tác xã cũng lớn hơn trước, từ 127 hợp tác xã được hợp nhất lại thành 69 hợp tác xã; bình quân mỗi hợp tác xã có 49,4 hộ xã viên, trong đó Hợp tác xã Liên Thành (xã Tràng Xá) có tới 175 hộ, Hợp tác xã Thành Đồng (xã La Hiên) 110 hộ. Đặc biệt, 2 xã Hòa Bình và Thượng Nung đã xây dựng được hợp tác xã quy mô toàn xã. Trong số 69 hợp tác xã nông nghiệp, có 76,1% là hợp tác xã bậc cao, với 3.099 hộ

gia đình xã viên (chiếm 92,7% số hộ đã vào hợp tác xã). Năm 1966, Đảng bộ còn lãnh đạo xây dựng mới được 1 hợp tác xã của đồng bào Dao ở xã Liên Minh gồm 16 hộ xã viên và 1 hợp tác xã của đồng bào Dao ở xã Quang Sơn gồm 21 hộ xã viên. Hầu hết các xã trong huyện (trừ các xã Dân Tiến, Phương Giao và Bình Long) đã tổ chức xong việc xen ghép các hợp tác xã của đồng bào khai hoang với các hợp tác xã ở địa phương.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, quản lý của đội ngũ cán bộ các hợp tác xã, năm 1966, Huyện ủy lãnh đạo mở 5 lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho 153 cán bộ Ban Quản trị, 113 kế toán, 49 kỹ thuật viên và 10 cán bộ quy hoạch thủy lợi hợp tác xã.

Từ đầu năm 1967 đến ngày đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (31-3-1968), Đảng bộ Võ Nhai lãnh đạo tốt việc khôi phục, củng cố và giữ vững phong trào hợp tác xã. Số hộ nông dân vào hợp tác xã đạt tỷ lệ 83,39% (tháng 3-1968), trong đó có 95,63% số hộ ở trong các hợp tác xã bậc cao. Toàn bộ các hợp tác xã trước đây bị tan vỡ đã được khôi phục, đồng thời xây dựng được thêm các hợp tác xã của đồng bào Dao ở xóm Kẹ (xã Liên Minh) của đồng bào Cao Lan ở các

xóm Đồng Giông, Khuôn Vạc (xã Quang Sơn), xóm Mong (xã Văn Lăng), Đồng Mây, Đồng Luông (xã Tân Long), Đồng Ân (xã Tràng Xá), Đồng Rã, Mỏ Mũng (xã Dân Tiến)...

Tuy chưa đạt được chỉ tiêu do Khu và Tỉnh giao nhưng trong điều kiện chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn huyện ngày càng ác liệt, những kết quả trên đây đã khẳng định quyết tâm và sự cố gắng vượt bậc của Đảng bộ, trước hết là của Huyện ủy Vĩnh Nhi đối với nhiệm vụ lãnh đạo đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, trong hơn 3 năm (1965 - 3-1968), Đảng bộ Vĩnh Nhi còn lãnh đạo xây dựng được các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp (may mặc, nón lá, bánh kẹo, chữa xe đạp, cắt tóc v.v...), thu hút hầu hết các hộ tiểu thương và thợ thủ công trên địa bàn huyện tham gia; đến tháng 3-1968, toàn huyện có 15 xã trên tổng số 18 xã đã xây dựng được hợp tác xã mua bán.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã của huyện cũng còn nhiều khó khăn: Cơ sở vật chất của các hợp tác xã còn quá nghèo nàn, năng suất cây trồng không cao; quản lý sản xuất, quản lý tài chính và việc phân phối sản phẩm trong các hợp tác xã còn

nhiều lúng túng. Trong khi đó, trình độ và năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên từ huyện xuống cơ sở còn nhiều hạn chế. "Trong một số chi bộ, tổ đảng, đảng viên chưa biết cách lãnh đạo hợp tác xã, nên một số nơi hợp tác xã còn gặp nhiều khó khăn"¹.

Trong sản xuất nông nghiệp, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (mở rộng) đầu năm 1965, xác định là một nhiệm vụ "trung tâm, thường xuyên và là một ngành kinh tế quan trọng bậc nhất"².

Với nhận thức ấy, Huyện ủy đề ra phương châm "lấy thâm canh tăng năng suất cây trồng và tăng diện tích cấy lúa chiêm là chính". Vụ chiêm 1964 - 1965, toàn huyện cấy được 1.202 mẫu Bắc Bộ (vượt chỉ tiêu tỉnh giao 91 mẫu); vụ chiêm 1965 - 1966, cấy được 1.944 mẫu (tăng 178 mẫu so với chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao); năng suất đạt bình quân 501kg/mẫu (tăng 7,5% so với năm 1965 và đạt 94% kế hoạch). Vụ chiêm 1966 - 1967, tuy Ban Thường vụ Huyện ủy đã có phương hướng chỉ đạo cấy tăng diện tích ngay từ đầu vụ, nhưng do tình hình hạn hán kéo

1. Báo cáo đánh giá công tác 3 năm 1965 - 1968 của Huyện ủy Vĩnh Nhai.

2. Báo cáo tổng kết năm 1965 của Huyện ủy Vĩnh Nhai.

dài, nhiều xã không có nước cấy, thời tiết rét đậm, mạ bị chết hoặc không phát triển được, các hợp tác xã và nhân dân ở các xã Cúc Đường, Quang Sơn thiếu mạ cấy. Trong khi đó, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện chưa thật sát sao. Các đồng chí Huyện ủy viên được phân công phụ trách các xã chưa làm cho cấp ủy và chính quyền cơ sở chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức đối với sản xuất vụ Đông - Xuân. Nhiều xã còn trông chờ vào thiên nhiên hoặc vào máy bơm của Nhà nước. Các xã Tràng Xá, Thượng Nung được Nhà nước cấp máy bơm, nhưng việc tổ chức bơm nước không kịp thời. Các biện pháp giữ nước, điều hòa và sử dụng nước của các xã và hợp tác xã còn yếu, do đó toàn huyện chỉ cấy được hơn 1.503 mẫu (đạt 93% kế hoạch tỉnh giao và 75,76% kế hoạch của huyện); năng suất lúa bình quân đạt 91% kế hoạch (bằng 100% chỉ tiêu năng suất lúa vụ Đông - Xuân 1965 - 1966).

Từ đầu vụ Đông - Xuân 1967 - 1968, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ từ các khâu gieo mạ, làm đất, làm phân bón, thủy lợi. Các hợp tác xã cùng với các hộ nông dân cá thể trong huyện đã gieo được 46.682kg thóc giống, đảm bảo đủ mạ cấy cho khoảng 2.000 mẫu ruộng. Do điều kiện thời tiết diễn biến

phức tạp, đầu vụ hạn hán nặng, giữa vụ lại bị giá rét kéo dài làm chết lụi tới 207 mẫu lúa chiêm, nên toàn huyện chỉ có 1.092 mẫu được thu hoạch (đạt 57,5% kế hoạch diện tích và bằng 70,7% diện tích lúa chiêm vụ Đông - Xuân 1966 - 1967).

Trước tình hình khó khăn do thiên nhiên gây ra, Ban Thường vụ Huyện ủy kịp thời lãnh đạo chuyển hướng sản xuất, tăng diện tích cấy lúa xuân lên 241 mẫu và đẩy mạnh trồng ngô, khoai, sắn để bù đắp cho diện tích lúa chiêm bị hụt. Nhằm khắc phục khó khăn do không đạt được chỉ tiêu diện tích, Ban Thường vụ Huyện ủy phát động các hợp tác xã đẩy mạnh phong trào thi đua chăm bón để tăng năng suất lúa chiêm xuân. Tuy vậy, kết quả còn hạn chế, năng suất lúa vụ Đông Xuân 1967 - 1968 bình quân toàn huyện chỉ đạt 484kg trên một mẫu Bắc Bộ (bằng 86,6% năng suất lúa vụ Đông Xuân 1966 - 1967).

Nguyên nhân dẫn đến kết quả vụ Đông - Xuân 1967 - 1968 không đạt được chỉ tiêu cả về diện tích, năng suất và sản lượng, ngoài yếu tố khách quan do thiên tai và chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ gây ra, còn do công tác giáo dục chính trị tư tưởng từ huyện xuống cơ sở, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng chưa thật toàn diện, chưa làm cho quần chúng

thấy hết tâm quan trọng của sản xuất lương thực đối với tiền tuyến. Ở một số xã, xã viên chưa thật gắn bó với hợp tác xã, Ban quản trị hợp tác xã quản lý lao động không tốt, dẫn đến tình trạng nông dân ở các xã Tràng Xá và Phương Giao gieo mạ không cấy, bỏ cho trâu ăn. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch chưa chặt chẽ, biện pháp thiếu cụ thể. Tuy Huyện ủy có nghị quyết phân công các ngành phụ trách xã, nhưng việc tổ chức thực hiện của các ngành trong huyện còn nhiều lúng túng, bị động; việc kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên, chưa sâu sát cơ sở, nên chưa chủ động giúp các xã giải quyết khó khăn...

31 Trong sản xuất lương thực ở Võ Nhai, sau lúa là ngô. Năm 1965, toàn huyện trồng được 2.871 mẫu ngô (vượt chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao 30,2%). Năm 1967, diện tích trồng ngô ở Võ Nhai tăng 16,6% so với năm 1965 và bằng 94,5% kế hoạch. Ngoài lúa và ngô, việc trồng khoai lang cũng được Đảng bộ Võ Nhai quan tâm lãnh đạo. Từ năm 1965 trở về trước, cây khoai lang chỉ được nhân dân trong huyện trồng trên đất đồi, bãi là chủ yếu. Từ năm 1966, nhằm hạn chế nạn phá rừng, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân đưa cây khoai lang xuống trồng ở đất ruộng. Trong hai năm 1966, 1967, toàn huyện trồng được 1.337 mẫu khoai lang trên đất ruộng.

Sản xuất vụ mùa trong 3 năm (1965 - 1968) ở Võ Nhai cũng gặp nhiều khó khăn do thiên tai và địch họa. Đầu vụ mùa năm 1965, Huyện ủy triệu tập Hội nghị mở rộng gồm toàn bộ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, đảng ủy, chi ủy các xã, Chủ nhiệm các hợp tác xã để bàn nội dung, biện pháp thâm canh, tăng năng suất lúa và hoa mầu. Hội nghị thống nhất đề ra 3 biện pháp chủ yếu:

- Một là: cày, bừa, cấy, trồng đảm bảo đúng thời vụ và đúng kỹ thuật.

- Hai là: tăng cường lượng phân bón các loại.

- Ba là: tích cực làm thủy lợi, đắp bờ giữ nước, đảm bảo đủ nước tưới cho lúa và hoa mầu.

Triển khai các biện pháp thâm canh tăng năng suất lúa và hoa mầu do Hội nghị đề ra, các hợp tác xã Hích, Đồng Cầu (xã Hòa Bình) đã tận dụng các nguồn phân chuồng, phân xanh, đảm bảo bón bình quân 4 tấn phân các loại cho 1 mẫu ruộng cấy lúa (vượt 1 tấn so với chỉ tiêu của huyện đề ra).

Trạm Vật tư Nông nghiệp huyện cung ứng kịp thời cho các hợp tác xã 32 tấn 435kg phân đạm, 1 tấn 470kg phân lân và hàng chục tấn vôi. Một số hợp tác xã trong huyện triển khai cấy thí điểm được 33 mẫu lúa tăng sản (trung bình mỗi hợp tác xã cấy được từ

3 sào đến 1 mẫu). Trên các ruộng cấy lúa tăng sản, việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật được đẩy mạnh, nên năng suất thu hoạch cao hơn nhiều so với ruộng cấy lúa bình thường. Đáng chú ý là nhân dân các xã Dân Tiến cấy lúa tăng sản đạt năng suất bình quân 820kg/mẫu (tăng 270kg/mẫu so với ruộng cấy lúa bình thường), Liên Minh đạt 1.133kg/mẫu (tăng 333kg/mẫu), Tràng Xá đạt 1.053kg/mẫu (tăng 453kg/mẫu), Vũ Chấn đạt 1.000kg/mẫu (tăng 300kg/mẫu) v.v...

Vụ mùa năm 1965, khi lúa đang phát triển tốt, thì 40% diện tích lúa mùa tại các xã Dân Tiến, La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá xuất hiện sâu cuốn lá và các bệnh bạc lá, vàng lá, làm cho cây lúa chết lụi dần, lúa trở bông gié ngắn, hạt lép. Đến khi lúa sớm làm đòng, lúa muộn phát triển thì lại bị hạn hán kéo dài hơn một tháng làm cho cây lúa ở những chân ruộng cạn không phát triển được. Do vậy, năng suất vụ mùa giảm sút nghiêm trọng (bình quân chỉ đạt 560kg/mẫu, so với chỉ tiêu tăng năng suất tỉnh giao hạt 344kg/ha), tổng sản lượng lúa đạt 4.597 tấn (hạt 1.103 tấn so với chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao).

Các loại cây hoa màu (khoai lang, khoai sọ, sắn, đậu, đỗ các loại), do "trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, các hợp tác xã nông

nghiệp còn coi nhẹ, không giao chỉ tiêu kế hoạch, cũng như không có biện pháp chỉ đạo cụ thể, nhiều xã không giao chỉ tiêu sản xuất cho các hợp tác xã, cho các hộ nông dân cá thể, ai thích thì trồng, ai không thích thì thôi, phần lớn các hộ gia đình nông dân cá thể và các hộ xã viên trồng tự phát¹, nên kết quả đều đạt thấp so với chỉ tiêu kế hoạch cả về diện tích và năng suất (diện tích trồng khoai lang, khoai sọ đạt 75 ha/chỉ tiêu 100 ha; sắn đạt 148 ha/chỉ tiêu 260 ha; đậu đỗ các loại đạt 67 ha/chỉ tiêu 70 ha; năng suất nhìn chung chỉ đạt từ 65% đến 70%, có loại chỉ đạt 20% kế hoạch). Diện tích trồng cây công nghiệp cũng chưa đạt chỉ tiêu: Mía đạt 95%, đỗ tương đạt 36%, lạc đạt 91%.

Từ năm 1966, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn Võ Nhai ngày càng ác liệt. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết phát động phong trào thi đua "Vụ mùa thắng Mỹ", đề ra quyết tâm "Bất cứ tình huống khó khăn nào cũng phải tập trung lực lượng cày, cấy kịp thời vụ".

1. Báo cáo tổng kết năm 1965 của Huyện ủy Võ Nhai - Số 65 - 27-12-1965.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy, các hợp tác xã có các cánh đồng ở dọc Quốc lộ 1B và gần các mục tiêu máy bay địch thường đánh, phá đã tổ chức cho xã viên tranh thủ cây, cấy vào chiều tối và những đêm sáng trăng. Phần lớn các xã trong huyện đảm bảo cấy, cấy kịp thời vụ, xong trước ngày 30-7-1966. Để đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất lúa, toàn huyện cấy được 38,7 mẫu ruộng tăng sản (có 26,2 mẫu cấy thẳng hàng, 16,5 mẫu cấy giống lúa có năng suất cao), trung bình mỗi hợp tác xã trong huyện cấy được từ 5 sào đến 1 mẫu lúa tăng sản, trong đó Hợp tác xã Bình Tiến (xã Bình Long) cấy được 1 mẫu 7 thước ruộng tăng sản, thu hoạch đạt năng suất 1.100kg/mẫu, tăng 400kg/mẫu so với ruộng cấy bình thường. Ở các thửa ruộng cấy lúa tăng sản, nhiều biện pháp kỹ thuật được áp dụng. Phong trào thi đua làm phân bón ruộng do Huyện Đoàn Thanh niên và Huyện Hội Phụ nữ phát động được đẩy mạnh và mang lại nhiều kết quả tốt. Riêng vụ mùa 1966, toàn huyện làm được 16.478 tấn phân chuồng, 114,6 tấn phân xanh, 1.907 tấn phân bùn. Phòng Vật tư Nông nghiệp huyện cung ứng cho các hợp tác xã được 10.542kg phân đạm, 800kg phân phốt phát và 16.168kg vôi bột; bình quân mỗi mẫu Bắc Bộ, các hợp tác xã đã bón 1.810kg phân các loại.

Các xã Hòa Bình, Thượng Nùng bón bình quân 2.400kg phân các loại cho một mẫu Bắc Bộ (cao nhất huyện). Ngược lại, xã Phương Giao bình quân 1 mẫu Bắc Bộ chỉ bón được 800kg phân (thấp nhất huyện).

Trong hoàn cảnh chiến tranh phá hoại ác liệt, Huyện ủy chỉ thị cho cấp ủy Đảng và chính quyền các xã "phải tập trung mọi lực lượng vào thu hoạch vụ mùa đảm bảo nhanh gọn, chống lãng phí, rơi vãi ngoài đồng, dùng mọi phương tiện gặt đập, gặt lượm mang về sân đập, gặt phân tán tránh sự oanh tạc của máy bay Mỹ". Thực hiện chỉ thị của Huyện ủy, các hợp tác xã Xuân Thu (Quang Sơn), Lai Thành (La Hiên), Tiên Phong (Phú Thượng) động viên lực lượng tập trung ra đồng gặt, mang lúa về sân đập. Kinh nghiệm Hợp tác xã Tiên Phong (xã Phú Thượng) gặt lúa đưa về sân, lấy trực lẫn lúa đạt năng suất lao động cao hơn so với đập lúa đã được phổ biến trong toàn huyện, nên phần lớn các hợp tác xã đảm bảo việc thu hoạch nhanh, gọn. Vụ mùa năm 1966, năng suất thu hoạch bình quân 554kg thóc/mẫu (1.541,3kg/ha), đạt 96% chỉ tiêu; tổng sản lượng thóc đạt 4.757.618kg (giảm 48.704kg so với vụ mùa năm 1965). Nguyên nhân làm cho vụ mùa 1966 không đạt được chỉ tiêu kế hoạch cả về năng suất và sản lượng lúa là do "... khi lúa vào đứng cái và có đồng thì hạn hán kéo dài, tiếp theo là bệnh vàng lụi,

sâu tim; khi lúa chín lại bị sâu cắn dé phá hoại. Riêng bệnh vàng lụi nặng mất 304 mẫu, hạn nặng mất 926 mẫu (trong đó có 421,9 mẫu bị mất trắng). Hợp tác xã Xuất Tác (xã Phương Giao) mất trắng trên 40 mẫu¹. Các loại cây hoa màu (ngô, khoai, sắn...) cũng không đạt chỉ tiêu kế hoạch cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích trồng ngô chỉ đạt 2.420 mẫu (chỉ tiêu tỉnh giao 3.611 mẫu), năng suất bình quân đạt 268kg/mẫu (hạt 212kg/mẫu so với chỉ tiêu).

Vụ mùa năm 1967, Võ Nhai tiếp tục gặp khó khăn do thiên tai và dịch họa gây ra. Mặc dù cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong huyện có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, nhưng diện tích cấy lúa vụ mùa toàn huyện cũng chỉ đạt 90,9% kế hoạch, năng suất lúa chỉ đạt 80,3% chỉ tiêu tỉnh giao.

Trong điều kiện có rất nhiều khó khăn về thiên tai, dịch họa, hơn 3 năm (1965 - 3-1968), Đảng bộ Võ Nhai cố gắng tập trung lãnh đạo, nên sản xuất cây lương thực của huyện có nhiều tiến bộ hơn trước; nổi bật là việc đẩy mạnh sử dụng phân bón, tăng diện tích, nhất là khâu đưa màu xuống ruộng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI

1. Báo cáo tổng kết năm 1966 của Huyện ủy Võ Nhai.

(6-1966); hệ số quay vòng sử dụng đất tăng từ 1,33 lần (năm 1965) lên 1,44 lần (năm 1967). Tuy nhiên, sản xuất cây lương thực, thực phẩm của huyện tăng chậm, "không đáp ứng được nhu cầu phục vụ đời sống nhân dân và sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước"

Cùng với việc trồng cây lương thực và hoa màu, từ năm 1965, các cấp ủy Đảng và chính quyền từ huyện xuống các xã bước đầu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chăn nuôi gia súc. Cho nên, "năm 1966 chăn nuôi gia súc trong các hợp tác xã có tiến bộ hơn so với các năm trước. Các hợp tác xã đã khoanh vùng các đồi cỏ để chăn nuôi trâu, bò; đã chú ý đến việc che, chắn chuồng trại để che gió chống rét cho trâu, bò. Tình trạng xã viên tự do bán trâu, bò của hợp tác xã đã được ngăn chặn"¹. So với năm 1965, năm 1966, đàn trâu của huyện tăng 2,66% và đàn bò tăng 13,2%; đến cuối năm 1967, đầu năm 1968, đàn trâu tăng 5,1%, đàn bò tăng 14,1%. Tuy nhiên, ý thức chăn nuôi trâu, bò của nhân dân trong huyện còn hạn chế. Ở các xã Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc..., cứ sau mỗi vụ gặt, bà con thường thả rông trâu, bò phá hoại hoa màu. Chỉ tính riêng xã Nghinh Tường, đàn

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1966 của Huyện ủy Vĩnh Nhai.

trâu, bò thả rông đã phá hoại diện tích gieo 400kg thóc giống vụ chiêm.

Chăn nuôi lợn nhìn chung không đạt chỉ tiêu kế hoạch. Năm 1965, đàn lợn thịt hụt kế hoạch 1.155 con; năm 1966, đàn lợn tuy tăng hơn so với năm 1965, nhưng so với chỉ tiêu kế hoạch, đàn lợn thịt chỉ đạt 81,5% và đàn lợn nái mới đạt 74,1%. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do dịch bệnh xảy ra ở các xã Phú Thượng, Bình Long, Phương Giao, Hòa Bình..., làm chết nhiều lợn.

Do chăn nuôi gia cầm (chủ yếu là gà, vịt) chỉ phát triển khá tốt trong các hộ gia đình xã viên ở các hợp tác xã khai hoang, nên năm 1966, tổng đàn gia cầm của huyện giảm so với năm 1965, không đạt chỉ tiêu mỗi hộ có từ 15 đến 20 con gà, vịt do Đại hội Đảng bộ huyện tháng 6-1966 đề ra. Năm 1966 tuy diện tích ao, hồ nuôi, thả cá giảm gần 10 mẫu so với năm 1965, nhưng số cá thả tăng gần 81.000 con (do thả xuống ruộng); sản lượng cá thu hoạch đạt 2.185kg (có 634kg cá nuôi, thả ở ruộng).

Nhìn chung, "sự lãnh đạo của Đảng bộ giữa trồng trọt và chăn nuôi trong hơn 3 năm (1965 - 3-1968) còn mất cân đối. Tuy gần đây Huyện ủy có ra được nghị quyết về chăn nuôi, nhưng sự chỉ đạo cụ thể chưa có gì. Đàn trâu, bò có tăng, nhưng còn chậm; tỷ

lệ trâu già, trâu yếu cao, tỷ lệ trâu sinh sản thấp. Các xã Lâu Thượng, Phú Thượng còn thiếu cả trâu cày, hằng năm phải tìm mua ở các nơi khác về. Đàn lợn tuy có tăng chậm về đầu con, nhưng trọng lượng thì giảm sút nghiêm trọng, giống thiếu và chất lượng kém. Đàn trâu, đàn lợn của huyện có chiều hướng thoái hóa. Đây là những tồn tại khá nghiêm trọng trong phong trào chăn nuôi của huyện, ảnh hưởng không nhỏ đến thâm canh cây trồng"¹.

Thủy lợi được coi là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng năng suất cây trồng. Ngay từ năm 1965, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các hợp tác xã trong huyện đã huy động 70.300 công lao động làm thủy lợi; đào, đắp 4.923 mét khối đất, đá để xây dựng các hồ chứa nước. Ủy ban hành chính huyện cung cấp cho các xã 36.300kg xi măng để xây các kè, cống giữ nước và dẫn nước. Các xã Hòa Bình, Tân Long, Dân Tiến, Liên Minh hoàn thành đào, đắp 5 hồ chứa nước nhỏ, đảm bảo nước tưới cho 80 ha ruộng lúa cấy 2 vụ.

Đầu năm 1966, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ra chỉ tiêu công tác thủy lợi phải đảm bảo nước tưới cho

1. Báo cáo tổng kết công tác tư tưởng của Đảng bộ Vĩnh Nhai 10-1964 - 6-1967.

493 ha lúa chiêm và 1.094 ha lúa mùa; phải khai thác tốt tất cả các công trình thủy lợi đã có. Thực hiện chủ trương này, "năm 1966 nhân dân trong huyện đã làm thủy lợi bằng cả 2 năm 1964, 1965 cộng lại"¹. Toàn huyện đã huy động 63.299 công lao động, đào, đắp 28.544m³ đất, khai thác 2.167m³ đá, đổ 13m³ bê tông, đào, đắp được 14 hồ chứa, sửa chữa 40 đập ngăn, lắp đặt 14 máy bơm nước, đảm bảo cung cấp nước tưới cho 235,9 ha lúa chiêm, 1.077 ha lúa mùa (đạt 98,3%). Ngoài các xã Hòa Bình, Tân Long, Dân Tiến, Liên Minh có phong trào làm thủy lợi khá từ những năm trước, năm 1966 huyện có thêm xã Thượng Nung và Hợp tác xã Tiên Phong (xã Phú Thượng) có phong trào thủy lợi khá. Nhân dân xã Thượng Nung đã tham gia 6.000 công làm thủy lợi (trung bình mỗi lao động chính đóng góp 60 công); xã viên Hợp tác xã Tiên Phong (xã Phú Thượng) đắp bờ vùng, làm mương tưới, mương tiêu nước, đảm bảo đủ nước tưới lúa 2 vụ cho 180 ha ruộng.

Bước sang năm 1967, hưởng ứng phong trào "Toàn Đảng, toàn dân ra quân làm thủy lợi" do Ban Thường vụ Huyện ủy phát động, từ ngày 1 đến ngày 15-1-1967, cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, hội viên

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1988 của Huyện ủy Võ Nhai.

phụ nữ, học sinh các cấp II, III ra đồng đắp đập, đắp bờ giữ nước, đào, đắp mương, phai dẫn nước vào đồng. Đảng bộ xã Phú Thượng lãnh đạo huy động được 1.138 người (bao gồm cả nhân dân và cán bộ các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn, giáo viên và học sinh các trường cấp II và cấp III) đào, đắp được 1 con mương dẫn nước dài 1.403 mét; xã Cúc Đường làm được 1 con mương dài 700 mét.

Phong trào thủy lợi của huyện năm 1967 tuy phát triển hơn năm 1966, nhưng tốc độ tăng chậm. Hạn chế này là do một số cấp ủy, chính quyền xã và cán bộ các ngành chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò quan trọng của công tác thủy lợi, chưa thấy được làm thủy lợi là biện pháp hàng đầu để thâm canh tăng năng suất, tăng vụ lúa và hoa màu. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện chưa chặt chẽ, thiếu cụ thể, tỉ mỉ, sự tham gia đóng góp của các ngành trong huyện vào công tác thủy lợi còn yếu, "Phòng thủy lợi tuy có cố gắng, nhưng chưa thực sự chủ động làm tham mưu cho Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện trong việc khảo sát, thiết kế, thi công, chuẩn bị nguyên, vật liệu đảm bảo cho các công trình thủy lợi"¹.

1. Báo cáo năm 1967 của Huyện ủy Võ Nhai.

Lâm nghiệp là một trong những thế mạnh của huyện Võ Nhai. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI ra Nghị quyết xác định "phát triển lâm nghiệp là con đường làm giàu của huyện. Phải hết sức coi trọng vai trò, vị trí của nghề rừng". Tiếp đó, Nghị quyết 52 của Huyện ủy cũng đặt vấn đề kết hợp khai hoang và bảo vệ rừng. Tuy nhiên, do chưa quán triệt sâu sắc và đầy đủ các Nghị quyết trên của Huyện ủy, các cấp ủy Đảng và chính quyền trong huyện coi nhẹ công tác lãnh đạo, chưa có biện pháp chỉ đạo cụ thể, nên hàng năm đều không đạt chỉ tiêu về khai thác, tu bổ, trồng rừng. Nạn phá rừng làm nương, rẫy, nạn chặt cây bừa bãi để lấy gỗ diễn ra khá phổ biến và nghiêm trọng ở nhiều xã; trong đó nổi lên là các xã: Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Phú Thượng và Tràng Xá...

Trong những năm 1965 - 1968, sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp còn nhiều hạn chế. Tuy đã thành lập được một số hợp tác xã thủ công nghiệp (các ngành may mặc, cắt tóc, sửa chữa xe đạp, vận tải xe trâu, gia công bánh, kẹo...), nhưng "Các cấp bộ Đảng từ huyện xuống cơ sở chưa xác định được đúng đắn phương hướng mục tiêu phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp ở địa phương, do đó sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp của huyện phát triển chậm, chưa

đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và phục đời sống nhân dân"¹.

Mặc dù sản xuất và đời sống còn gặp nhiều khó khăn, nhưng nhân dân các dân tộc Võ Nhai đã có nhiều cố gắng thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Năm 1965, nhân dân Võ Nhai bán thịt lợn hơi cho Nhà nước vượt chỉ tiêu trên giao 5.565kg (10,11%); trong đó các xã Dân Tiến vượt 71,4%, Tràng Xá vượt 42,1%, Hòa Bình vượt 74,6%, Thượng Nung vượt 49,4%, La Hiên vượt 22,8%, Phú Thượng vượt 10,5%. Đạt được kết quả này là do "Các chi ủy, đảng ủy, chi bộ đã nhận rõ tầm quan trọng của việc thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước; cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành, tích cực, vận động, giáo dục nhân dân thực hiện nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước; có nhiều biện pháp kiên quyết đối với những phần tử buôn lậu, chống chính sách, vận động nhân dân tiết kiệm trong mua, bán, cưới xin, giỗ chạp..."².

Tuy nhiên, bên cạnh những điển hình tiên tiến trên, cũng còn một số xã chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch

1. Báo cáo tổng kết công tác tư tưởng trong 3 năm 1965 - 1967 của Huyện ủy Võ Nhai.

2. Báo cáo tổng kết năm 1966 của Huyện ủy Võ Nhai, tr. 9.

bán thịt lợn hơi cho Nhà nước (so với chỉ tiêu, các xã Phương Giao mới hoàn thành 17,66%, Quang Sơn 28,5%, Vũ Chấn 33,4%, Văn Lãng 16,1%, Nghinh Tường 36,4%). Ở các xã này, cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng "Không làm tốt khâu giáo dục tư tưởng, nhất là tư tưởng trong Đảng, trong Đoàn. Có chi bộ hơn 10 đảng viên, nhưng mới có 2 - 3 đồng chí bán lợn cho Nhà nước. Các đảng viên không bán lợn cho Nhà nước đều lấy lý do làm nhà, cưới vợ cho con, trả nợ..., thậm chí có đồng chí mổ lợn đem bán chợ đen, hoặc đổi lấy thóc. Mặt khác, ở các xã này tệ nạn xã hội phát triển, có đám ma, đám cưới làm cỗ hết 300kg thịt lợn; có đảng viên gả chồng cho con gái thách cưới 100kg thịt lợn. Trong khi đó cấp ủy, chi bộ ở các xã này lại hữu khuynh, không có biện pháp lãnh đạo, giáo dục kịp thời, kiên quyết"¹.

Công tác thu mua lương thực năm 1966 so với năm 1965 có nhiều chuyển biến, tiến bộ. Đến cuối tháng 12-1966, các hợp tác xã và các hộ nông dân cá thể trong huyện đã nhập kho cho Nhà nước 541.987kg thóc, (gồm thuế, nghĩa vụ, khuyến khích và thu nợ). Toàn huyện bán cho Nhà nước 8.117kg

1. Báo cáo tổng kết năm 1966 của Huyện ủy Võ Nhai, tr. 9.

thịt lợn hơi, 8.350kg thịt trâu, 640kg gà vịt và 377kg đường phen. Các xã Hòa Bình, Văn Lãng và các Hợp tác xã Tiên Phong, Hùng Sơn, La Phài, Đồng Mỏ, Cao - Phạt - Lâm (xã Phú Thượng), Na Cà, Na Rang (xã Vũ Chấn), Đồng Tiến (xã Cúc Đường) hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực năm 1966 đối với Nhà nước.

Năm 1967, do hạn nặng kéo dài, huyện bị mất mùa lớn, tổng sản lượng lương thực bị giảm 82.587kg so với năm 1966, đời sống của nhân dân trong huyện gặp nhiều khó khăn. Trong nhiều xã và hợp tác xã, mức bình quân lương thực đầu người chỉ đạt dưới 10kg/tháng. Tình hình đó đã ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm của huyện đối với Nhà nước. Đến hết tháng 2-1968, toàn huyện mới nhập kho Nhà nước được 317.944kg thóc, 1.199kg ngô, đạt 51,5% chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1967.

Trong đạn, bom ác liệt của chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra, Đảng bộ vẫn lãnh đạo giữ vững và phát triển các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa xã hội.

Trong hơn 3 năm (1965 - 3/1968), Ngành Giáo dục phổ thông của huyện Võ Nhai "phát triển cả về số

lượng và chất lượng; công tác bồi dưỡng văn hóa hoàn thành được chỉ tiêu, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất".

Năm học 1966 - 1967, thầy và trò các trường phổ thông cấp I, cấp II các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Trảng Xá, La Hiên... và Trường cấp III Vĩnh Nhi phải dạy và học trong điều kiện sơ tán có nhiều khó khăn, thiếu thốn về mọi mặt. Quán triệt Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy: "Cần phải khắc phục khó khăn trong điều kiện sơ tán phòng không để nâng cao chất lượng dạy và học", được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, Ngành Giáo dục Vĩnh Nhi tiếp tục phát triển về số lượng và giữ vững chất lượng. Số học sinh phổ thông các cấp từ 3.776 em (năm học 1964 - 1965), tăng lên 4.918 em (năm học 1966 - 1967). Trong năm học 1966 - 1967, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp cấp I đạt 88,11%, cấp II đạt 89,88%, cấp III đạt 95,25%; số học sinh đi thi học sinh giỏi cấp I đoạt 2 giải nhất về toán, 2 giải nhất về văn; cấp II đoạt 2 giải nhất, 2 giải nhì; kết quả thi chuyển cấp của học sinh cấp I đứng thứ ba, cấp II đứng thứ nhì và cấp III đứng thứ nhất trong số các huyện, thành trong tỉnh.

Ngành bồi dưỡng văn hóa tuy có chuyển biến hơn những năm trước, nhưng còn chậm. Đến năm 1967, huyện mới hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch bồi dưỡng văn

hóa 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Hạn chế này là do cấp ủy và chính quyền các cấp chưa chú ý giải quyết những khó khăn về giáo viên và phương tiện giảng dạy, chưa có các biện pháp tích cực để duy trì, củng cố và động viên phong trào bồi dưỡng văn hóa.

Quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân, Huyện ủy chủ trương: "Mở rộng việc xây dựng các trạm xá xã để phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân. Các bệnh viện, bệnh xá cần đề cao trách nhiệm phục vụ bệnh nhân. Y tế phòng không nhân dân phải phục vụ tốt cho chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ". Đến cuối năm 1966, ngoài bệnh viện huyện ở Đình Cả và trạm xá huyện ở La Hiên, các xã: Bình Long, Dân Tiến, Trảng Xá, Liên Minh và Cúc Đường đã xây dựng được trạm xá; trong huyện còn 3 xã Vũ Chấn, Văn Lăng, Thượng Nung trắng về y tế, không có cán bộ, nhân viên y tế và hộ sinh hoạt động; 10 xã còn lại tuy chưa có trạm xá, nhưng đã có cán bộ, nhân viên y tế và hộ sinh làm việc khi tiêm chủng, cấp cứu phòng không và đỡ đẻ cho nhân dân. Công tác y tế phòng không 2 năm 1966, 1967 có nhiều chuyển biến tích cực. Dưới sự chỉ đạo của Ban Y tế phòng không nhân dân huyện, Ban Y tế phòng không các xã tổ chức tuyên truyền về công tác y tế phòng không cho 4.676 lượt người,

chuẩn bị dự phòng được 45 tủ thuốc phòng không (mỗi tủ thuốc trị giá từ 100 đồng đến 400 đồng). Sau mỗi trận máy bay Mỹ ném bom, bắn phá, cán bộ, nhân viên Ban Y tế phòng không nhân dân huyện và cán bộ, nhân viên Ban Y tế phòng không nhân dân các xã đã kịp thời có mặt tại hiện trường, cấp cứu và đưa người bị nạn về bệnh viện huyện cứu chữa.

Ngoài việc khám, chữa bệnh cho nhân dân, cấp cứu người bị nạn do máy bay Mỹ đánh phá, trong những năm trực tiếp chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 3-1968), Ngành Y tế huyện còn hoàn thành tốt nhiệm vụ khám tuyến nghĩa vụ quân sự, phục vụ đặc lực cho công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ (phát hành sách báo, chiếu bóng, Hội diễn văn nghệ, thông tin tuyên truyền) và thể dục, thể thao cũng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, nên phong trào luôn được giữ vững và có mặt phát triển tốt.

Nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ đặc biệt quan tâm và có chiều hướng chuyển biến tốt. Việc phát triển Đảng được duy trì thành nền nếp thường xuyên. Trong hơn ba năm (1965 - 3/1968),

Đảng bộ kết nạp được 278 đảng viên mới. Trong số 278 đảng viên mới, có 57% ở tuổi thanh niên, 20,76% là phụ nữ. Số đảng viên của Đảng bộ tăng từ 938 đồng chí (năm 1965) lên 1.044 đồng chí (quý I/1968). Các cấp ủy Đảng từ huyện xuống cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn đủ số lượng và không ngừng tăng lên về chất lượng qua các kỳ Đại hội.

Đi đôi với việc phát triển Đảng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao trình độ lý luận và nhận thức chính trị cho cán bộ và đảng viên được đẩy mạnh. Đảng bộ liên tục mở các đợt học tập các Nghị quyết 11, Nghị quyết 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy cho đội ngũ đảng viên. Đấu tranh tự phê bình và phê bình được đẩy mạnh trong Đảng. Nhờ vậy, số đảng viên 4 tốt và đảng viên khá từ 404 đồng chí (năm 1965), tăng lên 651 đồng chí (năm 1966); ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật được nâng lên; những biểu hiện hoang mang, dao động, xin nghỉ công tác, thoái thác nhiệm vụ từng bước được khắc phục. Số đảng viên ở ngoài hợp tác xã từ 409 đồng chí (năm 1964), giảm xuống còn 6 đồng chí (đầu năm 1968), không kể số đảng viên ở xã Nghinh Tường do hợp tác xã bị vỡ tháng 7-1967 và số đảng viên người Dao chưa vào hợp tác xã. Sự đoàn

kết nhất trí trong nội Đảng ngày càng được tăng cường.

Hơn 3 năm (1/1965 - 3/1968), dù gặp nhiều thiên tai, địch họa, Đảng bộ Võ Nhai đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, vừa thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, vừa góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện kịp thời sức người, sức của cho chiến trường. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được phát triển về số lượng, mở rộng về quy mô và căn bản hoàn thành việc xen ghép các hợp tác xã của đồng bào lên khai hoang¹ vào các hợp tác xã tại địa phương. Sản xuất nông nghiệp căn bản được giữ vững và có mặt phát triển tốt. So với năm 1965, năm 1968 năng suất lúa tăng 16,4%, tổng sản lượng thóc tăng 13%, đàn lợn tăng 23%, đàn trâu tăng 5,4%, diện tích ruộng cấy lúa được hệ thống thủy lợi đảm bảo nước tưới tiêu vụ chiêm tăng 3,56%, vụ mùa tăng 6,21%. Sự nghiệp giáo dục, y tế

1. Đầu năm 1965, huyện Võ Nhai tiếp nhận 774 hộ (3.429 nhân khẩu) lên khai hoang, tổ chức thành 11 hợp tác xã khai hoang (trong đó có 4 hợp tác xã trung bình và 3 hợp tác xã kém). Trong số 3.429 nhân khẩu lên khai hoang, có 149 đảng viên, 375 đoàn viên.

được phát triển về số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng. Việc quản lý và phân phối lương thực, thực phẩm, hàng công nghệ phẩm cơ bản đảm bảo được nhu cầu thiết yếu cho mọi đối tượng. Sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ, nhất là trong Huyện ủy được củng cố và giữ vững, do vậy phong trào của huyện tuy có nhiều khó khăn nhưng căn bản vẫn được giữ vững và có mặt phát triển. Hoạt động của các tổ chức quần chúng Thanh niên và Phụ nữ qua các phong trào "Thanh niên 3 sẵn sàng", "Phụ nữ 3 đảm đang" đã góp phần tích cực và xứng đáng vào thành tích chung trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương trên các mặt sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đảm bảo đời sống.

Tuy còn có hạn chế trong công tác lãnh đạo xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở 4 tốt; củng cố phong trào hợp tác xã chưa thật vững chắc; chỉ đạo xây dựng kinh tế địa phương chưa toàn diện, nhưng những thành tích Đảng bộ Võ Nhai lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện đạt được trong hơn 3 năm (1965 - 3-1968) đã giúp cho Đảng bộ có thêm kinh nghiệm để tiếp tục lãnh đạo thắng lợi mọi mặt công tác trong những năm tiếp theo.

II - TIẾP TỤC GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU VÀ TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (4-1968 - 1972)

Do bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc và bị nhiều tổn thất trong cuộc tấn công của quân và dân ta ở miền Nam Tết Mậu Thân, ngày 31-3-1968, đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Cùng với nhân dân các huyện, thành trong tỉnh, nhân dân Võ Nhai được tạm thời sống trong hòa bình.

Tranh thủ thời gian địch ngừng đánh phá, Đảng bộ Võ Nhai tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Thái về: "Phương hướng nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa ba năm 1968 - 1970" và Nghị quyết 175 NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cuộc vận động chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"; đảm bảo cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho các chiến trường, với quyết tâm "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", "Tiền tuyến cần gì, hậu phương có nấy".

Nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trên đây, Đảng bộ đề ra mục tiêu phấn đấu trong ba năm 1968 - 1970:

- Sản xuất nông nghiệp đạt bình quân 4 tấn lương thực, 2 con lợn và 1,4 con trâu, bò trên 1 ha gieo trồng.

- Sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp phải đảm bảo đầy đủ, kịp thời các nông cụ thông thường, một phần nông cụ cải tiến cho nông nghiệp, sản xuất được 30% hàng tiêu dùng ở địa phương.

- Chấm dứt nạn phá rừng; bước đầu "xanh hóa" các đồi trọc.

- Chấm dứt nạn đói giáp hạt, ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào định canh, định cư và đồng bào khai hoang; tất cả các xã phải có trạm xá, có y sĩ và hộ sinh.

- Trong công tác xây dựng Đảng, phải có 2/3 số cơ sở Đảng trong Đảng bộ đạt tiêu chuẩn "4 tốt"; không còn cơ sở Đảng "kém", "nát".

Thực hiện Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị và chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện tiền

tuyển, coi đây "là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định"¹.

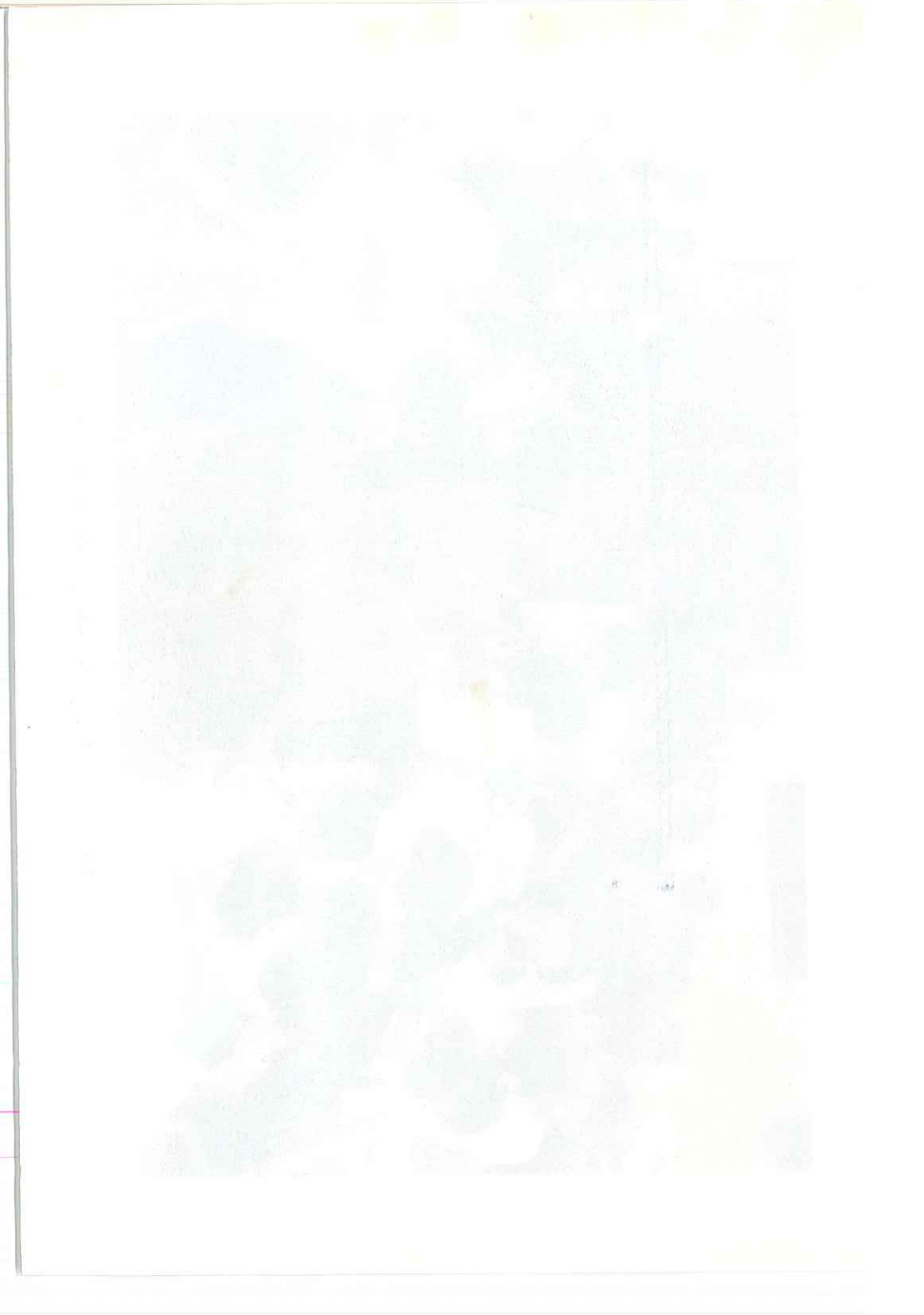
Năm 1968, Võ Nhai được tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân gấp 1,74 lần năm 1965 và gấp 2,11 lần năm 1967. Để hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân, ngay từ đầu năm 1968, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ra Thông tri cho các cấp ủy Đảng cơ sở, các ngành "phải phối hợp làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đảm bảo tuyển đủ quân số, đúng thời gian và chất lượng tốt". Thực hiện Thông tri của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban chỉ huy Huyện đội phối hợp với Ban Chấp hành Huyện Đoàn tổ chức kiểm tra công tác chuẩn bị "Ba sẵn sàng" được 1.150 đoàn viên, thanh niên trong huyện.

Ngày 18-4-1968, Võ Nhai tổ chức giao quân đợt 1, vượt 1,28% chỉ tiêu tỉnh giao; các xã Phú Thượng vượt 46,66% (cao nhất huyện). Lâu Thượng vượt 33,33%, Trảng Xá vượt 20%, Vũ Chấn vượt 6%.

1. Bài phát biểu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại Hội nghị giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành miền Bắc.



Thanh niên Võ Nhai hăng hái lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc



Tiếp đó, tháng 6-1968, Võ Nhai hoàn thành tuyển quân đợt 2 đạt 100% chỉ tiêu; tháng 7-1968, hoàn thành tuyển quân đợt 3 đạt 101,28% chỉ tiêu. Trong tuyển quân đợt 2 và đợt 3 năm 1968, các đoàn viên thanh niên Nguyễn Như Thái, Chu Văn Lâm, Đàm Văn Sáu ở xã Lâu Thượng tuy chưa có lệnh gọi nhập ngũ, nhưng vẫn đến địa điểm giao quân kiên quyết xin đi bộ đội đánh Mỹ. Quý 4/1968, Võ Nhai căn bản hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân đợt 4 và tuyển bù số quân giải quyết chính sách. Qua 4 đợt tuyển quân chính thức và một đợt tuyển bù số quân giải quyết chính sách năm 1968, Võ Nhai đã động viên được 313 con em nhân dân các dân tộc lên đường nhập ngũ, đạt 96,5% chỉ tiêu trên giao (tuy có nhiều cố gắng lãnh đạo, chỉ đạo, nhưng Võ Nhai vẫn là huyện duy nhất của tỉnh Bắc Thái không đạt chỉ tiêu tuyển quân). Nếu tính từ năm 1965 đến năm 1968 toàn huyện đã huy động được 4,16% dân số vào bộ đội. Đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện đã nhận thức được nghĩa vụ và trách nhiệm đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, gương mẫu thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự. Gia đình ông Nông Văn Đại (xã Nghinh Tường) có 4 con đi bộ đội, gia đình ông Nông Văn Vi (xã Nghinh Tường), gia đình ông Ma Văn Cảnh (xã Vũ Chấn) có 3 con đi bộ đội...; các xã: Tràng Xá, Liên Minh, Phú

Thượng, Nghinh Tường, Hòa Bình, Văn Lăng, Dân Tiến và Thượng Nung... đều là những xã điển hình tiên tiến của huyện về công tác động viên tuyển quân. Tuy nhiên, do chiến tranh ác liệt kéo dài, số người hy sinh ở chiến trường báo tử về địa phương ngày một tăng, số thương binh từ chiến trường trở về hậu phương ngày một nhiều, nên đã tác động tiêu cực đến tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Những biểu hiện sợ hy sinh, ngại gian khổ, không muốn đi bộ đội bắt đầu nảy sinh trong một số cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên. Đến năm 1968, toàn huyện đã có 160 người chống lệnh nhập ngũ, trong đó có cả đảng viên. Cá biệt, ở một xã trong huyện, có gia đình cả 2 vợ chồng đều là đảng viên, chồng là Phó Bí thư chi bộ, có 3 con trai, 4 con gái, nhưng đã phát biểu "Lấy con tôi đi bộ đội là một tổn thất lớn đối với tôi, thà mất Đảng thì thôi". Một Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính một xã khác tuy có tới 4 con trai, 4 con gái, nhưng không có một người con nào đi bộ đội. Một đồng chí Đảng ủy viên, Trưởng Công an xã, khi con trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, được gọi đi bộ đội, đã đưa trả lại Xã đội trưởng toàn bộ sổ sách, giấy tờ v.v...¹.

1. Theo Thái Nguyên: Lịch sử kháng chiến chống Mĩ, cứu nước 1954 - 1975 - Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên xuất bản năm 2001.

Nhằm khắc phục các yếu kém, khuyết điểm trên, quán triệt Chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh "Phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân; chỉ đạo chặt chẽ việc đăng ký, thống kê và quản lý quân dự bị để nắm chắc thực lực; khẩn trương triển khai công tác khen thưởng các gia đình quân nhân chống Mỹ, cứu nước, nhằm động viên tinh thần, tư tưởng của quần chúng trước khi tiến hành tuyển quân năm 1969", Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Võ Nhai tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Từ ngày 9 đến ngày 11-1-1969, Đảng bộ huyện họp Đại hội tại cửa hang Nà Kháo (xã Phú Thượng), với sự có mặt của 88 đại biểu chính thức và 8 đại biểu dự khuyết. Đại hội xác định: Đảng bộ huyện được thành lập năm 1946, do đồng chí Đàm Văn Ứng (quê Cao Bằng) làm Bí thư Huyện ủy đầu tiên. Từ ngày thành lập đến năm 1966 Đảng bộ đã tổ chức 10 kỳ đại hội¹. Đại hội ra Nghị quyết chỉ rõ

1. Năm 1947, Đảng bộ tiến hành Đại hội lần thứ I, do đồng chí Nguyễn Vũ làm Bí thư.

Năm 1948, Đại hội Đảng bộ lần thứ II, do đồng chí Thủy làm Bí thư.

Năm 1949, Đại hội Đảng bộ lần thứ III, do đồng chí Bùi Chí Tâm làm Bí thư.

(Xem tiếp trang bên)

nhiệm vụ "Tiếp tục giáo dục để quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, quán triệt sâu sắc quan điểm chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, nâng cao cảnh giác cách mạng, đập tan âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai", "Hoàn thành tốt các đợt tuyển binh, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Thực hiện tốt chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội, thanh niên xung phong và cán bộ đi công tác xa". Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ I gồm 15 đồng chí.

(Tiếp theo trang trước)

Năm 1952, Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, do đồng chí Lê Quang Nhân làm Bí thư.

Năm 1959, Đại hội Đảng bộ lần thứ V, do đồng chí Hoàng Thượng làm Bí thư.

Năm 1960, Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, do đồng chí Lý Văn Phủ làm Bí thư.

Năm 1962, Đại hội Đảng bộ lần thứ VII, do đồng chí Hoàng Minh Chí làm Bí thư.

Năm 1963, Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII, do đồng chí Trịnh Văn Chấn làm Bí thư.

Năm 1964, Đại hội Đảng bộ lần thứ IX, do đồng chí Nông Văn Hòa làm Bí thư.

Năm 1966, Đại hội Đảng bộ lần thứ X, do đồng chí Nông Văn Hòa làm Bí thư.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện họp từ ngày 9 đến ngày 11-1-1969 không bầu Ban Chấp hành Đảng bộ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ (tháng 1-1969), trong những năm 1970, 1971, một số xã trong huyện đã làm tốt công tác tuyển quân tiêu biểu là nhân dân và lực lượng vũ trang xã Cúc Đường được Chính phủ tặng Huân chương Kháng chiến hạng Hai, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Tràng Xá được Chính phủ tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Trong công tác huấn luyện dân quân, tự vệ, năm 1969, Võ Nhai hoàn thành 70% chỉ tiêu huấn luyện dân quân, tự vệ và 27% chỉ tiêu huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ xã đội dân quân và cán bộ trung đội tự vệ. Năm 1970, 100% đơn vị tự vệ và 94% đơn vị dân quân trong huyện đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện; 178 cán bộ dân quân, tự vệ từ tiểu đội đến xã đội trưởng được bồi dưỡng, huấn luyện (đạt 87% chỉ tiêu); trong đó, kết quả huấn luyện cán bộ về chính trị đạt yêu cầu 100%, (có 69% khá, giỏi), về quân sự đạt 100% yêu cầu (có 25% khá, giỏi). Từ năm 1971, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, kiện toàn đội ngũ cán bộ chỉ huy dân quân, tự vệ các cấp từ tiểu đội đến xã đội dân quân và từ trung đội đến đại đội tự vệ.

Lực lượng dân quân, tự vệ được tổ chức và huấn luyện tốt đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an tổ chức tuần tra, canh gác, giữ gìn tốt an ninh, trật

tự trên địa bàn. Nạn cờ, bạc ở các xã Thần Sa, Văn Lăng, Phú Thượng, Liên Minh, Dân Tiến, Bình Long... bước đầu được phát hiện và đẩy lùi.

Vấn đề xây dựng và củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp luôn luôn là một trong những nội dung công tác hàng đầu của Đảng bộ huyện Võ Nhai. Đầu năm 1968, trước tình hình các hợp tác xã ở 2 xã Thượng Nung và Phương Giao có nguy cơ bị tan vỡ, Huyện ủy đã kịp thời đề ra nội dung, biện pháp lãnh đạo, cử cán bộ xuống chỉ đạo củng cố, vận động được một số hộ nông dân ở xã Phương Giao ở lại hợp tác xã. Sáu tháng đầu năm 1968, toàn huyện kết nạp thêm được 23 hộ vào hợp tác xã; thành lập thêm được 1 hợp tác xã của 26 hộ đồng bào Dao ở xã Phú Thượng, đưa tỷ lệ số hộ nông dân trong huyện vào hợp tác xã lên 83,4% (tăng 0,01% so với năm 1967), trong đó số hợp tác xã bậc cao đạt tỷ lệ 92,31%.

Tuy nhiên, do phong trào hợp tác xã của huyện không vững chắc, nên từ cuối năm 1968, đầu năm 1969, nhiều hợp tác xã ở các xã Phương Giao, Nghinh Tường, Thần Sa, Sảng Mộc, Hòa Bình, Tân Long, Tràng Xá... bị tan vỡ. Tỷ lệ số hộ nông dân ở trong các hợp tác xã giảm từ 83,4% (tháng 6-1968), xuống 76,5% (tháng 3-1969), 70,1% (tháng 12-1969) và 53,56% (cuối năm 1970). Cuối năm 1970, toàn huyện

chỉ còn 49 hợp tác xã (trong đó có 8 hợp tác xã, 426 hộ gia đình xã viên có nguy cơ bị tan vỡ). Cuối năm 1971, toàn huyện chỉ còn 26 hợp tác xã, với 19,5% số hộ nông dân.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Võ Nhai giảm sút nghiêm trọng là do:

"- Hoạt động của các hợp tác xã không đảm bảo tính chất và nguyên tắc. Có hợp tác xã đã qua hợp nhất đến 2 lần nhưng vẫn chưa xác định được dứt khoát phương hướng, nhiệm vụ sản xuất, "3 quản", "3 khoán"¹ không làm được, ý thức trách nhiệm và tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ, đảng viên, xã viên các hợp tác xã rất yếu. Công tác giáo dục, động viên tư tưởng không làm thường xuyên, liên tục, người tích cực không được biểu dương, người lười lao động không bị phê bình, kiểm điểm (có gia đình không thiếu lao động nhưng nợ tập thể tới 1.200kg thóc, có gia đình năm nào cũng phải điều hòa tới 4,5 tạ thóc... Ngược lại, có gia đình 2 người đi bộ đội, chỉ

1. Ba quản: Quản lý lao động - Quản lý tư liệu sản xuất - Quản lý ngày công.

Ba khoán: Khoán công (lao động) - Khoán sản lượng - Khoán chi phí.

có 1 lao động chính, nhưng năm nào cũng hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và bán thóc cho Nhà nước). Tất cả những nguyên do dẫn đến năng suất lao động không cao, đời sống nhân dân giảm sút.

- Vấn đề ăn chia, phân phối sản phẩm trong các hợp tác xã lại không rành mạch, dút khoát, dây dưa vụ này sang vụ khác; 3, 4 vụ không thanh quyết toán được; tài sản, công quỹ của hợp tác xã không được kiểm kê, quản lý đầy đủ... dẫn đến vay, mượn nhập nhằng, tham ô, lợi dụng. Có Ban Quản trị hợp tác xã lấy 5 tấn thóc chia riêng cho 31 cán bộ (8 quản trị, 3 kiểm sát, 20 đội trưởng, đội phó); một chi bộ có 27 đảng viên thì đã có tới 9 đảng viên mắc nợ hợp tác xã hoặc tham ô.

- Chủ trương hợp nhất hợp tác xã là đúng, nhưng khi tổ chức thực hiện có một số nơi chưa đủ điều kiện đã hợp nhất, sau hợp nhất lại không được giúp đỡ để đưa hợp tác xã tiến lên.

- Cơ sở vật chất của các hợp tác xã còn nghèo nàn. Có hợp tác xã thành lập 10 năm nhưng chưa có nhà kho, sân phơi; máy móc trên đưa về được một thời gian, hỏng không hoạt động được. Tài sản cố định của hợp tác xã hao hụt dần; đồng ruộng ngày một xấu đi, nông cụ sản xuất ngày càng hư hỏng; xã viên ngoài thu nhập lúa không còn thu nhập thêm được

thứ gì khác, có gia đình xã viên cả gia tài không mua nổi 1 con trâu.

- Việc lãnh đạo của Đảng bộ lại thiếu tập trung, không dứt điểm từng việc; chưa chỉ đạo được một hợp tác xã nào làm ăn tốt để các hợp tác xã khác học tập, noi theo"¹.

Tình trạng các hợp tác xã trong huyện tan vỡ hàng loạt đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội của Đảng bộ. Sản xuất không phát triển, đời sống quần chúng nhân dân gặp nhiều khó khăn, nghĩa vụ đối với Nhà nước không hoàn thành, trật tự trị an không đảm bảo. Vụ xuân năm 1968, diện tích gieo, trồng cây lương thực, thực phẩm chỉ bằng 71,8% vụ xuân 1967; năng suất lúa chỉ đạt 434,2kg một mẫu (bằng 88% năm 1967); tổng sản lượng lúa chỉ bằng 68% năm 1967. Trong những năm 1969, 1970, năng suất lúa, hoa mầu và cây công nghiệp của huyện cũng đều không đạt kế hoạch; trong đó, có một số chỉ tiêu so với năm 1968 bị giảm sút. (Năm 1969, so với năm 1968, năng suất lúa chiêm giảm 11,7%; năng suất lúa xuân giảm 56,6%; năng suất lúa mùa giảm 21,5%; so với chỉ tiêu khoai lang đạt 28,3%, khoai sọ

1. Báo cáo số 02 - 27-10-1970 của BCHĐB huyện Võ Nhai.

đạt 70,5%, sắn đạt 82%, đậu đạt 87,1%, đỗ tương đạt 92,8%, mía đạt 11,1%). Tổng sản lượng lương thực toàn huyện năm 1969 so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra bị hụt 338.933kg. Nguyên nhân, một phần là do thời tiết (vụ chiêm rét đậm kéo dài, cây lúa chậm phát triển; chuẩn bị gieo mạ mùa lại bị hạn hán), một phần là do lãnh đạo, chỉ đạo gieo cấy của các cấp ủy Đảng và chính quyền không kịp thời vụ; nhiều hợp tác xã có nguy cơ bị tan vỡ, cán bộ quản lý lao động không tốt, xã viên không tập trung vào sản xuất, nhiều diện tích lúa chiêm ở xã Thượng Nùng và các hợp tác xã nhỏ thuộc các xã Cúc Đường, Bình Long bị trâu, bò phá hoại.

Cũng như năng suất và sản lượng cây trồng, chăn nuôi gia súc, (trâu, lợn) đều không đạt chỉ tiêu kế hoạch và giảm sút so với năm 1968 (trong đó đàn trâu chỉ đạt 75,9% kế hoạch, giảm 8% so với năm 1968; đàn lợn chỉ đạt 77% kế hoạch, giảm 4% so với năm 1968); riêng đàn bò tăng 46 con so với năm 1968.

Năm 1971, "nhìn chung sản xuất nông nghiệp của huyện cả về trồng trọt và chăn nuôi đều phát triển tương đối tốt"¹. Tổng sản lượng lúa chiêm đạt gần 663 tấn, lúa mùa đạt hơn 6.997 tấn; đàn trâu bò đạt

1. Báo cáo tổng kết năm 1971 của Huyện ủy Vĩnh Nai, tr. 2.

trên 10.600 con; đàn gà, vịt, ngan, ngỗng đạt gần 81.000 con.

Như vậy, sau gần 4 năm kể từ ngày giặc Mỹ tạm ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (31-3-1968 đến hết năm 1971), là một huyện có nhiều tiềm năng về trồng trọt và chăn nuôi, lại trong điều kiện hòa bình, không có đạn, bom tàn phá, lẽ ra sản xuất nông nghiệp của Võ Nhai phải phát triển mạnh cả về diện tích, năng suất và sản lượng, nhưng do sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự chỉ đạo của chính quyền các cấp trong huyện còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, nên phong trào hợp tác xã giảm sút nghiêm trọng: Quản lý lao động không chặt chẽ; ruộng hợp tác xã bỏ hoang, hóa nhiều; hiệu quả sử dụng các công trình thủy lợi thấp; trồng trọt hàng năm đều không đạt chỉ tiêu kế hoạch cả về diện tích, năng suất và sản lượng; chăn nuôi gia súc phát triển bấp bênh.

Tình hình trên làm cho đời sống nhân dân không được cải thiện; việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước cũng gặp nhiều khó khăn. Nếu như năm 1966, toàn huyện nhập kho cho Nhà nước được 665 tấn thóc, thì năm 1969 chỉ nhập kho được 230 tấn (trong đó, xã Thần Sa không có lương thực nhập kho, xã Tràng Xá chỉ nhập được

23kg thóc). Số thịt lợn hơi bán cho Nhà nước cũng giảm từ 76.519kg (năm 1966) xuống còn 28.438kg (năm 1969) và 10.470kg (năm 1970).

Với diện tích 41.459 ha rừng (chiếm tỷ lệ 43% diện tích toàn huyện), trong gần 4 năm (1968 - 1971), Đảng bộ đã bước đầu chú ý đến lãnh đạo sản xuất lâm nghiệp. Đầu năm 1968, Huyện ủy phát động phong trào "Tết trồng cây", được các tầng lớp nhân dân trong huyện hưởng ứng. Riêng học sinh các trường phổ thông trong huyện đã trồng được 7.150 cây các loại. Năm 1969, nhân dân trong huyện trồng được 10.534 cây lấy gỗ và cây ăn quả, tu bổ được 200 ha rừng (đạt 80% kế hoạch). Năm 1970, diện tích rừng được tu bổ tăng 224% so với năm 1969.

Việc khai thác gỗ tròn trong những năm 1969 - 1971 đều vượt mức kế hoạch: Năm 1969 đạt 5.500m³ (vượt 10% kế hoạch và tăng 53,2% so với năm 1968); năm 1970 đạt 4.534m³ (vượt kế hoạch 13%); năm 1971 đạt 5.509,5m³ (vượt 12,5% kế hoạch).

Nhìn chung, việc lãnh đạo sản xuất lâm nghiệp của Đảng bộ trong những năm từ 1969 đến 1971 "chưa được chú ý đúng mức, thu nhập quốc doanh từ sản xuất lâm nghiệp không đạt kế hoạch, việc trồng cây gây rừng quá yếu, không đạt chỉ tiêu, trong khi đó rừng lại bị tàn phá nghiêm trọng. Riêng sáu

tháng đầu năm 1970, toàn huyện đã có tới 360 ha rừng, phần lớn là rừng già và rừng đầu nguồn, bị phát nương, làm rẫy...; có cơ quan, đơn vị tự động khai thác tới hàng trăm mét khối gỗ tròn, hàng vạn cây nứa, vầu để làm nhà, làm cửa mà không xin phép, không nộp thuế lâm sản v.v.., Tại xã Vũ Chấn có tới 78,77% rừng ớt, rừng già đã bị khai thác và phát nương, làm rẫy"¹.

Đối với công tác Tài chính, Ngân hàng, Thương nghiệp kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trong hơn 3 năm (3-1968 - 12-1971) cũng còn nhiều hạn chế: Tình trạng thất thu các loại thuế sát sinh, buôn chuyển và lâm sản vẫn chưa được khắc phục; công tác tài chính thường xuyên không đạt chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm, mặc dù cán bộ chuyên môn của 2 ngành Tài chính và Ngân hàng đã có nhiều cố gắng đi sát cơ sở. Các hợp tác xã tín dụng hoạt động rất yếu cả về huy động vốn và cho vay, thu nợ. Đến cuối năm 1970, các hợp tác xã nông nghiệp còn nợ hợp tác xã tín dụng tới 568.196 đồng.

Ngành Thương nghiệp cả hai khu vực (Nhà nước và các hợp tác xã mua bán) hoạt động đều yếu. "... Tình trạng tham ô, lợi dụng lên tới 40.682 đồng, trung

1. Báo cáo số 02 ngày 27-1-1971 của Huyện ủy Vĩnh Nhai.

bình mỗi vụ tham ô, lợi dụng trên dưới 100 đồng, cá biệt có vụ trên 7.000 đồng và đặc biệt có vụ lên tới 24.000 đồng. Trong số 18 cửa hàng hợp tác xã mua bán xã, các cửa hàng hợp tác xã mua bán các xã Sảng Mộc, Thượng Nung, Nghinh Tường, Phương Giao, Văn Lãng, Thánáa không hoạt động, có nơi tham ô, ăn mất cả vốn"¹.

Công tác văn hóa, giáo dục và y tế trong những năm 1969 đến 1971 vẫn được đẩy mạnh. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân khắc phục được nhiều khó khăn, đưa phong trào phát triển đi lên. Năm 1969, mạng lưới thông tin được mở rộng ở tất cả 18 xã. Năm 1971, Ban Văn hóa - Thông tin đã được thành lập ở 14 xã trong số 18 xã, với 112 cán bộ, nhân viên.

Ngành Giáo dục phổ thông tiếp tục phát triển, đáp ứng được yêu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong huyện. Số lớp ở tất cả các cấp học không ngừng tăng lên: Cấp I tăng từ 114 lớp (1968) lên 130 lớp (1969), 139 lớp (1970), 148 lớp (1971); cấp II tăng từ 21 lớp (1968), lên 23 lớp (1969), 27 lớp (1970), 29 lớp (1971); cấp III tăng từ 4 lớp (1968), lên 5 lớp (1969, 1970, 1971). Đến năm 1971, toàn huyện

1. Báo cáo của BCHĐB tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Nhai lần thứ XI.

có 18 trường cấp I (mỗi xã có 1 trường), 7 trường cấp II và 1 trường cấp III, với 202 giáo viên (có 72 giáo viên nữ), 3.784 học sinh cấp I, 1.062 học sinh cấp II và 165 học sinh cấp III. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn 87 lớp võ lòng, với 2.150 học sinh.

Mạng lưới Y tế tiếp tục được củng cố và phát triển. Năm 1971, toàn huyện có 21 y sĩ, 52 y tá và 11 hộ sinh (trung bình trên 300 người dân có 1 thầy thuốc); bệnh viện huyện có 3 khoa: Nội, Sản và Nhi. Trong số 18 xã đã có 11 xã xây dựng được trạm xá; trong đó, trạm xá các xã La Hiên, Quang Sơn, Liên Minh hoạt động tốt. Mặc dù điều kiện, phương tiện thiếu thốn, nhưng Ngành Y tế huyện có nhiều cố gắng trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Năm 1971, toàn huyện đã có 7.528 người được khám bệnh (có 270 người dân tộc Dao); 1.452 người được điều trị bệnh (có 6 người dân tộc Dao); 150 sản phụ được sinh đẻ ở các cơ sở y tế của huyện, đảm bảo "mẹ tròn, con vuông" và 6.985 người được tiêm phòng bệnh.

Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng được Đảng bộ quan tâm. Từ năm 1968, Đảng bộ tập trung lãnh đạo quán triệt, thực hiện cuộc vận động chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" và tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập tài liệu "Nâng cao đạo đức cách mạng,

quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Huyện ủy đã họp Hội nghị đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ từ ngày giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc đến đầu năm 1971 và ra Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng của Đảng bộ trong thời kỳ mới. Hội nghị Huyện ủy khẳng định: "Trong những năm qua, công tác xây dựng đảng bộ, chi bộ theo yêu cầu "4 tốt", công tác phát triển Đảng và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã được Đảng bộ quán triệt trong các Nghị quyết và Chương trình công tác. Công tác phát triển Đảng đã bước đầu quán triệt được phương hướng phát triển Đảng do Trung ương đề ra. Trong 4 năm qua (1968 - 1971) Đảng bộ đã kết nạp được 336 đảng viên mới, nâng số đảng viên của Đảng bộ lên 1.072 đồng chí". Hội nghị cũng thẳng thắn chỉ rõ: "Trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết và Chương trình công tác của các cấp ủy Đảng còn nhiều thiếu sót. Số đảng viên trong Ngành Giáo dục còn ít¹. Công tác xây dựng Đảng chưa gắn với nhiệm vụ chính trị ở cơ sở một cách thường xuyên. Chi bộ, tổ Đảng, đảng viên không lấy nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất, xây dựng hợp tác xã

1. Năm 1971, trong số 275 giáo viên (202 giáo viên các trường phổ thông, 73 giáo viên các lớp võ lòng) mới có 38 đảng viên.

làm mục tiêu hoạt động cụ thể của mình. Có nơi, hợp tác xã bị tan vỡ, nhưng chi bộ ở đó với hơn 30 đảng viên vẫn coi như không có gì xảy ra. Có đảng viên còn lợi dụng bóc lột sức lao động hoặc tranh chấp đất đai, mua ruộng v.v...

Một số đảng viên, thậm chí có cả cấp ủy viên, tha hóa biến chất, lợi dụng chức, quyền để tham ô, móc ngoặc... Một số cán bộ, đảng viên không gương mẫu chấp hành chính lương thực, thực phẩm và làm nghĩa vụ quân sự, nên không động viên được quần chúng làm theo. Nội bộ một số cấp ủy Đảng cơ sở mất đoàn kết nghiêm trọng, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật và việc thực hiện chế độ sinh hoạt còn yếu. Tất cả các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng bị ứ đọng ở cấp ủy, không xuống đến đảng viên và quần chúng. Bộ máy chính quyền có nơi không hoạt động, dẫn đến tình trạng vô Chính phủ".

"Những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng là nguyên nhân dẫn đến sự trì trệ trên một số mặt công tác của Đảng bộ trong những năm từ 1968 đến 1971".

Bước sang năm 1972, tình hình trong nước có những chuyển biến mới. Sau đòn giáng mạnh của quân và dân miền Nam trong cuộc tiến công chiến lược cuối tháng 3-1972, đế quốc Mỹ âm mưu "Mỹ

hóa" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam; mặt khác, chúng gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc lần thứ hai.

Từ ngày 6-4-1972, máy bay Mỹ ném bom bắn phá một số tỉnh thuộc Khu IV cũ. Ngày 16-4-1972, giặc Mỹ huy động máy bay B.52 ném bom Hải Phòng và máy bay chiến thuật ném bom, bắn phá một số mục tiêu xung quanh Hà Nội. 10 giờ 45 phút ngày 24-5-1972, máy bay Mỹ ném 12 quả bom "tinh khôn" gây tổn thất nặng cho Nhà máy điện Thái Nguyên, Nhà máy phải tạm ngừng sản xuất để tháo gỡ vật tư, thiết bị đưa đi sơ tán. Từ ngày đó (24-5-1972), Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên chính thức bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Thực hiện Chỉ thị ngày 19-4-1972 của Ủy ban hành chính tỉnh và Chỉ thị ngày 20-4-1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng bộ Võ Nhai tập trung lãnh đạo công tác chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Ban chỉ huy quân sự huyện¹ chỉ đạo lực lượng dân quân du kích các xã thành lập các Trạm quan

1. Từ cuối tháng 8-1971, Ban chỉ huy Huyện đội được đổi thành Ban chỉ huy quân sự huyện.

sát phát hiện máy bay địch để báo động phòng không cho nhân dân; thành lập 2 cụm trận địa phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp của dân quân, tự vệ đặt tại xã Phú Thượng và xã Lâu Thượng (gồm 3 khẩu đội súng cao xạ 12,7mm, 3 khẩu đội đại liên của dân quân du kích Võ Nhai và 1 khẩu đội súng máy cao xạ 14,5mm của tự vệ Công trường 16).

Ngoài ra, trên địa bàn huyện Võ Nhai còn có Đại đội 74 (bộ đội địa phương của tỉnh) gồm 9 khẩu đội súng máy cao xạ 14,5mm làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu bảo vệ các trọng điểm giao thông dọc Quốc lộ 1B. Lực lượng dân quân các xã dọc Quốc lộ 1B thành lập các Trạm gác giao thông; trung bình cứ 5km có 1 trạm, làm nhiệm vụ ngăn không cho xe ô tô chạy khi đường không an toàn và thông báo cho lái xe biết khi có máy bay địch hoạt động. Lực lượng dân quân du kích ở một số xã trong huyện còn thành lập được một số trận địa phòng không "tay cày, tay súng", sẵn sàng lên trận địa trực chiến khi có máy bay địch hoạt động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, mọi hoạt động của nhân dân và lực lượng vũ trang Võ Nhai đã dần dần chuyển sang thích ứng với yêu cầu thời chiến.

8 giờ 15 phút ngày 6-10-1972, máy bay Mỹ ném 50 quả bom phá và bom hơi xuống khu vực cầu Mỏ Gà

(nằm trên địa bàn xã Phú Thượng), làm 3 người bị thương và phá hỏng 3 mẫu ngô - mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ trên địa bàn huyện Võ Nhai.

Tiếp đó, các ngày 13, 15, 17-10-1972, máy bay Mỹ đã ném nhiều bom phá, bom hơi xuống các xã Quang Sơn, Thần Sa, Phú Thượng, Lâu Lợng, La Hiến... Nhờ Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt việc vận dụng các kinh nghiệm phòng, tránh trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965 - 1968) và do nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang trong huyện làm tốt công tác chuẩn bị, nên đã hạn chế được tổn thất do máy bay địch đánh phá gây ra. Chiều 13-10-1972, ngay sau khi máy bay địch ném bom xã Quang Sơn, các đồng chí từ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban đến các Ban chỉ huy Xã đội, Công an xã đã kịp thời có mặt để lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết hậu quả. Khoảng 15 giờ chiều 15-10-1972, máy bay địch ném nhiều bom phá xuống khu vực Mỏ Gà (xã Phú Thượng) làm hỏng một phần ba mặt đường Quốc lộ 1B. Để bảo đảm giao thông vận tải kịp thời, thông suốt, Ban bảo đảm giao thông huyện khẩn trương huy động lực lượng dân quân và nhân dân ra san, lấp hố bom, sửa chữa mặt đường; đến 21 giờ cùng ngày (15-10-1972) đã đảm bảo thông xe.

Trong những ngày cuối tháng 12-1972, đế quốc Mỹ huy động 726 lần chiếc máy bay chiến lược B52, 3.884 lần chiếc máy bay chiến thuật, ném khoảng 100.000 tấn bom xuống Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và nhiều tỉnh, thành khác trên miền Bắc. Tại Võ Nhai, đêm 26-12-1972, máy bay F.111A của giặc Mỹ đã ném bom phá xuống khu vực trận địa trực chiến của dân quân du kích xã Cúc Đường.

Với tinh thần chiến đấu dũng cảm và mưu trí, trong 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972, quân và dân ta đã làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", bắn rơi 81 máy bay Mỹ (có 34 máy bay chiến lược B52, 5 máy bay F.111A), bắt sống và tiêu diệt nhiều giặc lái máy bay Mỹ. Ngày 15-1-1973, Chính phủ Mỹ đã phải ra tuyên bố cam kết "Chấm dứt mọi hoạt động quân sự tiến công bao gồm ném bom, bắn trọng pháo và thả mìn" trên lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Trong chiến công chung của quân và dân miền Bắc, có sự đóng góp của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai.

Trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (từ tháng 4 đến tháng 12-1972) Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân Võ Nhai làm tốt việc bảo vệ, tiếp nhận lương thực, vũ khí, phương tiện

chiến tranh do các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ cho nước ta từ Lạng Sơn theo Quốc lộ 1B chuyển về.

Sau khi giặc Mỹ cho máy bay thả 13.000 quả thủy lôi và bom từ trường xuống 43 khu vực cửa sông, hải cảng thuộc 10 tỉnh, thành miền Bắc (tháng 5-1972), Trung ương giao cho tỉnh Bắc Thái tiếp nhận lương thực và hàng quốc phòng từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Hà Bắc theo các Quốc lộ số 3, 1B và đường sắt Kép - Lưu Xá chuyển về, với khối lượng từ 30.000 đến 50.000 tấn một tháng để vừa dự trữ, vừa tiếp chuyển vào chiến trường và các tỉnh trong khu vực.

Để hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao phó, Đảng bộ Võ Nhai đã lãnh đạo nhân dân trong huyện đóng góp được 20.000 cây vầu, cây nứa, hơn 1.000 cây gỗ và hàng nghìn ngày công lao động, làm được một số lán, trại, kho ở các xã Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên đảm bảo chứa được khoảng 20.000 tấn lương thực. Hưởng ứng phong trào "Thanh niên xung kích đảm bảo giao thông vận tải" do Tỉnh Đoàn phát động, Huyện Đoàn Võ Nhai thành lập các "Đội thanh niên xung kích đảm bảo giao thông vận tải" ở các khu vực giao thông trọng điểm trên Quốc lộ 1B đi qua địa bàn huyện. Đội thanh niên xung kích đảm bảo giao thông vận tải Minh Sơn hoạt động tốt, được Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn tặng danh hiệu "Lá cờ

đầu". Trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 12-1972, cùng với huyện Phú Lương và thành phố Thái Nguyên, Vĩnh Nhai đã thực sự trở thành "Cảng nổi" trên cạn tiếp nhận và trung chuyển lương thực, vũ khí, phương tiện chiến tranh chi viện cho chiến trường.

Vừa lãnh đạo quân và dân trong huyện đánh trả máy bay địch, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, Đảng bộ Vĩnh Nhai vừa lãnh đạo tốt 3 đợt tuyển quân chi viện chiến trường. Năm 1972 là năm Vĩnh Nhai có chỉ tiêu tuyển quân lớn thứ tư trong 8 năm tuyển quân (1965 - 1972), sau các năm 1965, 1966, 1968. So với năm 1971, chỉ tiêu tuyển quân 1972 của huyện lớn gấp gần 1,8 lần. Qua 3 đợt tuyển quân năm 1972, Vĩnh Nhai đã huy động được 169 con, em nhân dân các dân tộc trong huyện vào bộ đội, kịp thời bổ sung lực lượng cho các chiến trường.

Trong chiến tranh ác liệt, Đảng bộ kiên quyết lãnh đạo giữ vững nhịp độ sản xuất. Ngay từ đầu năm 1972, Huyện ủy đề ra chủ trương "Tập trung lãnh đạo giải quyết tốt khâu lương thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân và đóng góp cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước"; phải phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể: Tổng sản lượng lúa 8.030 tấn; đàn trâu, bò 11.670 con, đàn lợn 9.930 con; huy động

nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước: Lương thực 750 tấn, thực phẩm 150 tấn (gồm 80 tấn lợn hơi và 70 tấn thịt trâu, bò).

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, "trong điều kiện chiến tranh ác liệt, diện tích cấy, trồng cây lương thực, thực phẩm của huyện vẫn đảm bảo gần bằng năm 1971 là năm có diện tích cấy, trồng cây lương thực, thực phẩm cao nhất kể từ năm 1965"¹. Năng suất lúa đạt trung bình 19,72 tạ thóc trên 1 ha 1 vụ (tăng 0,32 tạ/ha 1 vụ so với năm 1971); tổng sản lượng lúa đạt 7.771 tấn; đàn lợn đạt 9.282 con; huy động lương thực đóng góp cho Nhà nước được 448 tấn thóc (vượt 84 tấn so với năm 1970).

Dù chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra, nhưng những thành tích trong lãnh đạo sản xuất nông nghiệp và thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước năm 1972 là sự cố gắng to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai. Đó cũng là một phần đóng góp của Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai vào thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc, buộc

1. Báo cáo nhiệm kỳ của Huyện ủy Võ Nhai trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI (vòng 2), tr. 3.

để quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27-1-1973), cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; rút hết quân đội viễn chinh, quân chư hầu và các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

III - GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC DỒN SỨC CHI VIỆN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ CỦA TỔ QUỐC (1973 - 1975)

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết là một thắng lợi rất to lớn của quân và dân ta trong gần 20 năm chiến đấu gian khổ và anh dũng; đồng thời đó cũng là một thất bại nhục nhã của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ ý chí xâm lược nước ta. Chúng vẫn duy trì ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu để tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh. Trước mắt, cuộc kháng chiến của nhân dân ta vẫn còn nhiều gian khổ.

Ngày 28-1-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ ta ra lời kêu gọi quân và dân cả nước "Tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hòa bình lâu dài, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc", "biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu thành quyết tâm vượt mọi khó khăn, đẩy mạnh hơn bao giờ hết sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống mới, con người mới".

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy Võ Nhai đã cử cán bộ học tập, nghiên cứu và truyền đạt tinh thần lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ ta cho cán bộ và nhân dân trong huyện, động viên mọi người hăng hái thi đua sản xuất và công tác, tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến.

Tuy là một huyện vùng cao, diện tích đất nông nghiệp chỉ có 4,6% diện tích tự nhiên, bình quân 3 sào/một nhân khẩu (tính đến năm 1973), nhưng trên địa bàn huyện cũng có những cánh đồng rộng hàng trăm héc ta, đất đai tương đối màu mỡ, nếu thâm canh tăng năng suất tốt, sẽ đạt được mục tiêu 5 tấn thóc trên một héc ta.

Xuất phát từ những đặc điểm tự nhiên và xã hội của địa phương, ngay sau ngày Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, Huyện ủy Võ Nhai đã đề ra chủ trương "Tập trung đẩy mạnh sản xuất lương thực và chăn nuôi, phát triển mạnh nghề rừng".

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, từ năm 1973 đến năm 1975, các đảng bộ, chi bộ các xã có nhiều cố gắng lãnh đạo nhân dân thâm canh tăng năng suất lúa và cây trồng. Hầu hết các giống lúa cũ, thoái hóa, năng suất thấp được thay thế bằng những giống lúa mới có năng suất cao. Vụ Đông - Xuân 1974 - 1975, tỷ lệ giống mới được đưa vào cấy trên địa bàn huyện chiếm trên 60% diện tích gieo trồng. Với truyền thống lao động cần cù của nhân dân các dân tộc trong huyện, kết hợp với sự cố gắng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, nên diện tích và năng suất lúa của Võ Nhai những năm 1973, 1974, 1975 tăng dần lên. Từ diện tích gieo, cấy lúa 3.981 ha năm 1973, đến năm 1974, đã tăng lên 4.057 ha; năng suất lúa 1 vụ năm 1973 đạt 20,98 tạ/ha; đến năm 1974 đã tăng lên 22,1 tạ/ha, vượt 0,22 tấn/ha so với mục tiêu do Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (tháng 6-1966) đề ra. So với năm 1969, năng suất lúa năm

1975 tăng 113,8%, tổng sản lượng lương thực tăng 117%.

Chăn nuôi gia súc có chiều hướng phát triển tốt. Đàn lợn tăng từ 8.570 con (năm 1969) lên 10.851 con (năm 1975); đàn trâu tăng từ 8.510 con (năm 1969) lên 11.231 con (năm 1975)¹.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, đối với Võ Nhai, việc củng cố phong trào hợp tác xã là một vấn đề lớn và không đơn giản. Đầu năm 1973, Huyện ủy ra Nghị quyết chỉ rõ "Việc khôi phục các hợp tác xã tan vỡ là nhiệm vụ trung tâm, cấp bách của Đảng bộ. Mọi cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm vận động, giáo dục nhân dân nhận rõ lợi ích của làm ăn tập thể và Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, để mọi người tự nguyện xây dựng lại hợp tác xã".

Tiếp theo, Huyện ủy triệu tập Hội nghị đảng viên toàn huyện bàn về củng cố, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Võ Nhai. Hội nghị đảng viên đợt I họp từ ngày 4 đến ngày 8-12-1973, đợt II họp từ ngày 21 đến ngày 24-12-1973. Toàn bộ đảng viên ở 18 chi, đảng bộ xã, 19 chi, đảng bộ cơ quan trong Đảng bộ huyện đã về

1. Báo cáo của Huyện ủy Võ Nhai nhiệm kỳ 1976 - 1977, tr. 3.

dự Hội nghị. Hội nghị đã nghe đồng chí Việt Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái phổ biến Nghị quyết của Tỉnh ủy về củng cố phong trào Võ Nhai, nêu rõ 10 nhiệm vụ của Đảng bộ huyện và 7 yêu cầu của đảng viên trong toàn Đảng bộ đối với việc củng cố, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Võ Nhai. Hội nghị đã nghe băng ghi âm bài phát biểu của đồng chí Hoàng Quốc Việt tại Hội nghị Tỉnh ủy Bắc Thái bàn về củng cố Võ Nhai; nghe đồng chí Bằng Giang, Chủ tịch Ủy ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc nói về tình hình nhiệm vụ cách mạng mới; nghe đồng chí Chu Văn Tấn, Bí thư Khu ủy chỉ thị:

"Đảng bộ phải lãnh đạo củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp - một con đường nhất thiết phải đi qua để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy bộ máy của huyện phải được củng cố, cán bộ huyện phải giúp được cán bộ xã, cán bộ xã phải giúp được cán bộ hợp tác xã. Tỉnh phải củng cố bộ máy cán bộ của huyện, huyện phải củng cố bộ máy cán bộ các xã đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo tích cực, chí công vô tư và có năng lực". Kết luận Hội nghị, đồng chí Hoàng Bắc Dũng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái chỉ thị "Đảng bộ Võ Nhai tập trung lãnh đạo chấp hành nghiêm chỉnh Chỉ thị của các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Chu Văn Tấn, Bằng Giang và thực hiện tốt

Nghị quyết của Tỉnh ủy, chắc chắn phong trào Võ Nhai sẽ đi lên".

Để thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Chỉ thị của các đồng chí lãnh đạo Trung ương, Khu và Tỉnh, Huyện ủy Võ Nhai chủ trương đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng. Huyện ủy ra Nghị quyết nhấn mạnh: "Từng đảng bộ, chi bộ cơ sở, từng cán bộ, đảng viên phải tiến hành kiểm điểm sâu sắc, xác định được mặt ưu để phát huy, mặt khuyết để sửa chữa, trong kiểm điểm phải đảm bảo đoàn kết. Trên cơ sở kiểm điểm tốt trong nội bộ Đảng, từng chi bộ, đảng viên phải thực hiện tốt việc tự phê bình và phê bình trước các tổ chức quần chúng, phát động quần chúng tham gia công tác xây dựng Đảng". Đảng bộ tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt Nghị quyết 195 và Chỉ thị 192 của Trung ương Đảng về "Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên "Lớp Hồ Chí Minh" và về "Công tác bảo vệ Đảng", Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ. Tháng 3-1974, đồng chí Triệu Kỳ Phay (Thiếu tá - Chỉ huy phó Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái) được trên cử về làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Nông Văn Hỏa đi chữa bệnh. Do việc lãnh đạo triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy của các cấp ủy Đảng từ huyện xuống cơ sở

còn nhiều thiếu sót, ngay "trong Huyện ủy cũng không đến nơi, đến chốn"¹, cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo còn thiếu kiên quyết, hữu khuynh; cá nhân được cấp ủy phân công phụ trách không làm đúng cương vị, chức trách được giao, nên kết quả công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ còn nhiều hạn chế. Kết quả bình xét, phân loại đảng viên năm 1975 ở một số đảng bộ, chi bộ cơ sở trong Đảng bộ, số đảng viên trung bình và yếu kém còn chiếm tỷ lệ khá cao. Đảng bộ xã Quang Sơn trong số 46 đảng viên (trên tổng số 66 đảng viên) được bình xét, phân loại, có 20 đảng viên phấn đấu tốt, 23 đảng viên trung bình, 3 đảng viên yếu, kém. Đảng bộ xã Tràng Xá trong số 58 đảng viên (trên tổng số 86 đảng viên) được bình xét, phân loại, có 17 đảng viên phấn đấu tốt, 31 đảng viên trung bình, 10 đảng viên yếu kém. Chi bộ Dân - Đảng huyện có 27 đảng viên được bình xét, phân loại, có 3 đảng viên phấn đấu tốt, 24 đảng viên trung bình.

"Chi bộ xã Văn Lăng mấy năm nay không sinh hoạt được vì đồng chí bí thư chi bộ bất mãn, nằm ý, không hoạt động; một số đảng viên đánh bạc, bắn mìn không có ai đưa ra kiểm điểm, giúp đỡ. Huyện

1. Báo cáo của Huyện ủy Võ Nhai nhiệm kỳ 1975 - 1977, tr. 3.

ủy phải ra quyết định cách chức bí thư chi bộ, đưa đồng chí khác lên thay. Ở xã Sảng Mộc, đồng chí Bí thư và phó bí thư chi bộ đều thắc mắc về quyền lợi hưởng thụ, phân phối; đồng chí chủ tịch xã tự tư, tự lợi; chi bộ 3 năm không họp được, Huyện ủy phải quyết định thay cả bí thư chi bộ và chủ tịch xã. Ở xã Phương Giao, nội bộ Đảng ủy mất đoàn kết kéo dài nhiều năm, chủ yếu là tiêu cực địa vị, quyền lợi cá nhân. Hội đồng nhân dân xã bầu xong từ tháng 4-1975 đến tháng 8-1975 mới bầu được Ủy ban hành chính xã. Như vậy từ tháng 4 đến tháng 8-1975 xã không có chính quyền..."¹. "Một số cán bộ, đảng viên tư tưởng tự do đến mức không còn đủ phẩm chất của người đảng viên, không sinh hoạt Đảng, không nộp Đảng phí, phát ngôn còn kém hơn cả quần chúng tốt. Một số đảng viên thông qua quần chúng lạc hậu để nói xấu nội bộ, nói xấu đồng chí, gây mất đoàn kết nội bộ Đảng"². Ở các xã Vũ Chấn và La Hiên có đảng viên 3 năm liền không nộp thuế cho Nhà nước... Tình hình này buộc Đảng bộ phải có những biện pháp xử lý kiên quyết. Riêng trong năm 1975, Đảng bộ đã thi hành kỷ luật khai trừ khỏi Đảng 12 đảng viên, xóa tên 2 đảng viên dự bị, lưu Đảng 1 đảng viên và cảnh

1, 2. Báo cáo tổng kết công tác năm 1975 của Huyện ủy Võ Nhai.

cáo 5 đảng viên khác (số đảng viên bị khai trừ, xóa tên và lưu Đảng tương đương với số đảng viên mới được kết nạp năm 1975).

Sự yếu kém trong các tổ chức cơ sở Đảng là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai tiếp tục giảm sút nghiêm trọng. Số hộ nông dân trong hợp tác xã giảm từ 19,5% (năm 1972), xuống còn 6,2% (năm 1973), 5,5% (năm 1974) và 5,1% (năm 1975). Tình hình này cũng tác động xấu đến các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, ảnh hưởng không tốt đến việc lưu thông, phân phối vật tư, hàng hóa trên địa bàn và không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân.

Hoạt động kinh doanh của ngành Tiểu, Thủ công nghiệp trong những năm 1973 - 1975 cũng có nhiều khó khăn. Xí nghiệp Cơ điện và gạch ngói tuy vẫn được giữ vững, nhưng phát triển chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của địa phương. Phần lớn các hợp tác xã May mặc, Cắt tóc, Xe trâu, Sửa chữa đồng hồ, Sửa chữa xe đạp... bị tan vỡ, số hộ phi sản xuất nông nghiệp lại tiếp tục buôn, bán, làm cho việc quản lý thị trường gặp khó khăn...

Tất cả tình hình trên đều là những nguyên nhân làm cho việc huy động lương thực, thực phẩm làm nghĩa vụ đối với Nhà nước ở Võ Nhai trong những

năm 1973, 1974, 1975 đạt kết quả rất thấp so với chỉ tiêu được giao. Từ năm 1973 đến năm 1975, trung bình mỗi năm luyện chỉ huy động được từ 1 tấn đến 3 tấn thịt lợn hơi và trên dưới 10 tấn thịt trâu, bò. Kết quả huy động lương thực cũng chỉ đạt được trên, dưới 50% kế hoạch. Tính từ năm 1975 trở về trước, Võ Nhai còn nợ Nhà nước tới gần 1.200 tấn thóc thuế.

Công tác tuyển quân, chi viện chiến trường tuy là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo nhưng năm 1973, Võ Nhai cũng chỉ tuyển được 96 thanh niên vào bộ đội. Năm 1974, huyện được tỉnh giao tiến hành 2 đợt tuyển quân. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, ngay từ đầu năm, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức Hội nghị quán triệt nội dung, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương nói chung và nội dung, nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác động viên tuyển quân năm 1974 nói riêng cho 77 cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành trong huyện (bao gồm 18 xã đội trưởng, 3 chính trị viên xã đội, 11 bí thư đảng ủy, chi ủy xã, 11 chủ tịch xã, 23 cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Mặt trận, Công an xã và 11 cán bộ các đầu ngành của huyện). Do làm tốt công tác giáo dục, nên kết quả tuyển quân năm 1974 của huyện có khá hơn, toàn

huyện giao quân đạt 96% chỉ tiêu (đứng thứ 10 trong số 13 huyện, thành trong tỉnh Bắc Thái). Các xã Tràng Xá, Lâu Thượng, Tân Long, Văn Lăng, Thượng Nung, Quang Sơn, Phú Thượng là những đơn vị có nhiều cố gắng trong công tác tuyển; xã Tràng Xá tuyển quân vượt chỉ tiêu 25%, được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen.

Công tác củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ trong những năm từ 1973 đến 1975 có nhiều chuyển biến tích cực. 100% Ban chỉ huy xã đội dân quân được củng cố và kiện toàn (trong số 18 xã đội trưởng có 17 là đảng viên, 88% là cấp ủy viên; trong số 18 xã đội phó, có 50% là đảng viên). 16 trên 18 xã (trừ 2 xã Văn Lăng và Dân Tiến) đã kiện toàn được chính trị viên xã đội. Trong số 16 chính trị viên xã đội, có 30% là bí thư đảng ủy, chi ủy hoặc ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, còn lại đều là cấp ủy viên. Lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện đạt tỷ lệ 6,5% so với dân số (chỉ tiêu tỉnh giao là 9,5%); trong đó, các xã Cúc Đường đạt 10,4%, Thượng Nung đạt 10%.

Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ cũng có những chuyển biến tốt. Riêng năm 1974, toàn huyện có 100% cơ sở dân quân, tự vệ triển khai được công tác huấn luyện; 48% dân quân, 62% du kích và 43%

tự vệ được huấn luyện quân sự và chính trị; trong đó các xã Thượng Nung tỷ lệ huấn luyện dân quân đạt 94%, Hòa Bình đạt 68%, Vũ Chấn đạt 64%. Tự vệ Xí nghiệp Cơ khí huấn luyện quân sự đạt 84% quân số, tự vệ các cơ quan Dân - Đảng huấn luyện quân sự đạt 83% quân số. Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức hội thao kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện được 251 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ ở 10 xã trên 18 xã và 7 đơn vị trên 9 đơn vị tự vệ. Nhân dân và các đoàn thể quần chúng trong huyện đã tích cực đóng góp, ủng hộ nhiều rau, củ và công lao động giúp đỡ dân quân, tự vệ huấn luyện. Nhân dân và các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận xã La Hiên đã ủng hộ hội thao huấn luyện của huyện 150kg rau, 10 vác củ và 20 công phục vụ.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác quân sự địa phương vẫn còn nhiều hạn chế. "Một số cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan đoàn thể chưa quan tâm đến công tác quân sự địa phương, còn ỷ lại, khoán trắng cho cơ quan quân sự các cấp". Hội nghị triển khai công tác quân sự địa phương năm 1974 chỉ có 77 cán bộ trên tổng số 176 cán bộ được triệu tập tham dự. Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 1974 cũng chỉ có hai phần ba số cán bộ được triệu tập tham gia. Hội nghị sơ kết quý

3/1974 do Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức chỉ có lãnh đạo chỉ huy của 6 xã và 3 cơ sở tự vệ đến dự. Ngay cả khi Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức kiểm tra, hội thao huấn luyện, tập trung các lực lượng cơ động đến để kiểm tra quân số, vũ khí, trang bị và trình độ kỹ thuật, chiến thuật, có tới 8 xã (Tân Long, Hòa Bình, Thượng Nung, Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thần Sa, Phương Giao), Trung đội dân quân cơ động xã Dân Tiến và 2 cơ sở tự vệ Bách hóa và Lâm trường Võ Nhài không đến tham gia.

Để khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trên, Hội nghị Huyện ủy (mở rộng) họp đầu năm 1975 ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ lãnh đạo công tác quân sự địa phương năm 1975:

1. Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện hùng mạnh, rộng khắp, đảm bảo vững chắc về chính trị, tư tưởng, trong sạch về tổ chức và giỏi về trình độ kỹ thuật, chiến thuật, đủ sức chiến đấu bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn và sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ công tác quân sự do cấp ủy Đảng giao.

2. Xây dựng lực lượng hậu bị hùng hậu, thực hiện tốt việc động viên tuyển quân chi viện cho miền Nam và xây dựng lực lượng vũ trang miền Bắc.

3. Chấp hành tốt các chính sách hậu phương quân đội, giải quyết tốt mọi hậu quả chiến tranh, góp phần cổ vũ tiền tuyến, ổn định hậu phương.

4. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng; giáo dục, động viên lực lượng dân quân, tự vệ làm nông cật, xung kích, đầu tàu, gương mẫu trong lao động sản xuất và giữ gìn trật tự, trị an ở địa phương.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, ngay từ đầu năm 1975, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong huyện đẩy mạnh việc giáo dục, quán triệt cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ âm mưu và hành động phá hoại Hiệp định Pari của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu, thấy rõ nhiệm vụ huy động sức người, sức của chi viện cho miền Nam đánh Mỹ là nhiệm vụ thường xuyên, đồng thời cũng là nhiệm vụ rất cấp bách trong tình hình hiện tại. Đảng ủy, chi ủy xã đã lãnh đạo giải quyết tương đối tốt một số nhận thức tư tưởng lệch lạc, sai trái về tình hình nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam. Nhờ đó, trong 3 đợt tuyển quân đầu năm 1975, các ngành Y tế, Công an, Văn hóa, Thương nghiệp, Giao thông... đã làm tốt công tác khám tuyển, xét duyệt chính trị, động viên tư tưởng, đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện... động viên được anh em tân binh phấn khởi lên đường đánh Mỹ. Qua 3 đợt tuyển quân dồn

dập (đợt I tháng 2, đợt II tháng 3 và đợt III tháng 4-1975), Võ Nhai hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân trên giao. Đây là một thắng lợi rất đáng ghi nhận của Võ Nhai trong công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường. Thắng lợi này đã góp phần cùng với quân và dân trong tỉnh hoàn thành vượt mức 1,8% chỉ tiêu tuyển quân do Quân khu giao, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân gọn, đúng thời gian.

Trải qua hơn 10 năm trực tiếp chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975), Đảng bộ Võ Nhai đã lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện đạt được những thành tích đáng kể trong công tác sản xuất, chiến đấu, huy động sức người, sức của chi viện chiến trường. Qua gần 40 chiến dịch động viên tuyển quân lớn, nhỏ trong hơn 10 năm (1965 - 1975), Võ Nhai đã huy động được hơn 1.700 con, em ưu tú của nhân dân các dân tộc trong huyện lên đường đánh Mỹ¹. Nhiều gia đình cán bộ, đảng viên và nhân dân Võ Nhai đã có từ 3 đến 4 con đi bộ đội. Trong số hơn 1.700 con em Võ Nhai lên đường đánh giặc, nhiều người đã trở

1. Số người nhập ngũ từng năm trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975) của Võ Nhai là: 1965: 179 người; 1966: 333 người; 1967: 148 người; 1968: 313 người; 1969: 66 người; 1970: 75 người; 1971: 94 người; 1972: 169 người; 1973: 96 người; 1974: 58 người và 1975: 154 người.

thành "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt ngụy", "Dũng sĩ diệt xe cơ giới" của địch; gần 400 người đã vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường, được Tổ quốc ghi công là liệt sĩ; hơn 100 người đã để lại một phần máu, xương ở ngoài mặt trận, được Đảng và Nhà nước công nhận là thương binh.

Do làm tốt công tác tuyển quân 10 năm (1965 - 1975), Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Cúc Đường đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Ba; xã Tràng Xá được Chính phủ tặng Bằng khen. Mẹ Lương Thị Mặc (1909 - 1988), quê ở xã Thần Sa đã cống hiến 3 người con và các mẹ Hứa Thị Pít (xã Bình Long), La Thị Sáu (xã La Hiên), Lý Thị Tụ (xã Vũ Chấn), Ma Thị Tiêu, Lý Thị Văng (xã Thượng Nung), Nguyễn Thị Ngát (xã Liên Minh)... đã hiến dâng người con độc nhất của mình cho sự giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Các mẹ đã được Đảng và Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng".

Những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Vĩnh Nhai đạt được trong hơn 10 năm trực tiếp chống Mỹ, cứu nước (1965 - 4-1975) đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn

miền Nam, thống nhất đất nước. Từ sau thắng lợi vĩ đại này, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Võ Nhai bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của dân và dân ta đã kết thúc thắng lợi trọn vẹn và triệt để cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài trên 20 năm. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, Bắc-Nam được sum họp một nhà. Cách mạng Việt Nam bước sang thời kỳ mới. Thời kỳ cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hòa chung với niềm vui lớn của dân tộc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai phấn khởi tiếp tục mạnh mẽ phong trào thi đua lao động sản xuất, tiếp

CHƯƠNG III

LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XHCN (5/1975-12/1985)

I. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN CHI VIÊN BẢO VỆ TOÀN VẬN LÃNH THỔ TỔ QUỐC (5/1975-12/1980)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của quân và dân ta đã kết thúc thắng lợi trọn vẹn và triệt để cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài trên 20 năm. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, Bắc - Nam được sum họp một nhà. Cách mạng Việt Nam bước sang thời kỳ mới: Thời kỳ cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hòa chung với niềm vui lớn của dân tộc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Vĩnh Nhai phấn khởi đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, thực

hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, tạo ra những tiền đề thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, diện tích gieo cấy lúa năm 1975 tăng 3,14% so với năm 1974; sản lượng thóc đạt 9.455 tấn, tăng 10% so với kế hoạch. Đây là thành tích nổi bật của Võ Nhai về sản xuất lúa. Bình quân lương thực cho một nhân khẩu đạt 228,8 kg/năm, cao nhất trong vòng 10 năm trước đó. Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp của huyện còn phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên, hệ thống thủy lợi còn hết sức nhỏ bé. Các công trình thủy nông (các đập Suối Bùn, Cây Hồng, Mỏ Hánh) hư hỏng nặng, chưa được tu sửa. Toàn huyện chỉ còn 2 đập thủy lợi ở 2 hợp tác xã Phụng Hoàng, Ba Nhất (xã Phú Thượng) do vốn của Nhà nước cùng với công sức lao động của nhân dân xây dựng. Mỗi đập chỉ có khả năng cung cấp nước tưới cho khoảng 10 ha lúa của 2 hợp tác xã nói trên. Do khó khăn chung của cả nước và cả tỉnh, nên nguồn phân vô cơ và thuốc trừ sâu đầu tư cho đồng ruộng Võ Nhai còn rất thấp. Vì vậy, sản xuất lương thực nói chung, sản xuất lúa trên địa bàn huyện nói riêng, không ổn định cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Vụ Đông - Xuân

1975-1976, do thiếu nước nên diện tích lúa chiêm chỉ cấy được 417 ha, bằng 69,75% kế hoạch và giảm so với năm trước 12%. Diện tích lúa xuân cấy được 10,9 ha, đạt 33% kế hoạch và so với năm 1975 giảm 47%. Vụ mùa năm 1976, toàn huyện cấy được 3.113,8 ha, đạt 94,35% kế hoạch, so với năm trước giảm 5,65%. Thêm vào đó, hạn hán kéo dài và sâu bệnh phá hoại nặng làm cho 191,3 ha lúa bị mất trắng; diện tích được thu hoạch chỉ còn 2.922,4 ha, sản lượng thu hoạch 7.024 tấn. Tổng sản lượng lúa cả năm đạt 7.710 tấn, giảm 1.745 tấn so với 1975 và do đó bình quân nhân khẩu chỉ còn 208,8 kg thóc một năm. Các loại cây màu, cây công nghiệp cũng ở trong tình trạng tương tự, riêng diện tích, sản lượng ngô năm 1976 tăng gấp 2 lần năm 1975 (sản lượng tăng 1.437 tấn), nhưng sắn và khoai lang lại giảm. Sản lượng lạc năm 1976 tăng 19 tấn so với 1975, nhưng sản lượng đỗ tương lại giảm 13 tấn... Chăn nuôi có chiều hướng phát triển. Đàn trâu năm 1975 có 11.231 con, năm 1976 tăng lên 13.484; còn đàn lợn tăng từ 11.572 con (năm 1975), lên 13.338 con (năm 1976).

Một trong những nguyên nhân làm cho sản xuất ở Võ Nhai đạt kết quả thấp là do những yếu kém của phong trào hợp tác xã kéo dài từ nhiều năm qua

chưa được khắc phục. Từ 82% số hộ nông dân vào hợp tác xã năm 1967, đến năm 1975, toàn huyện chỉ còn 8 hợp tác xã, với 272 hộ xã viên, bằng 5,7% số hộ nông nghiệp toàn huyện¹. "Đến đầu năm 1976, thực chất chỉ còn lại 4 hợp tác xã hoạt động đúng tính chất của hợp tác xã; 4 hợp tác xã còn lại hoạt động chỉ như những đội sản xuất bởi quy mô quá nhỏ. Hình thức tổ chức sản xuất và các hoạt động khác đều không đúng với điều lệ hợp tác xã², Đại bộ phận nhân dân, trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên trở lại hình thức làm ăn riêng lẻ. Nguyên nhân của tình trạng yếu kém, kể trên trước hết thuộc về đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đúng vai trò, trách nhiệm của mình trong nhiệm vụ xây dựng hợp tác xã, còn nặng tư tưởng cá nhân, tự tư, tự lợi, không phát huy được tính tiên phong, gương mẫu đối với việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trước thực trạng đó, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Võ Nhai tổ chức nhiều đợt củng cố

1. Báo cáo tổng kết năm 1975 của Ban Chấp hành Đảng bộ Võ Nhai ngày 15/12/1975.

2. Báo cáo tổng kết công tác năm 1976 của BCH Đảng bộ Võ Nhai ngày 9/1/1977 - Tài liệu Huyện ủy.

phong trào thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, nhưng tình hình không được cải thiện bao nhiêu. Năm 1975, Huyện ủy lãnh đạo kết hợp học tập Chỉ thị 230 của Trung ương Đảng về công tác xây dựng tổ chức Đảng và phát triển đảng viên, với các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh để liên hệ kiểm điểm, đánh giá ưu, khuyết điểm của từng cán bộ, đảng viên và các cấp ủy Đảng, tìm hướng khôi phục các hợp tác xã, nhưng không đạt kết quả.

Thực hiện Nghị quyết 45 của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy ra Nghị quyết số 23 xác định "nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong năm 1976 là khôi phục và củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp trong toàn huyện, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, giải quyết đời sống, làm tròn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước, tăng cường công tác xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng". Sau hơn 10 tháng tổ chức học tập, tập trung sức vận động, toàn huyện cũng chỉ khôi phục được 21 hợp tác xã với 800 hộ xã viên, đưa tỷ lệ số hộ trong các hợp tác xã toàn huyện từ 5,7% lên 22,7%. Tuy còn thấp hơn so với các huyện khác ở cùng thời điểm, nhưng đó là kết quả bước đầu rất đáng phấn khởi về mặt tổ chức. Tình hình sản xuất và huy động nghĩa vụ lương thực, thực phẩm

còn hết sức khó khăn. Ngay từ đầu năm 1976, Huyện ủy đã có chủ trương và biện pháp chỉ đạo cụ thể về công tác 3 thu lương thực, nhưng kết quả rất thấp. "Việc huy động nghĩa vụ lương thực thường bị kéo dài về thời gian, tiến độ chậm và thường là không đạt chỉ tiêu". Vụ Hạ năm 1976, toàn huyện chỉ thu được 21.393 kg thóc, đạt 7% kế hoạch; vụ Đông (tính đến 20 tháng 12 năm 1976) mới nhập kho được 86.319 kg, trong đó, thuế lương thực mới thu được 85.063 kg, đạt 14% kế hoạch; thóc nghĩa vụ và thóc giá cao mới được 1033 kg, bằng 0,3% kế hoạch; kết quả thu nợ thuế không được kg nào, trong khi số nợ thuế toàn huyện từ 1975 trở về trước lên tới 1.199.384 kg.

Công tác quản lý bảo vệ rừng được chú trọng. Huyện ủy lãnh đạo tốt việc tổ chức tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ hơn về Pháp lệnh Bảo vệ rừng; toàn huyện thành lập được 14 Ban Lâm nghiệp ở 14 xã làm nhiệm vụ bảo vệ rừng.

Do Lâm trường Võ Nhai sớm xây dựng kế hoạch hợp đồng với các Tổ sơn tràng của các xã và cải tiến phương thức khoán, nên sản lượng gỗ tròn khai thác được đạt 4.672 mét khối (vượt 26% kế hoạch). Một số loại lâm sản khác, như củi, vầu, nứa và song

mây đạt kết quả thấp do giá cả thu mua, hợp đồng vận chuyển và tiêu thụ không hợp lý.

Do công tác tuyên truyền Pháp lệnh Bảo vệ rừng chưa thật sâu rộng trong nhân dân, các Ban Lâm nghiệp xã lại hoạt động thiếu tích cực, nên mặc dù năm 1975 Trạm Kiểm lâm huyện đã kiểm tra xử lý 11 vụ phá rừng, làm rẫy, 6 vụ khai thác gỗ và 152 vụ vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép, thu phạt 3.190 đồng, nhưng tình trạng vi phạm lâm luật vẫn diễn ra trầm trọng. Năm 1976, kiểm tra ở 15 xã (trừ 3 xã Bình Long, Thượng Nung và Tân Long), có tới 512,6 ha rừng bị tàn phá; trong đó có 357 ha rừng đầu nguồn. Trầm trọng nhất là các xã Sảng Mộc, Nghinh Tường và Vũ Chấn. Trong khi đó, cả năm 1976 toàn huyện chỉ trồng và tu bổ, chăm sóc được 245 ha rừng (trong đó trồng 60 ha). Do công tác kết hợp bảo vệ giữa Trạm Lâm nghiệp huyện với các xã chưa tốt, nên trong năm đã có 23,6 ha rừng trồng bị phá hoại.

Ngành công nghiệp và thủ công nghiệp của Võ Nhai nhìn chung chưa phát triển. Toàn huyện chỉ có 1 xí nghiệp cơ khí làm nhiệm vụ sản xuất một số nông cụ phục vụ nông nghiệp và gia công một số mặt hàng phục vụ xây dựng cơ bản. Tuy xí nghiệp có

nhiều cố gắng phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch, nhưng giá trị tuyệt đối thấp, tổng nguồn thu cả năm chỉ được 47.000 đồng. Chất lượng hàng hóa của xí nghiệp chưa cao, một số mặt hàng chưa được nhân dân ưa chuộng.

Năm 1976, toàn huyện chỉ còn duy trì được 2 hợp tác xã thủ công nghiệp. Hợp tác xã gạch ngói có 21 xã viên, nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất ngói, nhưng do công tác tổ chức quản lý lao động, kỹ thuật, phân phối sản phẩm không chặt chẽ, nên sản lượng thấp, không đáp ứng yêu cầu xây dựng trên địa bàn. Hợp tác xã may mặc với 17 xã viên cũng ở trong tình trạng yếu kém, hoạt động không hiệu quả, 11 tháng đầu năm doanh thu chỉ đạt 5.060 đồng (bằng 50,6% kế hoạch).

Công tác lưu thông phân phối có nhiều cố gắng bảo đảm cung cấp mặt hàng thiết yếu cho nhân dân. Hệ thống bách hóa có 1 cửa hàng chính ở Đình Cả và 4 cửa hàng khu vực. Năm 1976 tổng hàng hóa mua vào đạt giá trị 1.515.696 đồng (72,2% kế hoạch), bán ra 1.600.750 đồng (102% kế hoạch). Các hợp tác xã mua bán cấp xã hoạt động yếu do khó khăn về nguồn hàng, về giao thông nên hàng hóa phục vụ nhu cầu của nhân dân không đủ, không kịp thời.

Trạm vật tư nông nghiệp đều vượt kế hoạch cả hai chỉ tiêu mua vào và bán ra. Năm 1976, Trạm đã cung ứng cho nhân dân trong huyện 180 tấn phân đạm, gấp 4 lần năm 1975 và 8.179 kg thuốc sâu, gấp 5 lần năm trước. Ngoài ra, Trạm còn cung cấp cho các xã 90 xe cải tiến, 10 bơm thuốc trừ sâu cùng hàng trăm nông cụ cầm tay khác.

Hơn một năm sau ngày giải phóng miền Nam, tuy nhiệm vụ phát triển kinh tế nhìn chung có nhiều khó khăn, nhưng sự nghiệp văn hóa, giáo dục lại có bước phát triển khá. 16 trên 18 xã trong toàn huyện đã củng cố được Ban Văn hóa - Thông tin, đi vào hoạt động bước đầu có hiệu quả trong nhiệm vụ tuyên truyền thời sự, chính sách của Đảng và Nhà nước tới nhân dân; bài trừ các hủ tục lạc hậu, xây dựng đời sống văn hóa mới trong cộng đồng dân cư.

Sự nghiệp giáo dục được giữ vững và ngày càng phát triển. Nhìn chung, cán bộ, giáo viên trong các trường đều có nhiều cố gắng công tác và giảng dạy. Mặc dù trên 50% giáo viên là người nơi khác đến, nhưng anh chị em vẫn an tâm khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm học 1976-1977, toàn huyện có 314 giáo viên và 9.826 học

sinh phổ thông và võ lòng; trong đó có 5542, học sinh cấp I, 2257 học sinh cấp II. So với năm học trước, học sinh cấp I tăng 26%, học sinh cấp II, tăng 23%. Ngành bổ túc văn hóa toàn huyện vẫn duy trì được 10 lớp, với 526 học viên. Nhìn chung, chất lượng giảng dạy, học tập ngày càng tốt hơn. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp và chuyển cấp đều đạt trên 80%.

Mặt yếu của Ngành Giáo dục là cơ sở vật chất trong các trường, lớp còn rất sơ sài và thiếu thốn do các địa phương chưa chú trọng đầu tư xây dựng, còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. Đội ngũ giáo viên thiếu và yếu về chuyên môn. Do đó, đến năm 1976, toàn huyện có 1.910 cháu từ 3 đến 5 tuổi chưa được vào mẫu giáo, 667 cháu từ 6 đến 7 tuổi chưa được học võ lòng và 707 cháu từ 7 đến 10 tuổi chưa có điều kiện vào học lớp 1.

Nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng được chú trọng. Hằng năm, Phòng Y tế huyện đều tổ chức tiêm chủng phòng bệnh cho nhân dân, phát hiện và dập tắt kịp thời các ổ dịch, không để bùng phát trên diện rộng. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền phòng bệnh chưa được thường xuyên, chưa có tác dụng mạnh trong cuộc vận động bài trừ, điều chỉnh thói quen sinh hoạt không hợp vệ sinh trong nhân dân. Công

trình "3 dứt điểm"¹ ở hầu khắp các xã còn ít và chưa đúng quy cách, chưa đảm bảo vệ sinh.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em nhìn chung còn yếu. Toàn huyện chỉ duy trì được một số nhà trẻ ở khu vực trung tâm, với tổng số 45 cháu và 8 cô nuôi dạy trẻ. Một số nơi có điều kiện nhưng không được các ngành, các cấp quan tâm tổ chức; tình trạng đẻ dầy, đẻ nhiều còn phổ biến.

Đất nước hòa bình nhưng nhiệm vụ quân sự vẫn được chú trọng. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố và kiện toàn, công tác huấn luyện quân sự, chính trị được duy trì thường xuyên. Từ kinh nghiệm lãnh đạo công tác tuyển quân trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ đã lãnh đạo làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc cho đoàn viên, thanh niên các dân tộc trong huyện, nên đợt tuyển quân đầu tiên sau ngày giải phóng miền Nam (tháng 9/1976), toàn huyện đã có 80 nam, 21 nữ thanh niên lên đường nhập ngũ, vượt chỉ tiêu 1%.

1. Là nhà tắm, giếng nước và nhà vệ sinh.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, công tác giải quyết tồn đọng sau chiến tranh được đặc biệt chú trọng. Từ quý III/1975 đến cuối năm 1976, toàn huyện đã xác minh được 72 trường hợp gia đình có quân nhân vắng tin, tổ chức báo tử đối với những đồng chí đã hy sinh, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có người thân chiến đấu ở các chiến trường miền Nam, Lào và Campuchia. Công tác an ninh, trị an xã hội tiếp tục được giữ vững. Lực lượng bảo vệ an ninh, trị an được củng cố, hoạt động tích cực, ngăn chặn và phát hiện kịp thời các vụ làm ăn phi pháp, vi phạm pháp luật, nhất là các vụ đánh bạc. Trong năm, lực lượng công an huyện đã bắt được 25 vụ đánh bạc, đưa 4 vụ ra truy tố trước pháp luật, tổ chức giáo dục 21 vụ tại cộng đồng.

Công tác xây dựng Đảng luôn được các cấp ủy Đảng coi trọng. Trong công tác chính trị tư tưởng, Huyện ủy đã chỉ đạo các cấp bộ Đảng mở các đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết 254 của Bộ chính trị, Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 45 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng và nhiệm vụ của tỉnh

trong năm 1976, Nghị quyết số 23 của Huyện ủy về nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, nhìn chung các cơ sở Đảng đã tổ chức học tập nghiêm túc. Hầu hết cán bộ, đảng viên tích cực tham gia học tập, nhận thức chính trị được nâng lên một bước, góp phần làm cho phong trào chung toàn huyện có chuyển biến bước đầu. Tuy nhiên, cũng còn một số đảng bộ chưa tổ chức học tập một cách nghiêm túc, chưa đảm bảo thời gian và chất lượng học tập. Vì vậy, nhận thức của một số cán bộ, đảng viên chưa theo kịp với tình hình, nhiệm vụ mới. Công tác tổ chức cán bộ bước đầu có sự kết hợp giữa nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên với củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng. Tuy nhiên, công tác này chưa được thường xuyên và kịp thời. Một số cấp ủy hoạt động quá yếu, nhưng Huyện ủy chưa có biện pháp tích cực để giải quyết¹. Vấn đề đoàn kết nội bộ ở một số cơ sở còn yếu, việc sinh hoạt của tổ đảng, chi bộ và cấp ủy đảng thất thường, chất lượng sinh hoạt không cao. Vì vậy, việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước ở nhiều chi, đảng bộ mới chỉ dừng lại ở chủ trương, chưa trở thành hành

1. Báo cáo tổng kết năm 1976 của BCHĐB huyện Vĩnh Nhai.

động cách mạng của quần chúng... Trước những yếu kém của cán bộ, đảng viên và một số cấp ủy đảng, công tác kiểm tra của Đảng bộ đã kịp thời xem xét, kết luận, đề xuất xử lý 15 trên tổng số 19 vụ việc xảy ra trong năm; trong đó kỷ luật khai trừ 12 đảng viên thoái hóa, biến chất ra khỏi hàng ngũ của Đảng.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, để kịp thời khắc phục những khó khăn, yếu kém kéo dài 11 năm nhiệm kỳ thứ 10 của Đảng bộ huyện, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sau một thời gian chuẩn bị, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ 11 (vòng I) được tổ chức từ 27 tháng 10 đến 01 tháng 11/1976. Tham dự Đại hội, ngoài 103 đại biểu thay mặt cho 1.177 đảng viên sinh hoạt ở 18 chi, đảng bộ xã, 16 chi bộ cơ quan, còn có các đồng chí cán bộ lão thành, gia đình có công với cách mạng, đại biểu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, các ban, ngành trong tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 2, Đại hội kiểm điểm kết quả việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và của Đảng bộ huyện trong năm 1976; quyết định nhiệm vụ chính trị trung tâm của quý 4 năm 1976 và

quý 1 năm 1977. Đại hội bầu 16 đại biểu (có 1 đại biểu dự khuyết) đi dự Đại hội Đảng bộ Tỉnh.

Tiếp theo Đại hội vòng 1, thực hiện chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ XI (vòng hai) được tổ chức từ ngày 30 tháng 5 đến ngày 6 tháng 6 năm 1977. Sau khi thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 11 (1977-1978), Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 21 ủy viên (có 2 ủy viên dự khuyết). Sáng 6/6/1977, tại phiên họp thứ nhất, đồng chí Lâm Văn Thọ được Ban Chấp hành Đảng bộ mới tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy. Tiếp đó, trong 2 ngày 17 và 18 tháng 6/1977, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ khóa 11 họp để bầu các chức danh Phó Bí thư, Ban Thường vụ và Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy. Các đồng chí: Hầu Văn Độ và Hoàng Văn Mộc được bầu làm Phó Bí thư, Ban Thường vụ Huyện ủy có 7 ủy viên.

Đại hội Đảng bộ huyện khóa 11 (vòng II) là bước đột phá quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Qua Đại hội, tổ chức của Đảng từ huyện đến cơ sở được củng cố. Nền nếp sinh hoạt, tinh thần đoàn

kết, ý thức trách nhiệm của đảng viên trong toàn Đảng bộ được nâng cao một bước. Đó thực sự là những yếu tố, là điều kiện quan trọng để Đảng bộ vững bước đi lên.

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa theo phương hướng Đại hội Đảng bộ lần thứ 11, trong điều kiện có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn, phong trào của huyện nhìn chung còn nhiều yếu kém, số hợp tác xã khôi phục được còn ít, chất lượng chưa tốt. Bộ máy các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng tuy được củng cố một bước, song chưa thật đồng bộ, chưa năng động... Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu đất nước diễn ra ngày càng phức tạp, căng thẳng... điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội mà Đại hội đã đề ra.

Thực hiện đường lối cách mạng XHCN trong giai đoạn mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI xác định: "Nhiệm vụ chính trị trung tâm của toàn Đảng bộ là: Quyết tâm củng cố, khôi phục bằng được phong trào hợp tác xã nông - lâm nghiệp, phấn đấu trong một thời gian ngắn sẽ hoàn thành cơ bản về cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Đến năm 1978,

sẽ tiến hành tổ chức lại sản xuất theo tinh thần Chỉ thị 208/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và NQ 61/CP của Hội đồng Chính phủ trên phạm vi toàn huyện"¹.

Thực hiện mục tiêu trên, liên tiếp trong 2 năm 1977-1978, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết chuyên đề, tập trung lực lượng tiến hành nhiều đợt vận động để củng cố, khôi phục phong trào hợp tác xã nông nghiệp. Tuy còn nhiều khó khăn, hạn chế, nhưng đến tháng 11/1979, toàn huyện đã khôi phục được 30 hợp tác xã, thu hút 39,82% số hộ nông dân vào con đường làm ăn tập thể; trong đó có 1 hợp tác xã toàn xã; các xã Phú Thượng, Lâu Thượng và Quang Sơn đã thanh toán được "xóm trắng" về hợp tác xã.

Nhìn chung, các hợp tác xã đã ổn định về tổ chức, tư tưởng của đại bộ phận xã viên có chuyển biến tích cực, bước đầu thực hiện quyền làm chủ của mình đối với hợp tác xã. Sau củng cố, phục hồi, nhìn chung các hợp tác xã đã có nhiều cố gắng cấy hết diện tích, đảm bảo thời vụ. Vụ mùa năm 1979, các hợp tác xã đã

1. Báo cáo nhiệm kỳ của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai (1977-1979) - Tài liệu Huyện ủy cập số ... Hồ số 104.

gieo cấy được 1.704 ha, chiếm gần 50% diện tích gieo cấy toàn huyện. Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, một số hợp tác xã chủ động tu sửa mương phai, đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho hợp tác xã. Hợp tác xã toàn xã Quang Sơn tổ chức xây dựng đập thủy lợi Nà Lay, Hợp tác xã Ba Nhất (xã Phú Thượng), xây dựng hệ thống truyền thanh và mở đường từ Hợp tác xã đến đường trục của huyện. Hợp tác xã Liên Hồng và Hợp tác xã La Hóa (xã Lâu Thượng) đầu tư máy kéo Bông Sen và máy xay xát phục vụ nhu cầu sản xuất và chế biến lương thực của nhân dân. Cơ cấu mùa vụ trong các hợp tác xã từng bước được chuyển đổi. Diện tích lúa vụ xuân và cây mầu, chủ yếu là ngô, khoai lang, khoai sọ ngày càng tăng. Một số hợp tác xã còn đẩy mạnh khai hoang, mở rộng diện tích cấy lúa, quản lý bảo vệ rừng, khai thác lâm sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong huyện, trong tỉnh...

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc củng cố phong trào hợp tác xã còn nhiều khuyết điểm và tồn tại. Nhìn chung, phong trào chưa thật vững chắc, hoạt động sản xuất chưa mạnh mẽ, toàn diện, hiệu quả chưa cao. Hầu hết các hợp tác xã đều lúng túng

trong xây dựng phương hướng, kế hoạch sản xuất. Phần lớn các hợp tác xã vẫn trong tình trạng độc canh cây lúa, hệ số vòng quay đất thấp. Vụ Đông - Xuân vẫn chưa được các hợp tác xã chú trọng đưa lên thành vụ chính, cây mầu lương thực cũng chưa được chú ý đúng mức.

Việc quản lý và điều hành lao động chưa chặt chẽ. Vì vậy, một số hợp tác xã đã không tập trung được lao động để bảo đảm cấy hết diện tích, kịp thời vụ. Hợp tác xã Tân Thành (xã Phương Giao) vụ mùa 1979 bỏ không cấy hơn 30 mẫu ruộng do thiếu nhân lực. Việc quản lý tư liệu sản xuất chủ yếu (ruộng, đất, trâu, bò) còn nhiều tồn tại, nhất là ở các hợp tác xã mới được khôi phục. Việc dành đất 5% cho kinh tế phụ gia đình cũng không thống nhất, gây nhiều thắc mắc trong xã viên. Trâu, bò cày kéo chưa được công hữu nên phải thuê trâu của xã viên để cày bừa.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã hết sức nghèo nàn. Ngay những hợp tác xã loại khá cũng chưa được đầu tư xây dựng lớn, nên sản xuất của hợp tác xã chưa được đẩy mạnh; việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất rất hạn chế, dẫn tới năng suất lúa không cao, đời sống xã viên còn nhiều khó khăn. Tất cả các hợp tác xã đều không có cơ sở chăn nuôi

lợn tập thể, kể cả trại lợn giống. Việc cải tạo và kiến thiết đồng ruộng còn nhiều khó khăn. Ngay Hợp tác xã toàn xã Quang Sơn được tổ chức lại sản xuất theo quy mô lớn cũng chưa làm được.

Từ những yếu kém kể trên, tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tuy bước đầu được giải quyết nhưng còn nhiều vướng mắc. Một số cán bộ, nhất là cán bộ ở những hợp tác xã mới được khôi phục chưa thật nhiệt tình, làm việc cầm chừng, chấp hành không nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng và Điều lệ hợp tác xã. Tư tưởng tư hữu vẫn là trở ngại lớn nhất làm cho cán bộ chưa thật kiên quyết trong lãnh đạo. Trình độ văn hóa, quản lý kinh tế, kỹ thuật của cán bộ lại quá thấp so với yêu cầu của phong trào. Xã viên chưa thật gắn bó với hợp tác xã, chưa tin tưởng vào phương thức làm ăn tập thể, tinh thần làm chủ tập thể chưa cao, chưa thực sự coi hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ... Vì vậy, phong trào hợp tác hóa trong những năm 1977-1978 không vững chắc.

Kết quả củng cố hợp tác xã so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI chỉ đạt dưới 50%. Đây là một tồn tại lớn của Võ Nhai trong giai đoạn này. Nguyên nhân của sự tồn tại này, ngoài những yếu tố

chủ quan kể trên, còn có nguyên nhân khách quan, đó là cơ chế, chính sách và mô hình hợp tác xã không còn phù hợp với tình hình và xu thế cách mạng trong giai đoạn mới. Không chỉ Võ Nhai, mà nhiều huyện, thành khác trong cả tỉnh, cả nước cũng có những khó khăn vướng mắc tương tự, đang đòi hỏi một sự đổi mới căn bản về đường lối, chính sách đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Khó khăn, yếu kém về tổ chức, cơ chế, mô hình tất yếu dẫn đến khó khăn, yếu kém về kết quả sản xuất và đời sống nhân dân. Diện tích gieo cấy lúa mùa một số năm không đạt chỉ tiêu¹. Năng suất lúa tuy có tăng, nhưng còn bấp bênh do sản xuất phần lớn vẫn phụ thuộc vào thiên nhiên. Ba năm liền (1977-1979), vụ Đông - Xuân đều không đạt chỉ tiêu diện tích²; năng suất còn bấp bênh hơn cả vụ mùa. Đối với cây mầu trong 2 năm 1977, 1978, diện tích ngô tăng từ 16% đến 22%, nhưng diện tích sản lại giảm từ 32,2% xuống 21%. Đáng chú ý là việc sản xuất mầu còn phân tán, chưa

1. - Diện tích lúa mùa năm 1977 đạt 94,1% kế hoạch

- - nt - 1978 đạt 72,5% kế hoạch

- - nt - 1979 vượt 3,5% kế hoạch.

2. - Diện tích vụ Đông - Xuân năm 1977 đạt 61% kế hoạch

- - nt - 1978 đạt 82,5% kế hoạch

- - nt - 1979 đạt 79,4% kế hoạch

đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất. Cuộc vận động đưa cây mầu xuống ruộng đã được phát động nhiều năm, nhưng các xã chưa chú trọng chỉ đạo thực hiện. Cùng với lúa rẫy, diện tích cây ngô và sắn hàng năm chủ yếu được trồng trên nương và đó chính là một trong những nguyên nhân khiến nạn phá rừng chưa được ngăn chặn.

Ngành chăn nuôi nhìn chung có chiều hướng phát triển, nhưng chậm, không đạt chỉ tiêu và chưa tương xứng với tiềm năng của huyện¹.

Việc nuôi lợn chủ yếu vẫn theo phương thức truyền thống, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào khâu chế biến và đầu tư thức ăn. Mặt khác, huyện cũng chưa có sự hỗ trợ và khuyến khích thỏa đáng đối với những gia đình nuôi lợn nái sinh sản để cung cấp con giống cho nhân dân.

1. Chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ 11 đề ra đến năm 1978 tổng đàn trâu có 15.437 con, đàn lợn 13.197 con.

- Thực hiện:

Năm 1977 đàn trâu có 13.128 con, đàn lợn 11.475 con.

Năm 1998 đàn trâu có 13.613 con, đàn lợn 10.670 con

Năm 1979 đàn trâu có 13.764 con, đàn lợn 11.890 con

Cũng như đàn lợn, số lượng đàn trâu tăng chậm, nhưng điều đáng lo ngại là chất lượng đàn trâu ngày một giảm¹.

Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến ngành chăn nuôi của huyện chậm phát triển là công tác phòng trừ dịch bệnh kém, nên hằng năm thường xảy ra các đợt dịch gây thiệt hại lớn về gia súc, gia cầm. Việc quản lý, thu mua thực phẩm của Ngành Thương nghiệp mang nặng tính áp đặt, giá thu mua được ấn định sẵn từ tỉnh, từ huyện và thường không hợp lý, kể cả thực phẩm bán theo nghĩa vụ và bán giá cao. Người nuôi lợn, nuôi gà bán cho Nhà nước luôn luôn bị lỗ vốn, nên không động viên được nhân dân tích cực chăn nuôi và đóng góp nghĩa vụ².

Sản xuất lâm nghiệp vẫn ở trong tình trạng mất cân đối giữa khai thác với trồng mới và khoanh

1. - Báo cáo nhiệm kỳ của BCH Đảng bộ Võ Nhai 1977-1979.

2. - Năm 1997 toàn huyện thu mua được 4.056 kg lợn hơi đạt 3,3% kế hoạch.

- Năm 1978 toàn huyện thu mua được 26.000 kg lợn hơi đạt 37,4% kế hoạch.

- Năm 1979 toàn huyện thu mua được 33.900 kg lợn hơi đạt 56,6% kế hoạch.

(Báo cáo nhiệm kỳ XI và báo cáo tổng kết năm 1979 của BCH Đảng bộ Võ Nhai).

nuôi bảo vệ rừng. Nạn khai thác bừa bãi và phát rừng, làm nương rẫy vẫn chưa có biện pháp khắc phục hữu hiệu.

Sản xuất công nghiệp vẫn hết sức khó khăn do thiếu vật tư. Xí nghiệp cơ khí cả sản xuất và kinh doanh đều mang tính chấp vá, chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Lãnh đạo việc huy động lương thực, thực phẩm là một công tác lớn và hết sức khó khăn của Đảng bộ. Cả 3 năm (1977-1979), huyện đều không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Năm 1978, lượng thóc thuế thu cao nhất cũng chỉ đạt 95,4%. Thóc thu mua năm 1977 được 365,3 tấn (33,2% kế hoạch); năm 1978 được 715 tấn, đạt 57,4%; năm 1979 (tính đến 31/12), số lương thực nghĩa vụ huy động được trên 400 tấn, đạt 48% chỉ tiêu. Lấy kết quả huy động lương thực, thực phẩm năm 1979 chia cho 1,8 vạn lao động và 8.000 ha đất nông nghiệp (riêng ruộng là 3.500 ha), thì một lao động một năm làm nghĩa vụ thực phẩm chưa tới 2 kg và một ha đất ruộng chỉ đóng thuế có 114 kg thóc. Vì vậy, tình hình nợ thuế vẫn tiếp tục tăng. Đến cuối năm 1979, số thuế nhân dân còn nợ Nhà nước lên tới 1.367,3 tấn, tăng 266 tấn so với năm 1976.

Trong khó khăn, yếu kém chung của cả huyện, vẫn có một số xã đạt kết quả cao. Xã Phú Thượng trong năm 1979 huy động nghĩa vụ lương thực đạt 82 tấn, thực phẩm 6,1 tấn (cao nhất huyện). Xã Tân Long huy động thực phẩm đạt 3.000 kg (100% kế hoạch), xã Trảng Xá và xã Quang Sơn cả hai chỉ tiêu đạt 84% và 98%.

Nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội có nhiều cố gắng và đạt được một số kết quả. Toàn huyện đã củng cố và xây dựng thêm được một số cơ sở truyền thanh hoạt động có hiệu quả, nổi bật là Trạm truyền thanh Hợp tác xã Đồng Chuối (xã Dân Tiến) và Trạm truyền thanh Hợp tác xã Ba Nhất (xã Phú Thượng).

Số lượng sách, báo, tranh, ảnh phát hành ngày càng tăng. Đội thông tin và đội chiếu bóng lưu động hoạt động tích cực, mang tiếng nói và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân.

Mặt yếu của công tác này là chưa xây dựng được bộ máy đồng bộ, từ huyện xuống đến cơ sở; các hoạt động tuyên truyền, giáo dục chưa được thường xuyên. Một số tập tục lạc hậu vẫn chưa bị đẩy lùi;

thậm chí có lúc, có nơi còn phát triển, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa.

Do được sự quan tâm thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền, nên sự nghiệp giáo dục của huyện không ngừng phát triển. Đến năm 1979, toàn huyện đã xây dựng được một hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh, với 15 lớp mẫu giáo, 443 lớp cấp I và cấp II, 10 lớp cấp III, với tổng số học sinh toàn huyện lên tới 16.221 em. Ngành Bổ túc văn hóa vẫn duy trì thường xuyên từ 500 đến 600 học viên từ cấp I đến cấp III. Tính cả học sinh phổ thông và học viên văn hóa, toàn huyện có gần 17.000 người đi học, tăng gần 50% so với năm học 1976-1977 và so với tổng dân số, đạt tỷ lệ gần 40%.

Khó khăn lớn nhất của Ngành Giáo dục Vĩnh Nhai là điều kiện cơ sở vật chất còn hết sức nghèo nàn. Trường lớp dột nát, bàn ghế thiếu, mặc dù hằng năm nhân dân các dân tộc trong huyện đều góp công, góp của tu sửa, xây dựng, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.

Mạng lưới y tế tuy được mở rộng hơn trước, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Đến cuối năm 1979, toàn huyện mới xây dựng được 11 trạm xá ở 11 xã. Như vậy vẫn còn 7 xã chưa có cơ sở chăm sóc sức khỏe ban

đầu cho nhân dân. Đội ngũ thầy thuốc từ Trạm khám đa khoa ở La Hiên đến các trạm xá xã nhìn chung đều yếu về chuyên môn. Dụng cụ y tế và thuốc chữa bệnh đều thiếu, nhưng việc kết hợp khám, chữa bệnh bằng Đông y chưa được chú trọng.

Phát huy truyền thống vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lực lượng vũ trang Vĩnh Nhai vừa lao động sản xuất, vừa học tập, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Ngoài ra, lực lượng vũ trang Vĩnh Nhai còn hăng hái tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng hệ thống kênh, mương Núi Cốc năm 1977 và chiến dịch làm đường phía Bắc Chợ Rã năm 1978 do tỉnh phát động.

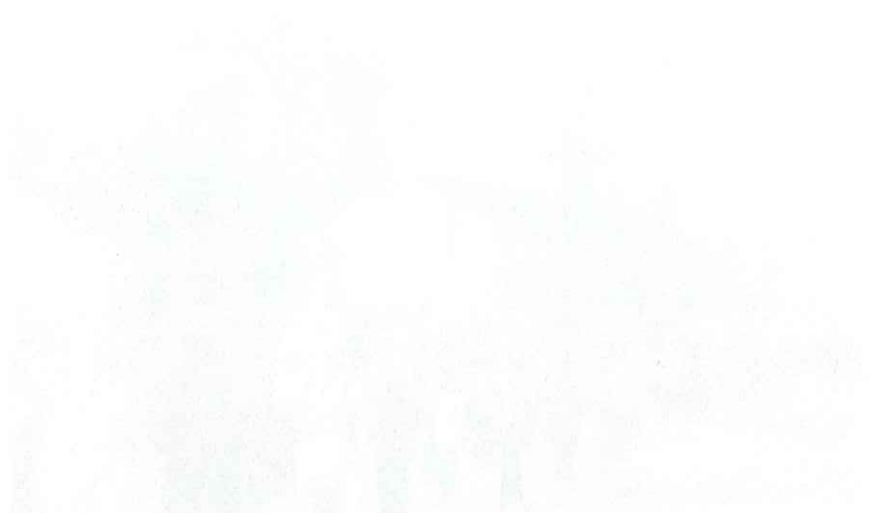
Trong khi nhân dân ta đang ra sức thi đua lao động sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới, thì các thế lực thù địch quốc tế tìm mọi cách phá hoại bằng cách vu khống, bịa đặt, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Đến giữa năm 1978, trước tình hình biên giới Việt - Trung ngày càng phức tạp và căng thẳng, chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, trực tiếp là của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo chuyên môn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện



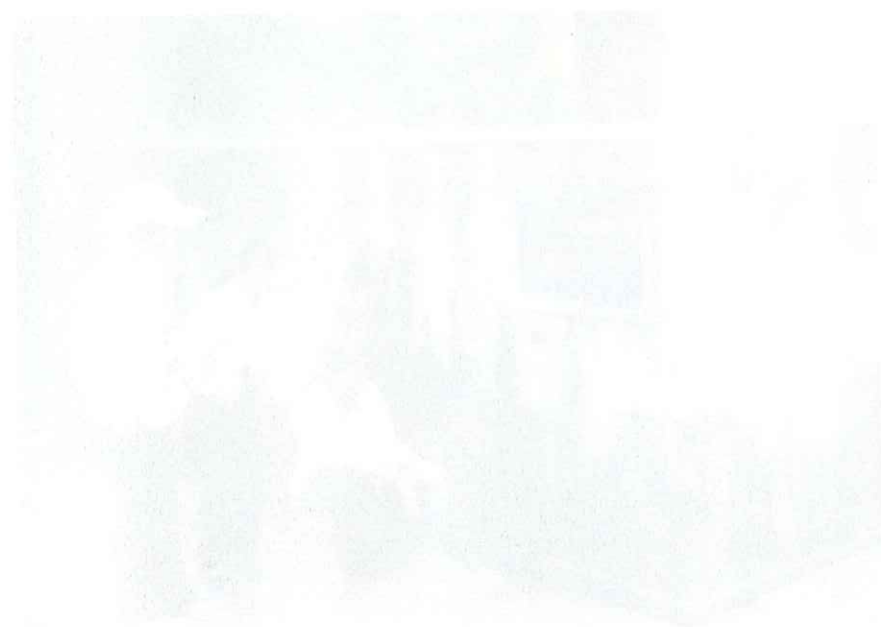
Học sinh Võ Nhai trong giờ tập thể dục



Công trình nước sạch thứ 1000 của cả nước do UNICEF tài trợ xây dựng ở Võ Nhai được đưa vào sử dụng từ năm 1994



The new Parliament building in London.



The new Parliament building in London. The building is a large, ornate structure with a central tower and a large, open area in front of it. The building is surrounded by a large, open area.

tăng cường giáo dục nhân dân và lực lượng vũ trang Võ Nhai không ngừng nâng cao cảnh giác; đẩy mạnh các hoạt động luyện tập quân sự, xây dựng, tập dượt phương án tác chiến, xây dựng, củng cố hệ thống chiến đấu phòng thủ của các địa bàn xung yếu. Đến cuối năm 1978, lực lượng dân quân, du kích và tự vệ toàn huyện được tổ chức thành 22 đại đội, 12 trung đội (bằng 12% dân số).

Trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp và căng thẳng, ngày 6/1/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị "Tăng cường lực lượng sẵn sàng chiến đấu ở các tỉnh phía Bắc" ... "sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động lấn chiếm, xâm phạm biên giới của địch".

Triển khai Chỉ thị của Trung ương, ngày 8/2/1979, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh quyết định:

1. Chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu.
2. Chuẩn bị tuyển quân, xây dựng 2 trung đoàn bộ đội địa phương, thành lập 3 trung đoàn dự nhiệm.
3. Sẵn sàng làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm và lực lượng vũ trang chi viện cho các tỉnh phía trước.

Ngày 12/1/1979, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ thị cho các huyện, thành, thị... "phải triển khai ngay công tác chuẩn bị, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương và các lực lượng cơ động chiến đấu của Quân khu, của Bộ trên địa bàn, xây dựng củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, sẵn sàng chi viện phía trước khi có lệnh".

Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, quyết định của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ huyện ủy họp, quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới và bàn biện pháp triển khai các chỉ thị, nghị quyết của trên.

Ngày 17/2/1979, địch huy động 60 vạn quân và 500 xe tăng xâm lược 6 tỉnh biên giới nước ta. Thực hiện mệnh lệnh chiến đấu của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh và Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện, tất cả các hoạt động của lực lượng vũ trang Vĩnh Nhai được chuyển vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Ngày 27/2/1979, Ủy ban nhân dân huyện chỉ thị cho Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các cơ quan trong huyện về nhiệm vụ phục vụ chiến đấu chống chiến tranh xâm lược của địch. Chỉ thị nêu rõ:

- Nhanh chóng tổ chức lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác triển khai phương án tác chiến.

- Giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội, diệt biệt kích, thám báo và bọn phản động.

- Vận động nhân dân vót chông tre, khi cần nộp cho xã để đánh giặc.

Thực hiện chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất, ngay trong tháng 3, Tiểu đoàn dân quân tự vệ tập trung của huyện ra đời mang phiên hiệu D379, với 420 cán bộ, chiến sĩ, khẩn trương luyện tập sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Thực hiện Chỉ thị ngày 3/3/1979 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc: "Phát động tổ chức toàn dân chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc", huyện Võ Nhai tiếp tục thành lập Tiểu đoàn dân quân tự vệ thứ 2, với 446 cán bộ chiến sĩ, làm nhiệm vụ xây dựng phòng tuyến chiến đấu tại Văn Mịch (Lạng Sơn).

Sát cánh cùng đồng bào biên giới chiến đấu chống quân xâm lược bảo vệ quê hương, con em các dân tộc Võ Nhai đã chiến đấu dũng cảm, lập nhiều chiến công. Tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Duy Nhất quê ở làng Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai đã chiến

đấu anh dũng tại điểm cao 499 thuộc xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, góp phần đánh bại nhiều đợt tấn công của địch, đồng thời tìm kiếm, cấp cứu, chuyển được nhiều thương binh về phía sau an toàn. Với thành tích đó, đồng chí đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Cùng với việc xây dựng lực lượng tại chỗ, lực lượng tập trung phục vụ phía trước, huyện còn hoàn thành tốt 2 đợt tuyển quân vượt chỉ tiêu từ 2,6% đến 4%, đúng chính sách và thời gian quy định. Cầm thù quân xâm lược, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Thái, mặc dù còn nhiều khó khăn thiếu thốn, nhưng với truyền thống đoàn kết tương thân, tương ái, nhân dân các dân tộc trong huyện sôi nổi hưởng ứng đợt phát động toàn dân ủng hộ gạo và tiền phục vụ nhiệm vụ quân sự, trước mắt là cung cấp cho tiểu đoàn dân quân du kích cơ động tập trung. Chỉ trong 10 ngày đầu tháng 3, toàn huyện đã thu được 3777 kg gạo và 2.219 đồng ủng hộ lực lượng vũ trang. Từ giữa tháng 3 đến tháng 5/1979, Võ Nhai tiếp tục quyên góp được 5.136,2 đồng, 737 mét phiếu vải và 2.236 kg thóc, gạo ủng hộ đồng bào Cao Bằng khắc phục hậu quả chiến tranh.

Phục vụ nhiệm vụ chiến đấu, huyện còn thành lập Ban Phòng không sơ tán và hậu cần do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban. Đồng thời thành lập Ban đón tiếp nhân dân các tỉnh phía trước sơ tán về và hướng dẫn nhân dân địa phương sơ tán khi chiến tranh xảy ra. Đặc biệt, đối với 174 hộ (1.327 khẩu) đồng bào H Mông sơ tán từ tỉnh Cao Bằng về định cư trên địa bàn huyện, Huyện ủy chỉ thị cho các xã: "Cần tạo mọi điều kiện giúp đỡ đồng bào ổn định đời sống. Hạn chế đến mức thấp nhất các mặt tiêu cực có thể xảy ra như di chuyển gia đình đi khắp các nơi trong huyện, chặt phá rừng làm nương rẫy, nhất là rừng đầu nguồn, rừng cấm, để cho kẻ xấu trà trộn phá hoại gây mất trật tự, an ninh. Đối với những hộ đủ thủ tục cư trú hợp pháp thì tổ chức đồng bào thành lập hợp tác xã đi vào định canh, định cư lâu dài. Với những hộ không có giấy tờ hợp pháp phải điều tra xác minh và có chủ trương giải quyết đúng với chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước".

Trong điều kiện kinh tế thấp kém, văn hóa xã hội còn nhiều khó khăn, những đóng góp kể trên của Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai là một sự cố gắng lớn, góp phần xứng đáng vào cuộc chiến đấu bảo vệ biên cương Tổ quốc.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, Huyện ủy đã chỉ đạo mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị, tổ chức cho 34 chi, đảng bộ cơ sở học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ II, Chỉ thị 192, Chỉ thị 72 và Thông tư 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Thông qua đó làm cho mỗi cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc hơn nữa đường lối cách mạng của Đảng; và công tác xây dựng Đảng trong tình hình, nhiệm vụ mới. Nhận thức tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có nhiều chuyển biến tích cực. Một số chi bộ có nhiều cố gắng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo củng cố khôi phục phong trào hợp tác xã. Về tổ chức, thông qua các kỳ đại hội ở cơ sở, các cấp ủy từng bước được kiện toàn; những cấp ủy viên yếu, kém về ý thức và năng lực lãnh đạo ở các chi, đảng bộ được thay thế bằng những đồng chí trẻ, khỏe, hăng hái, nhiệt tình công tác.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ này còn nhiều yếu kém và khuyết điểm: Công tác giáo dục chính trị tư tưởng làm chưa kịp thời, thường xuyên và chưa gắn với công tác tổ chức. Một số cấp ủy mất đoàn kết nặng nề và kéo dài. Một số cấp ủy viên, thậm chí cả bí thư chi bộ không gương mẫu

chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây chính là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho phong trào chung của Võ Nhai luôn yếu kém hơn các huyện khác trong tỉnh. Công tác phát triển đảng viên chậm do không được các cấp ủy quan tâm. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, đảng viên phần lớn tuổi đời cao, tỷ lệ cán bộ, đảng viên trẻ thấp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy từ huyện đến cơ sở chưa sâu sát, còn chung chung; nhiều đợt sinh hoạt chính trị làm dở dang, không sơ, tổng kết rút kinh nghiệm. Việc kiểm tra, xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng không kiên quyết và kịp thời, nên không có tác dụng giáo dục¹.

Nhận thức rõ vai trò quản lý của các cấp chính quyền đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, Đảng bộ luôn coi trọng công tác củng cố chính quyền các cấp. Thông qua đợt bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, đội ngũ cán bộ làm công tác chính quyền được kiện toàn cả số lượng và chất lượng, nhằm bảo đảm yêu cầu quản lý xã hội của cơ quan Nhà nước.

1. Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của BCH huyện ủy - Lưu trữ Huyện ủy.

Song, công tác củng cố và xây dựng chính quyền trong nhiệm kỳ này cũng bộc lộ những thiếu sót. Việc bố trí cán bộ từng lúc, từng nơi chưa phù hợp. Có đơn vị xã thay đổi hàng loạt cán bộ chủ chốt trong một nhiệm kỳ, không bảo đảm tính liên tục, kế thừa... Vì vậy, ở những nơi này, việc quản lý, điều hành của chính quyền không vững chắc. Hoạt động của chính quyền cơ sở nhìn chung chưa mạnh, chưa tìm ra được những biện pháp tích cực để giáo dục, thuyết phục và tổ chức quần chúng thực hiện nghiêm túc các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhất là chính sách huy động lương thực, thực phẩm hàng năm.

Các đoàn thể quần chúng tuy được chú ý củng cố, nhưng nhìn chung hoạt động yếu do năng lực của đội ngũ cán bộ và do khó khăn chung của phong trào toàn huyện. Mặt trận Tổ quốc chưa thật sự là tổ chức tập hợp đông đảo quần chúng. Vai trò đầu tàu, xung kích của thanh niên chưa rõ nét. Phong trào người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa sôi nổi và rộng khắp¹.

1. Báo cáo nhiệm kỳ (1977-1979) của Ban chấp hành Đảng bộ Võ Nhai - Tài liệu Văn phòng Huyện ủy.

Để đánh giá đúng những thành tích và khuyết điểm của nhiệm kỳ XI, đồng thời đề ra phương hướng, giải pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố an ninh - quốc phòng trong tình hình mới, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII được tổ chức từ 28/10 đến 1/11/1979. Tham dự Đại hội có 101 đại biểu, thay mặt cho 1.258 đảng viên sinh hoạt tại 36 chi, đảng bộ xã và cơ quan, đơn vị¹ và đại biểu Tỉnh ủy Bắc Thái, đại biểu các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn (Lữ đoàn 7, Lữ đoàn 40, Sư đoàn 31 và Nhà máy Z115).

Trên cơ sở khẳng định những thành tích đã đạt được trong nhiệm kỳ XI, chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm và nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm đó; căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và đường lối chung cách mạng cả nước, Đại hội xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 2 năm 1980-1981, bao gồm những nội dung:

"a) Nắm chắc lực lượng, khả năng lao động, trên cơ sở đó có kế hoạch cân đối và sử dụng lao động vào

1. Trong đó có 18 chi, đảng bộ xã, 18 chi bộ cơ quan.

sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và các ngành nghề cho thích hợp.

b) củng cố, khôi phục các hợp tác xã để hoàn thiện về quan hệ sản xuất trong phạm vi toàn huyện, đồng thời từng bước đưa các hợp tác xã đi vào thực hiện Chỉ thị 200 và Nghị quyết 61/CP của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại sản xuất theo quy mô từ nhỏ đến lớn"... "đảm bảo đời sống xã viên và hoàn thành các chỉ tiêu nghĩa vụ đối với Nhà nước. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã để phục vụ cho phát triển chăn nuôi, trồng trọt. Xây dựng cho được một số hợp tác xã vững mạnh, mẫu mực, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để từ điểm mà nhân ra diện. Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi và các ngành nghề khác. Tiến hành quy hoạch sản xuất, xác định phương hướng sản xuất của các hợp tác xã, giải quyết những mặt yếu kém tồn tại của các hợp tác xã nhất là các hợp tác xã mới phục hồi.

c) Củng cố và xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh, tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, xây dựng phương án tác chiến, tổ chức huấn luyện kỹ, chiến

thuật tác chiến hợp đồng giữa lực lượng vũ trang địa phương với bộ đội chủ lực.

Giáo dục các tầng lớp nhân dân trong huyện nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát hiện, ngăn chặn kịp thời những phần tử xấu tuyên truyền xuyên tạc, phá hoại đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. củng cố lực lượng an ninh địa phương, bảo đảm vững chắc trật tự an toàn xã hội. Bảo đảm chỉ tiêu tuyển quân hàng năm.

d) Kiện toàn, củng cố về mặt tổ chức của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đủ về số lượng, có trình độ năng lực tiếp thu, vận dụng sáng tạo đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đưa phong trào chung toàn huyện từng bước đi lên vững chắc".

Đại hội thông qua một số chỉ tiêu kinh tế trong nhiệm kỳ XII¹ và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ

1. - Sản lượng lương thực phần đầu đạt: 15.970 tấn/năm.

- Diện tích ngô trồng xuống ruộng: 250 ha/năm.

- Xây dựng đơn vị chăn nuôi tập thể tại HTX trên xã Quang Sơn.

- Tổng số lương thực huy động cho Nhà nước: 1.050 tấn/năm.

Trong đó: Thóc 750 tấn/năm

Ngô 300 tấn/năm

- 85% số hộ trong huyện vào HTX, không còn xã trắng.

huyện khóa XII gồm 25 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Trịnh Văn Uy được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy. Tại kỳ họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII đã bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí, đồng chí Lâm Văn Thơ được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội Đảng bộ huyện khóa XII diễn ra trong điều kiện nền kinh tế, xã hội của đất nước nói chung, huyện Võ Nhai nói riêng còn hết sức khó khăn. Cuộc chiến tranh biên giới tuy đã kết thúc, nhưng hậu quả của nó còn hết sức nặng nề. Chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch diễn biến hết sức phức tạp. Trình độ sản xuất thấp, năng suất lao động không cao, đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn..., là những khó khăn, trở ngại lớn cho quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng của Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai.

Trước tình hình đó, gần hai tháng sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, ngày 22/12/1979, Huyện ủy ra Nghị quyết "Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách". Sau khi đánh giá những kết quả đạt được và chỉ rõ những yếu kém của huyện trong thời gian vừa qua, Nghị quyết xác định "những nhiệm

vụ cấp bách và những công tác cụ thể trước mắt phải làm" là:

Đối với sản xuất nông, lâm, công nghiệp, giao cho Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Kế hoạch, rà xét lại kế hoạch cho sát, bảo đảm cân đối trồng trọt và chăn nuôi; cụ thể là phát triển theo một tỷ lệ thích hợp giữa cây lúa, với các loại cây ngô, mía, đỗ tương, lạc, thuốc lá; giữa đàn trâu, đàn lợn. Yêu cầu các Phòng Thủy lợi, Giao thông, Xây dựng, Tài chính, Ngân hàng, Nông nghiệp... phải làm hết trách nhiệm của mình, phục vụ tốt cho sản xuất nông, lâm, công nghiệp. Các xã, hợp tác xã phát huy tính chủ động, tính thần tự lực tự cường, từ đất đai, sức lao động, tài sản, vốn và cơ sở vật chất hiện có phải tổ chức thực hiện sản xuất đạt kết quả cao nhất. Trước mắt, trong vụ Đông Xuân 1979-1980, phấn đấu vượt chỉ tiêu về diện tích lúa, ngô, khoai, sắn. Ở những nơi khó khăn về nước tưới, cần đẩy mạnh việc đưa cây màu xuống ruộng, trọng tâm là ngô, khoai lang; đồng thời trồng thử nghiệm cây cao lương trên đất bãi và ruộng cạn.

Đề đạt được mục tiêu về lương thực, Huyện ủy chủ trương đẩy mạnh các biện pháp kỹ thuật, trước hết là thủy lợi và phân bón. Đối với các công trình thủy

lợi đầu mối, được Nhà nước cấp kinh phí xây dựng, như Nà Lay, Cầu Quýt, cần tập trung lực lượng thi công cho tốt, bằng cách huy động thanh niên mở các chiến dịch thủy lợi, giao thông đầu xuân. Mặt khác, phát động phong trào thủy lợi, giao thông quần chúng rộng rãi tận dụng các nguồn nước khe, lạch, hồ, ao để sản xuất. Những xã đã có hợp tác xã xây dựng kế hoạch thành lập đội thủy lợi chuyên, làm nòng cốt trong công tác thủy lợi của địa phương. Cần tận dụng hết các nguồn phân hiện có (phân trâu, phân lợn, phân gà, phân bắc). Ban Nông nghiệp hướng dẫn về chế độ nghĩa vụ và chính sách thu mua phân trong các hợp tác xã nông nghiệp để tận thu được các nguồn phân bón. Những xã có điều kiện phát triển bèo hoa dâu làm phân, như Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, Quang Sơn..., Ban Nông nghiệp và Huyện Đoàn Thanh niên có kế hoạch hướng dẫn, động viên thanh niên triển khai ngay trong vụ Đông Xuân 1980-1981.

Đối với một số cây công nghiệp như mía, đỗ tương, lạc, thuốc lá, Huyện ủy chủ trương tổ chức đưa vào kinh doanh trong các hợp tác xã. Ban Nông nghiệp hướng dẫn công tác khoán, quản lý tạo điều kiện cho sản xuất của nông dân và việc thu mua của Nhà nước đều thuận lợi.

Đối với đàn trâu, đàn lợn trong huyện, Huyện ủy chủ trương tổ chức tiêm phòng, làm chuồng trại bảo đảm ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè, tổ chức chăn nuôi tốt, chống tình trạng trâu bò chết đói, chết rét, chống mổ thịt bữa bãi, buôn bán trâu bò trái phép; xúc tiến kế hoạch xây dựng trại lợn tập thể tại Hợp tác xã Quang Sơn. Phấn đấu đến hết năm 1980, đưa đàn lợn nái lên 200 con. Các hợp tác xã nghiên cứu triển khai cho xã viên nuôi lợn gia công¹. Ban Nông nghiệp nghiên cứu hướng dẫn việc sử dụng 15% ruộng đất dành cho chăn nuôi để đàn lợn của huyện phát triển ngày càng tốt hơn.

Nghị quyết Huyện ủy nêu rõ yêu cầu Trại Kiểm lâm và Lâm trường trong năm 1980 lập xong quy hoạch tổng thể; từng bước tổ chức kinh doanh nghề rừng ở cả 3 khâu: Trồng, khai thác và tu bổ; thực hiện cho được mô hình cả 3 thành phần kinh tế cùng kinh doanh rừng, trong đó thành phần kinh tế Quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Nghiên cứu phân bố, bổ sung lao động tương xứng với tiềm năng lâm nghiệp

1. Đó là hình thức Nhà nước cấp vốn, giống, hướng dẫn kỹ thuật, nhân dân tổ chức chăn nuôi và bán sản phẩm (thịt) cho Nhà nước theo giá thỏa thuận.

địa phương và cân đối với lực lượng lao động nông nghiệp trên địa bàn.

Để phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương, Nghị quyết chỉ rõ: Cần thành lập Phòng Công nghiệp làm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, chỉ đạo Xí nghiệp cơ khí đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng tiêu dùng bằng nguyên liệu sẵn có ở địa phương, sử dụng nguồn than địa phương mở rộng sản xuất vôi, gạch, ngói... phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân.

Giải quyết ổn định đời sống nhân dân trên cơ sở đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp trong huyện, đồng thời lãnh đạo tốt việc lưu thông phân phối chung, ăn chia phân phối trong các hợp tác xã, ăn tiêu trong mỗi gia đình. Tổ chức xây dựng thêm các công trình phúc lợi như nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trạm xá, cửa hàng hợp tác xã mua bán xã, lớp học trong các trường phổ thông; làm tốt công tác giao thông nông thôn; đấu tranh chống tệ nạn ăn cắp, hối lộ, cửa quyền, móc ngoặc...".

Tích cực chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, tăng cường công tác an ninh chính trị, trật tự trị an toàn xã hội;

ngăn chặn kịp thời và đập tan mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch trên địa bàn.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng, làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng đủ sức lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị do Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đề ra.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa XII và Nghị quyết số 02 của Huyện ủy, trên cơ sở chủ trương và mục tiêu chung, Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp, các ngành xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể của cấp mình và đề ra biện pháp tổ chức thực hiện cho tốt. Đồng thời lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện lập Ban chỉ đạo sản xuất để kiểm tra, đôn đốc các cơ sở thực hiện chỉ tiêu đã đề ra. Các cơ quan, ban, ngành ở huyện với chức năng của mình cũng có nhiều cố gắng chủ động phục vụ sản xuất, như chuẩn bị phân bón, thuốc trừ sâu, giống, nông cụ, vốn đầu tư... tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào hợp tác xã và nông dân sản xuất. Do đó, mặc dầu phong trào hợp tác xã còn nhiều khó khăn, yếu kém, nhưng sản xuất vẫn được đẩy mạnh. Diện tích gieo trồng năm 1980 đạt 5.591 ha, tăng hơn năm 1979 là 518 ha. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 11.613 tấn,

tăng so với năm 1979 trên 2000 tấn; trong đó, thóc đạt 8.926 tấn, màu quy thóc 2.646 tấn. Đáng chú ý là diện tích lúa Đông - Xuân 1979-1980 đạt 526,1 ha/600 ha kế hoạch. Cây ngô tăng cả diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích ngô năm 1979 trồng được 636 ha, năm 1980 trồng 1.140 ha. Sản lượng ngô đạt 1.887,8 tấn, tăng 934 tấn so với năm 1979. Một số cây công nghiệp cũng phát triển khá: Mía từ 225 ha năm 1979, lên 464 ha năm 1980; đỗ tương từ 128 ha năm 1979, lên 156 ha năm 1980. Phong trào sản xuất tự túc lương thực trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học cũng được chú trọng.

Về chăn nuôi, tổng đàn lợn tăng 0,62%, nhưng đàn trâu lại giảm 12,9% so với năm 1979. Đàn gia cầm toàn huyện có trên 116.000 ngàn con.

Xí nghiệp cơ khí huyện từng bước đi vào sản xuất kinh doanh, mở rộng mặt hàng phục vụ sản xuất, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trước 1 tháng.

Năm 1980, Lâm trường quốc doanh hoàn thành tất cả các chỉ tiêu từ khai thác, tu bổ, đến trồng rừng. Toàn huyện có 3 hợp tác xã kinh doanh nghề rừng. Hợp tác xã Ba Nhất (xã Phú Thượng) trong năm 1980 khai thác gần 1.000 mét khối gỗ; trong đó có 86

mét khối gỗ dùng để sản xuất nông cụ, tổng thu nhập đạt 30.000 đồng. Hợp tác xã Trôi Đổ của đồng bào Mông, tuy mới thành lập được mấy tháng, nhưng đã tổ chức khai thác được 271 ste củi.

Kết hợp sản xuất lâm nghiệp với nông nghiệp, năm 1980, Lâm trường đã gieo trồng được 45 tấn thóc, 4,8 tấn ngô, 30 tấn rau xanh, 7 tấn đường phen, 2 tấn đỗ, 73 con lợn, góp phần giải quyết tình trạng khó khăn gay gắt về lương thực, thực phẩm trên địa bàn. Riêng thóc sản xuất tập thể của Lâm trường đạt trên 20 tấn, đã điều hòa tự túc lương thực cho trên 400 công nhân trong 3 tháng và để giống cho vụ sau.

Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100 - CT/TW chủ trương: Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động" trong các hợp tác xã nông nghiệp. Có thể nói, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư là bước đột phá, là khởi đầu sự đổi mới tư duy kinh tế trong nông nghiệp của Đảng ta. Chỉ thị 100 tạo điều kiện để nông dân lao động cả nước nói chung, nhân dân các dân tộc Vĩnh Nhai nói riêng bước đầu chủ động gieo trồng, chăm bón thu hoạch... lúa và hoa màu mang lại hiệu quả cao.

Thực hiện Chỉ thị 100, Tỉnh ủy Bắc Thái đã chỉ đạo mỗi huyện, thành thị trong tỉnh chọn một số hợp tác xã chỉ đạo làm điểm rút kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, Huyện ủy đề ra chủ trương và nhiều biện pháp tích cực để "xây dựng, củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất, củng cố những hợp tác xã hiện có thật ổn định, đẩy mạnh sản xuất và chọn một hợp tác xã làm điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung".

Trước khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, huyện Võ Nhai đã chọn 2 hợp tác xã Pheo Phài (xã Phú Thượng) và Bình Minh (xã Liên Minh) làm thí điểm khoán sản phẩm cây lúa đến nhóm và người lao động. Do làm trước khi có chủ trương và hướng dẫn khoán theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư trong khi công tác tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế tập thể của hai hợp tác xã này còn nhiều hạn chế, nên tổ chức làm thử khoán sản phẩm không đạt yêu cầu. Công tác chỉ đạo sản xuất bị buông trôi, khoán trắng, công tác quản lý tư liệu sản xuất, điều hành lao động, thu và phân phối sản phẩm gặp nhiều khó khăn. Do đó không rút được kinh nghiệm để chỉ đạo chung.

II. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1981-1985):

Sau khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy, Chỉ thị 02 của Ban Thường vụ Huyện ủy và Thông tư 05 của Bộ Nông nghiệp hướng dẫn thực hiện cải tiến chế độ khoán trong hợp tác xã nông nghiệp, trung tuần tháng 4/1981, Huyện đã tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức cho các đồng chí Bí thư, Chủ tịch và Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp của 9 xã, 13 hợp tác xã và 30 cán bộ tăng cường chỉ đạo cơ sở về nội dung, biện pháp xây dựng, củng cố hợp tác xã và mở rộng khoán sản phẩm trong các hợp tác xã.

Hai hợp tác xã Phượng Hoàng (xã Phú Thượng) và Đông Bắc (xã Lâu Thượng) được chọn làm điểm thực hiện khoán mới. Không chờ rút kinh nghiệm ở 2 hợp tác xã làm điểm, 21 hợp tác xã khác sau khi có hướng dẫn chung đã tự tổ chức khoán. Như vậy, đến vụ mùa năm 1981, toàn huyện có 23 hợp tác xã thực hiện cách khoán mới. Tuy còn nhiều khó khăn, lúng túng và hiệu quả sản xuất chưa cao, nhưng qua 2 năm thực hiện phương thức khoán mới, sản xuất nông nghiệp đã có những tiến bộ rõ rệt:

- Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng toàn diện.

- Năng suất lao động và năng suất cây trồng tăng lên.

- Tư tưởng nhân dân phấn khởi, yên tâm tin vào cách thức làm ăn mới.

- Ruộng đất được quản lý, sử dụng tốt hơn. Đưa được tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh việc thâm canh tăng vụ.

- Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả thiết thực.

Thực hiện "khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động", tình trạng yếu kém kéo dài nhiều năm trong các hợp tác xã được khắc phục căn bản. Khoán 100 thực sự thích hợp với điều kiện sản xuất và trình độ quản lý của các hợp tác xã trong giai đoạn này. Nhiều hợp tác xã yếu kém đã vươn lên thành hợp tác xã trung bình và khá, không chỉ hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, mà mức sống của nhân dân cũng được nâng cao. Phong trào hợp tác xã có chiều hướng phát triển.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, công tác bảo vệ tài nguyên rừng có nhiều tiến bộ. Phong trào trồng cây gây rừng được thực hiện tốt. Bước đầu công tác giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý kinh

doanh có hiệu quả hơn. Thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, các đơn vị sản xuất kinh doanh rừng thực hiện vượt mức các chỉ tiêu khai thác gỗ, củi, nứa, vầu.

Công nghiệp và thủ công nghiệp tuy nhỏ bé và chưa đa dạng, song đã góp phần tích cực vào phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, cung ứng dụng cụ cầm tay cho nông, lâm nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ sửa chữa, xây lắp các công trình giao thông, thủy lợi, xây dựng nhà ở cho cơ quan, trường học cho học sinh...

Công tác lưu thông phân phối, phục vụ đời sống nhân dân tuy còn những mặt yếu kém về cơ sở vật chất, tổ chức chưa được kiện toàn, chưa mở rộng được mạng lưới dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, song việc thu mua năm nguồn hàng bước đầu có chuyển biến tốt, nổi bật là việc huy động thuế và thu mua lương thực. Tình trạng nợ thuế dây dưa kéo dài nhiều năm ở nhiều xã nay đã giảm bớt. Tổng giá trị hàng hóa thu mua mỗi năm một tăng. Đến 1982, huyện có thêm nhiều mặt hàng mua bán trao đổi với tỉnh như đồ tương, thuốc lá, đường phen, gỗ để sản xuất nông cụ, và đồ dùng sinh hoạt.

Trong công tác quân sự địa phương, các cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về đường lối chiến tranh nhân dân và nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân của Đảng; đề cao cảnh giác, đấu tranh ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu và hành động chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng và huấn luyện nâng cao sức mạnh chiến đấu cả 3 lực lượng: Cơ động chiến đấu, hậu cần và lực lượng bảo hậu cứ; xây dựng củng cố phòng tuyến chiến đấu, cụm chiến đấu và phương án tác chiến phòng thủ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu khi chiến tranh xảy ra trên địa bàn.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời do làm tốt việc tuyên truyền giáo dục nghĩa vụ trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên với công tác triển khai đăng ký nghĩa vụ quân sự đầu năm, nắm chắc số lượng thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự ở các đơn vị, nên công tác gọi thanh niên khám tuyển và nhập ngũ luôn đạt chỉ tiêu trên giao.

Thực hiện Chỉ thị 92 của Bộ chính trị về xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh

và đẩy mạnh phong trào quần chúng giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, thiết thực bảo vệ Tổ quốc, lực lượng công an trong huyện tích cực tham gia vào lĩnh vực quản lý kinh tế, làm hậu thuẫn cho cuộc vận động chấp hành đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ở các ngành, các cấp. Do đó, tình hình chính trị trên địa bàn luôn được ổn định. Các hiện tượng gây mất trật tự xã hội, các vụ án hình sự và dân sự được khám phá và giải quyết kịp thời. Các luận điệu tuyên truyền phản động cũng được ngăn chặn. Số thanh niên chống lệnh nghĩa vụ quân sự, quân nhân đào ngũ, số người làm ăn phi pháp, đánh bạc... được tổ chức cải tạo, giáo dục.

Công tác văn hóa, giáo dục, y tế trong những năm 1980-1982 còn có nhiều mặt hạn chế.

Cơ sở vật chất của Ngành Giáo dục được tăng cường, chất lượng dạy và học được giữ vững, nhưng số lớp, số học sinh đến lớp lại giảm so với năm 1979¹.

-
1. - Năm học 1978-1979 - Tổng số lớp học phổ thông 453.
 - Tổng số học sinh phổ thông và võ lòng 16.521
 - (Bình quân 2,7 người dân có 1 người đi học)
 - Năm học 1982-1983: - Tổng số lớp học phổ thông: 438
 - Tổng số học sinh phổ thông và võ lòng: 12.028
 - (Bình quân 4 người dân có 1 người đi học)

Công tác phòng bệnh chưa được quan tâm đúng mức, nên trong 3 năm để xảy ra nhiều đợt dịch tả, ho gà, bạch hầu, sốt rét, gây tử vong một số người bệnh. Phòng Y tế, Bệnh viện huyện phải tập trung lực lượng, phương tiện, thuốc men, cùng với sự hỗ trợ của tỉnh mới khoanh vùng, dập tắt được các ổ dịch.

Hoạt động văn nghệ tuy chưa trở thành phong trào quần chúng sôi nổi và rộng khắp, nhưng Phòng Văn hóa - Thông tin huyện đã cố gắng mỗi năm một lần tổ chức "Hội diễn mùa xuân" toàn huyện với nội dung phong phú, góp phần cổ vũ động viên nhân dân sản xuất, chiến đấu và thực hiện đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đội điện ảnh của huyện khắc phục khó khăn về đường sá, phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Bộ máy chính quyền sau nhiều lần củng cố đã có chuyển biến tích cực về mặt quản lý Nhà nước. Các cơ quan chuyên môn và các đoàn thể từ huyện đến xã đã thực hiện tốt chức năng tham mưu, từng bước tham gia quản lý kinh tế, ngăn chặn tiêu cực xã hội, tạo ra nền nếp trong quản lý, sản xuất ở một số ngành, một số xã.

Công tác xây dựng Đảng có những chuyển biến tốt. Những tồn tại về tư tưởng của Đảng bộ trong nhiều năm trước (hữu khuynh, trì trệ, bảo thủ, lạc hậu, trông chờ, ỷ lại)¹ đã được khắc phục một phần, nhất là từ sau khi triển khai học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (27 - 31/3/1982). Sau học tập, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã nhận thức rõ hơn về đường lối chính sách, nhiệm vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của địa phương nói riêng.

Thực hiện Chỉ thị 192, Thông tri 22, Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ sau Đại hội vòng 2 (khóa XII), công tác đánh giá, bình xét, phân loại đảng viên được chú trọng về chất lượng. Từ đó, tính tiên phong gương mẫu, vai trò lãnh đạo trong mỗi cán bộ, đảng viên được đề cao hơn trước. Ý thức tự lực tự cường, đoàn kết nhất trí trong các cấp bộ Đảng được khơi dậy. Nhờ công tác quản lý được đổi mới, khí thế lao động ở cả 3 thành phần kinh tế đều sôi nổi. Sự kết hợp hài hòa giữa 3 lợi ích (Nhà nước,

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Võ Nhai khóa 13 (lần 2).

tập thể và người lao động) đã và đang được thực hiện ngày một hiệu quả hơn.

Tình trạng vi phạm nguyên tắc tổ chức Đảng bước đầu được khắc phục trong nhiệm kỳ XII. Sau đợt học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Huyện ủy tập trung chỉ đạo Đại hội Đảng ở cơ sở. Qua Đại hội, 40/41 cơ sở đã có 78/205 đồng chí mới tham gia cấp ủy, 18/40 Bí thư mới (trong đó 9/18 là Bí thư Đảng ủy xã).

Để phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất và công tác, trong 3 năm, toàn huyện đã phát triển được thêm 5 tổ chức cơ sở Đảng, đưa tổng số cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy lên 41 (trong đó 14 đảng ủy cơ sở). Nhiều chi, đảng bộ duy trì được nền nếp, cải tiến nội dung, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng đảm bảo 3 tính chất (lãnh đạo, giáo dục, chiến đấu) của Đảng. Toàn Đảng bộ đã tiến hành bình xét, phân loại đảng viên, tổ chức phát Thẻ Đảng, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới¹ và bước đầu chăm lo, bồi dưỡng,

1. Trong 3 năm (1980-1982) có 28/41 tổ chức cơ sở Đảng phát Thẻ Đảng cho 486/1254 đồng chí. Có 12/44 chi, đảng bộ kết nạp được đảng viên mới.

đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các đảng bộ. Đến hết năm 1982, "qua phân loại 41 chi, đảng bộ cơ sở, toàn Đảng bộ có 32% tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh trên một số mặt, 51% khá và trung bình, 17% tổ chức cơ sở Đảng yếu, kém.

Nhằm giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, trong 3 năm (1980-1982), Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 134 đảng viên, trong đó: khai trừ 34, cách chức 3, lưu Đảng 33, cảnh cáo 65, khiển trách 46.

Để khắc phục những tồn tại và yếu kém, phát huy những thành tích đã đạt được, tận dụng tiềm năng và thế mạnh của địa phương, lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế - xã hội ngày càng tốt hơn, Đại hội đại biểu Đảng bộ Võ Nhai nhiệm kỳ XIII được tổ chức từ 28/12/1982 đến 02/01/1983. Tham dự Đại hội có 109 đại biểu, đại diện cho 1.254 đảng viên sinh hoạt trong 41 chi, đảng bộ cơ sở.

Sau 6 ngày làm việc, Đại hội đã nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá ưu khuyết điểm của nhiệm kỳ XII, bổ sung Báo cáo chính trị và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ XIII (1983-1985). Ngày 2/1/1983, Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 27 đồng chí.

Tại phiên họp lần thứ nhất ngày 3/1/1983, đồng chí Trịnh Văn Uy được Ban Chấp hành tín nhiệm tái cử chức Bí thư Huyện ủy. Tại các phiên họp ngày 15 và 17/1/1983, Ban Chấp hành Đảng bộ đã bầu 9 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy; các đồng chí Hoàng Sửu và Trịnh Thanh Nhự được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy¹.

Khi bắt tay vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa XIII (1983-1985), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai gặp không ít khó khăn. Sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nhưng thời tiết lại không thuận lợi, gây nên nhiều thiệt hại lớn. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân còn nhiều khó khăn. Phong trào hợp tác xã không ổn định. Một số chi, đảng bộ cơ sở yếu kém.

Dưới ánh sáng các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa IV và Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, Ban Chấp hành Đảng bộ ra Nghị quyết số 01, xác định nhiệm vụ chính trị năm 1983 là: "Xây dựng và củng cố phong

1. Quyết định số 97 ngày 1/6/1983 chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Võ Nhai khóa XIII của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái.



Đồng chí Đàm Quang Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Tư lệnh Quân khu I đến thăm, làm việc và chụp ảnh
lưu niệm với Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Võ Nhai khóa XIII (1983 - 1985)



trào hợp tác xã; phát triển sản xuất, coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Đồng thời lấy công tác xây dựng Đảng làm chỗ dựa để đẩy phong trào đi lên"¹.

Thực hiện mục tiêu sản xuất nông nghiệp, ngay từ đầu năm, Huyện ủy đã chỉ đạo các xã, hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, mở rộng diện tích gieo trồng, tăng cường các biện pháp kỹ thuật, tăng năng suất cây trồng. Đồng thời chỉ đạo Ngành Vật tư nông nghiệp khai thác nguồn hàng cung ứng đầy đủ, kịp thời vật tư nông nghiệp cho nông dân. Riêng năm 1983, Ngành Vật tư đã bán cho nhân dân toàn huyện 320,2 tấn phân đạm urê; 29,6 tấn sun-phát; 11,7 tấn ka-ly; lượng thuốc trừ sâu cung ứng cho đồng ruộng tăng gấp 1,43 lần kế hoạch.

Mặc dù còn nhiều khó khăn về vốn, nhân lực, địa hình phức tạp..., nhưng phát huy tính năng động sáng tạo và với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, năm 1983, toàn huyện đã dốc sức xây dựng và hoàn thành 5 trên tổng số 7 công trình thủy lợi (hồ, đập, mương, phai), chủ động tưới nước cho 90 ha

1. Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội năm 1983 của Huyện ủy Võ Nhai.

ruộng cấy lúa từ 1 vụ trở thành 2 vụ. Đồng thời huy động 21.254 công lao động đào, đắp 13.000m³ đất, đá, sản xuất 1.480 m³ đá học, tổng khối lượng xây lắp đạt gần 140 m³; trong đó có 24,3 m³ bê tông, hoàn thành 7 cầu gỗ với tổng chiều dài 35m, làm mới 2 đường ngầm (tổng chiều dài 90m), sửa 15 km đường giao thông, mở 10 km đường dân sinh phục vụ nhu cầu đi lại và phát triển sản xuất của nhân dân.

Nhờ có những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện, trong năm 1983, tổng diện tích gieo trồng cây lương thực của huyện đạt 5.418,7 ha. Tổng sản lượng quy thóc đạt 12.133,5 tấn, bằng 94,8% kế hoạch. Trong đó, diện tích lúa đạt 4.232 ha (99,59% kế hoạch), năng suất bình quân 23,53 tạ/ha (97,59% kế hoạch), sản lượng đạt 9.861 tấn (96,18% kế hoạch). Tuy vậy, do tập trung sức phát triển lúa, coi nhẹ cây mầu, cây công nghiệp, nên diện tích, năng suất và sản lượng đều thấp so với kế hoạch, so với năm 1982.

Ngành Chăn nuôi vẫn giữ được nhịp độ phát triển bình thường. Đàn trâu có 14.780 con; trong đó trâu cày, kéo có 9.414 con, tăng 0,23% so với cùng kỳ. Đàn lợn có 12.800 con; trong đó lợn thịt có 12.450 con, lợn nái 350 con, tăng 1,18% so với 1982.

Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục có chuyển biến tích cực trong nhận thức về nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ rừng, giao đất, giao rừng.

Lâm trường Võ Nhai năm 1983 tiếp tục giữ vững danh hiệu đơn vị lá cờ đầu của Ngành Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái (ba năm liên) với kết quả trồng rừng được 128,1ha, đạt 101,66% kế hoạch; tăng 14,77 so với 1982, chăm sóc rừng đạt 100% kế hoạch; khai thác 3840 m³, đạt 128% kế hoạch, tăng 9,1% so với năm 1982. Đến hết năm 1983, toàn huyện đã giao 5.888,1 ha rừng và đất rừng (147% kế hoạch) cho 14 hợp tác xã, 2 xóm và 2 đội Lâm nghiệp ở các xã Dân Tiến, La Hiên, Lâu Thượng. Nhiệm vụ quản lý tài nguyên rừng có những chuyển biến bước đầu, nhất là sau khi Ban Lâm nghiệp được thành lập, Hạt Kiểm lâm được củng cố. Trong năm, Ngành đã thu tiền nuôi rừng được 670.000 đồng; xử lý 185 vụ vi phạm lâm pháp.

Ngành Công nghiệp, Thủ công nghiệp ở địa phương được duy trì và phát triển. Trong đó, công nghiệp cơ khí phát triển khá, giá trị tổng sản lượng, giá trị sản lượng hàng hóa và sản phẩm chủ yếu đều đạt từ 125 đến 147%. Tuy vậy, do điểm xuất phát thấp, nên công nghiệp cơ khí của huyện còn nhiều

mặt yếu kém, chưa đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân. Sản xuất thủ công nghiệp mà chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vôi, đá) cả 3 chỉ tiêu giá trị tổng sản phẩm, giá trị hàng hóa, và hàng hóa đều đạt thấp dưới 50% kế hoạch do năng lực quản lý yếu, hướng sản xuất chưa rõ.

Do còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về vốn, vật tư, phương tiện sản xuất, trình độ quản lý và năng lực lao động của đội ngũ cán bộ và nhân dân còn thấp, nên sản xuất không ổn định. Các chỉ tiêu phát triển lương thực năm 1984 so với năm 1983 phần lớn đều thấp; trong đó tổng sản lượng lương thực giảm 654 tấn, riêng thóc giảm 525 tấn, ngô giảm 146 tấn... nhưng các chỉ số phát triển cây công nghiệp lại tăng. Điển hình là cây đỗ tương tăng 44,8%, cây thuốc lá tăng 60,4%, cây chè tăng 21,3%.

Để khắc phục tình trạng yếu kém trong năm 1984, bước vào năm 1985, với mục tiêu coi sản xuất lương thực là mặt trận hàng đầu, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng quyết tâm chỉ đạo tập trung vào các khâu: giống, phân bón, thủy lợi kết hợp với việc đầu tư vốn cho các vùng trọng điểm, tạo ra

vùng giống thuần chủng, phục vụ cho gieo trồng và vùng lúa cao sản, nâng cao sản lượng thóc.

Nhờ có quyết tâm cao và sự lãnh đạo sát sao, đúng hướng của Đảng bộ, nên kết quả phát triển nông nghiệp năm 1985 có bước tiến bộ vượt bậc cả về diện tích, năng suất và sản lượng lúa. Mặc dù 4 xã Quang Sơn, Tân Long, Hòa Bình, Văn Lăng đã cắt về Đồng Hỷ¹, tổng diện tích lúa cả năm của huyện vẫn đạt 3.535 ha. (đạt 101,17% kế hoạch). Trong đó, diện tích lúa tăng sản có 356,6 ha; năng suất đạt 34,84 tạ/ha. (103,3% kế hoạch). Năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 26,18 tạ/ha (cao nhất so với những năm trước đó), sản lượng đạt 9.255,7 tấn. Cây mầu lương thực đã được các cấp, các địa phương chú trọng hơn. Diện tích cây mầu năm 1985 có 1.061 ha, sản lượng mầu quy thóc đạt 2.342 tấn. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 11.597,6 tấn. Bình quân lương thực cho một nhân khẩu ở khu vực nông nghiệp tăng từ 193,2 kg năm 1984, lên 216,59 kg/năm 1985.

1. Ngày 2/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 102 tách 4 xã Tân Long, Văn Lăng, Hòa Bình và Quang Trung (trừ 4 xóm Đồng Dong, Cây Thị, Làng Giai và Khuôn Vạc của xã Quang Sơn) thuộc huyện Võ Nhai để sáp nhập vào huyện Đồng Hỷ, với tổng diện tích 137 km², trong đó đất nông nghiệp 1.841,3 ha.

Sản xuất phát triển, tổng sản lượng lương thực tăng cao, nên việc huy động lương thực có nhiều thuận lợi. Năm 1983, toàn huyện huy động được 1.070 tấn lương thực, đạt 97,5% chỉ tiêu. Đây là năm đầu tiên Võ Nhai không chỉ hoàn thành, mà còn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thuế vụ Hạ 372/350 tấn (vượt 22 tấn), số lương thực huy động cả năm được 1.121 tấn, đạt 101,9% kế hoạch. Riêng thóc thuế thu được 882,7 tấn, đạt 121% là mức thu cao nhất từ trước tới lúc đó.

Do thành lập được Trạm Thú y của huyện nên việc chăm lo, theo dõi, tiêm phòng cho gia súc (chủ yếu là đàn trâu) được quan tâm và có hiệu quả thiết thực. Năm 1984, toàn huyện 538 con trâu và 788 con lợn bị dịch bệnh đã được cứu chữa kịp thời. Năm 1985, nhiều ổ dịch trâu, bò, lợn ở các xã Tràng Xá, Sảng Mộc... được phát hiện và dập tắt. Từ khi thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, nhu cầu sức kéo cho sản xuất ở các địa phương ngày càng cao, việc chăm sóc đàn trâu cày kéo, trâu sinh sản của nhân dân ngày càng tốt hơn. Vì vậy, đàn trâu liên tục tăng cả về số lượng và chất lượng. Năm 1985, tổng đàn trâu có 13.216 con, vượt 4% so với chỉ tiêu kế hoạch.

Tuy không đạt chỉ tiêu về số lượng (11.939 con, bằng 85,2%), nhưng toàn huyện đã có 2.961 con lợn lai kinh tế (137,4% kế hoạch), mở ra hướng mới cho ngành chăn nuôi lợn thịt ở địa phương.

Lâm nghiệp vẫn là một ngành có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của huyện. Vì vậy, việc tổ chức quản lý, kinh doanh nghề rừng vừa phải mang lại hiệu quả thiết thực, vừa bảo đảm lợi ích trước mắt và lâu dài là yêu cầu căn bản đối với mỗi địa phương. Ý thức được điều đó, Huyện ủy lãnh đạo Lâm trường và các hợp tác xã phát triển hài hòa cả 4 nhiệm vụ trồng, chăm sóc, khai thác và bảo vệ rừng. Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, trong 2 năm 1984-1985, toàn huyện đã trồng rừng tập trung được 307 ha (106,6% kế hoạch), chăm sóc và tu bổ 1.050 ha (102% kế hoạch), khai thác 4.500 m³ gỗ tròn, 200 m³ gỗ xẻ (112% kế hoạch)... nộp ngân sách 2.480.000 đồng (107% kế hoạch). Cũng trong 2 năm này, toàn huyện đã giao 30.990 ha rừng và đất rừng cho Lâm trường quốc doanh và các hợp tác xã quản lý khai thác bước đầu đạt kết quả tốt.

Tuy vậy, nghề rừng cũng còn bộc lộ một số mặt yếu từ nhận thức đến chỉ đạo hoạt động. Do chưa có chính sách khuyến khích phát triển nghề rừng, nên

số lao động tham gia sản xuất kinh doanh rừng còn rất thấp so với tiềm năng rừng và so với ngành nông nghiệp. Công tác quản lý, bảo vệ rừng tuy có nhiều cố gắng, song hiệu quả còn thấp. Tình trạng khai thác lâm sản trái phép, khai thác bừa bãi, phá rừng làm nương rẫy vẫn diễn ra ở nhiều nơi, nhưng chưa có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. Mặc dù lực lượng bảo vệ rừng thường xuyên tuần tra, kiểm soát, phát hiện và bắt giữ hàng trăm vụ vi phạm lâm luật, thu phạt hàng trăm ngàn đồng, nhưng riêng năm 1984 vẫn có 273,8 ha, trong đó 116 ha rừng đầu nguồn bị tàn phá để làm nương rẫy. Tình trạng khai thác rừng bừa bãi diễn ra phổ biến ở Liên Minh, khu vực Trúc Mai - Lịch Sơn, Cúc Đường... làm cho diện tích rừng nhanh chóng bị thu hẹp.

Do không phù hợp với đặc điểm địa hình phân bố ruộng đất, dân cư, tập quán canh tác và trình độ sản xuất, quản lý của nhân dân và đội ngũ cán bộ, nhất là do hiệu suất lao động thấp, thu nhập của xã viên không cao, đời sống không được cải thiện, nên phong trào hợp tác xã tổ chức theo kiểu làm chung, ăn chia theo công điểm ở Vĩnh Nhai nhìn chung không được nhân dân ủng hộ. Mặc dù các cấp bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể... trong nhiều năm tập trung nhiều

cán bộ, với nhiều biện pháp khác nhau để vận động nhân dân vào làm ăn trong các hợp tác xã nhưng kết quả được rất thấp. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư đã khắc phục được những khó khăn, yếu kém và bất cập nói trên, nên nhân dân các dân tộc trong huyện sôi nổi hưởng ứng. Số nông hộ tham gia hợp tác xã ngày một đông. Tỷ lệ nông dân vào hợp tác xã tăng từ 29,9% năm 1982, lên 51,15% năm 1983. Đến năm 1985, toàn huyện có 86 hợp tác xã với 4.577 hộ, đạt 82,62% số hộ nông dân toàn huyện.

Không chỉ tăng về số lượng, phong trào hợp tác xã nông nghiệp còn được nâng cao về chất lượng. Tỷ lệ hợp tác xã loại khá tăng từ 25% năm 1983, lên 58,3% năm 1985. Số hợp tác xã ở mức yếu kém giảm từ 28,4% xuống 21%. Trình độ quản lý và thâm canh có nhiều tiến bộ. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất ngày càng rộng rãi, nhất là khâu giống và phân vô cơ. Do đó, năng suất 2 vụ lúa năm 1985 đều tăng: So với 1981 tăng 1,9 lần, so với 1984 tăng 1,1 lần và đạt xấp xỉ chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ khóa XIII. Số hợp tác xã đạt bình quân 5 tấn thóc trở lên trên 1 ha lúa 2 vụ ngày càng nhiều. Năm 1984 có 10 hợp tác xã, năm 1985 có 15 hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn/ha. Trong đó, có 3 hợp tác xã đạt trên 7 tấn/ha là Đồng Chuối, Tiên Phong, Phương Hoàng.

Song song với cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, công tác cải tạo công thương nghiệp tiếp tục được đặt ra, nhưng nhìn chung kết quả thấp. từ 1985, thực hiện chủ trương từng bước xóa bỏ cơ chế bao cấp trong nền kinh tế nói chung, trong lưu thông phân phối nói riêng, nhưng do chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của thương nghiệp tư nhân, còn coi họ là: "nguồn gốc gây ra căng thẳng về giá cả, làm khó khăn cho công tác quản lý thị trường..."¹, nên chưa tạo điều kiện cho lực lượng này tham gia lưu thông phân phối hàng hóa, sản phẩm... trong khi mạng lưới thương nghiệp quốc doanh không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường. Khoảng 153 hộ tiểu thủ công và buôn bán nhỏ trên địa bàn huyện hoạt động tự do theo khả năng và điều kiện từng gia đình.

Công nghiệp của Võ Nhai vẫn hết sức nhỏ bé và lạc hậu. Đến năm 1985, toàn huyện vẫn chỉ có 1 xí nghiệp công nghiệp sản xuất một số mặt hàng phục vụ sinh hoạt gia đình và nông cụ sản xuất cầm tay. Năng suất lao động và chất lượng hàng hóa đều

1. Báo cáo về việc thực hiện mục tiêu kinh tế xã hội của Đảng bộ Võ Nhai năm 1985 (ngày 16/1/1986).

thấp, không đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong huyện.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Ngành Xây dựng đã có nhiều cố gắng để củng cố và tăng cường cơ sở vật chất trên địa bàn. Năm 1985, toàn huyện có 8 công trình xây dựng mới từ cấp 4 trở lên được triển khai với tổng diện tích xây dựng 1.835 m², trong đó 1.333 m² nhà ở và nhà làm việc. Tổng kinh phí đầu tư 399.992 đồng, trong đó nhân dân đóng góp 195.000 đồng. Tổng giá trị xây lắp so với năm 1984 tăng 76,8%. Tuy vậy, việc xây dựng không bảo đảm kế hoạch, nhiều công trình không bảo đảm tiến độ thi công do thiếu vốn và vật liệu. Chất lượng các công trình nhìn chung thấp.

Sự nghiệp giáo dục ở Võ Nhai tiếp tục được duy trì và phát triển. Ngành giáo dục đã có nhiều biện pháp quản lý, thi đua để không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học. Số học sinh phổ thông toàn huyện tăng từ 10.090 em trong năm học 1982-1983, lên 11.379 em trong năm học 1983-1984; số giáo viên tăng từ 600 lên 672 người. Năm 1985, sau khi 4 xã chuyển về Đông Hỷ, toàn huyện vẫn duy trì được 9.146 học sinh và 656 giáo viên.

Phong trào bổ túc văn hóa trong huyện cũng được duy trì đều. Trong năm học 1983-1984, toàn huyện có 7/18 xã mở được 29 lớp, 463 học viên. Năm học 1984-1985 tăng lên 61 lớp, 808 học viên ở hầu khắp các xã trong huyện. Hợp tác xã Chòi Hồng (xã Trảng Xá) là đơn vị có bước phát triển khá. Trường Bổ túc văn hóa của huyện tiếp tục được duy trì với 29 học viên (2 lớp 8 và 1 lớp 10), hầu hết là cán bộ đương chức ở huyện đi học.

Mặt yếu của Ngành Giáo dục Võ Nhai vẫn là cơ sở vật chất. Mặc dù các cấp bộ Đảng, chính quyền và nhân dân đã có nhiều cố gắng đóng góp xây dựng, nhưng đến năm học 1985-1986, toàn huyện mới chỉ có 4/247 phòng học, 1/9 nhà ở giáo viên được lợp ngói. Bàn ghế giáo viên và học sinh hầu hết đều tạm bợ¹, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy và học.

Ngành Y tế có nhiều cố gắng trong việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Năm 1984, Bệnh viện huyện đã được cung cấp điện phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh, nhất là phục vụ mổ và chiếu X Quang. Công tác tiêm phòng, và phun thuốc phòng trừ dịch

1. Báo cáo về việc thực hiện kinh tế xã hội của Đảng bộ Võ Nhai năm 1985 (ngày 16/1/1986).

bệnh được duy trì tương đối đều. Nhiều ổ dịch bệnh được phát hiện và dập tắt kịp thời. Được sự giúp đỡ của Sở Y tế và Trường Đại học y khoa Bắc Thái, Võ Nhai đã thực hiện khá tốt chương trình "5 dút điểm" và cuộc vận động sinh đẻ và kế hoạch hóa gia đình. Trong năm 1985, chị em mang thai ở 13/14 xã được khám thai và sinh đẻ tại các cơ sở y tế; 518 chị (25,5% số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) được đặt vòng tránh thai. Ở một huyện vùng cao, mặt bằng dân trí thấp, những con số kể trên thể hiện một sự cố gắng và kết quả to lớn.

Tuy vậy, Võ Nhai vẫn còn rất nhiều khó khăn, thuốc chữa bệnh thiếu, trình độ chuyên môn của đội ngũ thầy thuốc toàn huyện nói chung, ở các trạm xá nói riêng, còn rất thấp. Toàn huyện chỉ có 8/14 xã có Trạm xá, trong đó chỉ có 4 Trạm (Bình Long, Dân Tiến, Tràng Xá, La Hiên) hoạt động tương đối có hiệu quả. Bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, bạch hầu... vẫn là mối lo ngại thường trực trong nhân dân.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có nhiều khởi sắc. các ấn phẩm văn hóa như sách, báo, tạp chí, tranh ảnh phát hành mỗi năm một tăng. Đội chiếu bóng lưu động của huyện khắc phục nhiều khó khăn, mang phim ảnh đến phục vụ đồng

bào các xã xa xôi hẻo lánh. Năm 1984, cả 2 lần tham gia hội diễn văn nghệ do tỉnh tổ chức Vĩ Nhai đều đạt kết quả tốt. Các buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ nhân dân trong huyện thường xuyên được tổ chức nhân các ngày lễ lớn, được nhân dân đồng tình khen ngợi.

Từ 1984, phong trào thể thao phát triển khá. Phòng Văn hóa - Thông tin huyện chỉ đạo các đơn vị chuẩn bị lực lượng tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn huyện đạt kết quả cao; đồng thời tổ chức bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên chuẩn bị tham gia Đại hội thể thao toàn tỉnh lần thứ nhất chào mừng 20 năm ngày thành lập tỉnh Bắc Thái, chào mừng 40 năm ngày thành lập Nước (2/9/1985).

Tuy vậy, do thiếu sự chỉ đạo của ngành dọc, sự quan tâm của các cấp chính quyền cơ sở, việc bổ sung trang thiết bị không kịp thời, nên phong trào thể dục thể thao không duy trì được thường xuyên. Phong trào tự rèn luyện sức khỏe cũng ngày càng giảm.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ chính trị, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết 04 nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, nâng cao cảnh

giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Sau 3 năm thực hiện 2 Nghị quyết nói trên, tình hình an ninh chính trị căn bản được giữ vững. Tình hình trật tự trị an toàn xã hội cũng có chuyển biến tích cực. Từ 1983 đến 1985, Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo các xã sàng lọc, phân loại, lập danh sách quản lý giáo dục, lao động tại địa phương 1.448 đối tượng phạm pháp. (Chủ yếu phạm tội trộm cắp, cờ bạc, cư trú trái phép, dùng chất nổ đánh cá trái quy định, vi phạm chính sách về thuế...). Công tác kiểm tra nhân, hộ khẩu, quản lý các đối tượng phạm pháp được duy trì thường xuyên, chặt chẽ. Do đó, các vụ án hình sự, nạn trộm cắp ngày càng giảm.

Công tác quân sự địa phương thường xuyên được củng cố về tổ chức. Các chương trình huấn luyện chính trị, quân sự được duy trì đều theo kế hoạch hằng năm của cơ quan quân sự cấp trên. Quân số huấn luyện luôn bảo đảm từ 95% đến 99%. Nhiệm vụ tuyển quân trong 3 năm (1983-1985) đều đạt từ 100 đến 102% chỉ tiêu. Trong 2 năm 1984-1985, 407 thanh niên con em các dân tộc trong huyện đã lên đường cầm súng bảo vệ Tổ quốc.

Xác định rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng có tính chất quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội ở địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng. Việc tuyên truyền, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết cũng như việc rèn luyện, giáo dục đảng viên được đẩy mạnh. Ý thức trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu; ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên được nâng cao, vai trò lãnh đạo của các tổ chức Đảng ở cơ sở được phát huy. Số cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh ngày càng tăng, nhiều chi bộ từ yếu kém phấn đấu vươn lên loại khá. Số đơn vị kém nát giảm dần¹. Kết quả trên là do Đảng bộ chú ý đúng mức đến công tác củng cố tổ chức, nhất là trong các kỳ đại hội Đảng ở cơ sở, đã mạnh dạn thay thế những đảng viên không đủ năng

1. Kết quả phân loại tổ chức cơ sở Đảng - báo cáo công tác xây dựng Đảng của BCH Đảng bộ các năm 1983, 1984, 1985.

	Năm 1983	Năm 1984	Năm 1985
Tổng số cơ sở đảng	42	43	39
- Trong sạch vững mạnh	5	7	9
- Khá	18	21	14
- Yếu	12	13	14
- Kém nát	7	2	2

lực lãnh đạo trong các cấp ủy. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII (1983-1985), các cấp ủy cơ sở đã bổ sung thay thế 78 trên tổng số 205 cấp ủy viên. Trong đó, 20 trên 24 cơ sở thay thế đồng chí Bí thư. Một số chi, đảng bộ tuy đã được củng cố về mặt tổ chức, nhưng mức độ chuyển biến quá chậm do năng lực lãnh đạo của cấp ủy yếu, phong trào hợp tác xã không được khôi phục. Xã Sảng Mộc đến cuối năm 1983 vẫn là "xã trắng" về hợp tác xã. Đảng bộ xã Quang Sơn là đơn vị chỉ đạo điểm của tỉnh từ tháng 7/1982, nhưng do nội bộ mất đoàn kết, buông trôi lãnh đạo, nên đến tháng 10/1983 mới tổ chức được đại hội. Sự yếu kém của Đảng bộ kéo theo sự sa sút của phong trào: Hợp tác xã tan vỡ, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước không được thực hiện. Năm 1985, hầu hết các chi, đảng bộ cơ sở xã đến kỳ đại hội. Từ kinh nghiệm của kỳ đại hội trước, Huyện ủy tập trung chỉ đạo tổ chức đại hội nhanh gọn. Với phương châm thay thế để phát triển, 9 trên 14 chi, đảng bộ đã thay thế chức danh Bí thư. Số cấp ủy viên mới chiếm trên 30% tổng số cấp ủy ở các cơ sở đại hội, bảo đảm tính kế thừa và đổi mới cho sự lãnh đạo của Đảng ở địa phương.

Phát triển Đảng, không ngừng tăng cường đội ngũ Đảng là một yêu cầu quan trọng không thể

thiếu của công tác xây dựng Đảng. Ý thức được điều đó, trong 3 năm (1983-1985), Huyện ủy đã chỉ đạo các Ban Xây dựng Đảng mở được 6 lớp bồi dưỡng đối tượng phát triển Đảng, với 394 học viên; kết nạp được 173 đồng chí vào hàng ngũ của Đảng. Trong đó năm 1983 kết nạp 42; năm 1984, kết nạp 55; năm 1985 kết nạp 76 đồng chí. Số đảng viên mới được kết nạp chưa nhiều, nhưng số lượng mỗi năm một tăng. Đến 1985, cả 14/14 chi, đảng bộ xã đều chú trọng phát triển được từ 1 đảng viên trở lên. Tình trạng một số chi, đảng bộ (Sảng Mộc, Thần Sa, Phú Thượng) hàng chục năm không làm công tác phát triển Đảng đã được khắc phục.

Công tác kiểm tra giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng trong các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương cũng được duy trì thường xuyên. Để giải quyết những tồn tại về công tác kiểm tra Đảng của nhiều năm trước, ngay sau Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo mở đợt kiểm tra dân chủ, kỷ luật ở một số chi, đảng bộ yếu kém, nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và sự đóng góp của quần chúng trong công tác xây dựng Đảng. Từ kết quả kiểm tra trong năm 1983, Đảng bộ phát hiện

159 vụ vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm chính sách, pháp luật Nhà nước; giải quyết 138 vụ, trong đó 124 vụ phải xử lý kỷ luật từ khiển trách đến xóa tên khỏi danh sách đảng viên.

Kết hợp kiểm tra với đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên theo tinh thần Chỉ thị 33, Chỉ thị 34 của Trung ương Đảng, Chỉ thị 06 của Tỉnh ủy, năm 1984, toàn Đảng bộ đã xử lý 61 đảng viên. Năm 1985, Đảng bộ xử lý 84 trường hợp, trong đó 46 người thuộc diện Thường vụ Huyện ủy quản lý (32 Bí thư, cấp ủy cơ sở, 14 Trưởng, Phó ban Đảng, chính quyền huyện).

Công tác kiểm tra đã thực sự góp phần quan trọng vào nhiệm vụ củng cố xây dựng Đảng, công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, hệ thống chính quyền các cấp trong huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Sau Đại hội Đảng bộ khóa XIII, tại các phòng, ban ở huyện, Huyện ủy đã mạnh dạn chỉ đạo sắp xếp 13/14 cán bộ đủ năng lực đảm nhiệm công tác, bước đầu phát huy được năng lực điều hành bộ máy, chỉ đạo cơ sở, củng cố phong trào. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện và xã năm

1984, nhất là sau đại hội Đảng ở cơ sở năm 1985 bộ máy chính quyền các xã có sự thay đổi lớn về đội ngũ cán bộ chủ chốt, trong đó 5/14 Chủ tịch, 9/14 Phó Chủ tịch, 8/14 Xã đội trưởng và 12/14 Ủy viên Thư ký Ủy ban nhân dân xã được thay mới. Đây là những đồng chí có sức khỏe tốt, có nhiệt tình và năng lực lãnh đạo.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng nhìn chung đều nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, nhưng hoạt động không đều. Trong khi Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến cơ sở hoạt động tích cực, xứng đáng là tổ chức tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước, thì hoạt động của tổ chức Công đoàn còn gặp nhiều mặt hạn chế, hiệu quả không cao.

Hội Nông dân tập thể mới được thành lập, đang trong quá trình kiện toàn tổ chức và bước đầu đi vào hoạt động¹. Hội đã cùng các Ban Quản trị hợp tác xã duyệt ăn chia, phân phối, xây dựng nền nếp sinh hoạt và tham gia cùng các đoàn thể khác vận động

1. - Năm 1984 toàn huyện có 8/18 xã thành lập được Hội nông dân.

- Năm 1985 toàn huyện có 6/14 xã (4 xã cất về Đồng Hỷ sách đã dẫn) tiến hành Đại hội Hội nông dân lần thứ nhất.

nhân dân thực hiện tốt chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Do tình hình khó khăn chung của huyện, phong trào thanh niên nhiều năm chưa được củng cố nên tình trạng yếu kém kéo dài. Năm 1983, Huyện ủy chỉ đạo tập trung củng cố và kiện toàn tổ chức Đoàn và phong trào thanh niên. Đến cuối năm 1983, toàn huyện có 155 chi đoàn thanh niên, trong đó 38 chi đoàn khối cơ quan trường học, với 3256 đoàn viên trên tổng số 10.000 thanh niên. Qua phân loại đánh giá cuối năm, có 50% đoàn viên xếp loại khá, 20% xếp loại trung bình và 29,5% xếp loại yếu kém. Trong năm, Đoàn Thanh niên giới thiệu cho Đảng 453 đoàn viên ưu tú, đã kết nạp được 28 đồng chí vào Đảng. Từ năm 1984, hoạt động của Đoàn đi vào một số nhiệm vụ cụ thể như chỉ đạo cho đoàn viên làm lúa tăng sản, tiếp tục củng cố cơ sở, phân loại đoàn viên và tiến hành phát Thẻ Đoàn. Nhìn chung, phong trào còn yếu, nhất là công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên thanh niên.

Năm 1985 là năm có nhiều ngày kỷ niệm lớn. Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên huyện kịp thời nắm bắt, lấy đó làm nội dung để tổ chức và giáo dục truyền thống, khơi dậy lòng yêu nước, yêu quê

hương, hăng say nhiệt tình trong lao động sản xuất, công tác và học tập. Với sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và tổ chức Đoàn cấp trên, trong các đợt hội thao, văn nghệ, đoàn viên thanh niên tham gia sôi nổi. Tổ chức Đoàn cơ sở đã trở thành nòng cốt trong phong trào tăng gia sản xuất, làm phân bón, bắt bướm, trừ sâu, phong trào thủy lợi. Huyện Đoàn còn phát động đoàn viên, thanh niên toàn huyện quyên góp được 4.000 đồng ủng hộ phong trào Kế hoạch nhỏ của thiếu niên nhi đồng, 1.272 đồng ủng hộ công trình thủy điện Nậm Cắt (Bắc Kạn). Trưởng thành từ phong trào lao động sản xuất, trong năm 1985, toàn huyện phát triển được 755 đoàn viên mới. Cũng trong năm 1985, 16/36 tổ chức Đoàn cơ sở trực thuộc Huyện Đoàn đã tổ chức phát Thẻ Đoàn cho đoàn viên.

Phát huy truyền thống giỏi việc nước, đảm việc nhà trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, trong các năm 1983-1985, Hội Phụ nữ Võ Nhai tiếp tục được củng cố kiện toàn về tổ chức. Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là giáo dục, động viên chị em hăng hái lao động sản xuất, phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, Hội đã tổ chức phát

động phong trào nuôi con khỏe, dạy con ngoan; phong trào vận động bán nông sản; phong trào sinh đẻ có kế hoạch; xây dựng gia đình văn hóa mới. Tại Hội thi Phụ nữ khéo tay năm 1983, Phụ nữ Vĩnh Nhai xếp thứ 3/11 đơn vị toàn tỉnh tham gia.

Năm 1984, Huyện Hội Phụ nữ tổ chức cho 2.607 nữ thanh niên và phụ nữ ở lứa tuổi nuôi con học tập 7 bài nâng cao kiến thức làm mẹ, đồng thời phát động phong trào ủng hộ bộ đội, quyên góp xây dựng Phòng Sản, Phòng Nhi.

Tổng kết phong trào thi đua 1985, toàn huyện có 16 chị tiêu biểu được suy tôn trong phong trào "Phụ nữ tài năng". Phụ nữ Vĩnh Nhai còn sôi nổi hưởng ứng phong trào gửi tiền tiết kiệm và mua công trái xây dựng Tổ quốc. Các phong trào nuôi con khỏe, dạy con ngoan, sinh đẻ và kế hoạch hóa gia đình tiếp tục thu được kết quả tốt.

Tuy nhiên, phong trào phát triển không đều, ở các xã vùng sâu, vùng xa, chị em phụ nữ còn chịu nhiều khó khăn, thiệt thòi cả về đời sống kinh tế và các chế độ phúc lợi xã hội. Đó là những vấn đề đặt ra cho các cấp bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể và bản thân chị em kiên trì phấn đấu, từng bước khắc phục trong những năm trước mắt.

Dù còn nhiều khó khăn, yếu kém cả về kinh tế và xã hội, nhưng những thành tựu đã đạt được cùng những vướng mắc, khuyết điểm cần tháo gỡ trong 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là những kinh nghiệm quý để Đảng bộ Võ Nhai vững bước vào chặng đường đổi mới.

CHƯƠNG IV

LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986 – 2000)

I – MƯỜI NĂM ĐẦU THỰC HIỆN ĐỔI MỚI (1986 – 1995)

Qua 10 năm (1975 – 1985) thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, tuy nhân dân ta đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn gay gắt. Sản xuất tuy phát triển, nhưng còn chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm (1981 – 1985) không đạt đã ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân lao động. “Nhìn chung, chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân”⁽¹⁾.

(1). Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI. NXB Sự thật, Hà Nội 1978, tr.18.

Nằm trong tình trạng chung của đất nước, bên cạnh những thành quả to lớn đã đạt được, Võ Nhai cũng gặp nhiều khó khăn về kinh tế – xã hội. Võ Nhai là một huyện vùng cao, kinh tế kém phát triển; giao thông vận tải rất khó khăn, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa (Cúc Đường, Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thượng Nung, Thần Sa...); trình độ dân trí nhìn chung còn thấp, một số tập tục lạc hậu còn tồn tại trong một bộ phận dân cư...

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ XIV (họp từ ngày 30/9 đến ngày 4/10/1986), ngoài phần thảo luận, góp ý bổ sung các dự thảo văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và dự thảo văn kiện của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V, Đại hội đã dành nhiều thời gian vào việc phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ thứ XIV (1986 – 1988).

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 29 ủy viên chính thức và 7 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIV, bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 ủy viên. Đồng chí Hoàng Sửu được bầu làm Bí thư; các đồng chí Triệu Quang và Đặng Vĩnh Tọa được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV là Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V (11/1986) và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) là những sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai.

Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình đất nước và kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong 10 năm đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra nhiệm vụ cho cả chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là “Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾. Đại hội nêu rõ “chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn” và “nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp

(1). Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI. Tlđđ, tr.37, 41.

theo"⁽¹⁾. Muốn thực hiện những “nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát” của chặng đường đầu tiên, thì trong 5 năm trước mắt (1986 - 1990), cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Bước sang năm 1986 – năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 - 1990), cũng là năm đầu thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương về Giá - Lương - Tiền, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ngày 20/1/1986, Huyện ủy Võ Nhai ra Nghị quyết số 12 về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố và có những chuyển biến mạnh mẽ. Năm 1986, huyện củng cố thêm được 5 hợp tác xã: Bình Định, Na Giang, Na Đồng (xã Vũ Chấn), Nà Giàn (xã Nghinh Tường), Làng Tràng (xã Tràng Xá), nâng số lượng hợp tác xã nông nghiệp toàn huyện lên 92 hợp tác xã, với 5.112 hộ xã viên (chiếm tỷ lệ

(1). Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI. Tlđđ, tr.37, 41.

87,75% số hộ nông dân trong huyện). Chất lượng các hợp tác xã: Năm 1986, toàn huyện có 48,9% số hợp tác xã đạt loại khá, 29% đạt loại trung bình. Sang năm 1987, toàn huyện có 93 hợp tác xã nông nghiệp, với 5.092 hộ xã viên (84,21%); trong đó, hợp tác xã tiên tiến chiếm 6,5%, loại khá 20,65%, trung bình 36,95% và loại yếu kém chiếm 35,9%. Hợp tác xã Bình Minh (xã Liên Minh) và hợp tác xã Sảng Mộc... trước đây thuộc loại yếu kém, được Huyện uỷ tập trung lãnh đạo, đã có nhiều chuyển biến. Ban Quản lý Hợp tác xã Bình Minh (Liên Minh) đã định được sản lượng, giao phiếu khoán, đi vào sản xuất ngay từ vụ Đông - Xuân. Xã Sảng Mộc từ hợp tác xã toàn xã, không điều hành được công việc sản xuất, đến năm 1987, đã tách ra thành hai hợp tác xã, đi vào ổn định sản xuất.

Nhiệm vụ củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa luôn luôn được Huyện uỷ quan tâm, nên phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai trong những năm 1986 – 1988 được ổn định. Năm 1988, cùng với việc uốn nắn, sửa sai làm theo đúng tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương, Đảng bộ tập trung chỉ đạo triển khai Nghị quyết 19 của Ban Thường vụ Huyện uỷ và Hướng dẫn số 68 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện cơ chế khoán mới.

Tư tưởng chỉ đạo của Huyện ủy là không làm đại trà, mà tập trung chỉ đạo điểm, có tổng kết rút kinh nghiệm để nhân rộng ra toàn huyện. Cuối tháng 3/1988, Ủy ban nhân dân huyện mở hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở, gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, Chủ nhiệm các hợp tác xã, cấp ủy phụ trách xã, các ngành phụ trách xã. Đầu tháng 4/1988, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện trưng tập cán bộ các ngành làm công tác hướng dẫn tập huấn cho cán bộ cơ sở theo cụm xã. 13 xã (trừ Thượng Nung) đã mở lớp tập huấn cho gần 340 lượt cán bộ của 79 hợp tác xã. Cuối năm 1988, toàn huyện có 20 trên tổng số 98 hợp tác xã nông nghiệp thực hiện khoán gọn; số còn lại thực hiện khoán theo tinh thần Chỉ thị 100.

Tuy có những bước tiến mới so với trước, nhưng trong quá trình củng cố và xây dựng phong trào hợp tác xã, huyện Võ Nhai vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số nơi còn thiếu kiên quyết. Một số chi bộ trong các hợp tác xã chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo và còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trên. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý còn yếu; cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu. Công tác tuyên truyền, học tập mở rộng

về việc chuyển đổi từ hình thức khoán theo Chỉ thị 100 sang cơ chế khoán gọn còn chậm. Hiện tượng tranh chấp ruộng đất bắt đầu xảy ra trong một số xã và hợp tác xã...

Trong quá trình củng cố phong trào hợp tác xã, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cũng được huyện chú ý. Việc cải tạo giống cây trồng đạt được một số kết quả nhất định. Bằng cách đổi giống mới, hoặc tự chọn giống, huyện đã có một bộ giống lúa năng suất cao tương đối hoàn chỉnh: Xuân số 2, K3, CR 203, bao thai thuần chủng, mọc tuyền... Những yếu tố tích cực trên mặt trận sản xuất nảy nở, do đó ngay từ vụ đông - xuân 1985 - 1986 và vụ mùa năm 1986, Võ Nhai đều vượt chỉ tiêu về diện tích gieo trồng. Tính chung, năm 1986 diện tích gieo trồng các loại cây toàn huyện đạt 4.788,96 ha (101%)⁽¹⁾; năm 1987, đạt 4.712,5 ha⁽²⁾.

Tuy nhiên, thời tiết trong những năm 1986 - 1988 có nhiều diễn biến rất phức tạp. Đầu năm rét kéo dài, đến khi gieo cấy vụ mùa, lũ lụt lại xảy ra; tiếp đến là

(1). Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội 1986 - Số 01/BC-HU-24/3/1987, tr.1.

(2). Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu kinh tế xã hội 1987 - Số 02/BC-HU ngày 20/12/1987, tr.1.

rây xanh, rây nâu phát sinh mật độ lớn; nạn châu chấu phá hoại hoa mầu cũng phát triển mạnh. Năm 1987, cả hai vụ lúa và mầu đều bị rây nâu, bọ xít, châu chấu phá hoại nặng.

Tất cả tình hình trên tuy ảnh hưởng xấu đến sản xuất, nhưng nhìn chung kết quả thu hoạch vẫn được giữ vững và có mặt được nâng lên: Năm 1986, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 22,5 tạ/ha (bằng 85,5% kế hoạch); tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 10.657,05 tấn (86,97% kế hoạch); trong đó thóc là 8.501,94 tấn. Năm 1987, tổng sản lượng lương thực được nâng lên trong đó, sản lượng thóc đạt 9.246,85 tấn⁽¹⁾ (tăng 744,91 tấn so với năm 1986). Các loại cây công nghiệp ngắn ngày, trừ cây lạc đều tăng:

- Lạc: năm 1986 năng suất bình quân đạt 4,36 tạ/ha (55,18% kế hoạch); sản lượng đạt 75,89 tấn (32,02% kế hoạch). Năm 1987, năng suất đạt 5,54 tạ/ha (70,12% kế hoạch); sản lượng đạt 133,9 tấn (48,3% kế hoạch).

- Đỗ tương: Năm 1986, năng suất bình quân đạt 9,2 tạ/ha (102% kế hoạch), sản lượng đạt 174,55 tấn

(1). Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu KT-XH 1987. Tlđđ, tr.2, 3.

(96,9% kế hoạch). Năm 1987, năng suất đạt 9,51 tạ/ha (103% kế hoạch); sản lượng đạt 175,49 tấn.

- Mía: Năm 1986, năng suất bình quân đạt 407,3 tạ/ha (101,8% kế hoạch); sản lượng đạt 7.214,9 tấn (94,93% kế hoạch). Năm 1987, năng suất đạt 405,2 tạ/ha (101,3% kế hoạch); sản lượng đạt 6.949,6 tấn (86,87% kế hoạch).

Mức thu nhập lương thực bình quân theo đầu người tăng: từ 16,1 kg/người/tháng đối với khu vực nông nghiệp và 16,5kg/người/tháng đối với khu vực xã hội năm 1986, lên 17,35 kg/người/tháng đối với khu vực nông nghiệp và 17,8 kg/người/tháng đối với khu vực xã hội năm 1987⁽¹⁾.

Bên cạnh những cố gắng của Đảng bộ trong việc lãnh đạo khắc phục khó khăn về thời tiết, sâu bệnh để đảm bảo sản xuất nông nghiệp phát triển, trong những năm 1986 – 1988, sự lãnh đạo sản xuất nông nghiệp của Đảng bộ cũng còn hạn chế: Việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa kịp thời; một số địa phương chậm đổi mới, nên vẫn dùng nhiều loại giống đã thoái hoá, năng suất thấp; sự chỉ đạo ở cơ sở các xã và hợp tác xã không sát. Trình độ thâm canh

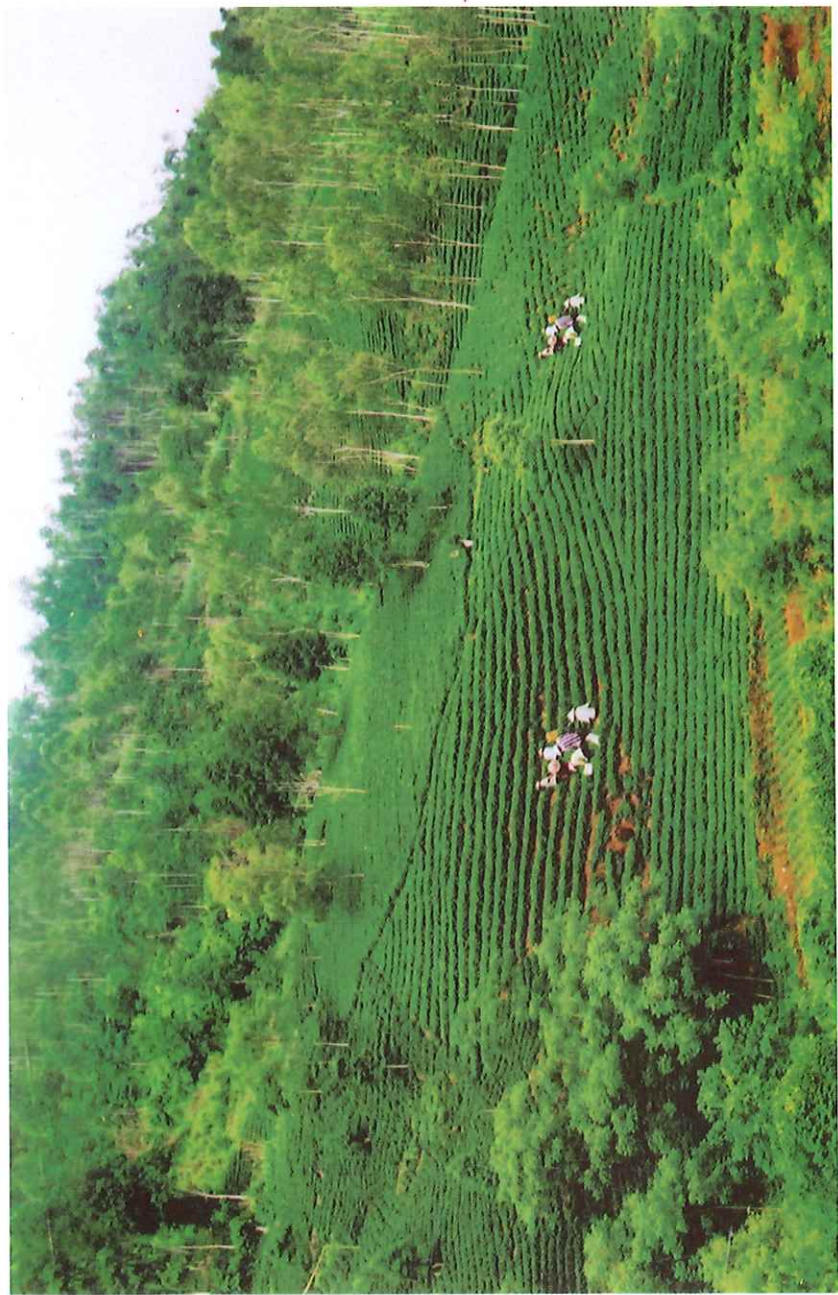
(1): Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu KT-XH 1987. Tlđđ, tr.2, 3.

cũng như việc tận dụng các nguồn phân để phục vụ sản xuất mới đạt ở mức độ thấp, cá biệt có hợp tác xã vẫn còn diện tích cấy chay.

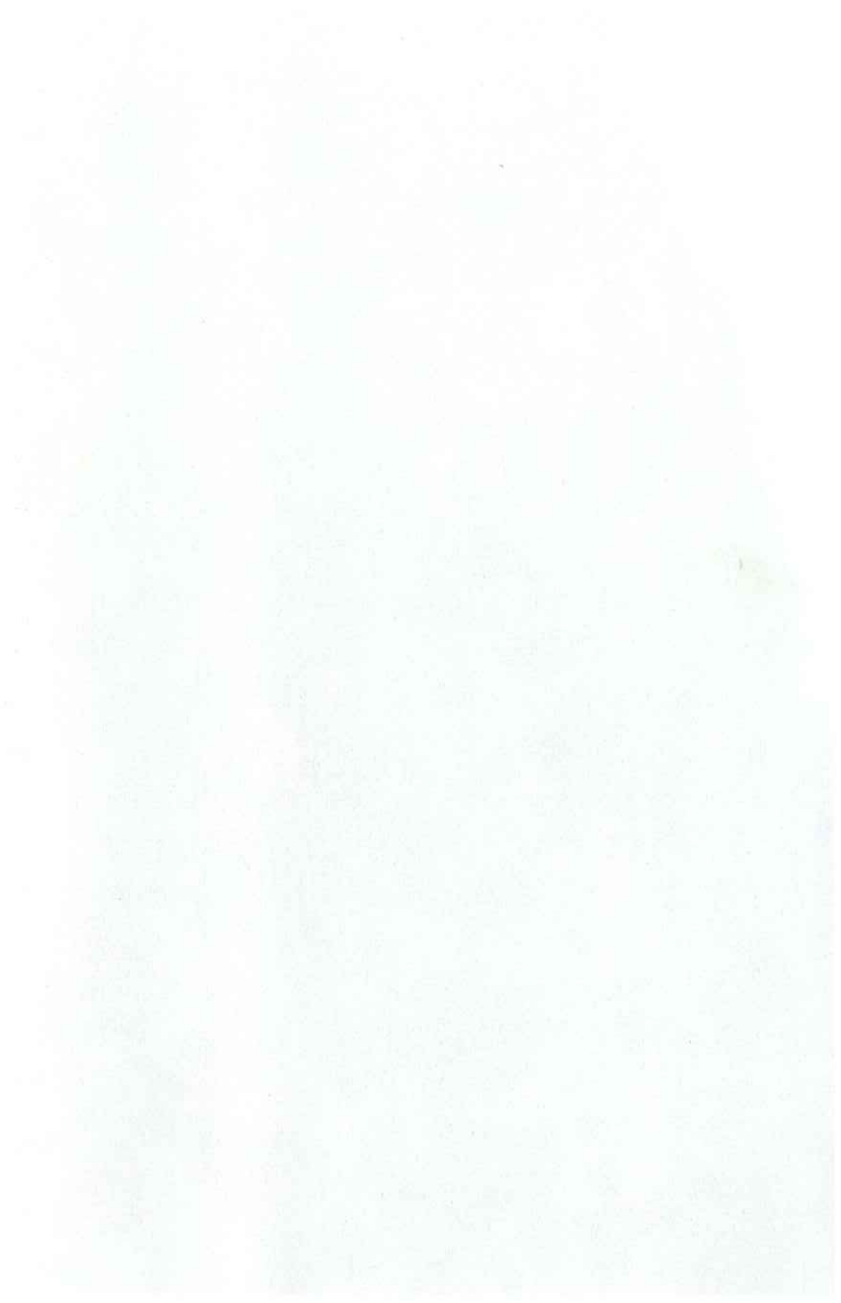
Ngành chăn nuôi của huyện thời gian này vẫn phát triển theo hướng từng hộ gia đình. Cơ quan thú y có nhiều cố gắng trong việc tiêm phòng bảo vệ và diệt trừ các ổ dịch bệnh. Nhờ đó, đàn gia súc trong huyện khá ổn định và phát triển tương đối tốt. Năm 1986, đàn trâu có hơn 13.300 con (đạt 95% kế hoạch và tăng 0,8% so với năm 1985), đàn bò có 139 con (đạt 20,8% kế hoạch) đàn lợn có gần 12.800 con (đạt 98% kế hoạch và tăng 7,5% so với năm 1985). Sang năm 1987, đàn trâu trong huyện tăng lên 14.640 con (đạt 104,57% kế hoạch), đàn bò có 176 con (đạt 117,3% kế hoạch), đàn lợn có trên 12.200 con (đạt 87,19% kế hoạch), đàn gia cầm có 79.650 con⁽¹⁾. Đến giữa năm 1988, đàn trâu tăng lên 14.908 con (tăng 6,31% so với cùng kỳ năm trước), đàn bò lên 197 con (tăng 24,68% so với cùng kỳ năm trước), đàn lợn lên 13.772 con (tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước)⁽²⁾.

(1). Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội 1987, Tlđđ, tr5.

(2). Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1988 - Số 03-BC/HU-26/6/1988. Tr.4.



Kinh tế đôi - rừng ở Võ Nhai trong thời kỳ đổi mới



Cùng với nông nghiệp, ngành Lâm nghiệp của huyện có nhiều cố gắng vượt qua các khó khăn về thời tiết, nhân lực, phương tiện vận chuyển và cơ chế giá cả để hoàn thành nhiệm vụ. Từ năm 1986, được sự lãnh đạo của Huyện ủy, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, toàn huyện giao đất, giao rừng được 1.700 ha cho 1.650 hộ, đạt tỷ lệ 74% kế hoạch. Nhìn chung, việc giao đất, giao rừng về cơ bản đã ổn định, nhân dân bước đầu có ý thức tu bổ, bảo vệ diện tích rừng được giao. Năm 1987, toàn huyện có 11/14 xã đã hoàn thành giao đất, giao rừng; còn 3 xã (Nghinh Tường, Thượng Nung, Phương Giao) chưa triển khai thực hiện.

Lâm trường Vĩnh Nhai luôn luôn phát huy được truyền thống đơn vị lá cờ đầu của Ngành Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái. Năm 1986, Lâm trường khắc phục mọi trở ngại trong lao động sản xuất, tổ chức giải quyết tốt hậu quả hỏa hoạn ở Đội lâm nghiệp Thành Tiến. Năm 1987, Lâm trường mở rộng hiện trường khai thác; tu sửa, làm mới khai thông đường vận chuyển; giải quyết tốt chế độ, chính sách đối với lực lượng sơn tràng và các hợp tác xã kinh doanh nghề rừng; triển khai việc sắp xếp lại tổ chức, phân công lao động theo cơ chế mới, chăm lo đời sống của cán bộ

công nhân viên. Nhờ đó, năm 1987, Lâm trường trồng được 220,42 ha rừng mới (đạt 100,2% kế hoạch), chăm sóc bảo vệ 660 ha rừng (đạt 100% kế hoạch), khai thác 4.565m³ gỗ tròn (101% kế hoạch).... Việc giao nộp sản phẩm cho Nhà nước đều đạt và vượt kế hoạch.

Mặc dù có nhiều cố gắng và đạt được nhiều mục tiêu kế hoạch, nhưng tình trạng khai thác và vận chuyển lâm nghiệp trái phép vẫn tiếp diễn. Việc tổ chức qui hoạch, khoanh vùng khu vực cho việc trồng các loại cây có hạt, lấy dầu chưa được triển khai. Việc giao đất, giao rừng còn chậm và phần lớn mới đến xã và hợp tác xã, chưa đến hộ gia đình.

So với một số huyện khác trong tỉnh, Võ Nhai là huyện sớm hình thành các Ngành Công nghiệp và Thủ công nghiệp.

Từ một đơn vị sản xuất kinh doanh bao cấp, làm ăn có nhiều yếu kém trong các năm trước, nay chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, Xí nghiệp cơ khí của huyện có nhiều cải tiến trong khâu tổ chức, nâng cao chất lượng sản phẩm, mạnh dạn đưa vào sản xuất một số mặt hàng mới: bữa sắt, thùng xe cải tiến, bao bì... phục vụ chương trình hàng tiêu dùng ở địa phương. Năm 1987, tổng giá trị

hàng hóa của Xí nghiệp đạt 4.220.000 đồng (157% kế hoạch), giao nộp ngân sách đạt 603.000 đồng (227% kế hoạch)⁽¹⁾.

Sản phẩm chủ yếu của Ngành Công nghiệp cơ khí của huyện gồm các loại hàng hoá tôn, sắt, gỗ, công cụ cầm tay... Nhìn chung, Xí nghiệp cơ khí của huyện hoạt động trong điều kiện có nhiều khó khăn về quy mô, cơ sở vật chất, vật tư, tiền vốn, chuyên môn, kỹ thuật. Do vậy, mặc dù có nhiều tiến bộ trong đổi mới cơ chế sản xuất, kinh doanh, nhưng tổng giá trị sản lượng mới đạt 1.200.000 đồng (61% kế hoạch), chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có và mới đáp ứng được một phần nhu cầu của địa phương.

Xí nghiệp đá Trúc Mai - một cơ sở công nghiệp của trung ương trên địa bàn huyện - có nhiều nỗ lực trong việc khắc phục khó khăn về vật tư, về vốn xây dựng cơ bản, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất; đồng thời liên kết với các cơ quan, xí nghiệp khác để phục vụ nhu cầu xây dựng cơ bản ở địa phương. Từ năm 1987, huyện tập trung chỉ đạo củng cố tốt hợp tác xã chuyên doanh sản xuất gạch, ngói, vôi; hợp tác xã nông nghiệp kiêm doanh...

(1). Báo cáo tổng kết lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu... 1987, tldd, tr.9.

Phòng Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và Phòng Xây dựng phối hợp tổ chức Hội nghị chuyên đề bàn về sản xuất gạch, ngói, vôi để xây dựng kế hoạch và giao chỉ tiêu sản phẩm cho các cơ sở.

Ngành Tiểu thủ công nghiệp được xây dựng và phát triển dưới hình thức tổ chức gắn liền với hợp tác xã nông nghiệp và các hộ tư nhân trên quy mô nhỏ, sản lượng thấp, nên cũng chỉ cung cấp được một phần nhu cầu của huyện. Là một huyện vùng cao, kinh tế kém phát triển, vấn đề xây dựng hệ thống đường giao thông đối với Võ Nhai trở thành một yêu cầu bức thiết, thường xuyên được Đảng bộ quan tâm. Từ năm 1986, với khả năng vật tư, tiền vốn có hạn, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện đã huy động 16.069 ngày công tu sửa và làm mới được 54 km, gồm các trục đường Đình Cả - Bình Long, La Hiên - Cúc Đường, Dân Tiến - Phương Giao, Liên Minh - Đèo Nhân, Nước Hai - Thần Sa; đồng thời tiếp tục làm cầu Đình Cả, sửa chữa cầu treo Suối Lũ. Ngoài ra, huyện còn huy động 1 tiểu đoàn dân quân vừa huấn luyện quân sự vừa tham gia chiến dịch sửa đường Thác Giềng - Na Rì. Tiểu đoàn dân quân của huyện làm đảm bảo ngày công, hoàn thành tốt định mức khối lượng và quy trình kỹ thuật, được tỉnh tặng cờ thi đua.

Cùng với giao thông, công tác thủy lợi cũng được Đảng bộ chú ý, coi đây là biện pháp hàng đầu phục vụ cho thâm canh tăng năng suất cây trồng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các ngành chức năng tập trung đầu tư vốn và lao động để tu sửa, làm mới các hồ, đập, mương, phai dẫn đưa nước vào đồng ruộng. Năm 1986, huyện huy động được 33.653 ngày công (đạt 118,8% kế hoạch) để sửa đập Cây Hồng, làm hồ Mỏ Vùng (Lâu Thượng), đập Đồng Giáo (Liên Minh), đập Bò Mạ (Thượng Nung)... đảm bảo tưới và tiêu nước cho 170 ha ruộng. Năm 1987, huyện tập trung cho nhiệm vụ nạo vét, tu sửa và làm mới một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất. Toàn huyện đã huy động 25.382 ngày công và 1.410.156 đồng (trong đó vốn tự có là 560.000 đồng) để nạo vét, tu sửa mương Suối Bùn (Tràng Xá), mương Làng Bần (Phú Thượng); thi công xây dựng hồ Đồng Đình (La Hiên), hồ Non Giang (Lâu Thượng), hồ Lòng Thuyền (La Hiên).

Bước vào thời kỳ đổi mới, vấn đề phân phối lưu thông được Đảng bộ xác định là nhiệm vụ trung tâm, nóng bỏng nhất. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện, các ngành mạnh dạn đổi mới cơ chế, xóa bỏ quan liêu bao cấp,

chuyển sang hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa, vươn lên nắm tiền, nắm hàng kết hợp với việc quản lý thị trường tự do, nhằm phục vụ tốt đời sống nhân dân.

Việc huy động lương thực được triển khai sớm theo từng vụ và được tổ chức thành chiến dịch. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và chính quyền, tốc độ huy động lương thực trong huyện diễn ra khá nhanh gọn và đạt kết quả cao. Trong những năm 1986 - 1988, Võ Nhai luôn luôn đảm bảo mức huy động, giảm bớt tình trạng nợ thuế, nợ sản phẩm đối lưu như các năm trước. Năm 1986, tổng huy động lương thực được 908,45 tấn (98,74% kế hoạch tỉnh giao). Các xã Nghinh Tường, Sảng Mộc, La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá, Bình Long, Dân Tiến có bước tiến bộ rõ rệt, vừa đảm bảo đúng thời gian, vừa đạt kết quả huy động ở mức cao. Bên cạnh đó, việc triển khai chỉ đạo ở một số cơ sở còn chậm, thiếu chặt chẽ, thiếu năng động...

Ngành phân phối lưu thông của huyện vượt qua nhiều khó khăn, vươn lên nắm tiền, nắm hàng, đảm bảo tiếp nhận hàng của tỉnh, đẩy mạnh thu mua hàng trên địa bàn, mở rộng liên kết ra ngoài huyện. Nhờ đó, trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, Ngành

Phân phối lưu thông của huyện vẫn đáp ứng được một phần quan trọng nhu cầu đời sống của nhân dân địa phương. Một số hợp tác xã mua bán ở các xã Bình Long, Dân Tiến, Tràng Xá, Lâu Thượng, La Hiên Cúc Đường hoạt động khá. Tuy nhiên, công tác tổ chức quản lý cán bộ trong Công ty Thương nghiệp còn lỏng lẻo; việc phân phối, quản lý hàng có lúc còn tùy tiện, nặng về kinh doanh; việc mở thêm các điểm bán hàng còn rất chậm.

Vĩnh Nhai có mỏ vàng, thu hút nhiều người đến khai thác, gây ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và trật tự trị an ở cơ sở. Vì vậy, Huyện ủy rất quan tâm lãnh đạo chính quyền và các cơ quan chức năng làm tốt công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Việc nắm và quản lý các đối tượng chính trị và hình sự ở cơ sở được thực hiện khá chặt chẽ. Qua nhiều năm thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị, công tác bảo vệ an ninh chính trị ở huyện có nhiều chuyển biến tốt, không để xảy ra những vụ việc lớn. Các vụ phạm pháp hình sự, trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân được khám phá kịp thời. Song, nạn cờ bạc, bán mìn và những hủ tục trong ma chay, cưới xin vẫn chưa được chấm dứt việc đào, đãi vàng vẫn phát triển ở một vài xã, trong

một số cán bộ, đảng viên. Từ năm 1987, hai xã Tân Sa, Liên Minh được huyện quản lý chỉ đạo tổ chức cho nhân dân học tập, khai thác vàng sa khoáng bán cho Nhà nước. Đến cuối năm, huyện đã phát 108 phiếu đăng ký cho khai thác. Số vàng thu mua theo phiếu đăng ký và tịch thu của những người buôn bán trái phép được 123,5 đồng cân.

Mặc dù có những cố gắng và đạt được một số kết quả nhất định, song công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện còn thiếu kiên quyết. Tình trạng người không đăng ký, người nơi khác đến khai thác vàng còn nhiều. Tình hình an ninh, trật tự ở nơi khai thác vàng có những mặt khá phức tạp.

Công tác quân sự địa phương thường xuyên được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Các đợt tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Năm 1986, tuyển quân đạt 100,38% kế hoạch được giao; công tác huấn luyện dân quân, tự vệ khối cơ quan đạt 100% số đơn vị tham gia. Đợt diễn tập động viên BT. 86 đạt kết quả tốt. Các đợt tuyển quân năm 1987, 1988 đều đạt 100%. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ tuy có nhiều chuyển biến đi lên, nhưng tiến độ còn chậm và chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch. Năm 1987, toàn

huyện mới có 12 trên 14 xã tổ chức huấn luyện dân quân (xã La Hiên hai năm liền không tổ chức huấn luyện được dân quân). Các xã Trảng Xá, Vũ Chấn tuy huấn luyện, nhưng quân số tham gia còn quá ít. Khối tự vệ đã tổ chức huấn luyện được 12 trên 13 đơn vị. Trong đợt diễn tập Z-87-B, 5 xã cụm phía đông của huyện được tỉnh chọn làm điểm chỉ đạo thực hành diễn tập đạt kết quả tốt, các xã yếu Cúc Đường, Nghinh Tường đã vươn lên thành những đơn vị khá.

Sự nghiệp văn hoá - giáo dục - y tế cũng được các cấp ủy Đảng và các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Phòng Văn hoá - Thông tin cố gắng đảm bảo nội dung hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị. Từ năm 1987, huyện đẩy mạnh việc truyền tin, hình thành được 3 cơ sở truyền hình công cộng. Phong trào thể dục, thể thao được duy trì ở các khối cơ quan, trường học và một số xã. Các hoạt động thể dục, thể thao, thường xuyên được tổ chức, góp phần xây dựng cuộc sống vui tươi, lành mạnh trong đồng bào các dân tộc. Tuy nhiên, trong những năm 1986-1988, hoạt động văn hoá-thông tin chưa phong phú và mới dừng lại ở thị trấn và các xã vùng thấp. Việc triển khai và tổ chức thực hiện quy ước nếp sống mới chưa sâu rộng.

Đồng bào ở các xã vùng sâu, vùng xa ít được thưởng thức văn nghệ; đời sống tinh thần còn rất nghèo nàn.

Được sự quan tâm của Đảng bộ và chính quyền các cấp, Ngành Giáo dục huyện Võ Nhai phát triển khá toàn diện. Trong năm học 1986-1987, toàn huyện có 3 trường mẫu giáo, gồm 26 lớp với 454 học sinh; 18 trường phổ thông cơ sở, gồm 381 lớp, với 9.706 học sinh và 1 trường trung học phổ thông gồm 13 lớp, với 635 học sinh. Ngành Bồi dưỡng văn hoá vẫn duy trì được 3 lớp, gồm 81 học viên. Ngoài ra, huyện còn tổ chức được 28 lớp phát triển ánh sáng văn hoá, thu hút được 288 học viên là người các dân tộc thiểu số ở các xã vùng cao⁽¹⁾. Đội ngũ giáo viên của huyện gồm 628 thầy, cô giáo có trình độ từ trung cấp sư phạm trở lên. Chất lượng dạy và học trong các nhà trường nhìn chung được giữ vững. Hằng năm, tỷ lệ học sinh lên lớp và thi đỗ tốt nghiệp các cấp đều đạt trên 90%.

Bên cạnh đó, trong những năm 1986-1988, Ngành Giáo dục huyện vẫn còn nhiều mặt yếu kém. Mặc dù có sự quan tâm đầu tư xây dựng, nhưng cơ sở vật

(1). Báo cáo tổng kết lãnh đạo chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu... 1986. Tlđd, tr.11.

chất trong các trường học còn nghèo nàn; chỗ ăn, ở của giáo viên, phòng học của học sinh ở nhiều nơi còn xiêu vẹo; điều kiện, phương tiện giảng dạy, học tập thiếu thốn...

Ngành Y tế huyện vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn về phương tiện khám, chữa bệnh, tổ chức tốt việc chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân địa phương. Năm 1986, Ngành Y tế tổ chức khám bệnh lưu động được 4.500 lượt người, khám và điều trị nội trú được 333 lượt người (đạt 140% kế hoạch), khám và điều trị ngoại trú được 19.794 lượt người. Năm 1987, Ngành làm tốt công tác thăm khám, phát thuốc chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân. Phòng khám đa khoa Cúc Đường, các trạm y tế xã được mở rộng, duy trì hoạt động chuyên môn tốt. Phòng Y tế huyện còn tổ chức các tổ lưu động đi xuống cơ sở làm nhiệm vụ củng cố mạng lưới trạm xá xã, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các ổ dịch bệnh; đồng thời tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng 3 công trình vệ sinh và 5 dút điểm.

Những kết quả đạt được cùng với những mặt hạn chế, yếu kém trong những năm 1986-1988 đã phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện.

Nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, trước hết là của Huyện ủy, các ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy được phân công phụ trách từng cụm, đã xây dựng được nội dung, kế hoạch, thời gian đi nắm tình hình, lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở; thực hiện lãnh đạo có kiểm tra. Nhờ đó, Huyện ủy nắm chắc thực tế và kịp thời lãnh đạo giải quyết những vướng mắc ở cơ sở.

Phần lớn các Huyện ủy viên phụ trách các cơ quan, ban, ngành đoàn thể ở huyện và các đồng chí Huyện ủy viên tại cơ sở xã có sự kết hợp chặt chẽ, thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở. Nhiều đồng chí Huyện ủy viên biết sắp xếp công việc xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động cho cơ quan theo tuần, theo tháng để chủ động đi xuống cơ sở.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 79, Chỉ thị 80 của Trung ương Đảng, công tác phê bình và tự phê bình được đẩy mạnh trong toàn Đảng bộ, sức chiến đấu của tổ chức Đảng được nâng lên.

Công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận và chuyên môn cho cán bộ, đảng viên cũng được Đảng bộ chú ý. Năm 1986, Đảng bộ tổ chức bồi dưỡng lớp đảng viên mới được 82 đồng chí, bồi dưỡng chương trình lý luận sơ cấp cho 17 đồng chí. Ngoài

ra, huyện còn cử một số cán bộ đi học bổ túc văn hoá, và học các lớp lý luận ngắn hạn, dài hạn do tỉnh và Trung ương mở. Trong những năm 1987 - 1988, công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên tiếp tục được đẩy mạnh. Năm 1987, Trường Đảng huyện mở được 6 lớp; trong đó có 2 lớp bồi dưỡng chính trị lý luận sơ cấp, 1 lớp bồi dưỡng đảng viên mới, 2 lớp bồi dưỡng quần chúng ưu tú và 1 lớp cho cán bộ chủ chốt gồm các bí thư, chủ tịch xã. Sáu tháng đầu năm 1988, huyện cử 32 đảng viên theo học lớp lý luận sơ cấp tại huyện, tổ chức bồi dưỡng 8 chuyên đề cho cán bộ chủ chốt.

Thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, Huyện ủy thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng chương trình, nội dung cụ thể. Đồng thời chọn hai cơ sở (Ngân hàng huyện và xã Lâu Thượng) làm điểm chỉ đạo để rút kinh nghiệm triển khai ra toàn Đảng bộ.

Thông qua những biện pháp trên, nhất là việc triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ được nâng lên. Cùng với việc bồi dưỡng, kết nạp

những quần chúng ưu tú vào Đảng, việc thanh lọc những đảng viên thoái hoá, biến chất cũng được Đảng bộ đẩy mạnh. Trong nhiệm kỳ 1986 - 1988, Đảng bộ kết nạp được 177 đảng viên mới; đồng thời cũng xử lý kỷ luật 83 từ khiển trách trở lên.

Bên cạnh những mặt tiến bộ, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ còn nhiều hạn chế. Việc triển khai học tập các chỉ thị, nghị quyết, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước không kịp thời và không thường xuyên. Việc sinh hoạt chi bộ và tổ đảng không được duy trì thành nền nếp, nhiều nơi còn qua loa, thiếu nghiêm túc. Sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV (1986), một số cán bộ là cấp ủy viên, có cả Thường vụ Huyện ủy, do thiếu ý thức rèn luyện, có tư tưởng kèn cựa, địa vị, nên đã vi phạm nguyên tắc Đảng, vi phạm pháp luật Nhà nước, "gây tác hại là làm rối loạn nội bộ Đảng, làm giảm sức chiến đấu của Đảng, làm giảm uy tín của Đảng với quần chúng, phá hoại đoàn kết từ huyện đến cơ sở"⁽¹⁾.

Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, Đảng bộ huyện chăm lo xây dựng chính quyền các cấp. Thông qua việc thực hiện

(1). Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ mục tiêu... 1987, Tlđd, tr.22.

Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về công tác tổ chức cán bộ, các tổ chức chính quyền, các ban, ngành của huyện từng bước được kiện toàn. Huyện ủy mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, có đủ phẩm chất và năng lực vào các cấp chính quyền.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng có nhiều hình thức hoạt động phong phú, thu hút mọi thành viên tham gia vào các mặt công tác ở địa phương.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục mục tiêu lý tưởng, lễ sống cho đoàn viên, thanh niên thực sự là lực lượng nòng cốt, tiên phong đi đầu trong phong trào áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, làm thủy lợi, làm phân bón, nhận ruộng cao sản, gửi tiền tiết kiệm..., công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Nhiều đoàn viên ưu tú được gia nhập hàng ngũ của Đảng.

Hội Liên hiệp phụ nữ huyện tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi, sinh động; nổi bật là các phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", "Nuôi con khỏe, dạy con ngoan", xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hoá mới, vận động sinh đẻ có kế hoạch. Hội còn tích cực vận động chị em trồng bông, dệt vải, tổ chức các lớp dạy cắt may. Hội luôn chú ý củng cố tổ chức ở cơ sở, giáo dục hội viên thấm nhuần

đường lối, chủ trương của Đảng, động viên chị em gương mẫu tham gia công tác xã hội, vận động chồng con thực hiện tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc huyện chăm lo củng cố các Ban Mặt trận ở cơ sở xã, hướng hoạt động vào những nội dung thiết thực. Nhờ đó, các phong trào xây dựng quỹ bảo thọ, cuộc vận động gửi tiền tiết kiệm, ủng hộ đồng bào bị bão, lụt, gửi quà cho các chiến sĩ ở biên giới... thường xuyên được duy trì và đạt kết quả tốt.

Nhìn chung, được sự lãnh đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, những mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV (1986) đề ra đều đạt kết quả khả quan. Các loại cây trồng và vật nuôi đều phát triển tốt, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 10 (5/4/1988) của Bộ Chính trị về đổi mới công tác quản lý nông nghiệp. So với năm 1986, năm 1988, tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng 1.076 tấn; sản lượng ngô tăng 30,8%, thuốc lá tăng 650%, lạc tăng 96,7%; đàn trâu, bò tăng 1,8%, lợn tăng 28,7%... Cân đối mức ăn năm 1988 trong khu vực nông nghiệp đạt 18,2 kg/người/tháng, khu vực xã hội đạt 19,7 kg/người/tháng⁽¹⁾.

(1). Báo cáo tóm tắt nội dung văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ XV, tr.1.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 10 đến ngày 12/1/1989 Đảng bộ Võ Nhai tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XV với sự có mặt của 127 đại biểu thay mặt cho 1.500 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội thảo luận sôi nổi và nhất trí cao với Báo cáo chính trị do đồng chí Đặng Vĩnh Tọa (Phó Bí thư Huyện ủy) và đồng chí Triệu Quang - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, trình bày. Đại hội quyết định một số phương hướng lãnh đạo chủ yếu của Đảng bộ trong hai năm 1989 - 1990:

1. Thực hiện tốt Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Lãnh đạo thực hiện tốt ba chương trình kinh tế do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra.

2. Giữ vững và nâng cao chất lượng các hợp tác xã hiện có; phát triển, nâng cao chất lượng các hợp tác xã mua bán; từng bước xoá bỏ bao cấp, đẩy mạnh và làm tốt hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho kinh tế gia đình phát triển.

3. Cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của địch, giữ vững trật tự, an ninh xã hội.

4. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, từng bước ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là những người được hưởng chế độ, chính sách và những người trực tiếp làm ra sản phẩm cho xã hội.

5. Chú trọng phát triển cuộc cách mạng văn hoá - tư tưởng.

Trên cơ sở xác định cơ cấu nông - lâm - công nghiệp, Đại hội thông qua các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 33 ủy viên, (có 4 ủy viên dự khuyết). Ngày 12/1/1989, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XV họp phiên thứ nhất bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí và bầu đồng chí Đặng Vĩnh Tọa làm Bí thư; các đồng chí Triệu Quang và Trịnh Thanh Hồ làm Phó Bí thư.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XV, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai có nhiều thuận lợi cơ bản. Thuận lợi này bắt nguồn từ các truyền thống yêu nước, cần cù lao động của nhân dân các dân tộc trong huyện; từ sự quan tâm lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của các ngành trong tỉnh. Mặt khác, sau hai năm thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, đội ngũ cán bộ các

cấp, các ngành trong huyện bước đầu có kinh nghiệm về quản lý kinh tế. Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XV phần lớn đã trải qua quá trình công tác lâu năm, có nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và đa số có trình độ lý luận chính trị, chuyên môn từ trung cấp trở lên...

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, công tác lãnh đạo của Đảng bộ cũng có nhiều khó khăn, phức tạp. Tình hình kinh tế của huyện nằm trong tình trạng chung của nền kinh tế cả nước, chưa thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Các ngành kinh tế quốc doanh trong huyện từ khi chuyển đổi cơ chế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn nhiều lúng túng. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp, nhất là những nơi có phong trào yếu kém và tụ điểm khai thác vàng. Mặt khác, trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XV có những biến động: Đồng chí Bí thư Huyện ủy và 2 đồng chí ủy viên Ban chấp hành nghỉ hưu, một đồng chí ủy viên chuyển công tác đến nơi khác.

Trong hoàn cảnh ấy, để lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, Ban Chấp hành Đảng bộ, trước hết là Ban Thường

vụ Huyện ủy đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng, từng bước nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện, hầu hết các chi, đảng bộ được củng cố, kiện toàn về tổ chức. Nhiều đồng chí cấp ủy viên mới có năng lực công tác đã phát huy được tác dụng trong lãnh đạo, đưa phong trào ở cơ sở đi lên. Nhiều chi bộ duy trì sinh hoạt thường xuyên, với những nội dung phong phú, thiết thực. Việc phân loại đảng viên hàng năm được tiến hành chặt chẽ. Kết quả phân loại đảng viên ở 38 chi, đảng bộ cơ sở, trong toàn Đảng bộ có 11 chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh, 15 chi, đảng bộ khá, 8 chi, đảng bộ yếu và 4 chi, đảng bộ kém⁽¹⁾.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức được sắp xếp lại một bước theo tinh thần Quyết định 217 và Quyết định 109 của Hội đồng Bộ trưởng. Nhiều cán bộ, đảng viên được cử đi học các lớp lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ do Tỉnh và Trung ương mở. Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh, hai năm (1989 - 1990), Đảng

(1) Báo cáo chính trị BCH ĐB Vĩnh Nhai tại ĐHDB huyện lần thứ XVI-15/10/1991, tr.19.

bộ kết nạp được 57 quần chúng ưu tú vào Đảng, chuyển Đảng chính thức được 95 đồng chí....⁽¹⁾

Hai năm 1989 - 1990, Huyện ủy Võ Nhai tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các Ban của Đảng và các ngành liên quan từng bước kiện toàn đội ngũ báo cáo viên từ huyện đến các tổ chức cơ sở Đảng. Huyện ủy thường xuyên tổ chức Hội nghị báo cáo viên để phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy; nói chuyện thời sự trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, Đảng bộ mở hai lớp bồi dưỡng cho 39 cán bộ chủ chốt cấp cơ sở; hai lớp bồi dưỡng cho 39 đảng viên mới và hai lớp bồi dưỡng về Đảng cho 90 quần chúng ưu tú.⁽¹⁾

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, hai năm (1989 - 1990), Huyện ủy tiếp tục lãnh đạo thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 28 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng. Thông qua công tác kiểm tra, đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng Đảng bộ có 1.423 đảng viên được kiểm tra trên tổng số 1.561 đảng viên; số chấp hành tốt là 1.009 đảng viên, chưa

(1) Báo cáo chính trị BCH ĐB Võ Nhai tại ĐHĐB huyện lần thứ XVI-15/10/1991, tr.19.

tốt là 325 đảng viên số vi phạm Điều lệ Đảng là 89 đảng viên, số bị xử lý là 65 đảng viên⁽¹⁾.

Nhận rõ sức mạnh của tổ chức Đảng bắt nguồn từ sức mạnh của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, hai năm 1989, 1990, cùng với việc kiện toàn các cấp ủy cơ sở Đảng, Đảng bộ quan tâm lãnh đạo tốt việc tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp. Thông qua đó, Huyện ủy sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, xây dựng bộ máy chính quyền gọn nhẹ theo tinh thần Quyết định 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quyết định 227 của Hội đồng Bộ trưởng. Nhờ vậy, năng lực hoạt động của bộ máy chính quyền từ huyện xuống đến xã, được nâng cao một bước, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Quy ước hoạt động của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp trong huyện và mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền cũng được xây dựng.

Cùng với việc củng cố bộ máy chính quyền các cấp, Huyện ủy lãnh đạo tổ chức bồi dưỡng chức năng hoạt động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ chủ chốt

(1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCHĐB Võ Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVI... Tlđđ, tr.20).

của chính quyền các cấp trong huyện bước đầu có năng lực quản lý hành chính bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và quản lý sản xuất kinh doanh theo cơ chế quản lý và tư duy kinh tế mới. Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện bước đầu phát huy được tác dụng, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện; kịp thời chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ cả ba biện pháp hành chính, kinh tế và giáo dục.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong huyện có lúc, có nơi còn chung chung, thiếu kiểm tra đôn đốc và biện pháp chỉ đạo cụ thể, thậm chí có lúc "lấn sân" chính quyền. Hoạt động của Ủy ban nhân dân ở một số cơ sở còn yếu, thiếu tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng; có lúc trông chờ, ỷ lại vào cấp trên; chưa nêu cao vai trò hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân cũng như các thành viên Hội đồng nhân dân.

Từ sau khi tổ chức học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (Khoá VI) về "Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân", được sự lãnh đạo chặt chẽ của Huyện ủy, hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong huyện có những chuyển biến tích cực. Các cấp

ủy Đảng và chính quyền từ huyện đến xã quan tâm nhiều hơn đến công tác vận động quần chúng, nhất là việc củng cố, kiện toàn tổ chức. Nhiều cấp ủy viên, đảng viên ưu tú của Đảng được phân công sang lãnh đạo các đoàn thể quần chúng. Nội dung, hình thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng được cải tiến theo phương châm gọn nhẹ, thiết thực, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV đề ra.

Sản xuất nông nghiệp có những bước phát triển quan trọng. Công tác thủy lợi, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng như việc đưa các giống lúa mới có năng suất cao... vào sản xuất tiếp tục được đẩy mạnh. Do đó, tuy thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, sâu bệnh phát triển nhiều, nhưng tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm trong thời kỳ này đạt 11.391,19 tấn, tăng hơn so với các năm trước 1,36% và đạt 98,9% so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XV đề ra⁽¹⁾. Bình quân lương thực theo đầu người đạt 19,3 kg/tháng, tăng 6% so với năm 1988.

1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Nhai lần thứ XVI... Tlđđ, tr.2.

Các loại cây công nghiệp ngắn ngày (lạc, đỗ tương, thuốc lá, mía...) cũng tăng khá nhanh so với các năm trước.

Vấn đề củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp luôn luôn là một vấn đề lớn, được Đảng bộ Võ Nhai thường xuyên quan tâm. Bước vào đầu nhiệm kỳ 1989 - 1990, phong trào hợp tác xã ở một số nơi trong huyện đã bắt đầu xuất hiện những biểu hiện phức tạp. Tình trạng đòi ruộng ông cha, tranh chấp đất đai, mua bán ruộng đất... xảy ra, làm cho một số hợp tác xã ở Bình Long, Tràng Xá, Phương Giao... đứng trước nguy cơ tan vỡ.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và sắc bén của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp từ huyện đến các xã, biết vận dụng cơ chế khoán theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị phù hợp với đặc điểm miền núi, nên phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai được khôi phục, xã viên phấn khởi sản xuất; một số hợp tác xã làm ăn có hiệu quả kinh tế khá; đời sống của người lao động được nâng lên so với trước.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Năm 1991, toàn huyện có 104 hợp tác xã nông nghiệp, nhưng tình hình vẫn chưa ổn định; phần lớn các hợp tác xã đều khoán trắng,

làm ăn không có hiệu quả kinh tế, sản xuất độc canh. Một bộ phận xã viên, do không nhận thức đúng đắn Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp và một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền quản lý, sử dụng ruộng đất, đã nảy sinh tư tưởng đòi lại ruộng ông cha, gây tác động xấu đến phong trào hợp tác xã. Trong khi đó, cấp ủy và chính quyền ở một số nơi buông lỏng công tác lãnh đạo, chỉ đạo trông chờ, ỷ lại vào cấp trên, sợ va chạm, thù oán; thậm chí, có cán bộ, đảng viên còn đồng tình xin ra hợp tác xã... Những hạn chế trên đặt ra yêu cầu cho Đảng bộ Võ Nhai tiếp tục quan tâm giải quyết trong những năm tiếp theo.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp của huyện Võ Nhai trong những năm 1989 - 1990 tuy chưa đạt được các chỉ tiêu do Đại hội Đảng lần thứ XV đề ra về diện tích, năng suất và sản lượng cây trồng, nhưng trình độ sản xuất được nâng lên rõ rệt. Điều đáng chú ý là trên địa bàn huyện bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp. Việc thực hiện nông - lâm nghiệp kết hợp bước đầu có tiến bộ. Các loại cây trồng cũng phát triển khá đa dạng và bắt đầu vượt ra khỏi tính chất tự cấp tự túc. Trên địa

bàn huyện, lần đầu tiên xuất hiện nhiều hộ gia đình và cá nhân làm kinh tế giỏi.

Những bước chuyển biến ấy tuy mới là bước đầu, nhưng chứng tỏ việc vận dụng các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước đã có tác dụng tháo gỡ nhiều vướng mắc, bước đầu khơi dậy tinh thần làm chủ, tính năng động của người dân, tạo nên động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Mặc dù có bước tiến mới, nhưng sản xuất nông nghiệp của huyện Võ Nhai trong hai năm (1989 - 1990) vẫn phát triển chậm, tỷ suất hàng hoá thấp. Kinh tế ở nhiều xã, nhiều vùng vẫn chưa thoát khỏi tính chất tự nhiên, tự cấp, tự túc và độc canh. Tiềm năng sản xuất nông nghiệp (đất đai, lao động, thuỷ lợi...) chưa được khai thác và sử dụng hợp lý. Đời sống của một bộ phận nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn...

Bước chuyển biến trong sản xuất lương thực, thực phẩm góp phần tạo đà cho ngành chăn nuôi của huyện phát triển đi lên. Mặc dù chưa đạt được mục tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ XV đề ra, nhưng công tác lãnh đạo và kết quả chăn nuôi trong hai năm 1989 - 1990 đều khá hơn các năm trước. Đầu tháng 10/1990, tổng đàn lợn trên toàn huyện là 13.318 con, đạt 85,92% chỉ tiêu kế hoạch và so với

cùng kỳ năm trước, tăng lên 3,5%; tổng đàn trâu có 14.867 con, đạt 95,92% kế hoạch và bằng 100,66% cùng kỳ năm trước; đàn bò có 264 con, đạt 88% kế hoạch và bằng 105,6% cùng kỳ năm trước; các loại gia súc, gia cầm cũng tăng từ 1% đến 2% so với năm trước⁽¹⁾.

Việc ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới tiên tiến trong chăn nuôi được chú ý. Các loại con giống mới có tăng trọng cao ngày càng được phát triển rộng trong toàn huyện. Nhiều hộ gia đình nông dân cũng như cán bộ, công nhân, viên chức chăn nuôi khá tốt, có hộ hàng năm xuất chuồng hàng tấn thịt hơi các loại.

Việc đẩy mạnh chăn nuôi đã đáp ứng phần lớn nhu cầu về thực phẩm cho đời sống nhân dân, cũng như sức kéo, nguồn phân bón cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, ngành chăn nuôi của huyện lúc này vẫn mang tính tự cấp, tự túc, chưa tương xứng với thế mạnh của một huyện miền núi. Đàn gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) chưa được chú ý phát triển. Hệ thống ao hồ, đập nước chưa được tận dụng để phát triển chăn thả cá. Công tác thú y mới dừng lại ở việc

(1). Báo cáo đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội năm 1990 của Huyện ủy Võ Nhai - Số 06/BC-HU-30/12/1990, tr.4, 5.

kiểm dịch và chữa bệnh, chưa làm tốt nhiệm vụ hướng dẫn chăn nuôi theo phương pháp khoa học và cách phòng trừ bệnh dịch cho đàn gia súc.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, tuy việc khai thác lâm sản và trồng rừng vẫn được giữ vững, nhưng gặp nhiều khó khăn do tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt, vốn đầu tư của Nhà nước thấp, hiện trường khai thác không thuận lợi.

Từ năm 1989, đi đôi với việc khai thác lâm sản là việc tái tạo rừng được Nhà nước đầu tư theo Chương trình PAM. Sau hai năm thực hiện, toàn huyện trồng được 454,5 ha (trong đó, Lâm trường Vĩnh Nhai trồng được 250 ha). Việc quản lý và bảo vệ rừng đi đôi với cuộc vận động định canh, định cư được chú trọng. Các hiện tượng vi phạm luật bảo vệ rừng được phát hiện và xử lý kịp thời. Hai năm (1989 - 1990), huyện đã xử lý 113 vụ vi phạm, chủ yếu là vi phạm về khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép⁽¹⁾.

Bên cạnh đó, Ngành Lâm nghiệp huyện còn nhiều hạn chế. Việc khai thác chưa đi đôi với chế biến lâm

(1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Vĩnh Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVI... Tlđd, tr.4.

sản, cho nên giá trị sản phẩm chưa đạt hiệu quả kinh tế cao; trồng rừng đạt kết quả thấp. Các cấp lãnh đạo huyện chưa nhận thức đầy đủ thế mạnh của rừng, về cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp kết hợp. Vì vậy, nhiều rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn, rừng mới trồng bị chặt phá, khai thác bừa bãi. Công tác quản lý và bảo vệ rừng chưa làm tốt, nhất là công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật bảo vệ rừng cho nhân dân.

Các ngành Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp của Võ Nhai trong những năm 1989 - 1990 có nhiều cố gắng đẩy mạnh sản xuất, mở rộng liên doanh, liên kết tạo thêm nguồn vật tư, nguồn tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh của huyện chưa thoát khỏi tình trạng lúng túng trong sản xuất, kinh doanh. Trong thời gian này, tuy Xí nghiệp mở thêm một số ngành nghề xây dựng nhà ở, cầu cống, làm đường và các dịch vụ khác, nhưng sản xuất vẫn không ổn định; chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng; số người chưa có công ăn, việc làm còn khá lớn, đời sống của cán bộ, công nhân trong Xí nghiệp gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Sở dĩ có tình trạng này là do bộ phận lãnh đạo Xí nghiệp thiếu năng động, chưa xác

định được hướng hoạt động của xí nghiệp; công tác quản lý và tuyển dụng cán bộ còn lỏng lẻo, tùy tiện; ngành chủ quản cũng chưa quan tâm đúng mức...

Các ngành nghề Tiểu, Thủ công trong những năm 1989 - 1990 tuy có chiều hướng phát triển, nhưng chưa mở rộng sản xuất, chủ yếu vẫn là sản xuất vật liệu xây dựng nhưng ở mức độ thấp, mang nặng tính tự sản, tự tiêu, chưa trở thành hàng hoá. Sở hợp tác xã chuyên sản xuất gạch, ngói vẫn trong tình trạng yếu kém, hai năm 1989 - 1990 sản xuất được 45 vạn viên gạch, 450 tấn vôi và 20 vạn viên ngói⁽¹⁾, không đáp ứng được nhu cầu xây dựng cơ bản ở địa phương.

Đối với Võ Nhai vấn đề xây dựng và mở rộng hệ thống giao thông vận tải trở thành một nhu cầu lớn, có ý nghĩa chiến lược. Nhận rõ yêu cầu ấy, trong nhiệm kỳ 1989 - 1990, Đảng bộ quan tâm lãnh đạo các cấp chính quyền và các ngành chức năng tập trung tu, sửa một số trục đường chính: Đình Cả - Bình Long, La Hiên - Cúc Đường; mở rộng thêm đường từ ngã tư thị trấn vào cơ quan huyện và đường vào bệnh viện; hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng 2 cầu

(1). Dự thảo báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVI... Tlđđ, tr.5.

kiên cố (cầu số 1 xã Cúc Đường và cầu Suối Bùn xã Tràng Xá). Từ đầu năm 1991, huyện bắt đầu khởi công xây dựng tuyến đường lớn Cúc Đường đi Vũ Chấn và nâng cấp tuyến đường Tràng Xá đi Phương Giao theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Tính chung trong hơn hai năm, huyện Võ Nhai huy động được 79 triệu đồng, 400 công lao động, mở được 8,6km đường từ Cúc Đường đi Vũ Chấn. Ngoài ra, một số nơi còn chủ động mở các tuyến đường liên thôn, liên xóm... Kết quả đó phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, dứt điểm từng trọng tâm, trọng điểm của Đảng bộ và các cấp chính quyền địa phương trong chiến dịch mở đường. Kết quả đó góp phần mở đường cho kinh tế - văn hoá của huyện Võ Nhai phát triển nhanh hơn trong những năm tiếp theo.

Công tác thuỷ lợi trong những năm 1989 - 1990 cũng có những bước phát triển mới, nhất là trong việc xây dựng những công trình thuỷ lợi lớn phục vụ cho sản xuất lâu dài của huyện. Tuy nhiên, một số công trình thuỷ lợi, dù đã hoàn thành, vẫn chưa phát huy được hiệu quả; một số công trình khác còn kéo dài thời gian thi công. Hạn chế này là do việc chuẩn bị vốn đầu tư chưa chu đáo, thanh quyết toán chậm, tổ chức thi công chưa chặt chẽ, chỉ đạo kỹ thuật chưa nghiêm túc, gây nên lãng phí ở một số công trình (Hồ



Điện lưới quốc gia về Võ Nhai



Cầu treo Bình Long

Long Thuyền, Hồ Vai Tại...). Một số công trình thủy lợi cũ bị xuống cấp nghiêm trọng; hệ thống kè đập, kênh mương chưa được bảo vệ và tu sửa thường xuyên...

Trong công tác xây dựng cơ bản, Đảng bộ huyện có nhiều cố gắng và đạt được một số kết quả. Với sự nỗ lực tập trung vốn và vật tư, trong hai năm 1989, 1990, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo và chỉ đạo từng bước hoàn chỉnh các công trình: Trường trung học phổ thông, Trường trung học cơ sở, hàng rào Đài Tưởng niệm, Phòng khám đa khoa, v.v... Năm 1990, đầu năm 1991, Võ Nhai đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số nhà làm việc của huyện, trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã và trường học... Trong thời gian này, huyện cũng hoàn thành thủ tục về quy hoạch thị trấn Đình Cả, được Nhà nước công nhận là đơn vị hành chính mới; đồng thời, cấp xong 0,5 ha đất cho khu dân cư thị trấn, xây dựng xong luận chứng kinh tế - kỹ thuật đường điện 35KV về huyện, được Nhà nước đầu tư vào những năm 1991 - 1992...

Từ những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90, công tác lưu thông, phân phối luôn là một mặt trận nóng bỏng trên phạm vi cả nước. Tại Võ Nhai,

năm 1990, hầu hết các đơn vị kinh doanh và dịch vụ trong huyện vẫn chưa thoát khỏi tình trạng bế tắc. Nhìn chung, các đơn vị quản lý vốn còn lỏng lẻo, thất thoát nhiều; một số đơn vị khoán trắng cho công nhân tự mua, tự bán. Thương nghiệp quốc doanh chưa chiếm lĩnh được thị trường địa phương, tình trạng tư thương tranh mua, tranh bán, trốn, lậu thuế vẫn tiếp diễn. Các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống (phân bón, nông cụ, dầu, muối, giấy, vở học sinh...) chưa được khai thác tốt. Phần lớn các hợp tác xã mua bán từ huyện xuống đến xã đều hoạt động yếu, làm ăn thua lỗ và có nguy cơ phá sản. Trong khi đó, trên thị trường xã hội (thị trường tự do), hàng hoá tương đối phong phú, đa dạng, đáp ứng được phần lớn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhưng giá cả thường xuyên biến động, tăng nhanh, nhất là giá lương thực, thực phẩm, dầu thắp sáng, ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ công nhân viên chức, lực lượng vũ trang...

Do tình hình kinh tế - xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, nên việc thu ngân sách trong những năm 1989 - 1990 của huyện Võ Nhai gặp nhiều khó khăn. Mặc dù số thu và chi vẫn đạt chỉ tiêu kế hoạch,

nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc thu, chi ngân sách thời gian này chủ yếu mới dừng lại ở việc chi trả lương và chi cho các nhu cầu thiết yếu, tỷ lệ chi cho phát triển kinh tế, văn hoá còn thấp. Trong hai năm (1989 - 1990), tổng thu ngân sách đạt 2.375.960.697 đồng, trong đó thu ngân sách địa phương là 1.159.107.752 đồng; thu trợ cấp ngân sách là 1.043.035.060 đồng. Tổng chi là 2.216.824.614 đồng. Chín tháng đầu năm 1991, trong khi thu chỉ được 679 triệu đồng, thì đã chi tới 1.691 triệu đồng⁽¹⁾. Như vậy, thu không đủ chi. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là do chưa tận dụng triệt để các nguồn thu, thậm chí còn thất thu lớn về thuế công, thương nghiệp, tiền nuôi rừng và tiền nộp ngân sách của các ngành kinh tế quốc doanh. Mặt khác, huyện còn lệ thuộc quá nhiều vào nguồn trợ cấp của trên, chưa tự cân đối được thu - chi. Mặc dù có vùng khai thác vàng, một tài nguyên quý giá và cũng là một nguồn thu lớn của ngân sách địa phương, nhưng do điểm khai

(1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVI... Tlđđ, tr.9, 10.

thác rộng, lại chưa xác định được khối lượng vàng trong lòng đất, nên việc tổ chức hợp đồng, quản lý các điểm khai thác chưa tốt còn để thất thu lớn (năm 1990 mới thu được 70 triệu đồng); một số đơn vị và cá nhân hợp đồng khai thác, trong quá trình nộp trả, còn dấy dứa, không dứt điểm.

Hai năm (1989 - 1990), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hoạt động văn hoá - xã hội trong huyện có nhiều bước tiến bộ rõ rệt, góp phần cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân các dân tộc, thúc đẩy và tạo đà cho sự phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Dù gặp nhiều khó khăn về ngân sách, nhưng Đảng bộ vẫn tập trung lãnh đạo xây dựng hệ thống cơ sở vật chất (nhà văn hoá, sân bãi ngoài trời, mua sắm trang thiết bị cho Đài Truyền thanh huyện...). Các Đoàn văn công Trung ương và Tỉnh thường xuyên được mời đến biểu diễn phục vụ cho bà con các dân tộc trong huyện. Báo chí được cung cấp đầy đủ cho các cơ quan và các xã theo quy định. Thư viện huyện được tăng thêm đầu sách và đi vào hoạt động có nền nếp. Các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng được mở rộng trong nhân dân. Cuối năm 1990, tính bình quân toàn huyện, 85% số

hộ dân có máy thu thanh, radiô cátxét; 34 hộ dân có một máy thu hình; 625 hộ dân có một đầu máy viđiô...⁽¹⁾.

Năm 1990 Đảng bộ Võ Nhai lãnh đạo tổ chức thành công Ngày Văn hoá - thể thao các dân tộc trong huyện, tuyển chọn được một đoàn vận động viên tham gia Ngày Văn hóa - thể thao các dân tộc do tỉnh tổ chức; đồng thời tổ chức kỉ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm 45 năm ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà... Thông qua những hoạt động đó, nhìn chung huyện đã khơi dậy được vốn văn hoá truyền thống, đậm đà bản sắc của nhân dân các dân tộc. Song, bên cạnh đó, hoạt động văn hoá chưa có chiều sâu và chưa thường xuyên, chưa tạo được sự chuyển biến ở cơ sở. Trong một vài nơi, tệ nạn xã hội và các tập tục lạc hậu có chiều hướng phát triển.

Trong tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, Đảng bộ và các cấp chính quyền huyện cố gắng duy trì, củng cố sự nghiệp giáo dục. Năm học 1989 - 1990, toàn huyện có 1 trường trung học phổ thông,

(1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVI... Tlđđ, tr.9, 10.

21 trường trung học cơ sở, 3 trường mẫu giáo, 4 nhà trẻ, 10 nhóm trẻ và 9 lớp xoá mù chữ. Bình quân, cứ 4,4 người dân, có 1 người đi học⁽¹⁾. Riêng Trường Bồ túc văn hoá cán bộ huyện, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đã được giải thể sau năm học 1989 - 1990.

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong các nhà trường, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chức năng đảm bảo trả lương đúng hạn và giải quyết đúng các chế độ, chính sách cho giáo viên. Ngoài ra, Võ Nhai còn ưu đãi trả thêm phụ cấp ngoài lương cho giáo viên dạy ở xã, xóm vùng sâu, vùng xa. Nhờ đó, nhìn chung đội ngũ giáo viên trong huyện an tâm với nghề, bám trường, bám lớp; phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, nền nếp quản lý trong nhà trường, thi chọn giáo viên dạy giỏi... được giữ vững.

Tuy nhiên, vẫn còn một số ít thầy, cô giáo chưa thực sự an tâm với nghề, ý thức tổ chức kỉ luật cũng như trình độ chuyên môn còn yếu; số học sinh bỏ học còn nhiều, nhiều xã không có học sinh

(1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVI... Tlđđ, tr.11.

vào lớp đầu cấp trung học phổ thông; cơ sở vật chất trong các trường học còn nghèo nàn, thiếu thốn, đặc biệt là đồ dùng dạy học không được quan tâm trang bị; năm 1991, toàn huyện còn 680 người mù chữ... Những hạn chế, yếu kém này bắt nguồn từ tình hình đời sống khó khăn, thiếu thốn, từ thực tế xã hội có nhiều người được đào tạo vẫn chưa được phân công công tác, sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa chặt chẽ, thường xuyên v.v...

Cùng với các ngành khác, Ngành Y tế Vĩnh Nhai trong hai năm 1989-1990 tiếp tục đổi mới trong các hoạt động nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm là "Chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân, nâng cao chất lượng mọi mặt công tác".

Huyện đã thành lập Trung tâm y tế theo mô hình của Bộ Y tế hướng dẫn; Ngành Y tế thực hiện tốt 7 chương trình Quốc gia về công tác y tế, trong đó có chương trình củng cố mạng lưới y tế cơ sở. Với chương trình này, từ chỗ 7 trên 14 xã có Trạm Y tế (năm 1987), tăng lên 12 trên 14 xã có Trạm y tế (tháng 12/1990)⁽¹⁾. Toàn huyện có một bệnh viện

(1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Vĩnh Nhai tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI... Tlđd, tr.12.

huyện gồm 40 giường bệnh, hai Phòng khám đa khoa khu vực (Cúc Đường, Tràng Xá), mỗi phòng khám có 5 giường bệnh, một Đội vệ sinh phòng dịch, một Đội vận động sinh đẻ có kế hoạch, với tổng số 93 cán bộ, công nhân viên, trong đó có 11 bác sĩ. Với lực lượng chuyên môn ấy, Ngành đã tăng cường cho cơ sở 8 cán bộ y tế, trong đó có 3 bác sĩ đi xuống tuyến xã, triển khai có kết quả các chương trình Quốc gia về y tế trên địa bàn huyện.

Cuối năm 1990, toàn huyện có 100% xã thực hiện tiêm chủng mở rộng, vượt 7% kế hoạch được giao. Ngành Y tế huyện có nhiều biện pháp tích cực để ngăn chặn, phòng ngừa các bệnh sốt rét, bướu cổ, điều trị bệnh lao tại xã, chữa bệnh tâm thần tại huyện; đồng thời cho ra đời Hội Chữ thập đỏ, Hội Y học dân tộc... Các Trạm xá xã đều có Đại lý bán thuốc; những nơi đông dân cư, đều có quầy thuốc phục vụ.

Tuy có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng cơ sở vật chất, dụng cụ cho hoạt động chuyên môn của Ngành y tế huyện còn quá thiếu thốn. Đến hết năm 1990, trên địa bàn Võ Nhai, chưa có xã nào có Y tế xóm, bản và Quỹ y tế xã; tiền thuốc cho dân ở các xã vùng cao 2.000 đồng/người/năm chưa được thực hiện v.v...

Về xã hội, những năm 1989-1990, trên địa bàn huyện nổi lên nhiều vấn đề phức tạp: Lập đền thờ cúng bái, mở lớp dạy chữ Nho, tổ chức xúi giục đồng bào dân tộc ít người xưng, đón vua, tranh chấp đất đai, tranh chấp lúa trên diện tích giao khoán ở một số hợp tác xã, buôn bán hàng trái phép, đánh chửi nhau, cướp hố vàng, một số phần tử có tiền án, tiền sự nổi lên gây rối...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Ngành Công an phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng và chính quyền cơ sở nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời các vụ việc; đồng thời tổ chức tuyên truyền giáo dục trong nhân dân. Huyện còn mở các lớp bồi dưỡng cho công an các xã và cán bộ bảo vệ cơ quan; đưa cán bộ công an huyện xuống làm Phó công an xã; chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phòng chống tội phạm...

Nhờ có sự lãnh đạo kịp thời và kiên quyết của Đảng bộ, sự tham gia tích cực của các ngành chức năng và sự ủng hộ của nhân dân, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững.

Hai năm 1989 - 1990 công tác quân sự địa phương Võ Nhai cũng có những chuyển biến mới. Trong thời

gian này, huyện tổ chức tốt đợt diễn tập ZT. 90 A; đồng thời tổ chức tốt các đợt huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân, tự vệ. Năm 1990, toàn huyện có 26 trên 28 đơn vị dân quân, tự vệ được huấn luyện, trong đó 100% cơ sở dân quân ở 14 trên 14 xã đều được huấn luyện, cao hơn hẳn so các năm trước.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về ý thức thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc được đẩy mạnh; nhờ đó, trong các đợt tuyển quân, Vĩnh Nhai đều đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Trải qua hơn hai năm phấn đấu thực hiện, các chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV đề ra, tuy chưa thực hiện được các chỉ tiêu nhưng một thế làm ăn mới đã được xác lập ngày càng rộng rãi trên địa bàn huyện. Ba chương trình kinh tế lớn được triển khai thực hiện và bước đầu thu được nhiều kết quả quan trọng. Về cơ bản, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV đã được thực hiện thắng lợi. Điều quan trọng là, qua bốn năm thực hiện đường lối đổi mới, đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành trong huyện bước đầu có những kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh tế, xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVI (vòng 1) được tổ chức từ ngày 19

đến ngày 20/4/1991 đã nhất trí nhận định: "Từ đầu tháng 12/1990 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, các chi, đảng bộ đã thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 59 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị 65 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiến hành mở Đại hội các cấp, cũng như việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia góp ý kiến vào các văn kiện dự thảo Đại hội lần thứ VII của Đảng"⁽¹⁾. Đại hội thể hiện đầy đủ ý chí, nguyện vọng và tinh thần trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai đối với dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Từ sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI (vòng 1), Đảng bộ lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Võ Nhai tiếp tục đẩy mạnh thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Từ nửa sau năm 1991, tình hình quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu lần lượt sụp đổ. Độc lập chủ quyền của một số quốc gia bị thách thức bởi

(1).Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ XVI (vòng 1), tr.1.

chính sách cường quyền và áp đặt. Ở trong nước, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986), nhân dân ta đã trải qua hơn 4 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước và đang thu được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng. Lần đầu tiên, sau hàng chục năm, chúng ta không chỉ giải quyết đủ nhu cầu lương thực ở trong nước, mà còn có dự trữ và xuất khẩu; hàng tiêu dùng ngày càng phong phú và đa dạng; hàng xuất khẩu ngày càng tăng và quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng mở rộng... Đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra là hoàn toàn đúng đắn và được tiếp tục phát triển, hoàn chỉnh từ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII. Nhưng bên cạnh đó, các thế lực thù địch ra sức hoạt động chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta phải trải qua những thử thách vô cùng gay go.

Tất cả tình hình trên đều tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện. Chính trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ XVI (vòng 2) được triệu tập từ ngày 26 đến

28/12/1991. Với sự tham dự của 121 đại biểu (có 5 đại biểu dự khuyết) thay mặt cho trên 1.300 đảng viên trong toàn Đảng bộ đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị, xác định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ 1991-1995; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 31 ủy viên. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Triệu Quang được tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện ủy. Các đồng chí Trịnh Thanh Hồ và Đàm Thanh Nghị được bầu làm Phó Bí thư.

Vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI vào tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI nêu rõ mục tiêu tổng quát cần đạt được trong những năm 1991 - 1995 là: "ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phát huy tiềm năng thế mạnh và sức lao động nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Giữ vững sự ổn định về chính trị, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, phát huy tốt hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước, đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân, đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới".

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI, tình hình quốc tế và trong nước tiếp tục có những diễn biến phức tạp. Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các thế lực thù địch tăng cường thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình"; kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, truyền bá tư tưởng văn hoá đồi trụy, độc hại; đưa lực lượng gián điệp, biệt kích vào nước ta nhằm cấu kết với bọn phản động và các phần tử xấu trong nước, tăng cường hoạt động nhằm lật đổ chế độ.

Võ Nhai là một huyện vùng cao, kinh tế kém phát triển; giao thông đi lại khó khăn; các xã vùng cao, vùng xa chiếm tỷ lệ lớn, sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên; hạ tầng cơ sở không những thiếu, mà còn xuống cấp nghiêm trọng; việc đầu tư giúp đỡ của Nhà nước có hạn; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo đói còn khá cao...

Đó chính là những khó khăn mà các thế lực thù địch có thể lợi dụng để gây rối, phá hoại, thực hiện diễn biến hoà bình, đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo từng bước tháo gỡ trong quá trình phát triển đi lên. Đảng bộ đã biết dựa vào sức

mạnh quần chúng, khai thác và phát huy những tiềm năng sẵn có về cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản, sức lao động và những kinh nghiệm được tích lũy trong 5 năm đổi mới để lãnh đạo thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra.

Trong 5 năm 1991 - 1995, Đảng bộ lãnh đạo sản xuất nông nghiệp có bước đi khá vững chắc, đặc biệt là khâu giống, năng suất lúa bình quân hai vụ từ 24,5 tạ/ha (năm 1991), tăng lên 32,2 tạ/ha (năm 1995). Tổng sản lượng lương thực (quy thóc) tăng từ 9.062,7 tấn (năm 1991), tăng lên 10.702,3 tấn (1992), 12.563,46 tấn (năm 1993), 13.021,3 tấn (năm 1994) và đến năm 1995 là 15.498,7 tấn. Sản lượng lương thực tăng bình quân mỗi năm trong thời kỳ này là 11,35%, mức thu nhập lương thực bình quân theo đầu người hàng năm (1991) tăng khá nhanh: từ 155 kg (năm 1991) lên 170 kg năm 1992; 212 kg năm 1993, 217 kg năm 1994; và 245 kg năm 1995; tốc độ tăng thu nhập bình quân mỗi năm là 9,6%.

Các loại cây công nghiệp, cây đặc sản được chú trọng phát triển mạnh trên đất đồi bãi, chân ruộng

một vụ và được điều tiết theo cơ chế thị trường. Do vậy, nhìn chung sản lượng qua các năm đều tăng.⁽¹⁾

Thực hiện chủ trương "Móng Cái hoá đàn lợn, lai sind hoá đàn bò", Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chức năng và các đơn vị sản xuất đưa chăn nuôi lên một thể phát triển vững chắc. Trong quá trình thực hiện, tuy gặp khó khăn, trở ngại về giống, vốn..., nhưng ngành chăn nuôi của huyện vẫn đạt được nhiều kết quả đáng kể. Đàn gia súc, gia cầm trong những năm 1991 - 1995 nhìn chung đều tăng:⁽²⁾

(1)

TT	Các loại cây	Năm 1991	Năm 1992	Năm 1993	Năm 1994	Năm 1995
1	Đỗ tương	204,9 tấn	295,5 tấn	319 tấn	641,4 tấn	789,9 tấn
2	Mía	5.670 tấn	5.840 tấn	6.075 tấn	5.972,5 tấn	12.356 tấn
3	Lạc	47,9 tấn	56,9 tấn	80,36 tấn	93,1 tấn	189,46 tấn
4	Chè	196,8 tấn	202,9 tấn	217,5 tấn	321,8 tấn	328 tấn
5	Đỗ các loại	53,8 tấn	103,4 tấn	84,9 tấn	101 tấn	113,21 tấn

(2)

TT	Danh mục	Năm 1991	Năm 1992	Năm 1993	Năm 1994	Năm 1995
1	Trâu (con)	15.322	15.939	16.101	16.743	15.621
2	Bò (con)	369	378	437	893	706
3	Lợn (con)	13.382	14.284	15.135	16.195	19.183

Tính đến năm 1995, sản lượng thịt lợn xuất chuồng tăng 1,66 lần so với năm 1991; đàn gia cầm tăng 3,2%. Điều đáng chú ý là công tác tiêm phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm, nên hầu như không có bệnh dịch lớn xảy ra; một số dự án chăn nuôi đã được đưa vào sử dụng, kết hợp với nguồn vốn của nhân dân, có tác dụng thúc đẩy chăn nuôi phát triển khá và đa dạng hơn trước. Ngành chăn nuôi thủy sản cũng được coi trọng, cho nên trong 5 năm đã tăng lên 4,5%⁽¹⁾.

Trong những năm 1991 - 1995, được sự tài trợ và đầu tư vốn thông qua các Dự án PAM, 327, Định canh định cư..., Ngành Lâm nghiệp Võ Nhai có bước phát triển mới. Trong 5 năm, toàn huyện trồng được 1.714,85 ha rừng (có 1.176,5 ha rừng tập trung), tăng bình quân mỗi năm 27,05%. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, việc khoán chăm sóc, bảo vệ rừng được triển khai đến hộ và nhóm hộ gia đình. Đến năm 1995, toàn huyện khoán được 1.270 ha rừng, tăng hơn năm 1991 là 24,9%. Việc khai thác rừng được thực hiện từng bước theo quy hoạch, kế hoạch, nên sản lượng gỗ khai thác, chế biến hằng năm giảm

(1). Báo cáo của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ XVII (1996 - 2000) - Số 01/BC-HU-30/3/1996, tr.4.

xuống. Riêng việc khai thác nguyên liệu giấy tăng từ 67 tấn năm 1991 lên 500 tấn năm 1995.

Bước tiến rõ rệt của Ngành Lâm nghiệp Võ Nhai trong những năm 1991 - 1995 là đã kịp thời chuyển từ khai thác rừng là chính, sang lâm nghiệp xã hội, lấy lâm sinh làm gốc. Được sự hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước, nhiều hộ gia đình mạnh dạn đầu tư vốn phát triển vườn rừng, đồi rừng, trồng cây ăn quả, cây đặc sản (khoảng 500 ha). Đến năm 1995, nhiều xã đã xuất hiện các hộ điển hình có thu nhập cao về kinh tế vườn rừng. Chủ trương giao đất, giao rừng đến hộ quản lý rõ ràng đã góp phần quan trọng vào việc ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; đồng thời hạn chế được nạn khai thác, chặt phá rừng bừa bãi. Trên địa bàn huyện đã hình thành bộ phận khuyến lâm, nhằm đưa khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, đưa lâm nghiệp dần dần trở thành một nghề sản xuất chính, có thu nhập cao hơn.

Ngành Công nghiệp và Tiểu, Thủ công nghiệp Võ Nhai sau nhiều năm khó khăn, gần như bế tắc, năng suất và sản lượng rất thấp, từ năm 1991 trở đi bắt đầu thích ứng dần với cơ chế mới. Được sự quan tâm của Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân, điện lưới quốc gia được đưa về đến thị trấn Đình Cả; nhờ đó, mạng lưới điện được mở rộng và khai thác ổn định, đặt cơ sở

cho việc đưa dự án điện khí hoá nông thôn ở xã Tràng Xá vào sử dụng năm 1996. Nhà máy xi măng La Hiên, với công suất 15 vạn tấn/năm, đi vào sản xuất, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần làm thay đổi bộ mặt xã hội của huyện. Năm 1995, tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp của huyện đạt 6.377 triệu đồng, tăng 5% so với năm 1991; trong đó, gạch nung tăng bình quân mỗi năm từ 1991 đến 1995 là 15,12%; sản xuất vôi, đá, cát, sỏi, đồ mộc thành phẩm được giữ vững.

Để thúc đẩy kinh tế phát triển, huyện cho giải thể các đơn vị kinh tế quốc doanh làm ăn thua lỗ, củng cố các doanh nghiệp và đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh. Cùng với việc tạo ra môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế phát huy hết khả năng, Đảng bộ chủ trương khuyến khích các hộ mở rộng và đa dạng hoá các loại hình hợp tác xã sản xuất - kinh doanh, phát triển tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ... Chính từ đó, nhiều mô hình gia đình làm kinh tế giỏi xuất hiện ở các xã Tràng Xá, Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, thị trấn Đình Cả...

Đảng bộ cũng chú trọng lãnh đạo đưa các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội vào vùng sâu, vùng xa: Mở đường giao thông, xây dựng trường học, trạm xá, đầu tư phát triển các dự án trồng cây đặc

sản, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc... Một số dự án được phát triển có kết quả khá (chăn bò sinh sản ở các xã Sảng Mộc, Thượng Nung, Chương trình 327 định canh định cư ở Vũ Chấn...). Cuộc sống của đồng bào các dân tộc ở những vùng được đầu tư thay đổi rõ rệt, nổi bật là Chòi Hồng, Tân Đào (Tràng Xá), Hùng Sơn (thị trấn Đình Cả) v.v...

Cùng với sản xuất công, nông nghiệp, công tác xây dựng cơ sở hạ tầng trong những năm 1991 - 1995 cũng có nhiều tiến bộ. Trong 5 năm (1991 - 1995), huyện huy động được 33.340 triệu đồng (tăng 16,3%). triển khai các dự án đầu tư cho vùng cao được Trung ương và tỉnh giúp đỡ. Trong đó, vốn đầu tư cho xây dựng điện là 13.847 triệu đồng (tăng 40,05%); làm mới, sửa chữa và nâng cấp hệ thống đường, trường, trạm, các công trình thuỷ lợi... Nhờ đó, đến năm 1995, hầu hết các xã trong huyện đã xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, ngôi nhà được Trại sở Ủy ban, trường học, trạm xá..., đáp ứng yêu cầu làm việc, học tập, khám chữa bệnh cho nhân dân. Hồ Quán Chè (xã Dân Tiến), đập Thác Kiếm (xã Thần Sa) được đưa vào sử dụng; đồng thời sửa chữa, nâng cấp nhiều hồ, đập, kênh mương dẫn nước phục vụ sản xuất.

Công tác văn hoá, thông tin, thể dục thể thao... có bước phát triển mới. Các hoạt động văn hoá, văn

nghệ, thể dục thể thao bước đầu trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Công tác thông tin tuyên truyền luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, giúp cho nhân dân có những hiểu biết kịp thời về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, truyền thanh, truyền hình tăng lên đáng kể, góp phần cải thiện đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện.

Chăm lo đến sự nghiệp giáo dục, cùng với việc quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, Đảng bộ tập trung lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất các trường học. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, hàng năm, ngân sách địa phương đều chi hỗ trợ cho giáo dục. Đến năm 1995, hầu hết các trường phổ thông trên địa bàn huyện đã được xây dựng kiên cố và ngói hoá. Dự án đầu tư xây dựng Trường dân tộc nội trú của huyện cũng được triển khai thực hiện.

Việc phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, thực hiện xoá mù chữ cũng đạt nhiều kết quả. Đến năm 1995, toàn huyện có 12 trên 15 xã, thị trấn được công nhận hoàn thành phổ cập tiểu học và xoá mù chữ. Phong trào thi đua "Hai tốt" trong các trường học được duy trì thông qua việc tổ chức thi giáo viên dạy

giỏi, dự giờ, thăm lớp... Nhờ đó, chất lượng giảng dạy và học tập được nâng cao hơn trước; tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp đạt từ 85% đến 95%; tỷ lệ học sinh thất học đầu cấp và bỏ học giữa kỳ giảm xuống.

Quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 03 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ lãnh đạo các ngành chức năng thực hiện tốt công tác an ninh quốc phòng. Lực lượng công an nhân dân và bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên thường xuyên được xây dựng củng cố, đóng vai trò nòng cốt trong cuộc đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình", ngăn chặn và bài trừ tiêu cực xã hội. Lực lượng công an phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, với Huyện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng và đẩy mạnh hoạt động của các Hội đồng an ninh xã, thị trấn, Tổ an ninh, đề ra Quy ước thôn, xóm...; tham mưu cho cấp ủy và chính quyền giải quyết nhiều vụ việc. Nhờ đó, an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững; một số tệ nạn được đẩy lùi.

Công tác động viên tuyển quân hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, lực lượng dự bị động viên được quản lý chặt chẽ, chất lượng huấn luyện dân quân, tự vệ được nâng cao. Ngoài ra, huyện thường xuyên xây dựng, bổ sung, củng cố hoàn thiện các phương án phòng

thủ, tổ chức diễn tập quân sự kết hợp với các ngành hữu quan giải quyết tốt một số vấn đề bức xúc ở địa phương; Giải phóng lễ đường, quản lý tài nguyên, quản lý chất nổ, triệt phá các ổ nghiện hút, thu giữ văn hoá phẩm đồi trụy...

Những thành tựu và biến đổi to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội trong những năm 1991 - 1995 gắn liền với việc đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ và đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn huyện.

Nắm vững tinh thần đổi mới và chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị trong tình hình mới, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong huyện đạt nhiều kết quả quan trọng. Đảng bộ tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 03 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Thông qua đó, tổ chức Đảng từ huyện xuống đến cơ sở được chấn chỉnh, củng cố một bước; sinh hoạt Đảng ở nhiều chi bộ đi dần vào nền nếp; vai trò của tổ chức cơ sở Đảng và nhiệm vụ của đảng viên được xác định rõ hơn, cho nên nhiều chủ trương, chính sách được triển khai thực hiện có kết quả.

Trong tình hình và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác giáo

dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước được phổ biến rộng rãi với nhiều hình thức phong phú, gắn với tình hình thực tế của địa phương. Đội ngũ báo cáo viên của Đảng bộ được củng cố, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, làm tốt hơn nhiệm vụ chuyển tải và tiếp thu, phản ánh tình hình kịp thời với cấp ủy, giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền trong huyện đạt hiệu quả cao. Nhờ đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, cho nên những biểu hiện hoài nghi, hoang mang dao động trước sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được khắc phục một bước. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân Võ Nhai giữ vững niềm tin vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

Nhằm tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ thường xuyên thực hiện tốt công tác chấp hành Điều lệ Đảng, kiểm tra chặt chẽ việc thi hành chính sách, pháp luật của cấp ủy Đảng và đảng viên; kịp thời ngăn ngừa, giúp đỡ và xử lý tổ chức Đảng, đảng viên vi phạm. Trong nhiệm kỳ 1991 - 1995, Đảng bộ đã xử lý 133 trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng; trong đó,

khuyến trách 15, cảnh cáo 29, cách chức 4, khai trừ 25 và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 60 trường hợp⁽¹⁾.

Công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới được đẩy mạnh, đặc biệt đối với Ngành Giáo dục. Tính chung trong 5 năm (1991 - 1995), Đảng bộ bồi dưỡng được 400 quần chúng ưu tú, kết nạp được 139 đảng viên mới.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ cũng được chú trọng. Hầu hết cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ huyện đến cơ sở đều trải qua các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ từ trung cấp trở lên. Bên cạnh việc bố trí cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy hoạch, kế hoạch, Đảng bộ còn mở nhiều lớp bồi dưỡng ngắn hạn, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm các điển hình tiên tiến.

Bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ huyện xuống đến cơ sở được củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động. Đảng bộ chú trọng bồi dưỡng nâng cao nhận thức về pháp luật và năng lực công tác của đại biểu Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân huyện thường xuyên phối hợp với Mặt trận Tổ

(1). Báo cáo của BCH Đảng bộ Vĩnh Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII... Tlđđ, tr. 12

quốc và các đoàn thể quần chúng tiếp xúc cử tri; kiến nghị với tổ chức Đảng và chính quyền những đề nghị chính đáng của dân; đồng thời giám sát hoạt động của chính quyền theo luật định.

Ủy ban nhân dân các cấp thường xuyên chăm lo củng cố tổ chức, kiện toàn theo hướng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, hình thức và phương thức điều hành. Trong hai năm (1994 - 1995), để triển khai thực hiện Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) về củng cố, hoàn thiện bộ máy Nhà nước, Đảng bộ tập trung lãnh đạo cải cách nền hành chính trên một số mặt: tổ chức tiếp dân, giải quyết đơn thư, giảm bớt một số thủ tục hành chính... Thông qua đó, chế độ trách nhiệm của chính quyền được nâng cao hơn; Ủy ban nhân dân các cấp trong huyện phát huy được tính chủ động, sáng tạo và dám chịu trách nhiệm trong tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; động viên và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các dân tộc phát triển sản xuất, thực hiện xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống mới.

Cùng với các cấp chính quyền, trong 5 năm 1991 - 1995, các đoàn thể quần chúng cũng được củng cố một bước. Hội Cựu chiến binh dù mới ra đời, nhưng đã đi vào hoạt động có nền nếp, có hiệu quả tốt. Hoạt

động của các đoàn thể quần chúng đã gắn với các chương trình kinh tế - xã hội, các dự án vay vốn, tạo việc làm cho người lao động...

Tóm lại, cho đến cuối năm 1995, với ba kỳ Đại hội (XIV, XV và XVI), Đảng bộ Võ Nhai đã kiên trì lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Trải qua 10 năm phấn đấu thực hiện, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai đã giành được nhiều thành tựu quan trọng. "Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; nền kinh tế có bước tăng trưởng khá, năng lực kinh tế ở một số ngành, một số lĩnh vực được tăng cường, góp phần quan trọng làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện. Đời sống của đại bộ phận nhân dân ổn định, một bộ phận được cải thiện rõ rệt, văn hoá xã hội có những chuyển biến tích cực; an ninh, trật tự được giữ vững..."⁽¹⁾.

Những thành tựu to lớn ấy đã góp phần tạo ra tiền đề mới cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục vươn lên thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng ở những năm tiếp theo.

(1). Báo cáo của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII... Tlđđ, tr.17.

II - TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996 - 2000)

Bước vào nửa sau thập kỉ 90, tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp. Ở trong nước, công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra những thay đổi cùng với thuận lợi mới, nhưng đòi hỏi cán bộ, đảng viên và nhân dân ta phải kiên trì đường lối đổi mới, giữ vững độc lập và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hoà chung với khí thế phát triển đi lên của cả nước, từ ngày 28 đến ngày 30/3/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ XVII được triệu tập. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu và hạn chế trong nhiệm kỳ 1991 - 1995, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ mới. Căn cứ vào tiềm năng lao động, đất đai, tài nguyên và tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội nêu rõ mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1996 - 2000: "Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện phải tập trung sức lực, tranh thủ thời cơ đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát huy tiềm năng, thế mạnh, kết hợp tăng trưởng kinh tế với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn

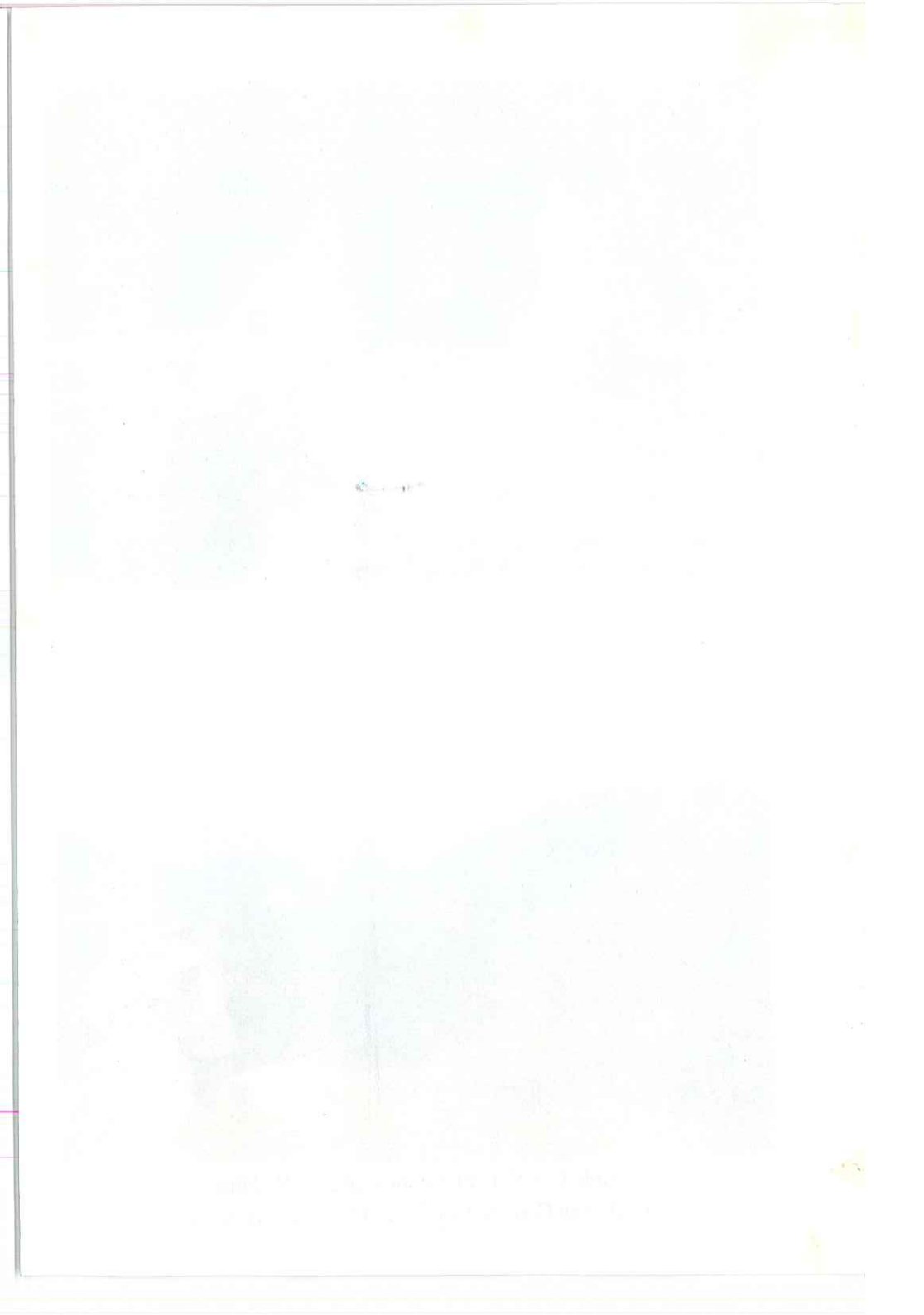


Ảnh 1



Ảnh 2

Ảnh 1, 2: Sản xuất nông nghiệp ở Võ Nhai
trong thời kỳ Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước



thể vững mạnh, cải thiện một bước đời sống mọi mặt của nhân dân".

Từ mục tiêu tổng quát, Đại hội nêu một số chỉ tiêu cơ bản cần đạt được đến năm 2000:

- Tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân 12%; thu nhập quốc dân tăng 12,8%.

- Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 16.700 tấn, bình quân lương thực là 280 kg/người/năm.

- Trồng rừng 15.000 ha, bình quân mỗi năm trồng được 3000 ha; cơ bản hoàn thành giao đất, giao rừng khoanh nuôi bảo vệ, tái sinh rừng trên phạm vi toàn huyện.

- Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 8%.

- Thu nhập bình quân 2 triệu đồng/người/năm; hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 15%; không còn hộ đói.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 33 ủy viên chính thức, trong đó có 4 nữ. Đồng chí Triệu Quang được tái cử giữ chức Bí thư Huyện ủy; các đồng chí Trịnh Thanh Hồ và Đàm Thanh Nghị làm Phó Bí thư. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí.

Tiếp theo Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII là Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VIII

(5/1996) và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ (28/6 - 1/7/1996). Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII nêu rõ: "Đưa công cuộc đổi mới lên tầm cao mới, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà nhiệm vụ trọng tâm là công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước". Đó là những sự kiện lịch sử quan trọng trong đời sống chính trị, là nguồn sức mạnh tinh thần giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai thi đua phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ đề ra.

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII (3/1996), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai có thêm một số thuận lợi rất cơ bản. Vào thời gian này, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chính sách quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng cao và được tỉnh trực tiếp giúp đỡ; những tiềm năng, thế mạnh về đất đai, lao động, tài nguyên trong huyện đang được từng bước khai thác; nhân dân trong huyện bước đầu có ý thức tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa vào sản xuất; an ninh chính trị được giữ vững... Song, bên cạnh đó cũng có nhiều khó khăn đòi hỏi phải được giải quyết từng bước: Kết cấu hạ tầng (giao thông, thuỷ lợi...) còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển

kinh tế, xã hội; tiềm năng về đất đai, lao động... chưa được khai thác mạnh do thiếu vốn và thiếu khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lại lao động trên địa bàn huyện còn chậm; sản xuất chủ yếu là nông nghiệp, lao động, vật tư chủ yếu tập trung cho cây lúa; thế mạnh về rừng, đất rừng tập trung chưa được khai thác triệt để.

Cùng thời gian trên, một sự kiện quan trọng đến với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Thái nói chung, Võ Nhai nói riêng. Ngày 6/11/1996, tại kỳ họp lần thứ 10, Quốc hội (khoá VI) nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết chia tách tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (7/1965) và hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 1/1/1997. Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ra Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động Đảng bộ và Tỉnh ủy Bắc Thái; đồng thời thành lập Đảng bộ Thái Nguyên và Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm 35 đồng chí. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1/1/1997.

Trong Ban Chấp hành Đảng bộ có sự biến động khá lớn về nhân sự. Do yêu cầu công tác, tháng

8/1997, đồng chí Đàm Thanh Nghị được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy thay cho đồng chí Triệu Quang được điều động về làm Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên. Tháng 1/2000, đồng chí Đàm Thanh Nghị lại được điều động về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; đồng chí Ma Văn Thành được chỉ định làm Quyền Bí thư Huyện ủy. Đến tháng 8/2000, đồng chí Ma Văn Thành nghỉ hưu theo chế độ; đồng chí Vũ Hồng Bắc được Tỉnh ủy phân công điều động về làm Bí thư Huyện ủy...

Phát huy truyền thống của quê hương cách mạng, ngay trong năm 1996, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện kiên trì khắc phục khó khăn, phấn đấu đạt kết quả trên hầu hết các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII đề ra. Sản xuất nông, lâm nghiệp tiếp tục phát triển, từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tiến tới chuyển dịch cơ cấu mùa vụ. Chăn nuôi gia súc phát triển bình thường, không có dịch bệnh lớn xảy ra. "Đàn lợn phát triển đạt và vượt kế hoạch, dự án tạo con giống tại chỗ đã và đang được thực hiện, bước đầu có kết quả. Mạng lưới cộng tác viên thú ý ở cơ sở bước đầu được chú ý; trong năm, trạm thú ý đã bồi dưỡng được 17 cộng tác viên cho các xã vùng sâu, vùng xa" v.v....

Theo yêu cầu của Tỉnh ủy Thái Nguyên, trong tháng 9/1997, Huyện ủy tập trung chỉ đạo các cơ sở Đảng trong Đảng bộ tiến hành đại hội. Trên cơ sở đó, trong hai ngày 27 - 28/10/1997, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai được triệu tập nhằm đánh giá kết quả hai năm (1996 - 1997) thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ; đồng thời xác định nhiệm vụ chủ yếu của huyện đến năm 2000. Đại hội còn thảo luận đóng góp ý kiến bản Dự thảo văn kiện của Tỉnh ủy (lâm thời) sẽ trình tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng bộ, nhìn chung trên các mặt công tác, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Tính chung trong 5 năm (1996 - 2000), sản xuất nông nghiệp có nhiều bước tiến mới. Ngoài việc coi trọng đầu tư thâm canh, huyện đẩy mạnh việc áp dụng nhiều biện pháp đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, các giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất. Dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp về phân bón, thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật, tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được quan tâm. Công tác thủy lợi được đẩy mạnh. Riêng trong đợt diễn tập PT.96,

huyện đã huy động nhân công nạo vét được 12.686 mét kênh mương; đào, đắp được 942m³ đất, đá. Nhờ đó, diện tích gieo cấy từ một vụ lên hai vụ ngày càng tăng. Chính sách trợ giá giống, trợ cước vận tải của Nhà nước cho nông dân cùng với các biện pháp khuyến nông khác cũng được áp dụng, góp phần làm cho sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển. Tổng sản lượng lương thực nói chung và sản lượng thóc nói riêng trong 5 năm (1996 - 2000) đều tăng với tốc độ bình quân là 4,25%¹:

Các loại cây công nghiệp ngắn ngày cũng mỗi năm một tăng và về cơ bản đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra²:

(1)

TT	Danh mục	Năm 1996	Năm 1997	Năm 1998	Năm 1999	Năm 2000
1	SLLT quy thóc	16.704 tấn	17.510,6 tấn	17.347,2 tấn	17.239 tấn	18.000 tấn
2	SL thóc	12.916,1 tấn	13.400,6 tấn	13.319,4 tấn	13.692,5 tấn	14.920 tấn

(2)

TT	Danh mục	Năm 1996	Năm 1997	Năm 1998	Năm 1999	Năm 2000
1	Đỗ tương	630 tấn	868 tấn	882 tấn	907,7 tấn	1.056 tấn
2	Mía	17.892 tấn	29.082 tấn	29.145 tấn	29.730 tấn	36.930 tấn
3	Lạc	225 tấn	258,6 tấn	223,7 tấn	189,3 tấn	233 tấn
4	Chè	2215 tấn	336 tấn	326 tấn	595 tấn	645 tấn

Điều đáng chú ý là phong trào cơ giới hoá nông nghiệp được duy trì và phát triển. Nhân dân các xã, thị trấn, kể cả các xã vùng cao (Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thần Sa...) mua sắm thêm máy cày mi ni, máy xay xát, máy bơm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tính riêng trong hai năm đầu nhiệm kỳ (1996 - 1997), toàn huyện có 150 máy cày mini, trên 250 máy bơm nước và hơn 300 máy xay xát các loại⁽¹⁾.

Đối với ngành chăn nuôi, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII nêu rõ mục tiêu phấn đấu đưa lên "trở thành ngành sản xuất chính và phát triển đều ở cả ba vùng. Cải tạo đàn trâu, bò theo hướng sản xuất hàng hoá với các sản phẩm thịt, sữa; phát triển đàn lợn hướng nạc; đẩy mạnh phát triển gia cầm, thuỷ sản. Đến năm 2000, đàn trâu có 19.000 con, tăng 3% mỗi năm; đàn bò 3.000 con, tăng 12% mỗi năm; đàn lợn 24.000 con, tăng 12% mỗi năm". Sau 5 năm, tuy tổng đàn trâu, bò không đạt kế hoạch, nhưng tổng đàn lợn đạt mục tiêu đề ra, liên tục trong các năm đều tăng: Năm 1996: 20.136 con,

(1). Báo cáo của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện năm 1997-2000 - Số 10/BC-HU-27/10/1997, tr.3.

năm 1997: 21.204 con, năm 1998: 21.741 con, năm 1999: 22.691 con và năm 2000 là 24.000 con; tốc độ tăng bình quân mỗi năm đạt 5,45%.

Phát huy thế mạnh của một huyện vùng cao, Đảng bộ coi trọng trồng cây ăn quả, cây đặc sản, trồng rừng theo chương trình dự án. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII cũng đề ra mục tiêu "đến năm 2000 cơ bản phủ xanh đất trống đồi núi trọc, hoàn thành khoanh nuôi giao đất, giao rừng, bảo vệ và tái sinh rừng".

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, trong 5 năm, toàn huyện trồng được 270 ha cây ăn quả, 2.535 ha rừng theo các Chương trình 327, 264 và 661, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Việc thực hiện kế hoạch khoanh nuôi tái sinh rừng, chăm sóc, trồng, bảo vệ rừng hằng năm đều hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao. Công tác giao đất, giao rừng cơ bản hoàn thành ở những nơi có điều kiện. Việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cũng có nhiều kết quả. Từ năm 1996 đến cuối năm 2000, huyện đã xử lý hơn 1.000 vụ vi phạm luật quản lý và bảo vệ rừng, thu giữ trên 500m³ gỗ các loại cùng nhiều phương tiện hành nghề. Mặc dù có nhiều cố gắng trong quản lý, bảo vệ rừng, nhưng tình trạng

khai thác, vận chuyển buôn bán lâm sản trái phép vẫn tiếp tục gia tăng. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền còn thiếu kiên quyết, chưa xử lý tại gốc và nặng về xử phạt hành chính.

Trong 5 năm 1996 - 2000, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, cùng với sự cố gắng của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân huyện, công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có nhiều chuyển biến tích cực. Tính riêng trong năm 1996, với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện đã huy động 2.177,5 triệu đồng cho xây dựng đường giao thông nông thôn; trong đó, nguồn vốn của tỉnh là 1.357 triệu, nguồn vốn huyện là 297,5 triệu, số vốn còn lại là do dân đóng góp thông qua công lao động trực tiếp. Trong đợt diễn tập PT.96, toàn huyện huy động được 44.140 ngày công, làm được 110.784 mét đường liên thôn, liên xóm (trong đó có 15.300 mét đường mới); sửa chữa, đào rãnh hai bên đường được 27.923 mét đường liên xã; phát quang 73.150 mét đường liên xóm; đào, đắp 38.122m³ đất, đá; làm mới 8 cầu gỗ v.v...

Tính đến cuối năm 2000, toàn huyện đã có 15/15 xã, thị trấn có đường ô tô; một số tuyến đường được nâng cấp, bảo đảm giao thông đi lại thuận lợi. Các

công trình công cộng và phúc lợi: Trụ sở làm việc, trường học, bệnh viện, trạm y tế, trung tâm cụm xã, chợ, hồ đập nước, trạm bơm, cầu treo, nước sạch nông thôn... đều được đầu tư xây dựng. Mạng lưới điện quốc gia trên địa bàn huyện có thêm hệ thống điện trung thế và hạ thế ở xã Phú Thượng và Trảng Xá được đưa vào sử dụng; đường điện trung thế tuyến La Hiền - Cúc Đường - Vũ Chấn - Thượng Nung cũng được xây dựng. Hằng năm, Nhà nước đầu tư khoảng 20 tỷ đồng cho huyện Võ Nhai xây dựng cơ sở hạ tầng, chủ yếu là hệ thống điện, đường, trường, trạm, góp phần tạo bước đột phá đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện. Bộ mặt nông thôn huyện miền núi Võ Nhai có nhiều thay đổi rất sâu sắc.

So với những năm trước, trong thời kỳ 1996 - 2000, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp huyện Võ Nhai có bước phát triển rõ rệt. Sản lượng một số mặt hàng trong các năm đều tăng. So với năm 1995, giá trị sản lượng tiểu thủ công nghiệp năm 2000 tăng 133%; sản lượng điện tiêu thụ năm 2000 tăng 223%. Sản lượng xi măng từ 19.301 tấn trong năm 1995, tăng lên 130.000 tấn trong năm 2000⁽¹⁾. Điều đáng chú ý là các xí nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp bước đầu làm ăn có lãi, không chỉ

bảo đảm đời sống cho người lao động, mà còn hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

Các hoạt động dịch vụ, thương mại với sự tham gia của các thành phần kinh tế phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hoá và đời sống nhân dân đều phát triển. Hàng tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng, giá cả tương đối ổn định. Thị trường nông thôn được mở rộng, kích thích sức mua và giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các vùng, miền. Thương nghiệp quốc doanh bước đầu vươn lên chiếm lĩnh được thị trường, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân.

Quan tâm đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo nhằm "Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài", Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra mục tiêu "Phấn đấu đến năm 2000 tiếp tục duy trì và nâng cao phổ cập tiểu học, tiến tới phổ cập trung học cơ sở ở những xã có điều kiện; phát triển trường chuyên, lớp chọn... Huy động 12% các cháu vào nhà trẻ, nhóm trẻ, 30% các cháu vào mẫu giáo, 100% các cháu đủ tuổi đi học vào lớp đầu cấp. Thực

(1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Võ Nhai khoá XVII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, tr.3.

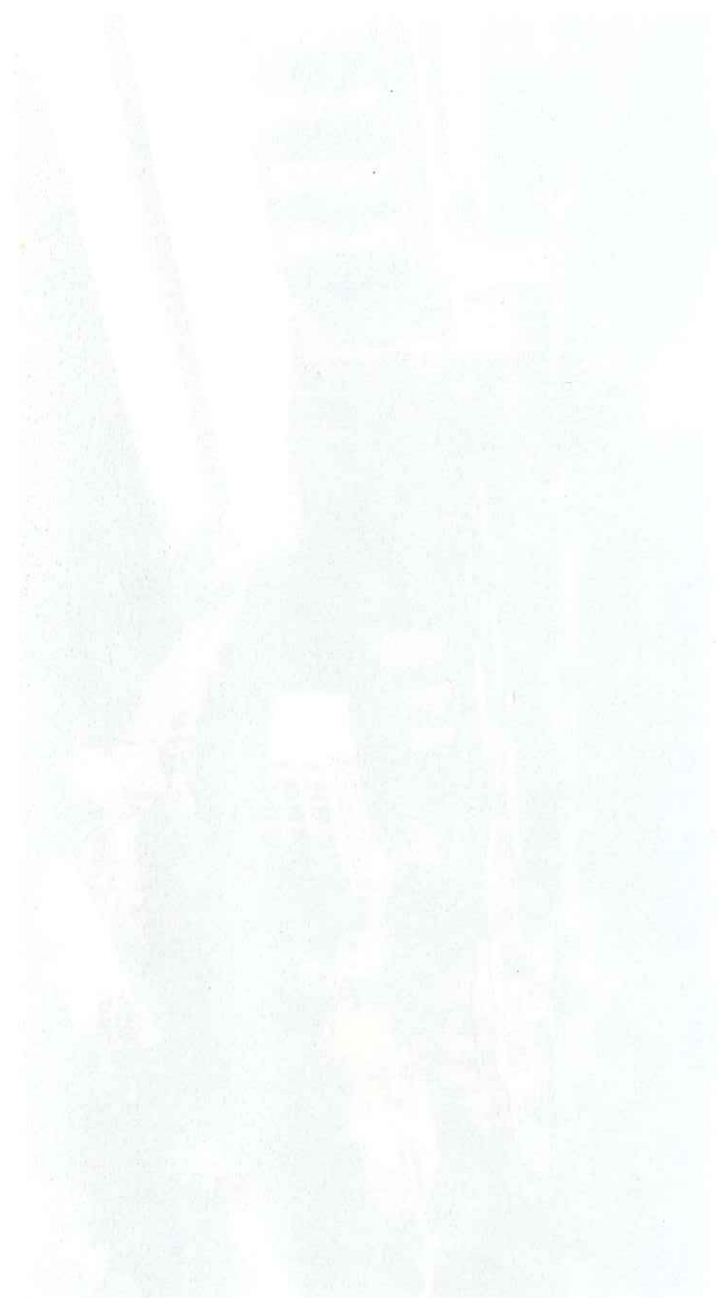
hiện từng bước tiêu chuẩn hoá giáo viên, nâng dần chất lượng học giảng dạy và học tập ở cấp phổ thông trung học cơ sở và phổ thông trung học, khắc phục từng bước sự chênh lệch kiến thức giữa các vùng, các miền trong huyện...".

Hướng vào mục tiêu trên, Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện việc củng cố, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất cũng như chất lượng dạy và học, mở rộng quy mô hợp lý trên cơ sở sắp xếp lại ngành học, cấp học phù hợp với tình hình vùng xa, vùng dân tộc ít người.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, thực hiện Nghị quyết TW 2 (khoá VIII) về "Giáo dục - Đào tạo, Khoa học và Công nghệ", trong 5 năm (1996 - 2000), ngành Giáo dục huyện Võ Nhai có những chuyển biến tích cực. Cơ sở vật chất trong các trường học được tăng cường, tình trạng học 3 ca được xoá bỏ. Số trường, lớp và số học sinh các cấp đều tăng. Năm học 1996 - 1997, toàn huyện có 31 trường, với tổng số 13.038 học sinh; đến năm học 1999 - 2000 đã tăng lên 39 trường, với 17.481 học sinh. Chất lượng dạy và học được giữ vững và từng bước được nâng lên. Riêng năm học 1997 - 1998, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp ở bậc trung học phổ thông là 100%, ở bậc trung học cơ sở là 96,5%



Nhà máy xi măng La Hien sản lượng 20 vạn tấn / năm



và ở bậc tiểu học là 95,6%. Số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên cũng được nâng lên. Tính đến năm 2000, Võ Nhai đã khắc phục được tình trạng thiếu giáo viên bậc tiểu học, xoá bỏ "trường trắng" (không có đảng viên); nhiều trường đã có chi bộ lãnh đạo. Vào thời điểm này, Võ Nhai cũng hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học đạt chuẩn quốc gia ở tất cả các xã trong toàn huyện.

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao cùng với công tác truyền thanh, truyền hình... được đẩy mạnh. Ngành Văn hoá - Thông tin huyện duy trì đều việc tiếp âm, tiếp hình Đài Phát thanh truyền hình Trung ương và địa phương; thường xuyên tổ chức các buổi biểu diễn và liên hoan văn nghệ quần chúng. Công tác thư viện, công tác bảo tồn, bảo tàng các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh tiếp tục được quan tâm đầu tư. Để tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân vùng cao, vùng xa, được sự quan tâm của Trung ương và của tỉnh, tính đến cuối năm 1997, huyện đã cấp theo mục tiêu chương trình cho cơ sở 52 chiếc vô tuyến truyền hình màu, 522 chiếc radiô và lắp một trạm truyền thanh. Thông qua đó, đồng bào các dân tộc trong huyện kịp thời nắm

bắt được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bản sắc văn hoá dân tộc được phát huy; những hủ tục lạc hậu bị đẩy lùi; đời sống văn hoá ở các khu dân cư và từng gia đình được xây dựng.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thông qua các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng được duy trì từ huyện xuống cơ sở. Chế độ giao ban, báo cáo, quản lý sức khỏe của nhân dân được thực hiện theo định kỳ. Việc bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ và trình độ chuyên môn, thực hiện quy định về y đức của người thầy thuốc, cũng như việc đào tạo cán bộ y tế thôn, bản được Đảng bộ quan tâm. Chế độ khám, chữa bệnh miễn phí cho nhân dân vùng cao, cho người nghèo và cho các đối tượng chính sách được thực hiện đầy đủ. Cơ sở vật chất phục vụ cho khám, chữa bệnh, thực hiện các dịch vụ về kế hoạch hóa gia đình từng bước được tăng cường. Công tác quản lý dân số, truyền thông dân số-kế hoạch hoá gia đình được các cấp uỷ và chính quyền coi trọng, cho nên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm dần.

Củng cố an ninh quốc phòng là một trong hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Trong hoàn cảnh các thế lực thù địch luôn tìm cách hòng làm thay đổi chế độ

chính trị ở nước ta với âm mưu “diễn biến hoà bình” sử dụng con bài dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc, lợi dụng con đường công khai, hợp pháp để thâm nhập, tuyên truyền, kích động gây bạo loạn, lật đổ ..., vấn đề củng cố an ninh quốc phòng lại càng được đặt ra thường xuyên. Chính vì vậy Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII nêu rõ phải “Thường xuyên chăm lo củng cố tổ chức xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh. Xây dựng phong trào quần chúng rộng rãi, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh kiên quyết làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và cuộc sống yên lành của nhân dân”.

Đảng bộ xác định rõ việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngăn chặn, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và của cơ quan bảo vệ pháp luật. Trong 5 năm (1996-2000), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân huyện, các ngành chức năng thường xuyên xây dựng kế hoạch đấu tranh trấn áp tội phạm, bảo vệ an ninh - trật tự trên địa bàn huyện; thường xuyên phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở, xây dựng và

củng cố lực lượng, kịp thời truy bắt tội phạm và đấu tranh ngăn chặn tệ nạn xã hội trên địa bàn.

Công tác tuyển quân, giao quân, xây dựng kế hoạch tác chiến trị an chống bạo loạn lật đổ, phòng thủ khu vực... được thực hiện tốt. Từ năm 1996, huyện đã hoàn thành huấn luyện dân quân, tự vệ ở 100% đầu mối. Qua huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lượng dân quân, tự vệ huyện từng bước được nâng cao.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước, vai trò lãnh đạo của Đảng càng phải được đề cao. Nhận thức rõ điều này, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII xác định nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ 1996 – 2000 là "Phải tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh... Xây dựng tinh thần kiên định mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; đấu tranh chống các biểu hiện cơ hội, dao động, chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, tệ quan liêu xa rời quần chúng. Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và tinh thần đại đoàn kết toàn dân... Tiếp tục chấn chỉnh bộ máy Đảng tỉnh

gọn, có hiệu lực; đưa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng sử dụng cán bộ vào nền nếp..”

Quán triệt quan điểm “Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt”, trong những năm 1996-2000, bên cạnh việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, các cấp uỷ Đảng từ huyện xuống cơ sở thường xuyên quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ kịp thời tiếp thu, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4, 5, 6 (lần 1 và lần 2), 7; các thông báo Hội nghị Trung ương lần thứ 8, 9, 10... cũng như các văn bản, chỉ thị của cấp trên, nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chính trị của cán bộ, Đảng viên.

Xuất phát từ đặc thù của một huyện miền núi và trước yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị của huyện. Trong 5 năm, Đảng bộ đã cử 37 cán bộ đi học Đại học chính trị và chuyên môn, hơn 100 cán bộ theo học lớp trung cấp chính trị. Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thông qua các hình thức mở lớp, đã bồi dưỡng phát triển Đảng cho 2.832 quần chúng ưu

tú; tổ chức báo cáo chuyên đề cho 4.745 cán bộ, đảng viên, giáo viên; kết nạp được 549 đảng viên mới, chuyển Đảng chính thức cho 415 đồng chí. Huyện uỷ còn chỉ đạo kiểm tra theo Điều 30 Điều lệ Đảng ở 18/42 chi, đảng bộ trực thuộc. Thông qua công tác kiểm tra, những biểu hiện tích cực được kịp thời biểu dương, mặt tiêu cực, lệch lạc được kịp thời khắc phục.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng được tiến hành nghiêm túc, đúng tiến độ. Huyện uỷ thành lập Ban chỉ đạo và phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ, cấp uỷ, chuyên viên phụ trách chỉ đạo của các chi, đảng bộ thực hiện Nghị quyết. Việc kiểm điểm tự, phê bình và phê bình ở các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên được thực hiện đúng theo hướng dẫn và chỉ đạo của cấp trên. Thông qua kiểm tra vi phạm, giải quyết đơn thư tố cáo, Đảng bộ đã thi hành kỷ luật khiển trách một tập thể Ban Thường vụ Đảng uỷ xã; kỷ luật 61 đảng viên từ khiển trách trở lên (trong đó có 25 cán bộ cấp uỷ). Tổ chức cơ sở Đảng các cấp trong huyện được củng cố, nâng cao về chất lượng. Số Đảng bộ trong sạch vững mạnh từ 11 cơ sở trong năm 1996, đã tăng lên 27 cơ sở trong năm 1999.

Bộ máy chính quyền từ huyện xuống đến cơ sở được củng cố kiện toàn. Trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, Ủy ban nhân dân huyện biết vận dụng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước vào tình hình thực tế của địa phương. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại của dân được thực hiện đúng pháp luật quy định. Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức thường xuyên được bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại. Nhờ đó, hiệu lực quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội trên địa bàn được nâng cao.

Vai trò, chức năng của Hội đồng nhân dân huyện ngày càng được phát huy. Căn cứ vào chỉ tiêu, kế hoạch của cấp trên và nghị quyết của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện xây dựng mục tiêu kinh tế-xã hội hằng năm. Thông qua hoạt động của các đại biểu, Hội đồng nhân dân tiếp thu ý kiến của cử tri để giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế-xã hội.

Hoạt động của các đoàn thể quần chúng thường xuyên đảm bảo sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Theo sự lãnh đạo của cấp ủy, các đoàn thể quần chúng tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Điều đáng chú ý là hoạt động của các đoàn thể đã

hướng về cơ sở, đẩy mạnh hoạt động của cơ sở, góp phần tích cực vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xã hội, phát triển nông nghiệp, nông thôn của huyện. Nhiều phong trào mang tính quần chúng rộng rãi thường xuyên được phát động; nổi bật là các phong trào: “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình”, “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em”; “Thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”; “Hội viên Cựu Chiến binh tiên tiến, gia đình Cựu Chiến binh gương mẫu”, v.v...

Trải qua 5 năm phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII (1996), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai đạt được nhiều kết quả to lớn. Tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng bình quân mỗi năm 4,25%, các cây công nghiệp ngăn ngày cơ bản đạt mục tiêu Đại hội đề ra; sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp giữ vững tốc độ tăng trưởng, giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2000 tăng 133% so với năm 1995...

Bên cạnh những thành tích, ưu điểm rất cơ bản, công tác lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ vẫn còn một số thiếu sót: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra đôn đốc cấp uỷ,

chính quyền có lúc, có việc còn chậm, thiếu đồng bộ và chưa thường xuyên. Biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa năng động, sáng tạo; Sự lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm và chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh theo phân vùng kinh tế của huyện; Thế mạnh về rừng, đất rừng chưa được tập trung đầu tư phát triển; giao đất, giao rừng còn manh mún, hình thức, có nơi còn chồng chéo, chưa tạo điều kiện để xây dựng và phát triển mô hình kinh tế trang trại rừng... Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên một mặt là do những khó khăn vốn có của một huyện vùng cao: Kinh tế - xã hội chậm phát triển, kết cấu hạ tầng yếu kém, giao thông trở ngại; mặt khác, do sự lãnh đạo phát triển kinh tế còn dàn đều, chưa tập trung chỉ đạo việc trồng những cây ăn quả có giá trị kinh tế cao; sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, tuyên truyền vận động của các đoàn thể trên một số mặt trong huyện chưa đồng bộ...⁽¹⁾.

Nhằm phát huy thành tích, khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém của nhiệm kỳ trước, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII được tổ chức từ

(1). Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Vĩnh Nhai khoá XVII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, tr.6, 7.

ngày 21 đến 23/11/2000. Đánh giá kết quả kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ XVII, Đại hội khẳng định: "Trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, Ban Chấp hành Đảng bộ đã phát huy được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, đoàn kết, thống nhất. Từng đồng chí cấp ủy đã thực hiện được chức trách, nhiệm vụ, có tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trước mọi công việc để đời sống kinh tế - xã hội ngày một nâng cao, từng bước xoá đói giảm nghèo. Giao thông nông thôn 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Đảng bộ quan tâm tới công tác xây dựng Đảng, thành lập thêm các chi, đảng bộ phù hợp với đặc thù của ngành, của địa phương...". Trên cơ sở đó, đồng thời xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Đại hội xác định mục tiêu tổng quát trong 5 năm (2000 - 2005) là: "Phát huy sức mạnh của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện, khắc phục khó khăn, tận dụng thời cơ và thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhanh hơn, bền vững hơn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, giảm tỉ lệ tăng dân số, giảm mạnh tỉ lệ hộ đói nghèo,

cải thiện hơn đời sống của nhân dân. củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh. Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh"⁽¹⁾.

Để đạt được mục tiêu tổng quát trên, Đại hội nêu lên một số chỉ tiêu có tính định hướng trong 5 năm tới:

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân 6%/năm.
- Sản lượng đưa tổng sản lượng lương thực có hạt lên 22.000 tấn để đạt bình quân lương thực theo đầu người là 335 kg/năm.
- Sản lượng thịt hơi các loại đạt 1.892 tấn.
- Trồng 2.500 ha rừng tập trung, 750 ha cây ăn quả.
- Cơ bản không còn hộ đói, giảm tỉ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 18%.
- Xoá cơ bản phòng học tạm ở các trường, nâng cao chất lượng dạy và học, chuẩn hoá 100% giáo viên đứng lớp...

Trên cơ sở xác định cơ cấu kinh tế của huyện Nông - Lâm - Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và Dịch vụ, Đại hội nêu rõ những nhiệm vụ chủ yếu cùng với những biện pháp thực hiện phát triển kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ 2000 - 2005.

(1). Đến nay, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện còn 30 đồng chí.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XVIII gồm 31 ủy viên. Đồng chí Vũ Hồng Bắc được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Phạm Hồng Sỹ được bầu làm Phó Bí thư. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí. Hơn một năm sau, đồng chí Trần Thị Liên được chỉ định bổ sung làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai. Đại hội không chỉ tổng kết, đánh giá những thành tích, thiếu sót và rút ra những bài học kinh nghiệm của 5 năm trước, mà còn đề ra được các mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp phát triển kinh tế - xã hội trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Với truyền thống đấu tranh cách mạng, ý thức tự lực tự cường, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đã và đang ra sức thi đua thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII đề ra.

CHƯƠNG V

SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA ĐẢNG BỘ VĨ NHAI VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ sau tháng 7 năm 1954, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Vĩ Nhai đứng trước những nhiệm vụ nặng nề: Vừa phải khôi phục, cải tạo, xây dựng nền kinh tế, xã hội mới, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội: Vừa phải góp phần cùng đồng bào cả nước đứng lên đấu tranh thống nhất nước nhà.

Trong những năm đầu sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc, trình độ kinh tế - xã hội của Vĩ Nhai rất thấp kém, lạc hậu; kinh tế hàng hóa chưa phát triển, căn bản vẫn là nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, du canh, du cư. Do vậy, năng suất lao động thấp, sản xuất không đủ ăn (bình quân lương thực khoảng 180 kg/người/năm). Năm 1955, toàn huyện có 2.850 hộ; trong số đó, hộ đói là 11% và hộ nghèo chiếm 53%.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện hầu như không có gì, tài chính không có nguồn thu, ngoài thuế nông nghiệp và chút ít thuế thương nghiệp chỉ đảm bảo khoảng 10% số chi hành chính, còn lại do tỉnh trợ cấp. Kết cấu hạ tầng lại càng thấp kém. Ngoài các xã nằm ven Quốc lộ 1B đi lại tương đối thuận tiện, còn lại 15 xã chỉ có thể đi lại bằng đôi chân vất vả, phải trèo đèo, lội suối ...

Có thể nói, Võ Nhai là huyện vùng cao nghèo nàn, lạc hậu vào loại bậc nhất của tỉnh Thái Nguyên ở thập kỷ 50 của thế kỷ XX.

Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể của Võ Nhai chỉ quen chỉ đạo, vận động đánh giặc, kháng chiến, còn rất ngỡ ngàng, lúng túng trước công việc xây dựng, kiến thiết. Nhân dân các dân tộc trong huyện rất hồ hởi, phấn chấn trước khung cảnh đất nước hòa bình, quê hương không còn bóng giặc; nhưng nhìn vào thực tế trước mắt quá nhiều khó khăn, không khỏi lo lắng, băn khoăn. Rồi chiến tranh lại đến ...

Nhìn lại tình hình những ngày đầu hoà bình lập lại mới thấy rõ những khó khăn, thử thách mà Đảng bộ nhân dân các dân tộc Võ Nhai vượt qua, đồng thời càng thấy rõ những biến đổi, những thành tựu của Võ Nhai trong 45 năm qua có ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

Từ điểm xuất phát rất thấp nói trên, sau 45 năm gian khổ phấn đấu, ngày nay, Võ Nhai đã trở thành một huyện có nền kinh tế đa dạng, nhiều thành phần, phát triển từng bước vững chắc theo cơ chế thị trường, hoà nhập với nền kinh tế chung của cả tỉnh, cuộc sống ngày càng cao của hơn 63.000 đồng bào các dân tộc trong huyện ngày càng được nâng cao.

Sản xuất nông nghiệp đã thoát khỏi tình trạng độc canh, từng bước phát triển toàn diện cả trồng trọt, nghề rừng và các nghề khác, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Bình quân lương thực đầu người từ 217 kg (năm 1955), đến năm 2000 đã tăng lên 296 kg⁽¹⁾. Trong khi đó, dân số tăng bình quân trong những năm 1955-1980 là 6,3%; từ năm 1981 trở lại đây bình quân xấp xỉ 3,7%. (Năm 1955, toàn huyện có 16.301 người, kể cả 4 xã đã chuyển giao về Đồng Hỷ. Năm 2000 là 60.832 người)⁽²⁾. Giá trị tổng sản lượng nông, lâm nghiệp năm 2000 so với năm 1955 tăng 13 lần.

Bước tiến có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế nông nghiệp của Võ Nhai 45 năm qua, nhất là từ năm 1990 đến nay Đảng bộ coi trọng việc nâng

(1). Không tính 4 xã (Quang Sơn, Hoà Bình, Văn Lang, Tân Long) cắt về huyện Đồng Hỷ từ năm 1985.

(2). Số liệu trong Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên phát hành năm 1955 và năm 2000. Lưu trữ tại Lịch sử Đảng Thái Nguyên.

cao trình độ dân trí để tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, phát triển kinh tế hàng hóa, tiếp cận thị trường; khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, đặc biệt kinh tế vườn rừng, một lợi thế của Vĩnh Nhai. Đảng bộ đã kiên quyết lãnh đạo nông dân các dân tộc trong huyện chuyển dần diện tích lúa nương, sản nương kém hiệu quả, bấp bênh sang trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. Bộ mặt làng bản đã thay đổi, đường ô tô và lưới điện quốc gia đã tới 15 xã, thị trấn trong huyện.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 2000 so với năm 1955 có bước phát triển nhảy vọt. Trên khu đất hoang sơ xưa kia, nay đã mọc lên Nhà máy xi măng La Hiên có công suất 150.000 tấn, thỏa mãn nhu cầu kiến thiết trong huyện, trong tỉnh; đồng thời còn tạo cơ sở để hình thành khu công nghiệp xi măng hiện đại với quy mô lớn của tỉnh vào những năm tiếp theo. Thêm vào đó là những cơ sở khai thác đá, vật liệu xây dựng, liên doanh nước khoáng Ava, các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, sửa chữa, cơ khí..., góp phần quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trên địa bàn huyện.

Ngoài việc hình thành các tiểu khu thương mại, dịch vụ ở thị trấn Đình Cả, thị tứ La Hiên, huyện đã có chủ trương đúng trong việc phát triển chợ nông

thôn, các tụ điểm giao lưu buôn bán (Cúc Đường, Thượng Nung, Tràng Xá, Dân Tiến, Bình Long...), tạo điều kiện thuận lợi cho cả người bán, người mua. Ngoài thương nghiệp quốc doanh, nhiều doanh nghiệp tư nhân đã ra đời, góp phần làm sống động bức tranh kinh tế thị trường ở một địa bàn cách đây 20 năm, người dân muốn bán một con gà, vài kg lâm sản để mua 1 lít dầu thắp sáng, một kg muối ăn..., cũng phải trèo đèo, lội suối, vượt hàng chục cây số về chợ huyện, hoặc đi thành phố Thái Nguyên.

Cùng với nhịp độ phát triển kinh tế, các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, văn nghệ, truyền thanh, truyền hình, thể thao cũng không ngừng được đẩy mạnh, đáp ứng và nâng cao rõ rệt đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Công tác xây dựng nếp sống mới, con người mới trong tất cả các dân tộc anh em sống trên địa bàn huyện từ thị trấn, đến những vùng cao hẻo lánh đều có bước phát triển rõ rệt.

Năm 1960, về giáo dục, cả huyện có một trường cấp II (Trung học cơ sở), 14 trường cấp I (tiểu học) và 4 phân trường cấp I, với 1.765 học sinh (trong đó cấp II có 240 học sinh), 70 thầy, cô giáo (trong đó giáo viên cấp II có 19). Đến năm học 1999 - 2000, toàn huyện có 39 trường, trong đó có 23 trường tiểu

học, 14 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học phổ thông và 1 trường liên cấp trung học cơ sở - trung học phổ thông, với tổng số 17.481 học sinh và 940 thầy, cô giáo. Như vậy sau 40 năm phấn đấu, số trường học ở Võ Nhai đã tăng lên 2,7 lần, số học sinh tăng hơn 10 lần và số thầy, cô giáo tăng 10 lần. Chất lượng giáo dục cũng được nâng cao hơn nhiều lần so với trước, đội ngũ giáo viên hầu hết đều được đào tạo chính quy ở các trường đại học, cao đẳng và trung học sư phạm. Hàng trăm con em thuộc các thành phần dân tộc đã từ những mái trường này, trở thành những kỹ sư, bác sĩ, cán bộ của Đảng và Nhà nước. Huyện Võ Nhai đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.

Thành tựu quan trọng đầu tiên có ý nghĩa lịch sử đối với Ngành Y tế huyện Võ Nhai là đã thanh toán cơ bản bệnh sốt rét từ đầu năm 1956. Hơn thế, tất cả mọi mầm mống tác nhân gây bệnh sốt rét được xử lý triệt để. Bệnh sốt rét, một căn bệnh xã hội có từ bao đời nay ở Võ Nhai được đẩy lùi. Thắng lợi này không chỉ có ý nghĩa về xã hội, mà còn có ý nghĩa chiến lược về phát triển con người ở một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng không những của tỉnh Thái Nguyên, mà còn của Việt Bắc. Sau thành tựu quan

trọng này, Đảng bộ Võ Nhai nhận thức sâu sắc hơn phương châm "Phòng bệnh hơn chữa bệnh", trong lúc điều kiện mọi mặt chưa cho phép xây dựng mạng lưới y tế chính quy, hiện đại. Đảng bộ tập trung chỉ đạo xây dựng đội ngũ vệ sinh viên ở khắp các thôn bản (sau này gọi là Y tế thôn bản) làm nhiệm vụ vận động nhân dân ăn chín, uống sôi, giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh. Từ một hệ thống y tế nhỏ bé, sơ sài, cơ sở vật chất không đáng kể, đến nay, Võ Nhai đã có mạng lưới y tế từ huyện đến xã tương đối hoàn chỉnh và từng bước hiện đại, bao gồm một Bệnh viện đa khoa có 130 giường bệnh, 2 Phòng khám khu vực, 15 Trạm xá với 114 cán bộ, nhân viên; trong đó có 89 y, bác sỹ, dược sỹ cao cấp, hàng trăm Y tế thôn bản và cộng tác viên dân số, đủ sức chăm lo sức khỏe cho hơn 60.000 dân trong huyện.

Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, Đảng bộ coi trọng môi trường văn hóa, môi trường xã hội lành mạnh, xây dựng con người Võ Nhai thông qua các cuộc vận động "Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa", thuần phong mỹ tục được giữ gìn, tập tục lạc hậu được gạt bỏ, tình làng nghĩa xóm ngày càng được củng cố; truyền thống gắn bó các dân tộc trong cộng đồng được giữ vững và phát triển; đạo lý "uống nước nhớ nguồn"

được bồi đắp. Đồng thời, Đảng bộ và dân tộc Võ Nhai trong hơn 40 năm qua đã qua kiên trì đấu tranh để hạn chế các tệ nạn xã hội, những biểu hiện phi văn hóa gắn với mặt trái của cơ chế thị trường và những hành động chống phá của các thế lực thù địch. Các phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền thanh, Truyền hình...) được mở rộng, phủ sóng 100% xã. Tính đến năm 2000, bình quân trong 1000 hộ, có 600 máy thu thanh, 200 máy thu hình, 0.5 máy điện thoại.

Phong trào "Xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng" đạt kết quả tốt. Đến năm 2000, trong huyện không còn hộ đói; số hộ nghèo giảm xuống còn 28%⁽¹⁾.

Trên mặt trận an ninh, quốc phòng, trong gần nửa thế kỷ vừa qua, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tham gia chiến đấu, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ và tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc Tổ quốc. Với cuộc chiến tranh thứ nhất, bom đạn Mỹ đã giội xuống tàn phá xóm làng, giết hại dân vô tội; phá hoại tuyến đường vận tải chiến lược 1B từ cảng nổi Lạng Sơn vào chiến trường, trong đó có hơn 50 km đi qua huyện Võ

(1). Dẫn theo "Báo cáo tổng kết năm 2000" của Hội LHPN tỉnh Thái Nguyên.

Nhai. Đế quốc Mỹ đã trút xuống đoạn đường này hàng trăm tấn bom, đạn, nhằm cắt đứt tuyến đường. Đảng bộ đã động viên quân và dân các dân tộc trong huyện vừa tổ chức lực lượng đánh trả máy bay địch, vừa dũng cảm sửa chữa kịp thời cầu, cống, đường sá. Trong cuộc chiến tranh thứ hai, mặt trận chưa lan tới Võ Nhai, nhưng cũng chỉ cách 50 km. Võ Nhai là hậu phương trực tiếp của mặt trận Lạng Sơn, là tuyến phòng thủ đầu cầu của tỉnh Thái Nguyên; do đó, Đảng bộ đã lãnh đạo, động viên quân và dân trong huyện vừa tích cực chi viện sức người, sức của cho mặt trận Lạng Sơn, vừa xây dựng tuyến phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương; đồng thời động viên nhân dân trong huyện đón tiếp, chia sẻ, giúp đỡ đồng bào sơ tán từ Lạng Sơn xuống.

Qua các giai đoạn lịch sử, hệ thống chính trị trong huyện từng bước trưởng thành. Chính quyền nhân dân các cấp, nhất là cấp huyện trưởng thành vượt bậc, phát huy hiệu lực trong chỉ đạo chiến tranh nhân dân, phòng không sơ tán, củng cố, phát triển lực lượng quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Từ sau ngày đất nước đi vào đổi mới toàn diện, Ủy ban nhân dân huyện, thị trấn và nhiều xã, năng động, chủ động phát huy vai trò quản lý Nhà nước

trong việc chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, tổ chức đời sống, được nhân dân các dân tộc trong huyện tin cậy.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong huyện thực sự là tổ chức tập hợp, đoàn kết ngày càng đông đảo mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc; giáo dục, động viên toàn dân hăng hái tham gia phát triển kinh tế, văn hoá, tăng cường công tác an ninh quốc phòng. Phong trào "Hai giỏi", Ba sẵn sàng". "Ba đảm đang", "Xóa đói giảm nghèo", các cuộc vận động "Đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế gia đình"... đã lôi cuốn, tập hợp đông đảo các hội viên, đoàn viên thuộc các thành phần dân tộc trong huyện tham gia.

Những thắng lợi quan trọng đã giành được trong hơn 45 năm qua của nhân dân các dân tộc Vĩnh Nhai gắn liền với sự hoạt động của một Đảng bộ đã từng trải qua nhiều thử thách trong thời kỳ vận động Cách mạng Tháng Tám (1939-1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)... có đội ngũ đảng viên rất kiên cường. Phát huy truyền thống vẻ vang, noi gương các đồng chí Thái Long, Nông Văn Cầu, Hà Văn Lợi v.v..., trong 45 năm qua, có lúc đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Đảng bộ Vĩnh Nhai luôn nêu cao vai trò lãnh

đạo của mình, tìm cách đưa phong trào tiến lên. Trong quá trình đó, Đảng bộ Vĩnh Nhai không ngừng trưởng thành. Từ 360 đảng viên sinh hoạt trong 18 chi bộ, trong đó có 15 chi bộ xã và 3 chi bộ cơ quan (năm 1959), đã tăng lên 2.100 đảng viên sinh hoạt trong 42 chi bộ, Đảng bộ cơ sở; trong đó có 15 đảng bộ xã, 3 đảng bộ cơ quan, xí nghiệp và 24 chi bộ trực thuộc (năm 2000). Chất lượng của đảng bộ cũng ngày một được nâng cao. Đến năm 2000, trên 64% đảng viên có trình độ văn hóa từ cấp II trở lên; trong đó phần lớn là tốt nghiệp cấp III; hơn 300 đồng chí tốt nghiệp đại học và trung học chuyên nghiệp. Tất cả đảng viên, trừ các đồng chí già yếu được miễn sinh hoạt, đều được bồi dưỡng lý luận sơ cấp; nhiều đồng chí qua lớp đào tạo lý luận chính trị trung cấp. Trong năm 2000, có 80,4% đảng viên đạt loại I, 12,2% thuộc loại II; loại kém và quá kém còn 7,4%. Chất lượng của các tổ chức Đảng cũng được nâng lên. Năm 1964, toàn Đảng bộ chỉ có 1 chi bộ 4 tốt (Chi bộ Hòa Bình); đến năm 2000, trong số 42 đảng bộ trực thuộc, đã có 29 đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, 13 đảng bộ được xếp loại khá và không còn cơ sở trung bình, yếu kém.

Những thành tựu đạt được cùng với sự trưởng thành của Đảng bộ Vĩnh Nhai trong 45 năm qua trước

hết bắt nguồn từ sự lãnh đạo và tổ chức đúng đắn của Ban chấp hành Trung ương Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng bộ Khu Tự trị Việt Bắc và Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên.

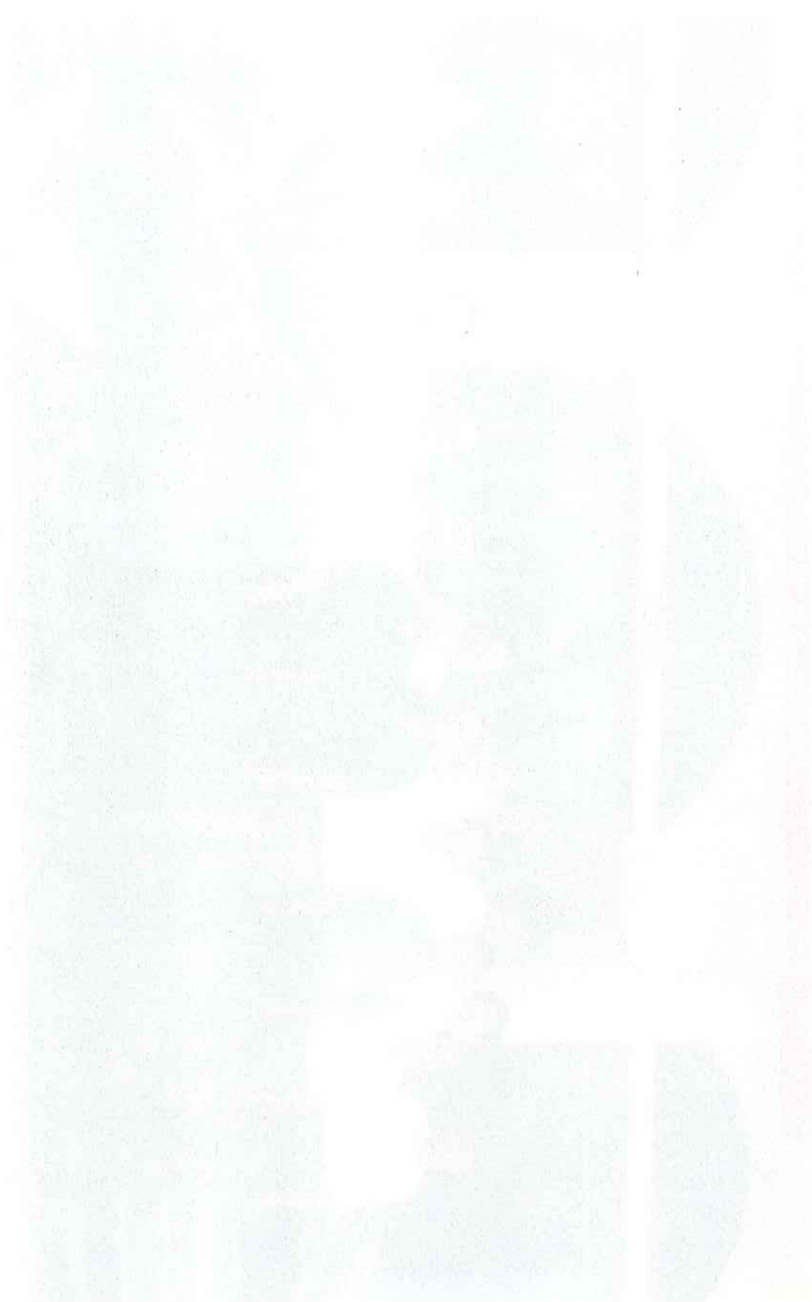
Trong gần nửa thế kỷ (1955-2000), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc, sự dìu dắt, giúp đỡ nhiều mặt của Trung ương Đảng, Chính phủ, của Khu Tự trị Việt Bắc và tỉnh Thái Nguyên. Đặc biệt hơn, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên theo dõi, động viên, khen thưởng, nhắc nhở, phê bình, bảo ban. Có thể nói, ở Võ Nhai, trong các thập kỷ 40, 50, 60 của thế kỷ XX, từ cụ già đến em nhỏ, từ cán bộ đến người dân... đều nhận được của Bác Hồ tình thương bao la. Những phần thưởng⁽¹⁾ những lời dạy bảo, những bức điện, thư, báo của Bác về Võ Nhai⁽²⁾, những lần Bác về thăm tỉnh Thái Nguyên, làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh và huyện Võ Nhai, đã để lại dấu ấn lịch sử không bao giờ phai mờ.

(1). Chỉ trong 2 tháng (10 và 11) năm 1958, Bác đã tặng huy hiệu của Người cho bà Nguyễn Thị Thảo, xã La Hiên về thành tích diệt giặc đói; ông Triệu Tiến Bê, dân tộc Dao, xã Phương Giao về thành tích sản xuất và diệt đói...

(2). Xem “Bác Hồ với Bắc Thái” – Ty Văn hoá - Thông tin Bắc Thái, xuất bản 1978.



Đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội
về thăm và làm việc tại Võ Nhại ngày 2/5/2000



Vào dịp Tết Dương lịch năm 1964; Hồ Chủ tịch về thăm tỉnh Thái Nguyên. Tối 31/12/1963, tại trụ sở Tỉnh uỷ, Người gặp các đồng chí lãnh đạo Khu uỷ, Tỉnh uỷ và đồng chí Bí thư Huyện uỷ Võ Nhai để nghe báo cáo về phong trào của huyện

Sáng ngày 1/1/1964, tại cuộc mít tinh được tổ chức ở sân vận động thành phố Thái Nguyên gồm 20.000 đồng bào tham dự, Người nói: "Trong kháng chiến, Võ Nhai là một huyện chiến đấu anh dũng, có thành tích to. Nhưng hiện nay trong công việc hợp tác hóa thì Võ Nhai lại tụt lại sau. Đó là vì chi bộ ở Võ Nhai kém. Từ nay, các đảng viên và đoàn viên Võ Nhai phải cố gắng vươn lên"⁽¹⁾.

Chiều ngày 1/1/1964, trước khi rời Thái Nguyên về Hà Nội, một lần nữa, Bác Hồ lại căn dặn đồng chí Bí thư Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc, Bí thư Tỉnh uỷ Thái Nguyên: "Phải quan tâm giúp đỡ để Võ Nhai tiến kịp phong trào chung. Tỉnh uỷ phải thường xuyên báo cáo cho Bác và Trung ương về sự tiến bộ của Võ Nhai"⁽²⁾.

Thực hiện chỉ thị của Bác, ngay từ đầu năm 1964, Khu uỷ Khu tự trị Việt Bắc và Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã ra Nghị quyết về củng cố phong trào Võ Nhai, lập

(1). Bác Hồ với Bắc Thái. Sdd.

(2). Hội ký của đồng chí Lê Đức Chính, Bí thư Tỉnh uỷ Thái Nguyên thời kỳ 1960 – 1965.

nhiều tổ công tác đưa về các xã giúp đỡ cơ sở, khôi phục phong trào.

Bằng nhiều chủ trương, chính sách cụ thể, bằng những biện pháp tích cực của khu, tỉnh, huyện và sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên, quần chúng tích cực trong huyện, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của Võ Nhai có những chuyển biến đáng kể. Tuy nhiên, phong trào phát triển không vững chắc, rơi vào tình trạng sa sút kéo dài và cuối cùng gần như bị tan vỡ hoàn toàn (trừ Hợp tác xã Đồng Chuối thuộc xã Dân Tiến và Hợp tác xã Ba Nhất thuộc xã Phú Thượng).

Gần nửa thế kỷ đã trôi qua, theo độ lùi của thời gian, với quan điểm đổi mới, chúng ta có điều kiện xem xét, đánh giá một cách khách quan về tình hình phong trào hợp tác hóa ở huyện Võ Nhai.

Trước hết, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở Võ Nhai đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp của huyện, như khai hoang, phục hoá, xây dựng thủy lợi, thủy điện, cải tạo đồng ruộng. Dù trải qua nhiều bước thăng trầm, nhưng nhìn tổng thể, nông nghiệp của Võ Nhai đã đạt được những bước phát triển nhất định; Sản lượng lương thực tăng

là do thâm canh tăng vụ và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất (giống mới; đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi). Bộ mặt làng bản của Võ Nhai có những tiến bộ về nhà ở, trường học, cơ sở y tế và một số cơ sở phúc lợi khác. Giao thông nông thôn được mở mang.

Thông qua phong trào hợp tác hóa, một đội ngũ cán bộ cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng. Từ khi có đường lối đổi mới của Đảng, một bộ phận cán bộ cơ sở của huyện bám sát thực tiễn, có tư duy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Đó là những hạt nhân tích cực trong sự nghiệp đổi mới của Đảng ở nông thôn miền núi, vùng cao Võ Nhai.

Sự tan vỡ phong trào hợp tác hóa ở Võ Nhai cho chúng ta bài học kinh nghiệm quý báu về sự vận dụng đường lối chung vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Võ Nhai là huyện vùng cao, sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào thiên nhiên, địa hình chia cắt phức tạp, công cụ thô sơ, trình độ quản lý thấp, diện tích canh tác phần lớn là ruộng bậc thang, khe rộc nhỏ hẹp (trừ các xã La Hiên, Phú Thượng, Tràng Xá có một số cánh đồng rộng từ 5 đến 10 héc ta), dân cư thưa thớt. Về mặt xã hội, Võ Nhai là

huyện có nhiều dân tộc và tập quán riêng v.v... Nhưng khi tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, chúng ta đã bỏ qua những đặc điểm riêng biệt của huyện miền núi nói chung, của Võ Nhai nói riêng, chỉ có một hình mẫu chung, cơ chế quản lý chung cho cả miền Bắc (sau năm 1975 là cả nước), không kể đồng bằng, trung du hay miền núi, vùng cao. Khi xây dựng hợp tác xã, do tư tưởng nóng vội, chúng ta đưa nhanh hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao, quy mô nhỏ lên quy mô lớn; tiến hành tập thể hóa tư liệu sản xuất một cách tràn lan từ ruộng đất, trâu bò, nông cụ, vườn cây, ao cá, đồi rừng ... Trong khi đó, điều hết sức quan trọng là nông dân các dân tộc Võ Nhai nhiều đời gắn bó với rừng, dựa vào rừng để sống thì quyền lợi ấy nay không còn. Hệ quả của chủ trương tập thể hóa triệt để tư liệu sản xuất không tính đến trình độ lực lượng sản xuất, không tính đến tâm lý nông dân các dân tộc thiểu số ở Võ Nhai đã dẫn đến một thực trạng là tư liệu sản xuất sử dụng ngày càng kém hiệu quả, hư hao, thất thoát.

Sở hữu tập thể ruộng đất ở Võ Nhai (và cả nước) ở thời kỳ này trên thực tế là tập trung quyền định đoạt ruộng đất vào Ban Quản trị hợp tác xã. Điều này dẫn đến tình trạng quản lý ruộng đất lỏng lẻo,

nhiều tiêu cực, quyền làm chủ của nông dân đối với ruộng đất không được thực hiện. Trên thực tế, ruộng đất, đồi rừng không có chủ cụ thể, đúng hơn là vô chủ, sử dụng kém hiệu quả, thậm chí bị bỏ hoang, hóa (năm 1968 so với năm 1965, diện tích cấy lúa của huyện Võ Nhai giảm 29,2%).

Trong khi đó, trình độ văn hóa cũng như trình độ quản lý của cán bộ các hợp tác xã trong huyện còn thấp⁽¹⁾, không xác định được phương hướng, kế hoạch sản xuất, quản lý lao động yếu dẫn đến tình trạng lãng phí ngày công; quản lý tài chính không tốt. Nhiều hợp tác xã 2,3 năm không quyết toán được thu, chi tình trạng tham ô, lãng phí xảy ra phổ biến, những yếu kém trên cùng với cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, chế độ phân phối theo công điểm, phân phối bình quân... làm cho sản xuất không phát triển, đời sống nhân dân ngày càng khó khăn, xã viên không gắn bó với sản xuất tập thể dẫn đến tan vỡ hợp tác xã.

(1). Theo báo cáo của UBND huyện, vào năm 1983, Võ Nhai có 59 hợp tác xã, có 59 Ban Quản trị và 59 Ban Kiểm soát hợp tác xã gồm 708 thành viên (bình quân mỗi Ban Quản trị 7 người và Ban Kiểm soát 5 người). Trong số này, chỉ có 17 người có trình độ văn hoá cấp II; số còn lại cấp I, phần đông là lớp một, lớp hai.

Nhìn lại lịch sử, Võ Nhai đã tiến hành nhiều đợt củng cố, nhiều cuộc vận động nhằm thúc đẩy phong trào đi lên. Nhưng việc đề ra giải pháp khắc phục lại gần như hoàn toàn nghiêng về giáo dục tư tưởng, chấn chỉnh tổ chức. Còn các giải pháp về kinh tế đề ra thường không phù hợp với thực tiễn cuộc sống của nông dân các dân tộc trong huyện. Điều này cắt nghĩa tại sao phong trào hợp tác xã Võ Nhai qua nhiều đợt củng cố mà không thành công.

Trong bước chuyển giai đoạn cách mạng và thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, một thời gian dài từ 1960 đến 1985, vai trò lãnh đạo của số đông các đồng chí Huyện uỷ viên và một bộ phận lớn các đồng chí phụ trách các ngành, đoàn thể ở huyện luôn luôn ở trạng thái bất cập, đuối sức và lạc hậu. Theo số liệu Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, trong Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Võ Nhai, số có trình độ văn hóa bậc trung học phổ thông hầu như chiếm tỷ lệ không đáng kể, đại đa số chưa qua bậc tiểu học, không có chuyên môn, nghiệp vụ.

Do không được đào tạo, bồi dưỡng, năng lực lãnh đạo của từng cấp uỷ viên và tập thể cấp uỷ không theo kịp nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, ý chí chiến đấu, tính tiên phong gương mẫu... của một số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ cũng bị sa

sút. Bản báo cáo của Ban Thường vụ Huyện uỷ Vĩnh Nhi ngày 25/2/1971 khẳng định: Tinh thần tiến công cách mạng của Huyện uỷ yếu, không dám thực hiện chức năng; hữu khuynh, tiêu cực nặng; ngành nào cũng có cán bộ tham ô và hủ hóa... Trước đó hơn 4 năm, ngày 10/9/1971, Hội nghị tổng kết công tác tư tưởng của Đảng bộ (từ 10/1964 đến tháng 6/1967) đã nhận xét: "Tình hình tư tưởng trong Đảng, từ Huyện uỷ đến cán bộ đảng viên cơ sở là hữu khuynh, bảo thủ còn rất nghiêm trọng, nhất là mất đoàn kết nội bộ, tự tư, tự lợi, thiếu gương mẫu chấp hành chính sách, thoái thác nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật rất lỏng lẻo"⁽¹⁾.

Sự yếu kém của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện kéo dài hơn 20 năm đòi hỏi "phải củng cố cấp huyện". phải "lựa chọn cốt cán", nhưng trên thực tế vẫn chưa có một Ban Chấp hành thật sự tiêu biểu, đủ uy tín và khả năng lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân trong huyện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội. Trong suốt 10 năm, từ năm 1966 đến năm 1976, Đảng bộ huyện không tổ chức đại hội, không có dịp lựa chọn cán bộ có năng

(1). Năm 1967, có 95 cán bộ thoát li của huyện không vào hợp tác xã; trong đó có 4 Huyện uỷ viên, 14 Trưởng, Phó ban, ngành.

lực và phẩm chất vào cấp uỷ. Chỉ đến Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), nhất là sau Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) có Nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng (tháng 6/1992), Ban Chấp Đảng bộ Võ Nhai mới từng bước được củng cố và nâng cao dần về chất lượng.

Vấn đề đổi mới cán bộ là một trong những biện pháp nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Tuyệt đại bộ phận các đồng chí trong cấp uỷ, Ủy ban hành chính và cán bộ đầu ngành của huyện Võ Nhai đã từng trải qua cách mạng và kháng chiến, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Điều đó cùng với sự động viên một chiều của cấp trên chỉ đạo nhấn mạnh đến công lao, thành tích, ít nhắc nhở về tấm gương mẫu mực cần có của người đi trước cho lớp sau noi theo đã làm nảy sinh tư tưởng công thần trong một số ít cán bộ, đảng viên. Tư tưởng dân tộc hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa cũng bắt đầu bộc lộ trong cấp uỷ; "đất thánh cách mạng" lúc bấy giờ gần như bị khép kín về công tác cán bộ. Đây là một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự yếu kém trong nhiều năm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Võ Nhai.

Từ năm 1961, khi cách mạng miền Bắc chuyển sang giai đoạn mới, lấy nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, công tác xây dựng Đảng trở thành một yếu tố cấp bách. Đáp ứng yêu cầu này, Trung ương Đảng chủ trương mở đợt sinh hoạt chính trị mùa Xuân năm 1961, mở cuộc vận động xây dựng chi bộ đảng bộ 4 tốt (tháng 6/1962). Tiếp đến là cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên "Lớp Hồ Chí Minh" (tháng 1/1970), cuộc vận động "Tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng" (tháng 12/1974), Chỉ thị 192 và Thông tri 22 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên (tháng 9/1977), v.v... Song, tất cả cuộc vận động lớn về công tác xây dựng Đảng đều không được triển khai tích cực ở Đảng bộ Võ Nhai. Chẳng hạn, đầu năm 1964, trong cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ "4 tốt", toàn Đảng bộ chỉ có 3 cơ sở đăng ký phấn đấu (Chi bộ Phòng Y tế, Bưu điện và Đảng bộ xã Phú Thượng); nhưng không có một đảng viên nào đăng ký trở thành đảng viên "4 tốt". Trong khi đó, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên rất thấp. Trong số 18 chi bộ, đảng bộ xã, qua phân loại 3 tháng đầu năm chỉ có 3 cơ sở đạt loại khá (Phú

Thượng, Dân Tiến, Liên Minh), 5 cơ sở loại kém (Hoà Bình, Tân Long, Cúc Đường, Thượng Nung, Phương Giao), 1 cơ sở thuộc loại quá kém (Nghinh Tường); còn lại 9 cơ sở là loại trung bình. Số đảng viên loại khá và trung bình chỉ đạt khoảng 47%.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII là mốc đánh dấu bước chuyển biến trong công tác xây dựng đảng ở Vĩnh Nhai. Đại hội coi công tác xây dựng Đảng là công tác cách mạng có tầm quan trọng đặc biệt; nếu làm tốt công tác này thì mới nâng cao sức chiến đấu, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt hoạt động ở địa phương và do đó mới lấy lại được lòng tin trong quần chúng.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII khẳng định: Phải tiếp tục thực hiện Chỉ thị 92, 72, 83 và Thông tri 22 của Ban Bí thư, Nghị quyết 36 và 11 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 04 của Tỉnh uỷ Bắc Thái về công tác xây dựng Đảng. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh phải xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tăng cường sức chiến đấu của Đảng trong phong trào cách mạng của quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Nội dung nâng cao chất lượng đảng viên phải kết hợp với nâng cao chất lượng của chi bộ, đảng bộ. Trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng

chất lượng, không chạy theo số lượng, phát triển phải đi đôi với củng cố tổ chức Đảng.

Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XII có kế hoạch cụ thể, thiết thực, đi sâu chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở chấp hành Nghị quyết Đại hội, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, Ban thường vụ Huyện uỷ chọn 2 Chi bộ Đồng Chuối (Đảng bộ xã Dân Tiến) và Lai Thành (Chi bộ kèm của Đảng bộ xã La Hiên) làm điểm chỉ đạo để rút kinh nghiệm ra toàn bộ Đảng bộ.

Được sự chỉ đạo kiên quyết và sát sao của Ban Thường vụ Huyện uỷ, chất lượng của các tổ chức cơ sở Đảng được nâng dần lên. Vào năm 2000, Đảng bộ có 42 cơ sở Đảng trực thuộc. Trong số đó, có 29 đơn vị (69%) đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; 13 đơn vị đạt loại khá và không còn cơ sở yếu kém. Công tác phát triển Đảng cũng có những bước tiến bộ. Trong nhiệm kỳ thứ XVI (1991-1995), Đảng bộ kết nạp 139 đảng viên mới, đồng thời thi hành kỷ luật 133 người. Đến nhiệm kỳ XVII (1996-2000), đã có 549 người được kết nạp vào Đảng, số đảng viên bị kỷ luật giảm xuống còn 61.

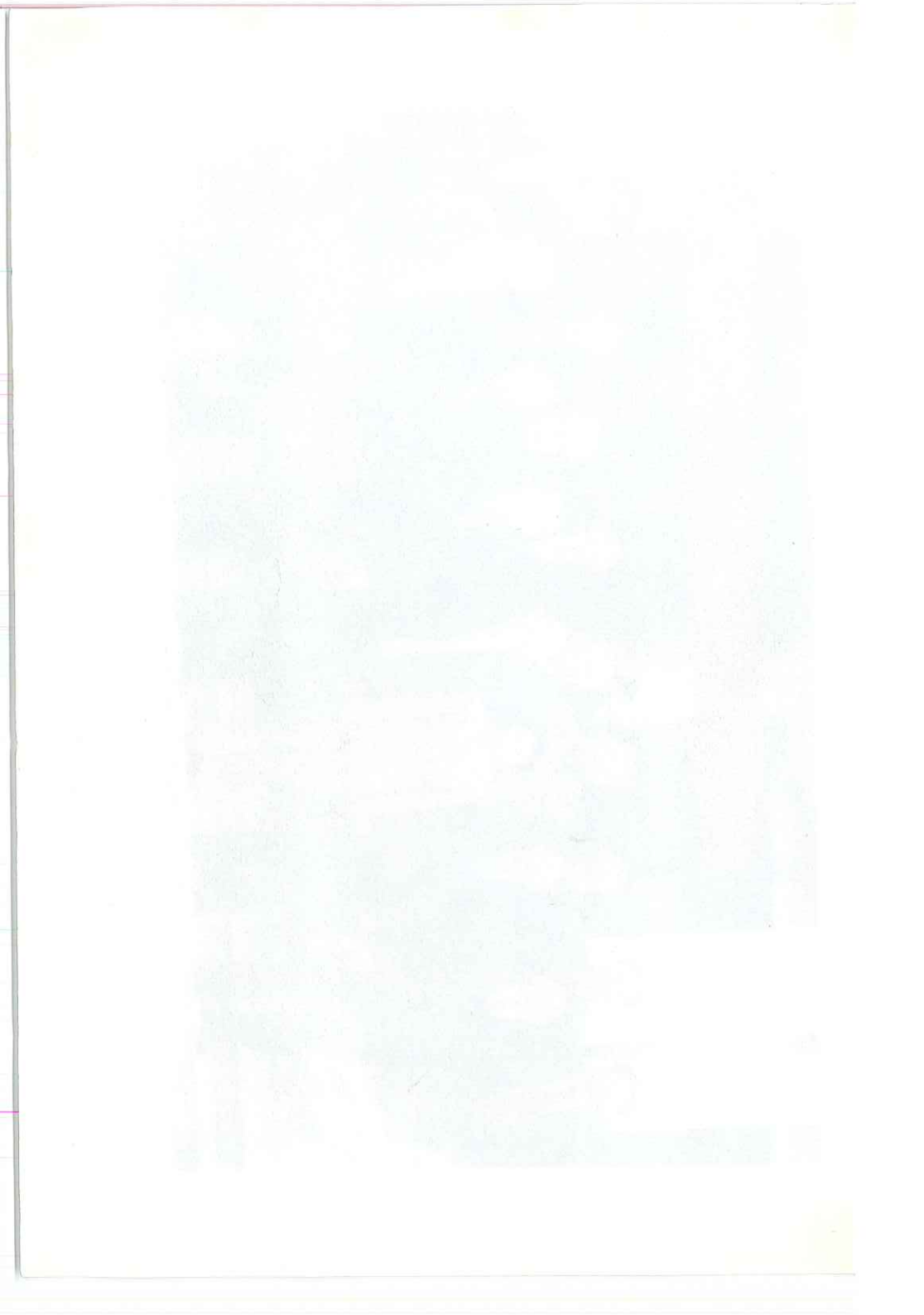
Trên vùng đất Võ Nhai, vào những năm 40 của thế kỷ XX, đã có những người Cộng sản kiên

cường, dũng cảm đứng lên làm thúc dậy ý thức dân tộc và dân chủ trong đồng bào các dân tộc thiểu số, tổ chức họ bước vào trận tuyến đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới ngọn cờ cứu nước của Đảng. Bất chấp sự đàn áp cực kỳ dã man của kẻ thù, các chiến sỹ cộng sản và những người yêu nước Võ Nhai đã nêu tấm gương chói lọi về tinh thần xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Tấm gương ấy được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi: "Võ Nhai là huyện chiến đấu anh dũng, có thành tích to".

Với thành tích to lớn trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và kháng chiến chống xâm lược, Nhân dân và lượng vũ trang nhân dân huyện Võ Nhai cùng với 4 xã Phú Thượng, Lâu Thượng, Tràng Xá và La Hiên đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Lịch sử có những bước ngoặt tạo ra những sự kiện vĩ đại, nhưng cũng có khúc quanh nghiệt ngã. Đảng bộ Võ Nhai đã từng có nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo quần chúng nhân dân tiến hành đấu tranh cách mạng, mỗi lần gặp khó khăn lại biết tự chỉnh đốn lại đội ngũ để vượt qua và tiếp tục đi lên.



Đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội về thăm và làm việc tại Võ Nhαι ngày 17/01/2004.



Khi bước vào thời kỳ cả nước thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng (1954-1975), một số tổ chức cơ sở Đảng ở Võ Nhai thực sự giảm sút năng lực lãnh đạo, không đáp ứng được những yêu cầu khách quan của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không ít chi, đảng bộ xã buông lỏng lãnh đạo; có chi bộ mất phương hướng và tê liệt vai trò lãnh đạo (Sảng Mộc, Phương Giao...); Có Chi bộ bất lực trước sự tan rã của phong trào hợp tác xã, sự trì trệ trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước v.v... Công tác giáo dục, kiểm tra, quản lý đảng viên không được coi trọng. Sinh hoạt Đảng không đều, kém chất lượng, một số đảng viên, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu, trong đó có một số bỏ công tác và sinh hoạt, xin ra khỏi Đảng (La Hiên).

Song, đại bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã gương mẫu đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối, mục tiêu, quan điểm của Đảng trong hai nhiệm vụ chiến lược. Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện có kết quả chính sách của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực

sản xuất, chiến đấu, ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững sự ổn định chính trị.

Trong gần 20 năm (1986 – 2000) thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ Võ Nhai được sàng lọc thử thách. Với truyền thống cách mạng và anh hùng, Đảng bộ Võ Nhai sẽ đưa nhân dân các dân tộc trong huyện tiến bước vững chắc trên chặng đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY VÕ NHAİ THỜI KỲ 1955-2000

I - Từ tháng 10/1956 đến 8/1959,

gồm 8 đồng chí:

- | | |
|---------------------|-------------|
| 1 - Hoàng Thượng: | Bí thư |
| 2 - Chu Phóng: | Thường trực |
| 3 - Lý Văn Phủ | |
| 4 - Lục Văn Đủ | |
| 5 - Hoàng Công Tá | |
| 6 - Chu Viết Phong | |
| 7 - Đặng Vĩnh Phụng | |
| 8 - Hoàng Xuân | |

II - Khóa VI (1960 - 3/1962), gồm 5 đồng chí:

- 1 - Lý Văn Phủ: Bí thư
- 2 - Chu Phóng: Phó Bí thư
- 3 - Lục Văn Đủ
- 4 - Nông Tiến Hỷ
- 5 - Đặng Vĩnh Phụng

III - Khóa VII (4/1962 - 4/1963), gồm 7 đồng chí:

- 1 - Hoàng Minh Chí: Bí thư
- 2 - Lý Văn Phủ: Phó Bí thư
- 3 - Chu Phóng
- 4 - Hoàng Công Tá
- 5 - Đặng Quốc Chung
- 6 - Lục Văn Đủ
- 7 - Nông Tiến Hỷ

IV - Khóa VIII (5/1963 - 9/1964), gồm 7 đồng chí:

- | | |
|---------------------|------------|
| 1 - Trịnh Văn Chấn: | Bí thư |
| 2 - Lý Văn Phủ: | Phó Bí thư |
| 3 - Chu Phóng: | Phó Bí thư |
| 4 - Lục Văn Đủ | |
| 5 - Lục Thị Nhân | |
| 6 - Chu Viết Phong | |
| 7 - Nông Tiến Hỷ | |

V - Khóa IX (10/1964 - 5/1966), gồm 5 đồng chí:

- | | |
|----------------------|------------|
| 1 - Nông Văn Hỏa: | Bí thư |
| 2 - Hoàng Công Tá: | Phó Bí thư |
| 3 - Phan Công Nhượng | |
| 4 - Lục Văn Đủ | |
| 5 - Nông Tiến Hỷ | |

- Tháng 10/1965, đồng chí Hoàng Công Tá chuyển về công tác; đồng chí Hoàng Xuân giữ chức Phó Bí

thư Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ có 7 đồng chí (Nông Văn Hỏa, Hoàng Xuân, Phan Công Nhượng, Lục Văn Đủ, Ma Văn Đỗ, Trần Văn Sáng, Nguyễn Công Xìn).

VI- Khóa X (6/1966 - 5/1977), gồm 7 đồng chí:

- | | |
|--------------------|------------|
| 1- Nông Văn Hỏa: | Bí thư |
| 2- Hoàng Xuân: | Phó Bí thư |
| 3- Lâm Văn Thơ | |
| 4- Nguyễn Công Xìn | |
| 5- Ma Văn Đỗ | |
| 6- Đàm Văn Hậu | |
| 7- Lê Hồng | |

- Năm 1968, đồng chí Lâm Văn Thơ được Tỉnh uỷ chỉ định làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

- Từ tháng 2/1970 đến tháng 12/1972, đồng chí Lâm Văn Thơ giữ chức Quyền Bí thư thay cho đồng

chí Nông Văn Hỏa được cử đi học trường Nguyễn Ái Quốc.

- Từ tháng 12/1972-3/1974, đồng chí Nông Văn Hỏa giữ chức Bí thư.

- Từ tháng 3/1974-1976, đồng chí Triệu Kỳ Phay giữ chức Bí thư (thay đồng chí Nông Văn Hỏa đi chữa bệnh).

- Đồng chí Dương Đình Đình, Ủy Viên Thường vụ, Trưởng phòng Hợp tác hóa (đến 21/8/1969 chuyển công tác khác)

- Đồng chí Hoàng Thịnh, Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch UBHC huyện, nghỉ hưu từ ngày 3/6/1971.

- Ngày 18/8/1973, đồng chí Nguyễn Công Xìn chuyển công tác.

VII - Khóa XI (6/1977 - 11/1979),

gồm 7 đồng chí:

- | | |
|--------------------|------------------------|
| 1 - Lâm Văn Thơ: | Bí thư |
| 2 - Hoàng Mộc: Phó | Bí thư |
| 3 - Hầu Văn Độ: | Phó Bí thư Thường trực |

4 - Đặng Tuấn

5 - Triệu Đức Phương

6 - Ma Văn Đỗ

7 - Lương Đình Thách

- Đến ngày 14/6/1979, đồng chí Trịnh Văn Uy được Tỉnh uỷ điều động lên giữ chức Bí thư Huyện uỷ; đồng chí Lâm Văn Thơ làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

VIII - Khóa XII (12/1979 - 1/1983),

gồm 7 đồng chí:

1 - Trịnh Văn Uy:

Bí thư

2 - Lâm Văn Thơ:

Phó Bí thư

3 - Đặng Tuấn:

Ủy viên Thường trực

4 - Nông Danh La

5 - Tô Chí Hùng

6 - Đặng Đình Thượng

7 - Triệu Quang

IX - Khóa XIII (2/1983 - 9/1986), gồm 9 đồng chí:

- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| 1 - Trịnh Văn Uy: | Bí thư |
| 2 - Hoàng Sửu: | Phó Bí thư Thường trực. |
| 3 - Trịnh Thanh Nhự: | Phó Bí thư |
| 4 - Nông Danh La | |
| 5 - Triệu Quang | |
| 6 - Tô Chí Hùng | |
| 7 - Lương Đình Thách | |
| 8 - Trịnh Xuân Nguyễn | |
| 9 - Đặng Vĩnh Tọa | |

X - Khóa XIV (10/1986 - 12/1988), gồm 9 đồng chí:

- | | |
|--------------------|------------------------|
| 1 - Hoàng Sửu: | Bí thư |
| 2 - Triệu Quang: | Phó Bí thư |
| 3 - Đặng Vĩnh Tọa: | Phó Bí thư Thường trực |

- 4 - Đàm Thanh Nghị
- 5 - Lê Văn Lan
- 6 - Trịnh Xuân Nguyễn
- 7 - Vũ Hữu Đô
- 8 - Ma Khánh Bào
- 9 - Nông Chí Kiên

XI - Khóa XV (1/1989 - 11/1991), gồm 9 đồng chí:

- | | |
|---------------------|------------------------|
| 1 - Đặng Văn Tọa: | Bí thư |
| 2 - Triệu Quang: | Phó Bí thư |
| 3 - Trịnh Thanh Hồ: | Phó Bí thư Thường trực |
| 4 - Đàm Thanh Nghị | |
| 5 - Lê Văn Lan | |
| 6 - Phạm Hồng Sỹ | |
| 7 - Trần Xuân Hảo | |
| 8 - Nông Chí Kiên | |
| 9 - Bùi Công Thành | |

XII - Khóa XVI (12/1991 - 2/1996),

gồm 9 đồng chí:

- | | |
|---------------------|------------------------|
| 1 - Triệu Quang: | Bí thư |
| 2 - Trịnh Thanh Hồ: | Phó Bí thư Thường trực |
| 3 - Đàm Thanh Nghị: | Phó Bí thư |
| 4 - Lê Văn Lan | |
| 5 - Phạm Hồng Sỹ | |
| 6 - Trần Xuân Hảo | |
| 7 - Bùi Công Thành | |
| 8 - Nông Chí Kiên | |
| 9 - Ma Văn Thành | |

XIII - Khóa XVII (3/1996 - 10/2000),

gồm 9 đồng chí:

- | | |
|---------------------|------------------------|
| 1 - Triệu Quang: | Bí thư |
| 2 - Trịnh Thanh Hồ: | Phó Bí Thư Thường trực |

3 - Đàm Thanh Nghị: Phó Bí thư

4 - Lê Văn Lan

5 - Phạm Hồng Sỹ

6 - Trần Xuân Hào

7 - Ma Văn Thành

8 - Nông Chí Kiên

9 - Bùi Công Thành

- Năm 1997, đồng chí Nông Chí Kiên nghỉ hưu, Ban thường vụ bổ sung các đồng chí: Hoàng Đức Mạnh, Nguyễn Văn Tiệu, Trần Văn Cường. Đồng chí Đàm Thanh Nghị được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Triệu Quang chuyển công tác. Tháng 1/2000, đồng chí Ma Văn Thành được chỉ định Quyền Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Đàm Thanh Nghị chuyển công tác. Tháng 8/2000, đồng chí Vũ Hồng Bắc được Tỉnh ủy phân công về làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Ma Văn Thành nghỉ hưu.

XIV - Khóa XVIII (11/2000 - 2005),

gồm 9 đồng chí:

- 1 - Vũ Hồng Bắc: Bí thư
- 2 - Phạm Hồng Sỹ: Phó Bí thư Thường trực
- 3 - Trần Thị Liên: Phó Bí thư (được bầu bổ sung từ năm 2002)
- 4 - Lê Văn Lan
- 5 - Hoàng Đức Mạnh
- 6 - Trần Xuân Hảo
- 7 - Bùi Công Thành
- 8 - Nguyễn Văn Tiệu
- 9 - Trần Văn Cường

- Tháng 12/2003, đồng chí Lê Văn Lan nghỉ hưu, đồng chí Nguyễn Văn Tiệu chuyển công tác; Ban thường vụ được bổ sung hai đồng chí: Nguyễn Công Đóm và Nguyễn Việt Yên.

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH ĐƠN VỊ ANH HÙNG, ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VÀ BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

I - Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (thời kỳ chống Pháp):

1 - Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Võ Nhai

2 - Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Thượng

3 - Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã La Hiền

4 - Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tràn Xá

5 - Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lâu Thượng

II - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc):

1. Nguyễn Duy Nhất: sinh ngày 20/10/1959, quê xã Liên Minh; nhập ngũ ngày 17/7/1977.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc (2/1979), đồng chí Nguyễn Duy Nhất là y tá Đại đội 2, Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tìm kiếm, cấp cứu, chuyển thương binh về tuyến sau an toàn; trực tiếp chiến đấu dũng cảm tiêu diệt được hơn 30 tên địch. Đồng chí được tặng 1 huân chương Quân công hạng Ba, 2 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba.

Ngày 20/12/1979, đồng chí được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

III - Bà mẹ Việt Nam anh hùng:

1 - Mẹ Phan Thị Sáy: sinh năm 1883; dân tộc Nùng; quê quán tại Làng Cao, xã Phú Thượng; từ trần năm 1947; có 4 con là liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ chống Pháp: Nông Văn Ký, Nông Văn Cún (tức Thái Long), Nông Văn Séc, Nông Văn Sấm; được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 24/4/1995.

2 - Mẹ Lương Thị Mặc: Sinh năm 1909; dân tộc Tày; quê xã Thần Sa; gia đình trú tại xã Vũ Chấn; từ trần ngày 8/12/1988; có 3 con là liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước: Ma Văn Thứ, Ma Văn Chu, Ma Văn Kỳ⁽¹⁾ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 24/4/1995.

3 - Mẹ Lưu Thị Châu: Sinh năm 1886: dân tộc Nùng; quê huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; gia đình

(1). Giấy báo tử và giấy chứng nhận tình hình thân nhân liệt sỹ lưu trong Hồ sơ liệt sỹ tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đều ghi là Ma Văn Kỳ.

trú tại xã Tràng Xá; từ trần ngày 26/11/1947; có 3 con là liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ chống Pháp: Trừ Văn Thâm, Trừ Văn Thông, Trừ Văn Văn; được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 24/4/1995.

4 - Mẹ Hứa Thị Pít: Sinh năm 1908; dân tộc Tày; quê tỉnh Lạng Sơn, trú tại xã Bình Long, huyện Vĩnh Nhai; có con độc nhất là Châu Văn Sùu, liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 24/4/1995.

5 - Mẹ La Thị Sáu: Sinh năm 1911: dân tộc Kinh; quê huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; gia đình trú tại xã La Hiên; từ trần ngày 17/5/1991; có con độc nhất là Vũ Tiến Minh, liệt sỹ hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước; được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 24/4/1995.

8 06 - Mẹ Lý Thị Tụ: Sinh năm 1920; dân tộc Tày; quê xã Cúc Đường, gia đình trú tại xã Vũ Chấn; từ trần năm 1952; có con độc nhất là Hoàng Văn Hiệp, liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 24/4/1995.

7 - Mẹ Lý Thị Vãng: Sinh năm 1913; dân tộc Tày; quê quán và trú tại xã Thượng Nung; từ trần năm 1961; có con độc nhất Nguyễn Như Vượng, liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước; được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 24/4/1995.

8 - Mẹ Ma Thị Tiêu: Sinh năm 1910; dân tộc Tày; quê quán và trú tại xã Thượng Nung; từ trần năm 1949; có con độc nhất là Lương Văn Tình, liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước; được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 24/4/1996.

9 - Mẹ Tạ Thị Ngát: Sinh năm 1909⁽¹⁾; dân tộc Kinh; quê quán tại xã Liên Minh; từ trần tháng 12/1977; có con độc nhất là Nguyễn Thanh Chúc, liệt sỹ hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 24/4/1996.

(1). Theo Hồ sơ liệt sỹ Nguyễn Thanh Chúc tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên: Trong tờ khai đề nghị truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", do Ủy ban nhân dân xã Liên Minh ký, mẹ Nguyễn Thị Ngát sinh năm 1913; trong Giấy chứng nhận tình hình thân nhân trong gia đình liệt sỹ do ông Văn (chồng mẹ Ngát) khai ngày 8/12/1970 và Quyết định của Ty Thương binh – Xã hội tỉnh Bắc Thái thì mẹ Ngát đều sinh năm 1909.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu. 3

**Chương I: Đẩy mạnh khôi phục và phát triển
kinh tế, thực hiện cải tạo xã hội
chủ nghĩa (1955 - 1965).** 7

**Chương II: Lãnh đạo giữ vững và phát triển
kinh tế - xã hội, trực tiếp chiến đấu
chống chiến tranh phá hoại của đế
quốc Mỹ, tích cực chi viện chiến
trường (1/1965 - 4/1975).** 64

**Chương III: Lãnh đạo thực hiện hai nhiệm
vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ
Tổ quốc Việt Nam XHCN (1975 -
1985).** 160

**Chương IV: Lãnh đạo thực hiện công cuộc
đổi mới (1986 - 2000).** 241

*Chương V: Sự trưởng thành của Đảng bộ Võ
Nhai và những bài học kinh
nghiệm.* 335

Phân phụ lục

*Phụ lục I: Danh sách Ban Thường vụ Huyện uỷ
Võ Nhai thời kỳ 1955-2000.* 361

*Phụ lục II: Danh sách Đơn vị Anh hùng, Anh hùng
lực lượng vũ trang nhân dân và Bà mẹ
Việt Nam Anh hùng.* 372

Chương V: Sự trưởng thành của Đảng bộ Vĩnh
Nhai và những bài học kinh
nghiệm.

335

Phần phụ lục

Phụ lục I: Danh sách Ban Thường vụ Huyện ủy
Vĩnh Nhai thời kỳ 1955-2000.

361

Phụ lục II: Danh sách Ban uỷ Anh hùng, Anh hùng
lực lượng vũ trang nhân dân và Bà mẹ
Việt Nam Anh hùng.

372

In 1.000 cuốn, khổ 14,3 x 20,3 cm tại Nhà máy in Quân đội.
Số in : 4384. Giấy phép xuất bản số : 28/ GPXBVH
cấp ngày 22-4-2004. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8-2004.

378